

DỰ THẢO BÁO CÁO
TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC
VỀ CHỐNG TỘI PHẠM CÓ TỔ CHỨC XUYÊN QUỐC GIA
VÀ NGHỊ ĐỊNH THƯ VỀ PHÒNG NGỪA, TRỪNG TRỊ, TRẤN ÁP
TỘI BUÔN BÁN NGƯỜI, ĐẶC BIỆT LÀ PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM
TRỪNG TRỊ, TRẤN ÁP TỘI BUÔN BÁN NGƯỜI,
ĐẶC BIỆT LÀ PHỤ NỮ, TRẺ EM

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-BCA-V03

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2024

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Luật Điều ước quốc tế năm 2016, triển khai Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước TOC) và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (Nghị định thư TIP), đồng thời, thực hiện chức năng cơ quan chủ trì triển khai Kế hoạch tổng kết nêu trên, Bộ Công an đã phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ; Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Công ước TOC và Nghị định thư TIP. Trên cơ sở báo cáo tổng kết của các cơ quan, đơn vị nêu trên Bộ Công an báo cáo kết quả triển khai thi hành Công ước TOC và Nghị định thư TIP. Báo cáo tổng kết gồm ba phần, cụ thể là:

Phần thứ nhất: Tình hình tổ chức việc tổng kết 10 năm thực thi Công ước TOC và Nghị định thư TIP

Phần thứ hai: Kết quả, công tác tổ chức thực thi Công ước TOC và Nghị định thư TIP của Việt Nam

Phần thứ ba: Đề xuất, kiến nghị.

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VIỆC TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC THI CÔNG ƯỚC TOC VÀ NGHỊ ĐỊNH THƯ TIP

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức tổng kết thực thi Công ước TOC và Nghị định thư TIP

1. Khái quát về tình hình thực thi Công ước UNTOC, các Nghị định thư bổ sung trên thế giới

Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước UNTOC) được thông qua ngày 15/11/2000 và là điều ước quốc tế có hiệu lực rộng rãi nhất về vấn đề tư pháp, hình sự và phòng, chống tội phạm. Công ước được mở cho tất cả các nước thành viên Liên hợp quốc từ ngày 12 đến ngày 15/12/2000 tại Palermo, Italy và sau đó là tại trụ sở Liên hợp quốc ở New York đến ngày 12/12/2002. Việt Nam đã ký Công ước UNTOC cùng thời điểm với 12 nước thành viên vào tháng 12/2000 tại Palermo, Italy.

Để đánh giá quá trình thực thi Công ước của các quốc gia thành viên, Hội nghị các quốc gia thành viên (kỳ họp lần thứ 9) năm 2018 đã thống nhất sử dụng cơ chế đánh giá chung đối với tất cả quốc gia. Theo đó, Cơ chế đánh giá thực thi Công ước (sau đây gọi là Cơ chế đánh giá) là một quá trình liên chính phủ, áp dụng đối với tất cả các quốc gia thành viên và để đánh giá việc thực thi toàn bộ Công ước và 03 Nghị định thư bổ sung Công ước là: Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em; Nghị định thư về chống di cư bất hợp pháp bằng đường bộ, đường không và đường biển và Nghị định thư về chống việc sản xuất, chế tạo và buôn bán trái phép vũ khí, linh kiện, phụ kiện đi kèm và đạn dược. Hội nghị cũng thông qua Nghị quyết 9/1 ban hành Quy trình và thủ tục thực hiện Cơ chế đánh giá với vai trò là một công cụ:

- Nâng cao năng lực của các quốc gia thành viên trong việc ngăn ngừa và đấu tranh chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và để đánh giá hiệu quả thực thi Công ước UNTOC và các Nghị định thư bổ sung.

- Giúp các quốc gia thành viên xác định và cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho việc thực thi Công ước.

- Tập hợp các thông tin về quy định pháp luật, thành công, thực tiễn tốt và các thách thức của các quốc gia thành viên trong quá trình triển khai Công ước và các nghị định thư bổ sung; đồng thời khuyến khích trao đổi thông tin, trợ giúp trong quá trình triển khai.

- Tăng cường hợp tác quốc tế theo quy định của Công ước và Nghị định thư bổ sung.

Việc triển khai Cơ chế đánh giá không tạo ra bất kỳ hình thức phân chia thứ bậc nào. Hoạt động đánh giá trên cơ sở các hướng dẫn rõ ràng để tập hợp, xây dựng và phổ biến thông tin, có tính đến các vấn đề bảo mật và được thông tin minh bạch trước Hội nghị các quốc gia thành viên.

Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước lần thứ 10 (năm 2020) thông qua Nghị quyết số 10/1 ban hành Bộ câu hỏi đánh giá cho chu trình thứ nhất thực thi Cơ chế đánh giá. Theo Điều 17 Quy trình và thủ tục thực hiện Cơ chế

đánh giá, các quốc gia thành viên sẽ được chia thành 03 nhóm đánh giá (mỗi cặp đánh giá sẽ gồm 03 quốc gia, gồm có: quốc gia được đánh giá và 02 quốc gia đánh giá) với thời gian bắt đầu đánh giá cho mỗi nhóm lần lượt là 01/12/2020, 01/11/2021 và 01/11/2022. Quá trình đánh giá gồm 4 chu trình, mỗi chu trình thực hiện trong 2 năm (tổng thời gian đánh giá khoảng 10 năm) và tập trung vào một nội dung cụ thể thuộc phạm vi Công ước và các Nghị định thư bổ sung. Các chu trình đánh giá sẽ được triển khai qua 04 bước sau:

- *Bước 1: Báo cáo tự đánh giá thực thi Công ước UNTOC và các Nghị định thư bổ sung Công ước (self-assessment questionnaires)*

Sau 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu quá trình đánh giá, quốc gia được đánh giá sẽ phải xây dựng Báo cáo tự đánh giá thực thi Công ước UNTOC và các Nghị định thư bổ sung Công ước. Báo cáo tự đánh giá này được thực hiện dựa trên việc trả lời Bảng câu hỏi đã được thông qua tại Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước lần thứ 10. Trong chu trình thứ nhất, nội dung tự đánh giá liên quan đến trả lời các câu hỏi về việc thực thi các quy định về hình sự hóa và tư pháp hình sự (Điều 2, 5, 6, 8, 9, 10, 15, 24 Công ước UNTOC; Điều 3, 5, Nghị định thư TIP; Điều 3, 5, 6 Nghị định thư về chống di cư bất hợp pháp bằng đường bộ, đường không và đường biển; Điều 3, 5, 8 Nghị định thư về chống việc sản xuất, chế tạo và buôn bán trái phép vũ khí, linh kiện, phụ kiện đi kèm và đạn dược). Đối với các Nghị định thư bổ sung Công ước, quốc gia được đánh giá là thành viên của Nghị định nào thì sẽ thực hiện trả lời câu hỏi thuộc phạm vi của Nghị định thư đó.

Sau khi hoàn thành phần tự đánh giá, quốc gia được đánh giá phải thực hiện đăng tải lên trang REVMOD, là trang thông tin bảo mật được Ban thư ký xây dựng riêng phục vụ cho quá trình đánh giá.

- *Bước 2: Xây dựng Bản phản hồi đối với Báo cáo tự đánh giá (written feedback)*

Sau khi nhận được Báo cáo tự đánh giá, Ban thư ký sẽ tổ chức một cuộc họp trực tuyến giữa các quốc gia đánh giá và quốc gia được đánh giá, mục đích nhằm thống nhất về ngôn ngữ làm việc, phân chia nội dung công việc và thời gian hoàn thành Bản phản hồi.

Trong vòng 6 tháng kể từ thời điểm nhận được Báo cáo tự đánh giá, các quốc gia đánh giá phải hoàn thành Bản phản hồi (không quá 10.500 từ) và thực hiện đăng tải trên trang Revmod.

- *Bước 3: Xây dựng Bản nhận xét (list of observation)*

Trong vòng 6 tháng kể từ thời điểm nhận được Bản phản hồi, hai quốc gia đánh giá phải xây dựng Bản nhận xét gồm các nội dung: Thách thức của việc thi hành các quy định Công ước; Thực tiễn tốt đạt được; Khuyến nghị; Các hỗ trợ kỹ thuật nhằm nâng cao khả năng thực thi Công ước. Nội dung Bản nhận xét sẽ được đăng tải trên trang Revmod.

- *Bước 4: Xây dựng Bản tóm tắt quá trình đánh giá (the summaries)*

Trong vòng 6 tháng kể từ thời điểm nhận được Bản phản hồi, trên cơ sở Bản nhận xét, hai quốc gia đánh giá phải xây dựng Bản tóm tắt quá trình đánh giá (không quá 1.500 từ). Nội dung Bản tóm tắt này phải nhận được sự thống

nhất giữa các quốc gia đánh giá và quốc gia được đánh giá. Nội dung Bản tóm tắt này sẽ được đăng tải trên trang Revmod.

Trên cơ sở theo dõi quá trình đánh giá, Ban thư ký Công ước sẽ xây dựng một báo cáo chung về kết quả quá trình đánh giá. Nội dung này sau đó sẽ được đưa ra thảo luận tại Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước.

2. Tình hình triển khai Cơ chế đánh giá trên thế giới

Theo báo cáo của Ban Thư ký Công ước, quá trình triển khai đang gặp nhiều khó khăn, đặc biệt khi Cơ chế đánh giá bắt đầu được triển khai trong thời gian diễn ra đại dịch Covid-19 (giai đoạn 2020-2022). Tính đến ngày 01/03/2024, đã có 72/189 quốc gia với hơn 3.000 chuyên gia thực hiện Cơ chế đánh giá (đạt 38%) và còn 117 quốc gia (62%) chưa bắt đầu triển khai do nhiều lý do, đặc biệt là việc thay đổi cơ quan đầu mối hoặc liên lạc không thông suốt giữa các đầu mối của các quốc gia. Ban Thư ký Công ước đã tổ chức 21 lượt tham vấn giữa các quốc gia thành viên với hơn 300 tổ chức đối tác bên ngoài và đề xuất 16 khuyến nghị cho Cơ chế đánh giá. Các quốc gia tự nguyện đóng góp cho các hoạt động chung của Cơ chế đánh giá là: Trung Quốc, Liên minh châu Âu, Pháp, Đức, Italia và Hoa Kỳ.

Đối với 72 quốc gia hiện nay đang thực hiện Cơ chế đánh giá, 45% đã hoàn thiện Bước 1 (xây dựng Báo cáo tự đánh giá) và 50% đã hoàn thiện Bước 2 (Xây dựng Bản phản hồi đối với Báo cáo tự đánh giá). Hiện nay, cặp đánh giá của Việt Nam – Xanh Lu-ci-a đối với Nê-pan cùng với 03 cặp đánh giá khác thuộc 5% đã hoàn thiện Bước 3 (Xây dựng Bản tự nhận xét) và đang thực hiện Bước 4 (Xây dựng Bản tóm tắt quá trình đánh giá).

Những khó khăn, thách thức chính: 1) Thay đổi cơ quan đầu mối, liên lạc giữa các cơ quan đầu mối bị gián đoạn hoặc không liên lạc được; 2) Hạn chế về dịch thuật do nhiều cặp quốc gia đánh giá sử dụng 02 hoặc 03 ngôn ngữ để đánh giá; 3) Hầu hết việc liên lạc qua hình thức trực tuyến, không có cơ hội trao đổi trực tiếp do Cơ chế đánh giá UNTOC không có hoạt động khảo sát trực tiếp tại các quốc gia được đánh giá.

Đề xuất và giải pháp từ phía Ban Thư ký: 1) Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật trong dịch thuật và điều phối tổ chức các cuộc họp trực tuyến; 2) Khuyến khích và thúc đẩy các bên tận dụng các cơ hội trao đổi trực tiếp tại các Kỳ họp của Ủy ban tư pháp hình sự của Liên hợp quốc thường niên (CCPCJ) và các Kỳ họp của Hội nghị các quốc gia thành viên được tổ chức 02 năm/lần (COP).

Xu hướng trong thời gian tới: Cơ chế đánh giá có sự tham gia của các đối tác bên ngoài, tổ chức xã hội và tổ chức khu vực. Nhằm khuyến khích sự tham gia của cả cộng đồng, tăng cường nhận thức về vấn đề tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Ban Thư ký Công ước có sáng kiến “Dự án về sự tham gia của các bên trong thực thi Công ước UNTOC, Cơ chế đánh giá của Công ước và các hoạt động liên quan” (SE4U) để kết nối các tổ chức ngoài chính phủ (gồm cả tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân). Trong khuôn khổ sáng kiến SE4U, UNODC xây dựng mạng lưới “WhatsOn” với 400 thành viên đến từ 127 quốc gia, ra mắt mạng lưới SE4U khu vực châu Mỹ và thử nghiệm tổ chức Hội thảo tham gia ý kiến đối với Bản tự đánh giá quốc gia với sự tham gia của các tổ chức ngoài chính phủ tại các quốc gia (đã tổ chức thành công tại Mê-hi-cô, Pa-

ki-xtan và Kê-ni-a, đang chuẩn bị tổ chức tại 05 quốc gia khác tại châu Phi, châu Âu và 01 quốc gia ở châu Á là Ma-lai-xi-a).

3. Các văn bản chỉ đạo tổng kết việc thực thi Công ước và Nghị định thư ở Việt Nam

- Ngày 22/11/2022, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 7843/VPCP-NC thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ đề nghị Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 605/QĐ-TTg ngày 18/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước TOC và Nghị định thư TIP (Quyết định số 605/QĐ-TTg). Tiếp theo đó, Bộ Công an đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan tham mưu Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 phê duyệt Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Công ước TOC và Nghị định thư TIP (Quyết định số 1196/QĐ-TTg).

- Căn cứ Quyết định số 1196/QĐ-TTg, người đứng đầu các bộ, ngành, cơ quan liên quan đã chỉ đạo các đơn vị chức năng triển khai thực hiện xây dựng báo cáo tổng kết để đánh giá toàn diện 10 năm thực hiện Công ước TOC và Nghị định thư TIP. Theo đó, Đề cương báo cáo tổng kết nêu rõ phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian tổng kết... tạo điều kiện cho việc thực hiện nhiệm vụ, cụ thể là:

Đánh giá kết quả 10 năm triển khai thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP, trong đó tập trung vào các nội dung: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước UNTOC, Nghị định thư TIP và pháp luật của Việt Nam có liên quan; hoạt động nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật Việt Nam có liên quan đến thực thi có hiệu quả Công ước UNTOC, Nghị định thư TIP; hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia theo nội dung Công ước UNTOC, Nghị định thư TIP; tham gia cơ chế đánh giá quốc gia của Liên hợp quốc trong việc thực thi Công ước UNTOC, Nghị định thư TIP.

Nội dung tổng kết phải bám sát các yêu cầu chính trị, ngoại giao và nhiệm vụ phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, trên cơ sở bảo đảm đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phù hợp với Kết luận số 01-KL/TW ngày 04 tháng 4 năm 2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Kết luận số 92-KL/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Thời gian tổng kết từ ngày 18 tháng 4 năm 2013 (thời điểm Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 605/QĐ-TTg ngày 18/4/2013 phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước và Nghị định thư) đến ngày 18/4/2023.

Phạm vi tổng kết: Hoạt động tổng kết được triển khai trong **08** bộ (Bộ Công an; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Ngoại giao; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Quốc phòng; Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Bộ Thông tin và Truyền thông), **03** cơ quan ngang bộ (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thanh tra Chính phủ; Văn phòng Chính phủ), Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao; Ủy ban nhân dân 63 tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương và 06 Cơ quan Trung ương của các đoàn thể.

- Các bộ, ngành, UBND, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả trên cơ sở điều kiện thực tế về nguồn lực, cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như tình hình, đặc điểm hoạt động của các loại tội phạm, đặc biệt đối với các địa bàn giáp biên, góp phần phục vụ tốt yêu cầu phòng, chống tội phạm tại khu vực biên giới; đồng thời, hỗ trợ hiệu quả các đơn vị nghiệp vụ của Bộ Công an và Công an các tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

Kết quả công tác chuẩn bị tổng kết:

- Kết quả thực hiện trên tổng số 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm Công an, UBND cấp tỉnh), Bộ Công an gửi văn bản đề thực hiện tổng kết Công ước TOC và Nghị định thư TIP thì Công an, UBND cấp tỉnh triển khai dưới hình thức xây dựng kế hoạch tổng kết trên địa bàn tỉnh và giao các sở, ban, ngành thuộc tỉnh thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Đồng thời, giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng báo cáo tổng kết về Bộ Công an.

- Đến ngày 10/4/2024, có 32/63 tỉnh, thành phố gửi báo cáo (trong đó **02/63** tỉnh giao Công an tỉnh xây dựng báo cáo; **30/63** tỉnh xây dựng báo cáo riêng); còn lại 31 tỉnh, thành phố chưa gửi báo cáo về Bộ Công an.

Đối với các tổ chức chính trị - xã hội, Bộ Công an gửi đến 06 tổ chức chính trị xã hội ở Trung ương, gồm Hội Nông dân Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng liên Đoàn Lao động Việt Nam; đến nay đã nhận được **04/06** báo cáo của các tổ chức này (Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chưa gửi báo cáo).

Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ ở trung ương, Bộ Công an gửi **08** bộ, **03** cơ quan ngang bộ và gửi Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC), Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) để tổng kết. Theo đó, Bộ Công an đã nhận được tổng số **13/13** báo cáo của các cơ quan nêu trên.

PHẦN THỨ HAI

KẾT QUẢ, CÔNG TÁC TỔ CHỨC THỰC THI CÔNG ƯỚC TOC VÀ NGHỊ ĐỊNH THƯ TIP CỦA VIỆT NAM

I. Kết quả, tổ chức thi hành 10 năm thực thi Công ước TOC và Nghị định thư TIP và pháp luật của Việt Nam có liên quan

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP

1.1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo việc thực thi Công ước TOC và Nghị định thư TIP

- Để triển khai thi hành Công ước TOC và Nghị định thư TIP, các bộ, ngành cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các chương trình, kế hoạch triển khai, thi hành trong cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Công an các tỉnh, thành phố với vai trò là Thường trực Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (Ban Chỉ đạo 138) đã chủ động tham mưu UBND tỉnh, thành phố ban hành các Kế hoạch triển khai, thực hiện Chương trình phòng, chống tội phạm trong đó có phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia và tội phạm mua bán người; thực hiện nghiêm túc Quyết định số 4170/QĐ-BCA-C41 ngày 14/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt Đề án “Phòng, chống các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia”; Kế hoạch số 131/KH-BCA-CSHS ngày 30/3/2021 của Bộ Công an về “Phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia giai đoạn 2021-2025”; chuyên đề “Theo dõi công tác phòng ngừa tội phạm mua bán người”, tăng cường công tác nắm tình hình, điều tra cơ bản để xác định các đối tượng, tuyến, địa bàn trọng điểm tập trung quản lý, đấu tranh, nhất là các đối tượng lập hội, nhóm “kín” để thực hiện hành vi mua bán người trên không gian mạng.

- Công an các tỉnh, thành phố đã chỉ đạo các phòng chức năng, Công an huyện, thành phố, thị xã xây dựng Kế hoạch đấu tranh, phòng ngừa tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và tội phạm mua bán người, chủ động làm tốt công tác tham mưu với các cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản chỉ đạo công tác này. Đồng thời làm tốt công tác phòng, chống tội phạm mua bán người ngay từ cơ sở; tổ chức các hoạt động liên quan đến xác minh, xác định, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán. Thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự, trong đó có chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và phòng, chống mua bán người. Cung cấp thông tin về đường dây nóng: số điện thoại, địa chỉ email, hộp thư... của Tổng đài điện thoại Quốc gia bảo vệ trẻ em 111 hoặc trực ban hình sự đề cán bộ, người dân biết, tố giác tội phạm.

- Để chủ động triển khai có hiệu quả Công ước TOC và Nghị định thư TIP và thực hiện Quyết định số 605/QĐ-TTg trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Công an nhân dân, ngày 11/6/2013, Bộ trưởng Bộ Công an ký Quyết định số 2965/QĐ-BCA-V19 ban hành Kế hoạch thực hiện

Công ước TOC và Nghị định thư TIP trong Công an nhân dân. Qua đó, nâng cao nhận thức trách nhiệm của lãnh đạo, cán bộ, chiến sĩ lực lượng Công an nhân dân trong triển khai thực hiện Công ước TOC và nghị định thư TIP; tạo cơ chế phối hợp kịp thời, đồng bộ, hiệu quả giữa Công an các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Công an các đơn vị, địa phương) trong đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Bộ Công an với các bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện Công ước TOC và Nghị định thư TIP và Quyết định số 605/QĐ-TTg; nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm, đặc biệt là hợp tác với các quốc gia thành viên Công ước TOC, Nghị định thư TIP, các tổ chức quốc tế, trong khu vực về phát hiện, phòng ngừa, điều tra, xử lý tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, v.v...

1.2. Tổ chức lực lượng, giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp

1.2.1. Quyết định số 605/QĐ-TTg ngày 18/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ xác định rõ mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ triển khai Công ước và Nghị định thư, theo đó:

Việc triển khai Công ước và Nghị định thư được tổ chức thực hiện gắn với các chương trình, kế hoạch hành động phòng, chống tội phạm trên phạm vi toàn quốc, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2012-2015; Chương trình hành động phòng, chống tội phạm mua bán người giai đoạn 2011-2015 và các chương trình, kế hoạch hành động phòng, chống tội phạm cụ thể khác, tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước, Nghị định thư và pháp luật của Việt Nam có liên quan, gồm các nhiệm vụ:

- Tuyên truyền, phổ biến nội dung của Công ước, Nghị định thư và các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tội phạm có liên quan nhằm thống nhất nhận thức và nâng cao trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu, quản lý, cán bộ trực tiếp làm công tác phòng, chống tội phạm ở các Bộ, cơ quan, địa phương có liên quan và toàn thể nhân dân;

- Biên soạn, in, cấp phát tài liệu, tổ chức tập huấn chuyên sâu về Công ước, Nghị định thư và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho lực lượng trực tiếp làm công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Bộ Công an chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức biên soạn, in ấn tài liệu, quán triệt, tổ chức tập huấn chuyên sâu về Công ước, Nghị định thư và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho các lực lượng được giao nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm;

- Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tổ chức quán triệt những nội dung của Công ước, Nghị định thư và các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tội phạm có liên quan cho lãnh đạo và cán bộ thuộc ngành tòa án và kiểm sát; phối hợp với Bộ Công an trong việc tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước, Nghị định thư và pháp luật Việt Nam có liên quan;

- Các Bộ: Tư pháp, Quốc phòng, Ngoại giao, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội; các cơ quan: Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài

Truyền hình Việt Nam, các cơ quan thông tấn báo chí, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan phối hợp.

b) Những nhiệm vụ trọng tâm trước mắt để tổ chức thực hiện toàn diện nội dung Công ước và Nghị định thư trên phạm vi cả nước, gồm:

- Rà soát để hoàn thiện các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành pháp luật về phòng, chống tội phạm cho phù hợp với Công ước và Nghị định thư, trong đó, tập trung nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phòng, chống ma túy, Luật tương trợ tư pháp, Luật phòng, chống mua bán người, Luật phòng, chống rửa tiền;

- Xây dựng cơ chế phối hợp, phân công trách nhiệm cho các Bộ, ngành, cơ quan triển khai, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Công ước và Nghị định thư;

- Xây dựng các đề án nghiên cứu về hoạt động điều tra đặc biệt, hợp tác quốc tế trong điều tra hình sự; tăng cường ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế song phương, đa phương trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù; ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế tăng cường năng lực quốc gia trong thực thi Công ước và Nghị định thư;

- Xây dựng Đề án nghiên cứu về việc gia nhập Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường không, bổ sung cho Công ước;

- Nghiên cứu thiết lập đầu mối phối hợp, mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia thành viên của Công ước và Nghị định thư để trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm, tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến tổ chức, biện pháp, phương tiện và sử dụng trang thiết bị trong phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia nói riêng theo quy định của Công ước và Nghị định thư;

- Tích cực tham gia hoặc chủ trì tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo quốc tế nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về việc tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả quá trình triển khai Công ước và Nghị định thư với các quốc gia thành viên của Công ước và Nghị định thư.

Phân công Bộ Công an là cơ quan chủ trì; các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan là cơ quan phối hợp, đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao phối hợp.

c) Tiếp tục hoàn thiện quy định của pháp luật trong nước, tăng cường hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm, bổ sung cơ chế phối hợp góp phần tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm có tổ chức phù hợp với Công ước và Nghị định thư, gồm các nhiệm vụ:

- Xây dựng dự án Luật phòng, chống tội phạm có tổ chức; nghiên cứu, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tương trợ tư pháp bảo đảm tính tương thích với Công ước và Nghị định thư, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và yêu cầu của công tác phòng, chống tội phạm ở Việt Nam;

- Nghiên cứu, chọn lọc kinh nghiệm của các nước để hoàn thiện cơ chế, đề xuất bổ sung các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm có tổ chức và tội phạm có yếu tố nước ngoài nói riêng, phù hợp với tình hình và điều kiện kinh tế, xã hội của Việt Nam;

- Định kỳ tiến hành sơ kết công tác tổ chức triển khai Công ước và Nghị định thư; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đánh giá tổng kết việc tổ chức thực hiện Công ước và Nghị định thư vào thời gian thích hợp.

Phân công Bộ Công an là cơ quan chủ trì; các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan là cơ quan phối hợp, đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao phối hợp.

Giao Bộ Công an là cơ quan thường trực thực hiện Công ước và Nghị định thư, có nhiệm vụ tham mưu giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tổ chức, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này trên phạm vi cả nước; là cơ quan đầu mối quốc gia, phối hợp với Bộ Ngoại giao hỗ trợ thông tin về phòng, chống tội phạm thuộc phạm vi của Công ước và Nghị định thư với các quốc gia, tổ chức quốc tế và khu vực, trừ các tội phạm về tham nhũng; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan hữu quan xây dựng quy chế phối hợp, chế độ báo cáo, trao đổi thông tin, tiếp nhận và thực hiện các yêu cầu quốc tế liên quan đến thực hiện Công ước và Nghị định thư.

1.2.2. Bộ Công an đã chủ động triển khai Quyết định số 605/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ thông qua Ban hành Kế hoạch thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP (*kèm theo Quyết định số 2965/QĐ-BCA-V19 ngày 11 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an*). Theo đó, căn cứ vào nội dung của Kế hoạch này và tình hình thực tế tại Công an các đơn vị, địa phương, các Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước, Nghị định thư và tổ chức thực hiện tại đơn vị, địa phương mình.

Giao Vụ Pháp chế Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế, Tổng cục Cảnh sát Phòng, chống tội phạm chủ động đề xuất lãnh đạo Bộ xem xét, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các hoạt động của lực lượng Công an nhân dân hợp tác với các quốc gia thành viên của Công ước và Nghị định thư để trao đổi kinh nghiệm, thông tin, đào tạo cán bộ, hỗ trợ kỹ thuật, hoàn thiện thể chế phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, trong đó có tội phạm mua bán người; tăng cường đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế song phương, đa phương về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù giữa Việt Nam với các nước thành viên của Công ước và Nghị định thư.

Giao Vụ Pháp chế Bộ Công an là cơ quan đầu mối của Bộ Công an trong tiếp nhận, chuyển giao các yêu cầu về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù phù hợp với quy định của pháp luật; giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý, theo dõi, đôn đốc Công an các đơn vị, địa phương trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ này; phối hợp với các cơ quan chức năng của Tòa án, Viện Kiểm sát, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và của Bộ Công an trong thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù

theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Luật Tương trợ tư pháp và các văn bản pháp luật khác có liên quan hoặc theo nguyên tắc có đi có lại trong trường hợp Việt Nam và đối tác nước ngoài không cùng là thành viên của điều ước quốc tế có liên quan; tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu về Công ước, Nghị định thư và pháp luật có liên quan trong Công an nhân dân.

Giao Cục Tài chính Bộ Công an đảm bảo kinh phí cho việc triển khai Kế hoạch này; chủ trì phối hợp trong việc quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn viện trợ, hỗ trợ khác theo quy định hiện hành.

Giao Tổng cục Cảnh sát Phòng, chống tội phạm Bộ Công an phối hợp với Vụ Pháp chế chủ trì, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này và Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ; định kỳ báo cáo Lãnh đạo Bộ và đề xuất Lãnh đạo Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai.

2. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước TOC, Nghị định thư TIP

a) Công tác tuyên truyền chung về thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP

Trong những năm qua, các bộ, ngành, UBND, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước TOC và Nghị định thư TIP và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cán bộ, chiến sĩ và người dân trên địa bàn tỉnh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng địa bàn, đối tượng, giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp, trình độ dân trí. Trong đó, tập trung tuyên truyền các phương thức, thủ đoạn mới của tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; các quy định phòng ngừa mua bán người, bảo vệ nạn nhân bị mua bán, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi mua bán người; chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trang thông tin điện tử Công an tỉnh, Zalo, Facebook... để truyền tải nội dung các chính sách, quy định mới đến người dân, đặc biệt là người dân ở vùng núi, biên giới giúp họ nhanh chóng tiếp cận, nắm bắt kịp thời, thực hiện đúng quy định.

- Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật Công an các tỉnh phối hợp các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thực hiện lồng ghép tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước TOC và Nghị định thư TIP; các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thông qua việc triển khai các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giải quyết vấn đề lao động, việc làm, Chương trình đấu tranh phòng, chống tội phạm và Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo tỉnh, Đài Truyền thanh huyện, Trạm Truyền thanh cấp xã; thông qua Trang thông tin điện tử Công an tỉnh, ứng dụng Zalo, Facebook thông tin, tuyên truyền pháp luật và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Điển hình như: hưởng ứng “Ngày thế giới phòng, chống mua bán người” và “Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người” với sự tham gia của hàng nghìn đại biểu (trong đó có lãnh đạo Bộ Công an, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ, lãnh đạo các Bộ ngành trung ương, lãnh đạo tỉnh và các đại biểu Công an, Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Bộ đội biên phòng, Quân sự và nhân dân trên địa bàn tỉnh); tổ chức cấp phát Sổ tay

về công tác chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù, Sổ tay về công tác dẫn độ, sách Hỏi đáp về phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em đến Công an các đơn vị, địa phương; đăng tải, phát sóng nhiều tin bài, phóng sự với các chủ đề như: *“Cảnh giác việc nhẹ, lương cao tại Cam-pu-chia”*, *“Xây dựng các cấp Hội vững mạnh, hướng đến quyền lợi của phụ nữ”*, *“Việt Nam luôn nỗ lực ngăn chặn mua bán người”*. *“Tình đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào ngày càng được tăng cường”*, *“Cô gái bị lừa bán sang Cam-pu-chia kể lại 18 năm sống trong địa ngục trần gian”*, *“Ngăn chặn tội phạm mua bán người”*, *“Vấn đề nội luật hóa Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em”*,... Theo đó, đã đăng tải trên **124.449** tin, bài về công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung và phòng chống tội phạm xuyên quốc gia nói riêng; cấp phát hơn **3.263.100** tờ gấp, tờ rơi, sách tuyên truyền có nội dung liên quan đến chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, buôn bán người, hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân mua bán người tái hòa nhập cộng đồng; tổ chức trên **298.605** lượt tuyên truyền cho trên **20.171.933** lượt người dân, học sinh, sinh viên tham gia; phát hơn **60.689** lượt tin, bài trên hệ thống truyền thanh, truyền hình cơ sở; tổ chức trên **381** hội nghị phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật mới có liên quan đối với **44.185** lượt cán bộ, công chức tham gia; hàng quý, 06 tháng, cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan thi hành án hình sự cấp tỉnh và huyện đều tổ chức Hội nghị giao ban đánh giá tình hình kết quả điều tra, thi hành án hình sự gắn với phổ biến, quán triệt nội dung Công ước TOC và Nghị định thư TIP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan... Thông qua các hoạt động trên góp phần giúp người dân nâng cao ý thức cảnh giác, tố giác tội phạm, tích cực hỗ trợ lực lượng chức năng trong đấu tranh chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, mua bán người và đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc đưa nội dung Công ước TOC, Nghị định thư TIP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đi vào cuộc sống.

- Phát huy hiệu quả các hộp thư tố giác tội phạm, đường dây nóng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia tố giác và cung cấp thông tin về phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và tội phạm mua bán người thông qua các hoạt động du lịch, xuất khẩu lao động bất hợp pháp, thăm thân, kết hôn.

- Xây dựng và duy trì thực hiện có hiệu quả các mô hình như: Mô hình *“Làng quê/ thôn/ xóm an toàn cho phụ nữ và trẻ em”*; Mô hình *“Phòng chống mua bán người”*, Mô hình *“Điểm sáng biên giới”*, Mô hình *“Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng”*, Mô hình *“Trung tâm hỗ trợ phụ nữ tại cộng đồng”*, Mô hình *“Ở chấp hành, đi tự giác”*, *“Liên kết bảo đảm an ninh trật tự cơ sở lưu trú trên địa bàn”*, *“Cụm an ninh liên kết tuyến biên phòng”*, *“Liên kết bảo đảm an ninh trật tự giữa hai phường biên giới và đồn biên phòng”*.v.v...

b) Công tác tuyên truyền trong lĩnh vực tương trợ tư pháp, dẫn độ tội phạm, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù và lĩnh vực khác thuộc phạm vi Công ước TOC và Nghị định thư TIP

Xác định công tác tổ chức, thực hiện hoạt động TTTP về hình sự là một trong những nhiệm vụ quan trọng của hoạt động xác minh, giải quyết tố giác, tin

báo về tội phạm, điều tra vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài, Bộ Công an chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương và cơ quan điều tra trong Công an nhân dân chủ động phối hợp, trao đổi với cơ quan, ban ngành liên quan triển khai thực hiện Luật TTTP năm 2007 và các văn bản hướng dẫn đối với hoạt động TTTP như: Luật TTTP năm 2007, Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)... Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, chiến sĩ để nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm và ý thức chấp hành các quy định về hoạt động TTTP theo chức năng, nhiệm vụ; xây dựng Kế hoạch và tổ chức tập huấn Luật TTTP trong lực lượng Công an nhân dân bằng nhiều hình thức; lồng ghép nội dung tập huấn về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong các hội nghị phổ biến các văn bản pháp luật và các ĐUQT có liên quan đến công tác Công an; biên soạn, phát hành các cuốn sổ tay công tác, cấp phát cho các cán bộ làm công tác thực tiễn (Sổ tay dẫn độ, Sổ tay công tác chuyển giao người bị kết án phạt tù, Sổ tay công tác tương trợ tư pháp về hình sự năm 2013 (mỗi đầu sách cấp phát 1190 cuốn đến Công an các đơn vị, địa phương); Sổ tay dẫn độ và Sổ tay chuyển giao - Tái bản, bổ sung năm 2019 (mỗi cuốn cấp phát 10.000 quyển đến Công an các đơn vị, địa phương), Tuyển tập các văn kiện pháp lý quốc tế có liên quan đến phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia...); biên soạn tài liệu, giáo trình giảng dạy TTTP về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của lực lượng Công an nhân dân (cụ thể như sau: 01 đề tài cấp khoa học cấp Bộ; số lượng luận án tiến sĩ (07); số lượng luận văn thạc sĩ (07), 04 giáo trình phục vụ công tác giảng dạy.

Công an các đơn vị, địa phương chủ động ban hành Kế hoạch về nâng cao hiệu quả công tác nắm tình hình và trao đổi thông tin về người Việt Nam vi phạm pháp luật ở nước ngoài. Tổ chức rà soát hồ sơ các đối tượng bị truy nã, có khả năng trốn ra nước ngoài; tăng cường công tác nắm tình hình, phối hợp trao đổi thông tin về người Việt Nam vi phạm pháp luật ở nước ngoài, kịp thời tham mưu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý, bảo vệ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, nhanh chóng tổ chức thực hiện các yêu cầu TTTP về hình sự, các ủy thác điều tra qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL; ban hành Hướng dẫn quy trình dẫn độ trong Công an nhân dân để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dẫn độ; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các điều ước quốc tế (ĐUQT) điều chỉnh hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm mới có hiệu lực để Công an các đơn vị, địa phương nghiên cứu, áp dụng vào thực tiễn công tác.

Bộ Công an đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, VKSNDTC, TANDTC xây dựng và ban hành Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BCA-BTP-BNG-VKSNDTC-TANDTC ngày 22/02/2013 hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao, tiếp tục thi hành án đối với người đang chấp hành án phạt tù; tham gia xây dựng Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BNG ngày 16/08/2013 của VKSNDTC, TANDTC, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành Luật TTTP,

tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị hữu quan áp dụng thống nhất quy định của Luật TTTP. Những văn bản này hiện đang có hiệu lực và được áp dụng trong giải quyết các vụ việc dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

Do dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù là lĩnh vực công tác đặc thù nên Bộ Công an đã chủ động cử cán bộ trực tiếp cung cấp thông tin và hỗ trợ, hướng dẫn, phối hợp thực hiện thủ tục, thẩm quyền cho cán bộ của ngành Tòa án, Kiểm sát về các quy định của ĐUQT, pháp luật trong nước và trình tự, thủ tục thực hiện các công tác này. Bên cạnh đó, Bộ Công an cũng cung cấp thông tin về cơ quan đầu mối liên lạc, phương thức liên lạc bổ sung và hướng dẫn cho cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia như: Liên bang Nga, Ô-xtrây-li-a, Cộng hòa Séc, Ma-lai-xi-a... về trình tự, thủ tục thực hiện dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù của Việt Nam để các cơ quan này lập và chuyển các yêu cầu dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù theo quy định của các ĐUQT mà Việt Nam là thành viên và pháp luật Việt Nam, tạo thuận lợi cho quá trình giải quyết các yêu cầu tương trợ của các cơ quan chức năng của Việt Nam.

- Cập nhật, biên soạn và cấp phát các tài liệu tham khảo hướng dẫn cho các cán bộ thực tiễn (Ví dụ: Sổ tay dẫn độ, Sổ tay công tác chuyển giao người bị kết án phạt tù, Sổ tay công tác tương trợ tư pháp về hình sự (TTTP về hình sự)); biên soạn tài liệu tập huấn chuyên sâu, giáo trình giảng dạy về TTTP về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, pháp luật về bảo đảm quyền con người, chống tra tấn... trong các học viện, trường và cơ sở đào tạo; đăng thông tin tuyên truyền, giới thiệu Luật, một số ĐUQT trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an... Để thực hiện tốt công tác ĐUQT, được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ, Công an các đơn vị, địa phương đều lập kế hoạch, tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc đến toàn thể cán bộ, chiến sỹ các nội dung của văn bản quy phạm pháp luật về ĐUQT; các ĐUQT liên quan đến công tác Công an. Các cuộc tập huấn, phổ biến, tuyên truyền được tiến hành bằng nhiều hình thức, thiết thực, phù hợp như lồng ghép nội dung về phòng, chống tội phạm trong các hội nghị phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật và các ĐUQT có liên quan đến công tác Công an; triển khai kế hoạch thực hiện các ĐUQT đa phương, song phương liên quan đến công tác Công an.

c) Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Luật Phòng, chống mua bán người

Trong thời gian qua, cùng với việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở pháp lý trong công tác phòng, chống mua bán người, các bộ, ngành, địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định của Luật Phòng, chống mua bán người. Để tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thi hành Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011, ngày 18/7/2011, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1173/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống mua bán người, trong đó có giao cho các bộ, ngành, UBND, các cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thi hành Luật, tổ chức các Hội nghị phổ biến, tập huấn chuyên sâu các nội dung của

Luật Phòng, chống mua bán người. Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 1090/QĐ-BTTTT ngày 05/7/2017 phê duyệt Đề án “*Truyền thông phòng, chống mua bán người*”. Trong lực lượng Công an nhân dân, Bộ Công an ban hành Chỉ thị số 08/CT-BCA ngày 05/8/2011 về triển khai thi hành Luật Phòng, chống mua bán người trong Công an nhân dân, Điện số 617/BCA ngày 16/11/2012 chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương tham mưu cho cấp ủy, chính quyền triển khai thực hiện Luật và Chương trình hành động phòng, chống tội phạm mua bán người giai đoạn 2011-2015. Nội dung tuyên truyền về mua bán người được các đơn vị chuẩn bị phong phú, tập trung nhiều về phương thức, thủ đoạn của tội phạm mua bán người; cung cấp kiến thức nhận biết dấu hiệu tội phạm mua bán người để kịp thời phòng tránh. Tích cực, chủ động triển khai nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công tác phòng, chống mua bán người: Phát hành tài liệu, sách, tranh ảnh, tờ rơi, tờ gấp, đĩa CD, mở các chuyên trang, chuyên mục trên sóng phát thanh, Đài truyền hình, báo in, báo điện tử, đến các phương thức tuyên truyền trực quan như mít tinh, cổ động, triển lãm, trưng bày pano, áp phích, tổ chức các cuộc nói chuyện, tọa đàm, tuyên truyền miệng, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật và kiến thức về mua bán người. Hình thức thông tin, tuyên truyền trực quan qua pano, áp phích, băng rôn, tranh cổ động, các bản tin của các đội thông tin tuyên truyền lưu động về phòng, chống mua bán người của một số ngành như: Văn hóa, thông tin, Bộ đội Biên phòng, Công an, Mặt trận Tổ quốc... cũng đã đến được nhiều vùng sâu, vùng xa, nhất là đối với các làng, xã, bản phức tạp về tội phạm mua bán người.

Các Tòa án nhân dân địa phương tăng cường phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng cùng cấp xác định các vụ án điểm, đồng thời khắc phục những khó khăn về kinh phí, phương tiện làm việc để tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động tại địa phương xảy ra vụ án, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương kịp thời tuyên truyền về kết quả xét xử, thông qua đó nâng cao ý thức pháp luật và tinh thần đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người trong quần chúng nhân dân. Thông qua hoạt động xét xử, Hội đồng xét xử đã lồng ghép phổ biến, giải thích các quy định của pháp luật về phòng, chống mua bán người; góp phần nâng cao ý thức pháp luật của bị cáo nói riêng và cộng đồng nói chung.

Nhiều ban ngành, tổ chức đoàn thể khác cùng thực hiện tuyên truyền như: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Phụ nữ. Nhiều buổi nói chuyện chuyên đề, tọa đàm, sinh hoạt câu lạc bộ của đoàn thanh niên các cấp đã được tổ chức nhằm cung cấp kiến thức phòng, chống mua bán người. Việc kẻ vẽ các pano, áp phích, tranh cổ động, khẩu hiệu tuyên truyền phòng, chống mua bán người ở các điểm trung tâm tỉnh, thành phố, xã, phường, thị trấn... là hình thức tuyên truyền khá nổi bật và gây sự thu hút lớn, được tổ chức ở hầu hết các địa phương. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng Chuyên mục thông tin tuyên truyền về phòng, chống mua bán người và phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em trong hoạt động du lịch bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh trên trang thông tin của Tổng cục Du lịch tại 02 địa chỉ trang web: <http://www.vietnamtourism.gov.vn> và <http://www.vietnamtourism.com>; bên cạnh đó, Bộ còn in nhiều ấn phẩm tuyên truyền về phòng, chống mua bán người

và phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em ở tại phòng ngủ của các cơ sở lưu trú, phát cho các doanh nghiệp lữ hành. Nhiều địa phương tổ chức biên tập, phát thanh, tuyên truyền lưu động bằng tiếng dân tộc phù hợp với từng vùng, miền như Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Thanh Hóa, Đắk Lắk, Đắk Nông...

Hoạt động thông tin, truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở đã phát huy những ưu thế tích cực, được thực hiện bằng những biện pháp, hình thức rất phong phú. Tại giao ban báo chí hàng tuần, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo các cơ quan báo chí tăng cường thông tin tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về phòng, chống mua bán người trên các trang thông tin cá nhân, mạng xã hội để tăng cường hiệu quả truyền thông; chỉ đạo các nhà xuất bản và đối tác liên kết đưa nội dung thông tin ngày 30/7 hàng năm là “*Ngày thế giới phòng, chống mua bán người*” và “*Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người*” triển khai đồng bộ từ năm 2021; đề nghị các nhà mạng miễn phí tin nhắn để tăng cường hiệu quả truyền thông, chống mua bán người đến khoảng **120** triệu thuê bao di động. Hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền phòng, chống mua bán người sâu rộng đến từng địa bàn dân cư, trường học, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; các phòng Văn hóa - Thông tin, hệ thống đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện triển khai các hoạt động tuyên truyền hiệu quả, phù hợp với từng nhóm người, văn hóa vùng, miền, địa phương; tăng cường tuyên truyền qua các hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ, mít tinh; tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh cấp xã, trên các trạm tin, bảng tin, cụm pano cố định của địa phương; các băng rôn treo trên các tuyến đường, nơi tụ điểm sinh hoạt văn hóa, sinh hoạt cộng đồng của người dân. Các cơ quan thông tin đại chúng như Đài Truyền hình, Đài Phát thanh, báo in, báo điện tử từ Trung ương tới địa phương, Truyền hình Công an nhân dân, Truyền hình Quân đội nhân dân, Chương trình truyền hình Tòa án nhân dân được phát sóng thường kỳ **02 số/tháng** trên sóng truyền hình Quốc hội... tích cực tham gia tuyên truyền phòng, chống mua bán người với những hình thức như dành các chuyên trang, chuyên mục về chủ đề phòng, chống mua bán người; trong đó như Đài Truyền hình Việt Nam đã phát sóng hàng trăm tin bài về mua bán người trên bản tin thời sự (Bản tin thời sự 19h, Bản tin chuyên động 24h, Bản tin Chào buổi sáng, Việt Nam hôm nay...) và các chuyên mục phim tài liệu, Vì an ninh Tổ quốc, Pháp luật và cuộc sống... trên các kênh VTV1, VTV2, VTV4, VTV5, VTV8, VTV9; Truyền hình Công an nhân dân tăng thời lượng phát sóng trên các bản tin thời sự và các chuyên mục “*An ninh với cuộc sống*”, “*Nhận diện tội phạm*”, “*An toàn sống*”.... Đồng thời, hình thức tuyên truyền trên các bộ phim phát sóng giờ vàng về đề tài mua bán người đã tạo được hiệu ứng xã hội tốt, có sức lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng, tạo hiệu quả tuyên truyền tốt như bộ phim truyền hình “*Quỳnh Búp Bê*”, đây là hình thức tuyên truyền mới cần phát triển nhiều hơn nữa. Hàng năm, hưởng ứng Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người (30/7), các bộ, ban ngành từ Trung ương đến địa phương đã tổ chức lễ ra quân, mít tinh lớn, thu hút được sự tham gia của các cấp, các ngành, các đoàn thể và đông đảo quần chúng nhân dân.

3. Công tác nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật Việt Nam có liên quan đến thực thi hiệu quả Công ước TOC và Nghị định thư TIP

3.1. Hoạt động nghiên cứu, tham gia ý kiến xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan

Từ năm 2013 đến nay, các bộ, ngành, UBND, Công an các tỉnh, thành phố đã tham gia ý kiến xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, cụ thể là: Luật phòng, chống khủng bố năm 2013; BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); Luật Trẻ em năm 2016; Luật ĐUQT năm 2016; Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018; Luật Thi hành án hình sự năm 2019; Luật phòng, chống ma túy năm 2021; Luật phòng, chống rửa tiền năm 2022; Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người. Đồng thời, các bộ, ngành, UBND, Công an các tỉnh, thành phố, các tổ chức chính trị, xã hội đã tích cực tham gia ý kiến đối với dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng và đang xây dựng như: dự thảo sửa đổi bổ sung Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011; xây dựng Luật Dẫn độ; Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

- Tích cực thực hiện các dự án, đề án liên quan đến nghiên cứu quy định của pháp luật về phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, cụ thể: Đề án nghiên cứu về việc gia nhập Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường không, bổ sung cho Công ước; Đề án “Hoàn thiện pháp luật và theo dõi thi hành chính sách pháp luật về phòng, chống mua bán người”.

3.2. Về hoàn thiện cơ sở pháp lý xây dựng Luật Dẫn độ, Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù

Một là, Luật TTTP điều chỉnh chung cả bốn lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù nhưng mỗi lĩnh vực lại có đối tượng, phạm vi điều chỉnh với tính chất đặc thù riêng, mục đích và tính chất, nguyên tắc hợp tác khác nhau. Cụ thể như: nguyên tắc hợp tác TTTP trong Luật được quy định chung cho cả bốn lĩnh vực nhưng khi áp dụng vào từng lĩnh vực lại không giống nhau, bởi vì dẫn độ, TTTP về hình sự xuất phát từ hoạt động tố tụng hình sự mang tính chất công quyền, còn TTTP về dân sự lại xuất phát từ yêu cầu giải quyết vụ việc của cá nhân, pháp nhân mang tính chất tư; hay nguyên tắc trong dẫn độ, TTTP về hình sự là trên cơ sở yêu cầu của nước yêu cầu, còn chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù lại chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của người bị yêu cầu chuyển giao; hoặc việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong TTTP về hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù có những yêu cầu chặt chẽ hơn so với TTTP về dân sự. Bên cạnh đó, về chủ thể yêu cầu, chủ thể thực hiện, trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện các yêu cầu TTTP trong từng lĩnh vực hoàn toàn độc lập và khác nhau.

Hai là, từ phương diện quản lý nhà nước, Luật TTTP quy định giao Bộ Tư pháp làm đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước chung cũng làm cho công tác quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành trong triển khai thi hành Luật như trên đã đề cập mỗi lĩnh vực có đặc thù, nguyên tắc riêng, trình tự, thủ tục

độc lập dẫn đến thực tiễn việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các cơ quan gặp bất cập, hạn chế như: (1) công tác quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp về hình thức do chủ yếu được thực hiện thông qua hoạt động báo cáo trên cơ sở tổng hợp thông tin, số liệu từ các cơ quan đầu mối; (2) các cơ quan đầu mối trong từng lĩnh vực TTTP khác khó phát huy hết vai trò, trách nhiệm và sự chủ động trong quản lý, chỉ đạo công tác TTTP ở lĩnh vực riêng do mình phụ trách.

Ba là, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật TTTP được thực hiện chủ yếu thông qua các ĐUQT. Theo quy định của Luật TTTP, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và Luật ĐUQT năm 2016 thì từng bộ, ngành (Bộ Tư pháp, Bộ Công an, VKSNDTC) chủ trì đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện các ĐUQT thuộc lĩnh vực mình được giao phụ trách. Hiện nay việc ký kết các ĐUQT về TTTP được tách riêng từng lĩnh vực độc lập, không điều chỉnh đa lĩnh vực như trước đây. Chính vì vậy, hiện nay Bộ Công an chủ trì đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện các ĐUQT về dẫn độ và chuyển giao người bị kết án phạt tù, Bộ Tư pháp chủ trì đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện các ĐUQT về TTTP về dân sự, VKSNDTC chủ trì đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện các ĐUQT TTTP về hình sự. Việc tách Luật TTTP, giao nhiệm vụ cơ quan đầu mối trong từng lĩnh vực cũng phù hợp với công tác ký kết, gia nhập và tổ chức thực hiện các ĐUQT mà các bộ, ngành đang chủ trì.

Bốn là, một số quy định của Luật TTTP không còn phù hợp với các đạo luật mới trong lĩnh vực tư pháp được Quốc hội ban hành trong thời gian vừa qua, việc chưa đồng bộ với pháp luật tố tụng trong nước làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc giải quyết kịp thời các vụ việc dẫn độ. Bên cạnh đó, chưa phân định rõ phạm vi TTTP, dẫn đến cách hiểu và cách áp dụng chưa thống nhất giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như đối với hoạt động ủy thác tư pháp liên quan đến công dân Việt Nam ở nước ngoài hoặc yêu cầu cơ quan đại diện ngoại giao tại nước ngoài xác minh, cung cấp tài liệu và chứng cứ phục vụ điều tra.

Năm là, Luật TTTP chưa đáp ứng yêu cầu mới do sự phát triển trong từng lĩnh vực TTTP, thiếu những quy định cụ thể phù hợp cho từng lĩnh vực như: trong lĩnh vực dẫn độ, chưa có quy định về trình tự, thủ tục lập yêu cầu dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, bắt khẩn cấp để dẫn độ, thủ tục dẫn độ đơn giản, quá cảnh dẫn độ và áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Cùng đó, trong lĩnh vực chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù, chưa có quy định về Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, cơ quan có trách nhiệm thông báo cho người đang chấp hành án phạt tù về quyền được chuyển giao, cơ quan có trách nhiệm lập yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù gửi cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, điều kiện từ chối tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù, nguyên tắc chuyển đổi hình phạt, thẩm quyền xem xét lại bản án, hiệu lực của việc chuyển giao đối với Việt Nam và đối với nước ngoài, xác minh sự đồng ý của người đang chấp hành án phạt tù đối với việc chuyển giao, quá cảnh người đang chấp hành án phạt tù, thời điểm người đang chấp hành án phạt tù có quyền rút đơn xin chuyển giao...

Sáu là, trong bốn lĩnh vực Luật TTTP năm 2007 điều chỉnh có hai lĩnh vực có trình tự, thủ tục và nội dung dễ bị nhầm lẫn là quy định về dẫn độ tại Chương IV và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Chương V do

các quy định của Luật chưa làm nổi bật về bản chất của hai hoạt động này hoàn toàn khác nhau ở chỗ dẫn độ mang “tính cưỡng chế” rất cao trong khi chuyển giao phạm nhân phải có sự đồng ý của người đó. Vì vậy, thực tiễn đã xảy ra tình trạng do có sự nhầm lẫn giữa quy định của hai hoạt động này nên cơ quan, người có thẩm quyền quyết định không chính xác, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3.3. Việc nội luật hóa các quy định của Công ước TOC và Nghị định thư TIP

a) Về định nghĩa tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia

- Quy định tại Công ước TOC: Điều 2 Công ước TOC quy định tội phạm có tổ chức (organized criminal group) là “*một nhóm có cơ cấu từ ba người trở lên, tồn tại trong một thời gian và hoạt động có phối hợp để thực hiện một hay nhiều tội phạm nghiêm trọng hoặc các hành vi phạm tội được quy định trong Công ước này, nhằm có được, trực tiếp hay gián tiếp, lợi ích về tài chính hay vật chất khác*”.

Khái niệm tại Công ước TOC cho thấy “*nhóm tội phạm có tổ chức*” gồm 03 yếu tố cơ bản: chủ thể, cơ cấu tổ chức và mục đích phạm tội. Trong đó, số lượng người trong nhóm tội phạm có tổ chức là nhóm có cơ cấu từ ba người trở lên. Về nhóm cơ cấu được hiểu là nhóm tồn tại nhịp nhàng trong một thời gian, có thể có cấu trúc dưới hình thức tổ chức hoặc không, trong đó, vai trò các thành viên trong nhóm không được chỉ định chính thức. Công ước TOC không buộc các quốc gia phải tội phạm hóa yếu tố về “*bản chất xuyên quốc gia*” trong cấu thành nhóm tội phạm có tổ chức. Mục đích phạm tội của nhóm tội phạm có tổ chức nhằm trực tiếp hoặc gián tiếp đạt được lợi ích tài chính hay vật chất khác. Điều này được hiểu là nhóm tội phạm có tổ chức sẽ không bao gồm các nhóm tội phạm mà không tìm kiếm bất kỳ lợi ích về tài chính hay vật chất nào như những nhóm khủng bố hoặc nhóm nổi loạn sẽ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước TOC. Tuy nhiên, Công ước này vẫn có thể áp dụng đối với các tội phạm mà những nhóm đó thực hiện trong trường hợp phạm những tội theo quy định của Công ước (ví dụ, phạm tội cướp tài sản để nâng cao lợi ích tài chính và vật chất). Việc giới hạn phạm vi mục đích vật chất mà không đề cập tới các lợi ích khác như lợi ích chính trị là có cơ sở khoa học đúng đắn vì trong thế giới đa cực, đa quốc gia các quốc gia thành viên của Liên hợp quốc khó có thể đồng thuận với nhau về mục đích chính trị của nhóm tội phạm có tổ chức.

- Quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): BLHS năm 2015 không đưa ra định nghĩa về nhóm tội phạm và cũng không có quy định về hành vi tham gia nhóm tội phạm có tổ chức mà chỉ có quy định về nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự và chỉ xem xét trách nhiệm hình sự đối với cá nhân và chỉ quy định về đồng phạm và nhắc tới cụm từ phạm tội có tổ chức. Thuật ngữ “*nhóm tội phạm*” lần đầu được ghi nhận tại khoản 1 Điều 14 với nội dung: “*Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm trừ trường hợp quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 của Bộ luật này*”. Quy định này tạo cơ sở pháp lý để chủ động ngăn chặn sớm tội phạm xảy ra, góp phần nâng cao hiệu

quả phòng ngừa tội phạm, đồng thời phù hợp với tinh thần của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Theo Điều 17 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng phạm “là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm” và “phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm”. Phạm tội có tổ chức là một trường hợp đồng phạm, tính “có tổ chức” được thể hiện có sự bàn bạc, phân công vai trò của người chủ mưu, cầm đầu chỉ huy việc thực hiện hành vi phạm tội, có kỉ luật, quy ước hoạt động... Phạm tội có tổ chức là trường hợp đồng phạm có tính chất nguy hiểm cao cho xã hội và được coi là một tình tiết tăng nặng theo điểm a khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 và là tình tiết định khung tăng nặng trong một số tội được quy định trong BLHS năm 2015. Tình tiết “phạm tội có tổ chức” được quy định hai lần trong phần chung và nhiều lần ở các điều khoản ở phần tội phạm cụ thể của BLHS năm 2015.

b) Quy định về hình sự hóa hành vi tham gia nhóm tội phạm có tổ chức

- *Quy định tại Công ước TOC*: Yêu cầu tội phạm hóa đối với hành vi tham gia vào nhóm tội phạm có tổ chức của Công ước TOC quy định tại Điều 5, trong đó, đưa ra những yêu cầu bắt buộc và tùy nghi cho quốc gia thành viên trong hình sự hóa loại tội phạm này, cụ thể:

Thứ nhất, Công ước TOC yêu cầu bắt buộc các quốc gia thành viên phải tội phạm hóa một hoặc cả hai loại hành vi: (1) Hành vi thỏa thuận với một hoặc nhiều người để thực hiện một tội phạm nghiêm trọng để đạt được lợi ích tài chính hoặc lợi ích vật chất khác (Điều 5, Khoản 1 (a) (i)); (2) Hành vi tham gia vào các hoạt động tội phạm của nhóm tội phạm có tổ chức hoặc các hoạt động khác của nhóm tội phạm có tổ chức (Điều 5, Khoản 1 (a) (ii)). Đối với loại hành vi này, Công ước TOC đòi hỏi về ý thức chủ quan của người phạm tội là biết rõ mục đích và hoạt động phạm tội chung của nhóm tội phạm hoặc biết rõ ý định của một nhóm tội phạm có tổ chức về việc thực hiện tội phạm.

Thứ hai, các quốc gia thành viên phải có nghĩa vụ tội phạm hóa hành vi “*tổ chức, chỉ đạo, hỗ trợ, xúi giục, tạo điều kiện hoặc tư vấn cho việc thực hiện một tội phạm nghiêm trọng của một nhóm tội phạm có tổ chức (khoản 1 (b))*”. Với yêu cầu này, Công ước TOC đặt ra trách nhiệm hình sự cho những người có hành vi xúi giục, hỗ trợ cho nhóm tội phạm có tổ chức. Đặc biệt, Công ước TOC đặt ra trách nhiệm hình sự đối với người đứng đầu tổ chức tội phạm mà không phải tham gia trực tiếp thực hiện tội phạm.

- *Quy định trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*: BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có ba điều luật quy định hành vi thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm để thực hiện tội phạm: Điều 109 (Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân); điểm a khoản 2 Điều 113 (Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân) và điểm a khoản 2 Điều 299 (Tội khủng bố). Tại ba điều trên cho thấy, chỉ cần thực hiện hành vi tham gia hoặc thành lập nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, tổ chức khủng bố nhằm lật đổ chính quyền nhân dân hoặc tham gia, thành lập nhóm khủng bố là đã phạm tội mà không cần có hành vi lật đổ chính quyền nhân dân, khủng bố hoặc khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân. Đây là quy định mới của BLHS năm 2015 nhằm tội

phạm hóa hành vi tham gia, thành lập nhóm tội phạm, hoàn toàn phù hợp với quy định của Công ước TOC, thể hiện được ý nghĩa ngăn ngừa tội phạm ngay từ hành vi tham gia hay thành lập nhóm tội phạm.

Ngoài việc tội phạm hóa hành vi thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố như trên, trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015 có rất nhiều điều luật quy định “có tổ chức” ở một số phương diện như: Có tổ chức là dấu hiệu được phản ánh là dấu hiệu định tội trong Tội bạo loạn (Điều 112), Tội tổ chức tảo hôn (Điều 183), Tội tổ chức đua xe trái phép (Điều 265); có tổ chức là hình thức định khung tăng nặng được quy định tại 132 điều luật trong số 318 điều luật của Phần các tội phạm. Điều này cho thấy tình tiết định khung tăng nặng phạm tội có tổ chức đã được nhà làm luật Việt Nam chú trọng nhiều hơn khi xây dựng BLHS năm 2015 và trong quá trình sửa đổi năm 2017.

So sánh với quy định tại Công ước TOC có thể thấy BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có những điểm tương đồng trong việc quy định về tội phạm có tổ chức. Trong đó, đã quy định về hình thức đồng phạm có tổ chức, nhóm tội phạm trong Phần chung BLHS tương đồng với quy định của Công ước TOC tại Điều 5 (a) (ii). Bên cạnh đó, BLHS hiện hành cho phép xử lý hành vi thành lập hoặc tham gia tổ chức phạm tội nếu tổ chức đó được thành lập nhằm chống chính quyền nhân dân, khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân hoặc khủng bố. Đây là điểm tương đồng rõ nhất giữa BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với quy định của Công ước TOC. Về điểm khác biệt, quy định của BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) vẫn còn những khác biệt so với Công ước TOC như: hành vi thành lập, tham gia nhóm tội phạm được BLHS 2015 quy định là một trong ba nhóm hành vi chuẩn bị phạm tội, đồng nghĩa với việc nhà làm luật cho rằng phạm tội có tổ chức chỉ thể hiện tính nguy hiểm khi những người đồng phạm câu kết với nhau từ giai đoạn chuẩn bị phạm tội cụ thể cho đến khi tội phạm hoàn thành; tuy nhiên, theo quy định của Công ước TOC thì nhóm tội phạm đã bộc lộ tính nguy hiểm khi các đối tượng liên kết với nhau để mong muốn cùng nhau thực hiện tội phạm nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác mà chưa cần thiết bắt tay vào việc thực hiện tội phạm cụ thể.

c) Quy định về hình sự hóa hành vi hợp pháp hóa tài sản do phạm tội mà có
 - *Quy định tại Công ước TOC:* Tại Điều 6 Công ước TOC quy định nội dung này liên quan đến tội phạm hóa hành vi rửa tiền. Theo đó, về mặt khách quan, Công ước yêu cầu bắt buộc các quốc gia thành viên phải tội phạm hóa các hành vi: (1) Chuyển đổi hoặc chuyển giao tài sản do phạm tội mà có nhằm mục đích che đậy hoặc che dấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản (Điều 6, Khoản 1 (a) (i)); (2) Che đậy hoặc che dấu bản chất thực sự, nguồn gốc, địa điểm, việc chuyển nhượng, chuyển dịch hoặc quyền sở hữu hay những quyền đối với tài sản, dù biết rằng tài sản này do phạm tội mà có (Điều 6, Khoản 1 (a) (ii)). Công ước Công ước TOC cho phép các quốc gia có thể linh hoạt trong việc tội phạm hóa các hành vi: (1) Giành được, sở hữu hoặc sử dụng tài sản, dù tại thời điểm nhận được tài sản, biết rằng đó là tài sản do phạm tội mà có (Điều 6, Khoản 1 (b) (i)); (2) Tham gia, liên kết hay thông đồng thực hiện, nỗ lực thực hiện và hỗ trợ, xúi giục, tạo điều kiện và hướng dẫn thực hiện bất kỳ một hành vi phạm tội

nào trong các hành vi tại điều này (Điều 6, Khoản 1 (b) (ii)) trên cơ sở tuân thủ các khái niệm, nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật của từng quốc gia.

Về mặt chủ quan, Khoản 2 (f) Điều 6 quy định gồm hai yếu tố: (1) người phạm tội cố ý và (2) khi thực hiện hành vi, người phạm tội biết rằng tài sản liên quan đến hành vi đó có được từ tội phạm nguồn hoặc từ việc tham gia tội phạm nguồn. Hai yếu tố này có thể được chứng minh bằng các chứng cứ trực tiếp hoặc suy ra từ thực tiễn khách quan, chẳng hạn như thời gian, địa điểm của hành vi phạm tội hay động cơ của người phạm tội. Cùng đó, tại Điều 10 Công ước TOC yêu cầu các quốc gia thành viên áp dụng trách nhiệm pháp lý đối với cả cá nhân và pháp nhân liên quan đến hoạt động rửa tiền. Bên cạnh đó, Công ước TOC cũng quy định về trách nhiệm hình sự đối với hành vi tự rửa tiền, đó là người thực hiện tội phạm nguồn đồng thời thực hiện hành vi rửa tài sản có được từ hoạt động phạm tội (Điều 6 (2) (e)).

- *Quy định trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*: Điều 324 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định một người phạm tội rửa tiền khi thực hiện một trong các hành vi sau đây: (1) Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có; (2) Sử dụng tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác; (3) Che giấu thông tin về nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có hoặc cản trở việc xác minh các thông tin đó; (4) Thực hiện một trong các hành vi nêu trên đối với tiền, tài sản biết là có được từ việc chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi tiền, tài sản do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có. Về mặt chủ quan, Điều 324 quy định dấu hiệu “do mình phạm tội mà có” và “*biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có*” thể hiện yếu tố chủ quan của người phạm tội, đồng thời khẳng định cá nhân rửa tiền sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi rửa tài sản do mình phạm tội mà có.

Như vậy, có thể thấy rằng, các hành vi quy định tại Điều 324 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bao gồm hầu hết các nhóm hành vi rửa tiền quy định tại Công ước TOC. Tuy nhiên, theo quy định của Công ước TOC, Công ước khuyến nghị các quốc gia thành viên áp dụng tội phạm rửa tiền đối với phạm vi rộng nhất các tội phạm nguồn. Đồng thời yêu cầu các quốc gia xác lập những tội phạm tội phạm nghiêm trọng như định nghĩa tại Công ước TOC, các tội phạm nêu trong Công ước TOC và tất cả các tội liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức là tội phạm nguồn. Điều 324 BLHS Việt Nam năm 2015 không giới hạn phạm vi tội phạm nguồn, điều này được hiểu là mọi loại tội phạm, bao gồm tội phạm ít nghiêm trọng, đều có thể trở thành tội phạm nguồn của tội rửa tiền. Quy định này phù hợp với khuyến nghị của Công ước TOC, tuy nhiên, việc đặt ra một giới hạn đối với tội phạm nguồn có thể tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng trong việc xác định tội phạm rửa tiền trên thực tiễn.

d) Quy định về hình sự hóa hành vi tham nhũng

- *Quy định tại Công ước TOC*: Điều 8 Công ước này quy định, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ tội phạm hóa các hành vi sau khi được thực hiện một cách cố ý: (1) Hứa hẹn, đề nghị hay mang đến một cách trực tiếp hay gián tiếp cho viên chức nhà nước một mối lợi không chính đáng dành cho người đó hay người hoặc thực thể khác để viên chức đó hành động hoặc không hành động trong khi thực hiện các phận sự chính thức của mình (Điều 8, Khoản 1 (a)); (2) Gọi ý hoặc chấp nhận một cách trực tiếp hay gián tiếp của viên chức nhà nước đối với một mối lợi không chính đáng dành cho người đó hay người hoặc thực thể khác để viên chức đó hành động hoặc không hành động trong khi thực hiện các phận sự chính thức của mình (Điều 8, khoản 1 (b)); (3) Hành vi của những người đồng phạm khi thực hiện một trong hai hành vi nêu trên.

Về chủ thể: chủ thể hành vi tham nhũng có thể là chủ thể thường (khoản 1(a)) hoặc chủ thể đặc biệt (khoản 1(b) và khoản 2). Chủ thể đặc biệt được nêu rõ là “công chức”, “công chức nhà nước nước ngoài hoặc một viên chức dân sự quốc tế”.

- *Quy định trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*: BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã dành riêng một chương XXIII quy định về các tội phạm về chức vụ và tham nhũng. Theo đó, các tội phạm về tham nhũng, gồm 07 điều luật quy định về các tội phạm: Tham ô tài sản (Điều 353); Nhận hối lộ (Điều 354); Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 355); Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356); Lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 357); Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 358) và Tội giả mạo trong công tác (Điều 359). Ngoài các tội phạm khác về chức vụ, Bộ luật còn quy định các tội phạm được thực hiện bằng hành vi mang tính vụ lợi, ở hình thức “hứa hẹn” như: Đưa hối lộ (Điều 364); Môi giới hối lộ (Điều 363) và tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi (Điều 366). Điểm đáng lưu ý của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quy định về các tội phạm tham nhũng, chức vụ là đã mở rộng phạm vi chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự ở khu vực ngoài nhà nước, như tại khoản 6 Điều 353 quy định về tội tham ô tài sản: “Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước mà tham ô tài sản thì bị xử lý theo quy định của Điều này”; khoản 6 Điều 354 quy định về tội nhận hối lộ: “Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước mà nhận hối lộ thì bị xử lý theo quy định của Điều này”. Từ những quy định này cho thấy, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã chứa đựng yếu tố nội luật hóa khá rõ trong khuôn khổ quy định của Công ước về chống tham nhũng, phù hợp quy định Điều 8 Công ước, tuy nhiên, vẫn còn một số điểm chưa tương thích, cụ thể:

Trong khi BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) coi các tội phạm về tham nhũng bao gồm nhiều hành vi như: tham ô tài sản, nhận hối lộ, lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản... thì Điều 8 Công ước TOC quy định hành vi tham nhũng chỉ liên quan đến hành vi hối lộ (đưa hối lộ, nhận hối lộ và hành vi đồng phạm của việc đưa và nhận hối lộ). Ở khía cạnh này, hành vi tham nhũng trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) rộng hơn so với

khái niệm về hành vi tham nhũng trong Công ước TOC. Tuy nhiên, xét về hành vi hối lộ, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chỉ quy định hành vi nhận hối lộ là hành vi tham nhũng; hành vi đưa hối lộ và môi giới hối lộ được BLHS hiện hành xếp vào nhóm “các tội phạm khác về chức vụ”.

Hành vi “đã đưa hoặc sẽ đưa” quy định trong Điều 364 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tội đưa hối lộ hẹp hơn và chưa tương thích với hành vi “hứa hẹn, đề nghị hay đưa đến” quy định tại Điều 8 (1) (a) Công ước TOC, vì xét về bản chất, việc “hứa hẹn, đề nghị” thể hiện thái độ chủ động của người đưa và bao hàm cả trường hợp người nhận có chấp hành hay không chấp hành thì hành vi đề nghị đã bị xử lý hình sự; trong khi hành vi “sẽ đưa” được hiểu là giữa người đưa và người nhận đã có sự thỏa thuận và người nhận đã chấp nhận.

e) *Quy định về hình sự hóa hành vi cản trở hoạt động tư pháp*

- *Quy định tại Công ước TOC*: Tại Điều 23 Công ước, các quốc gia thành viên thông qua hoạt động lập pháp hoặc bằng cách thức khác tội phạm hóa hai nhóm hành vi: (1) Sử dụng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa hoặc hứa hẹn, đề nghị hoặc cung cấp một mối lợi không chính đáng để người bị thẩm vấn khai sai sự thật hoặc để can thiệp vào việc đưa ra lời khai hay đưa ra chứng cứ trong một vụ kiện liên quan đến các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này (can thiệp vào việc đưa ra lời khai, chứng cứ); (2) Sử dụng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa nhằm can thiệp vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính thức của một nhân viên tư pháp hoặc hành pháp liên quan đến các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này (can thiệp vào hoạt động của nhân viên tư pháp, hành pháp). Hai nhóm hành vi này tác động lên hai nhóm đối tượng là người bị thẩm vấn và các nhân viên tư pháp, hành pháp trong quá trình phát hiện, điều tra, xử lý các hành vi phạm tội được yêu cầu tội phạm hóa trong Công ước TOC.

- *Quy định trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*: Điều 384 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về Tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu đã hình sự hóa nhóm hành vi thứ nhất theo quy định tại Điều 23 (a) Công ước TOC này, cụ thể như sau:

Khoản 1 Điều 384 quy định rõ hành vi “mua chuộc hoặc cưỡng ép người làm chứng, người bị hại, đương sự trong các vụ án hình sự, hành chính, dân sự khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không khai báo, không cung cấp tài liệu; mua chuộc hoặc cưỡng ép người giám định, người định giá tài sản kết luận gian dối, người phiên dịch, người dịch thuật dịch xuyên tạc”.

Điểm a khoản 2 xác định hành vi “dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng các thủ đoạn nguy hiểm khác”; “lợi dụng chức vụ, quyền hạn” được xác định là tình tiết tăng nặng của loại tội này.

Đối với nhóm hành vi thứ hai quy định tại Điều 23(b) Công ước TOC, Điều 372 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về Tội ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật cũng có quy định hình sự hóa hành vi tương tự, trong đó quy định: “1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án làm trái pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Theo đó, hành vi ép

buộc có thể thể hiện bằng hình thức “Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng các thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm khác” theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 372.

Về mặt khách quan, các quy định tại Điều 384, 372 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã tương đồng với quy định tại Điều 23 Công ước TOC, tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề chưa đáp ứng được một cách triệt để theo yêu cầu của Công ước, cụ thể như sau:

- Điều 384 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chưa bao gồm đối tượng là “các nhân chứng tiềm năng và những người khác ở vị trí cung cấp cho người có thẩm quyền chứng cứ liên quan” như hướng dẫn và giải thích về khái niệm “người bị thẩm vấn” của Công ước TOC.

- Chủ thể của tội phạm theo Điều 372 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chủ thể đặc biệt (người có chức vụ, quyền hạn) là chưa khái quát hết yêu cầu tội phạm hóa theo Công ước TOC, theo đó, chủ thể thực hiện hành vi quy định tại Điều 23(b) Công ước TOC bao gồm cả chủ thể thường (người không có chức vụ, quyền hạn và chủ thể đặc biệt).

Trên cơ sở so sánh, phân tích nêu trên có thể thấy, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã đáp ứng và tương thích phần lớn yêu cầu của Công ước TOC về hình sự hóa tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn những điểm chưa tương thích, chưa nội luật hóa triệt để. Trong thời đại ngày nay, việc các quốc gia tích cực thiết lập, mở rộng hợp tác và hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực phòng, chống tội phạm đang trở thành xu thế tất yếu. Điều kiện pháp lý quan trọng là có sự tương đồng nhất định trong các quy định về tội phạm của các quốc gia. Việc các quốc gia ký kết Công ước TOC là tiền đề cho sự tương đồng trong luật hình sự của các quốc gia. Do vậy, việc pháp luật hình sự Việt Nam, trong đó có BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có những quy định tương thích với Công ước TOC là tiền đề quan trọng để Việt Nam có thể hợp tác với các nước trong cuộc đấu tranh với tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

3.4. Xây dựng Đề án nghiên cứu về việc gia nhập Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường không, bổ sung cho Công ước

Nghị định thư chống đưa người di cư trái phép là một trong ba nghị định thư bổ sung cho Công ước TOC, được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 15/11/2000 tại Kỳ họp thứ 55. Nghị định thư này đề nghị cho các quốc gia ký từ ngày 12 đến ngày 15/12/2000 tại Palermo, I-ta-li-a (trong thời gian này có 77 quốc gia đã ký Nghị định thư tại trụ sở Liên hợp quốc ở New York, Hoa Kỳ). Theo quy định của Nghị định thư, sau thời điểm này, các quốc gia có thể trở thành thành viên của Nghị định thư bằng hình thức gia nhập.

Nghị định thư chống đưa người di cư trái phép được xây dựng nhằm mục đích chính là phòng ngừa và chống hành vi đưa người di cư trái phép, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người di cư bị đưa đi trái phép và tăng cường hợp tác giữa các quốc gia về vấn đề này. Nghị định thư nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đối xử nhân đạo với những người di cư cũng như yêu cầu phải có một cách tiếp cận toàn diện ở quy mô toàn cầu để chống hành vi đưa người di cư

trái phép, bao gồm cả các biện pháp kinh tế - xã hội để giải quyết tận gốc các nguyên nhân dẫn đến tình trạng này.

Thực hiện nhiệm vụ được giao trong Quyết định 605, Bộ Công an đã chủ trì nghiên cứu khả năng Việt Nam gia nhập Nghị định thư nêu trên. Bộ Công an đã xây dựng hồ sơ đề xuất Việt Nam gia nhập Nghị định thư trên. Trên cơ sở xin ý kiến của các bộ, ngành có liên quan, Bộ Công an đã tập hợp ý kiến và xây dựng Tờ trình số 39/TTr-BCA-V03 ngày 17/01/2023 trình Chính phủ về việc trình Chủ tịch nước quyết định gia nhập Nghị định thư này. Bộ Công an đã chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức 01 Tọa đàm khoa học (ngày 08/12/2023) và 01 Hội thảo quốc tế (ngày 22/12/2023) để huy động ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học trong tham vấn, đánh giá các tác động, trình tự thủ tục đối với khả năng Việt Nam gia nhập Nghị định thư trên. Hiện nay, Bộ Công an tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện hồ sơ để trình Chính phủ theo quy định và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

4. Hoạt động hợp tác quốc tế thuộc lĩnh vực theo nội dung Công ước TOC và Nghị định thư TIP

4.1. Hợp tác, trao đổi thông tin với các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài liên quan đến công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia

Trong giai đoạn 2013-2023, các lực lượng Công an, Biên phòng đã chủ động thực hiện hoạt động nghiệp vụ, trao đổi thông tin đã phát hiện, bắt giữ, khởi tố điều tra 357 vụ án, 644 đối tượng phạm tội “*Mua bán người*”, “*Mua bán người dưới 16 tuổi*”, qua các vụ án đã phát hiện, giải cứu **788** nạn nhân. Duy trì các cuộc giao ban, hội đàm trao đổi kinh nghiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm; trong đó có trao đổi thông tin, tình hình liên quan đến tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và tội phạm mua bán người; thiết lập đường dây nóng trao đổi tình hình liên quan giữa các địa bàn có chung biên giới. Thường xuyên tổ chức phối hợp tuần tra chung bảo vệ cột mốc, đường biên, điều tra xử lý kịp thời các vụ việc phức tạp xảy ra, góp phần thắt chặt tình đoàn kết, mối quan hệ phối hợp công tác.

- Phối hợp tiến hành các mặt công tác nghiệp vụ, lên danh sách và nắm các đối tượng có tiền án, tiền sự về mua bán người hiện đang còn điều kiện phạm tội; có biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội mua bán người hoặc liên quan đến hoạt động mua bán người; số đối tượng thường xuyên qua lại biên giới có biểu hiện như: tìm người giúp việc, tuyển mộ người đi lao động, làm việc ở nước ngoài (Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Trung Quốc,...) hoặc ở các thành phố lớn trong nước, các cơ sở kinh doanh nhạy cảm nghi vấn liên quan đến mua bán người.

- Các bộ, ngành đã tích cực cử người tham dự các hội nghị, hội thảo tại các nước: Anh, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan, Indonesia, Myanmar, Philippines và các hội nghị trong nước, các tổ chức quốc tế như: ASEAN-ACT, UNDP, UNODC, AATIP, UN-ACT, IOM, Văn phòng RSO/Tiến trình Bali, Tổ chức Vòng tay Thái Bình, Tổ chức Trẻ em Ròng Xanh (BDCF), Tổ chức Hagar... nhằm nâng cao nhận thức, trao đổi kinh nghiệm trong công tác phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

Bộ Công an đã chủ động phối hợp với cơ quan thực thi pháp luật của các nước để triển khai những hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia qua kênh INTERPOL và ASEANAPOL:

- Công tác trao đổi thông tin tội phạm qua kênh INTERPOL: Từ năm 2018 đến 2023: đã tiếp nhận và xử lý 2.320 yêu cầu, trong đó có 798 yêu cầu của cơ quan điều tra trong nước, 1.522 yêu cầu của các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài, chủ yếu liên quan đến các tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy, xác minh các tài khoản ngân hàng, địa chỉ IP, tiền án, tiền sự các đối tượng phạm tội... trong các vụ án xuyên quốc gia có liên quan đến Việt Nam, trong đó có 29 yêu cầu xác minh thông tin liên quan đến các vụ việc về mua bán người.

- Công tác truy nã tội phạm qua kênh INTERPOL: Hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương hoàn thiện 355 hồ sơ đề nghị INTERPOL ban hành các lệnh truy nã quốc tế (Thông báo đỏ) đối với 355 đối tượng truy nã của Việt Nam nghi trốn ra nước ngoài để đề nghị Cảnh sát các nước phối hợp truy bắt, trong đó có 36 đối tượng truy nã phạm tội liên quan đến mua bán người. Trong đó, đã phối hợp với Cảnh sát nước ngoài xác minh, tiếp nhận và dẫn giải 12 đối tượng truy nã từ nước ngoài về Việt Nam để bàn giao cho Cơ quan điều tra trong nước; đã phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương truy bắt, bàn giao 34 đối tượng truy nã quốc tế cho Cảnh sát nước ngoài.

4.2. Tổ chức hội nghị, hội thảo và ký kết các văn bản hợp tác với cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia

- Hằng năm các các bộ, ngành, UBND, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và triển khai các kế hoạch thực hiện Chương trình, đồng thời chỉ đạo các đơn vị tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh trấn áp tội phạm mua bán người, đặc biệt trên các tuyến biên giới; các phòng chức năng Công an tỉnh, Công an các huyện, thành phố triển khai thực hiện các kế hoạch hợp tác trao đổi thông tin liên quan đến phòng chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và tội phạm mua bán người ở khu vực biên giới với Công an các tỉnh, huyện đối đảng của nước bạn. Do vậy, góp phần tích cực giữ vững ổn định an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường mối quan hệ, phối hợp điều tra xử lý tội phạm, giải quyết vụ việc mua bán người, phối hợp truy bắt đối tượng phạm tội, giải cứu, xác minh và tiếp nhận nạn nhân bị mua bán theo các Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Cam-pu-chia về tăng cường hợp tác phòng, chống mua bán người. Thường xuyên tham gia các cuộc hội đàm, giao ban định kỳ luân phiên với lực lượng đối đảng của các nước bạn để phối hợp trao đổi thông tin, giải quyết các vụ việc xảy ra ở khu vực biên giới. Đồng thời, tiếp tục triển khai có hiệu quả Tiến trình COMMIT, Tiến trình Bali.

- Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành đã tổ chức thực hiện các Hiệp định, thỏa thuận hợp tác song phương về phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, phòng, chống mua bán người mà Chính phủ Việt Nam đã ký kết với Chính phủ các nước: Thái Lan, Ôt-xtrây-li-a; Bản Ghi nhớ hợp tác giữa Việt

Nam - Vương quốc Anh và Bắc Ai Len trong phòng, chống mua bán người; Thỏa thuận hợp tác đa phương với các nước Tiểu vùng sông Mê Kông, triển khai Công ước ASEAN về phòng chống và điều tra tội phạm mua bán người, hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân giữa Việt Nam - Ác-hen-ti-na. Hằng năm trao đổi với Đại sứ quán Hoa Kỳ về Báo cáo tình hình mua bán người (Báo cáo TIP) hằng năm của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ nhằm đưa ra quan điểm, cơ chế hợp tác với Hoa Kỳ trong phòng, chống mua bán người. Hợp tác song phương với lực lượng thực thi pháp luật trên biển của các nước Trung Quốc, Cam-pu-chia, Phi-lip-Pin, In-đô-nê-xi-a, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ.

- Trong giai đoạn từ 2013 đến 2023, VKSNDTC đã tiếp nhận giải quyết **2.488** yêu cầu TTTP về hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng trong nước gửi cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đề nghị thực hiện; **944** yêu cầu TTTP về hình sự của các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. Phạm vi yêu cầu TTTP về hình sự khá đa dạng, bao gồm: yêu cầu về thu thập chứng cứ, lấy lời khai, xác minh lý lịch tư pháp; yêu cầu tổng đạt tài liệu, giấy tờ; yêu cầu chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự và các yêu cầu khác (triệu tập người làm chứng, người giám định, cử cán bộ có thẩm quyền tham gia thực hiện tương trợ tư pháp...). VKSNDTC đã phối hợp với Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao tiến hành đàm phán thành công **17** Hiệp định TTTP về hình sự với các nước: In-đô-nê-xi-a, Ô-xtrây-li-a, Pháp, Hung-ga-ri, Tây Ban Nha, Cam-pu-chia, Ca-dắc-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan, Cu Ba, Mô-dăm-bích, Séc, Nhật Bản, Cộng hòa I-ta-li-a, Lào, Ác-hen-ti-na, Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất, I-ran; trong đó, có **15** Hiệp định đã được ký chính thức, bao gồm Hiệp định với các nước In-đô-nê-xi-a (2013), Ô-xtrây-li-a (2014), Tây Ban Nha (2015), Pháp (2016), Hung-ga-ri (2016), Cam-pu-chia (2016), Ca-dắc-xtan (2017), Cu Ba, Mô-dăm-bích (2018), Lào (2019), Nhật Bản (2021), U-dơ-bê-ki-xtan (2022), Ác-hen-ti-na và Séc (2023).

- Bộ Công an đã tiếp nhận, giải quyết đầy đủ các yêu cầu TTTP về hình sự từ các quốc gia trên thế giới, nội dung chủ yếu về hoạt động dẫn độ, chuyển giao người bị kết án phạt tù, xác minh nhân thân, lai lịch đối tượng. Việc thực hiện các yêu cầu TTTP được giải quyết kịp thời theo đúng quy định của pháp luật. Định kỳ, tổ chức ký kết các biên bản ghi nhớ về phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự khu vực biên giới trong đó có nội dung công tác phòng chống tội phạm mua bán người. Thường xuyên phối hợp với các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế, phi chính phủ trong các công tác giải cứu, tiếp nhận nạn nhân bị mua bán, tổ chức các hoạt động tập huấn, hội thảo, hoạt động truyền thông phòng, chống mua bán người như: phối hợp với các tổ chức như Hội đồng Anh tại Việt Nam, Tổ chức Tầm nhìn thế giới WVV, Tổ chức Di cư quốc tế IOM... triển khai các hoạt động trong khuôn khổ Dự án “*Đấu tranh chống mua bán người và nô lệ thời hiện đại: Tiếp cận liên ngành nhằm thay đổi hành vi, tăng cường hỗ trợ tiếp cận pháp lý và tài hòa nhập cho nạn nhân*”; phối hợp Đại sứ quán Anh, Úc, Pháp và tổ chức Di cư quốc tế IOM tổ chức các khóa đào tạo để tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý xuất nhập cảnh cũng như đội ngũ kiểm soát viên tại các cửa khẩu quốc tế; về nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm mua bán người; tham vấn và đưa ra các khuyến nghị hướng tới việc xây dựng và hoàn

thiện cơ sở dữ liệu về phòng, chống mua bán người; Dự án “*Hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng*”; Dự án “*nâng cao năng lực cho phụ nữ và trẻ em gái trong phòng, chống mua bán người, các hình thức xâm hại, bạo lực ở phụ nữ và trẻ em gái*” ...

- Bộ Công an, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành, địa phương đã tham gia đàm phán, góp ý, thẩm định nhiều ĐUQT liên quan đến phòng, chống tội phạm như: Công ước ASEAN về chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (ACTIP); Công ước quốc tế toàn diện về tội phạm mạng; Hiệp định ASEAN về dẫn độ; việc gia nhập Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường không, đường bộ và đường biển, bổ sung cho Công ước TOC; các hiệp định TTTP về hình sự giữa Việt Nam với các nước: I-ta-li-a, Ma-rốc, các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE), Ả-rập-xê-út, Nhật Bản; các hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam với các nước: Ca-ta, với Ni-giê-ri-a; các hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa Việt Nam với I-ran, Bru-nây, Lào, Lít-va, Phi-lip-Pin, I-ta-li-a.

- Hàng năm, Công an các tỉnh đã phối hợp, giao ban đánh giá kết quả hợp tác quốc tế trong bảo đảm an ninh, trật tự và tổ chức ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác quốc tế với các đơn vị giáp biên giới nước ta; duy trì, tổ chức giao ban luân phiên định kỳ hàng quý giữa Công an các huyện giáp biên giới với các đơn vị giáp biên giới nước ta, nhằm trao đổi tin tức, tài liệu, phối hợp lực lượng chức năng nước bạn trong đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, thực hiện tốt hoạt động tương trợ tư pháp. Công an các tỉnh đã phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau trong việc truy bắt tội phạm, điều tra, xác minh đối tượng gây án và trao trả số đối tượng vi phạm pháp luật ở địa bàn.

4.3. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống mua bán người

a) Về hợp tác quốc tế đa phương, song phương

- Về hợp tác đa phương: Các bộ, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã nỗ lực thực hiện hợp tác đa phương về mua bán người, cụ thể như: Thường xuyên trao đổi về chủ trương, thành tựu của Việt Nam trong phòng chống mua bán người tại Đối thoại Nhân quyền với EU, Ôt-trây-li-a...; các buổi làm việc định kỳ với một số Cơ quan đại diện nước ngoài tại Hà Nội. Đặc biệt, Bộ Ngoại giao duy trì liên hệ chặt chẽ với phía Hoa Kỳ nhằm thông tin kịp thời, chính xác về tình hình và nỗ lực phòng, chống mua bán người của Việt Nam; tiếp tục vận động, đấu tranh với những nhận định thiếu khách quan, chưa chính xác của phía Hoa Kỳ trong Báo cáo thường niên về tình hình mua bán người trên thế giới của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Cơ quan đại diện thường xuyên phối hợp với Cơ quan nước sở tại theo dõi, nắm chắc tình hình công dân Việt Nam ở nước ngoài nhằm kịp thời triển khai công tác bảo hộ trong trường hợp cần thiết.

- Tham gia các tiến trình khu vực, quốc tế về di cư, mua bán người, ví dụ như Diễn đàn toàn cầu về Di cư và phát triển (GFMD), Tiến trình Bali về phòng, chống đưa người di cư trái phép, mua bán người và tội phạm xuyên quốc gia có liên quan (Tiến trình Bali), Sáng kiến phối hợp cấp Bộ trưởng phòng, chống mua bán người tiểu vùng sông Mekong (Tiến trình COMMIT) và Ủy ban Thúc đẩy và Bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em ASEAN (ACWC). Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như Tổ chức Di cư quốc tế (IOM), Tổ chức Lao động

quốc tế (ILO), Cao ủy Liên hợp quốc về người tị nạn (UNHCR), Văn phòng Liên hợp quốc về chống Ma túy và Tội phạm (UNODC), Tổ chức Phụ nữ Liên hợp quốc (UN Women)... và các tổ chức phi chính phủ như Tổ chức Tầm nhìn thế giới (World Vision), Quỹ toàn cầu nhằm chấm dứt tình trạng nô lệ hiện đại (GFEMS) nhằm tranh thủ sự hỗ trợ về kỹ thuật, tài chính trong các hoạt động nâng cao năng lực phòng, chống mua bán người của Việt Nam.

- Bộ Công an ký Tuyên bố chung lần thứ hai (năm 2013), lần thứ 3 (năm 2015) và Kế hoạch hành động Tiểu vùng sông Mê - Kông về phòng, chống mua bán người (COMMIT) giai đoạn III (2011 - 2013), giai đoạn IV (2015 - 2018). Ngày 19/5/2015, ban hành Quyết định kiện toàn Ban Công tác liên ngành thực hiện sáng kiến cấp Bộ trưởng các nước Tiểu vùng sông Mê - Kông về phòng, chống mua bán người của Việt Nam. Hằng năm, Ban Công tác liên ngành COMMIT Việt Nam tổ chức sơ kết các hoạt động trong khuôn khổ hợp tác các nước Tiểu vùng sông Mê - Kông, ban hành kế hoạch thực hiện năm tiếp theo và tham gia các diễn đàn, hội nghị, cuộc họp thường niên cấp vùng, khu vực về phòng, chống mua bán người.

- Tham mưu Chính phủ: (1) Tổ chức Hội nghị quan chức cấp cao lần thứ 8 (SOM8) và Hội nghị cấp Bộ trưởng lần thứ 3 (IMM3) về phòng, chống mua bán người. (2) Ban hành Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 12/3/2015 phê duyệt dự án “*Hợp tác phòng, chống mua bán người giữa Australia - Châu Á, Thái Bình Dương*”. (3) Tham gia Dự án khu vực “*Hợp tác hành động chống lại nạn mua bán người*” và ban hành Quyết định số 5450/QĐ-BCA phê duyệt dự án giai đoạn 2014 - 2018, tập trung các lĩnh vực: Hợp tác và chính sách; điều tra, truy tố, xét xử; bảo vệ, phòng ngừa và giám sát, đánh giá; tổng kết 10 năm (2004 - 2014) hợp tác phòng, chống mua bán người các nước Tiểu vùng sông Mê - Kông và phối hợp Ban Chỉ đạo COMMIT khu vực thống nhất kế hoạch giai đoạn 2014-2018.

- Chủ động triển khai các cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có tội phạm mua bán người. Triển khai kế hoạch và theo dõi, báo cáo việc thực hiện Quyết định số 668/QĐ-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Khuyến nghị của Ủy ban về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ của Liên hợp quốc.

- Về *hợp tác song phương*: Các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả các hiệp định, thỏa thuận hợp tác song phương giữa Việt Nam với Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan và Trung Quốc về phòng, chống mua bán người như: Tổng kết 05 năm thực hiện Hiệp định Việt Nam - Trung Quốc và thông qua kế hoạch giai đoạn 2016-2020 và 05 năm thực hiện Hiệp định Việt Nam - Cam-pu-chia về phòng, chống mua bán người, bảo vệ nạn nhân và thống nhất kế hoạch thực hiện Hiệp định giai đoạn 2017-2020; tổ chức Hội nghị song phương đánh giá kết quả phối hợp thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam - Thái Lan về phòng chống mua bán người giai đoạn 2013-2016 và ký kế hoạch hoạt động ưu tiên phối hợp thực hiện Hiệp định giai đoạn 2017-2020. Duy trì họp thường niên với cơ quan chức năng các nước trong việc thực hiện Hiệp định và phối hợp tổ chức đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm mua bán người. Hiện nay, có **19** Tòa án nhân dân cấp tỉnh ở các địa phương có chung đường biên giới với Cam-

pu-chia và Lào ký bản ghi nhớ hợp tác với Tòa án cấp tỉnh của nước bạn để trao đổi thông tin về thực hiện các Hiệp định TTTP; phối hợp trong công tác phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia; tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ, đột xuất nhằm trao đổi thông tin để phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh phòng ngừa tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có tội phạm mua bán người.

Tổ chức giao ban định kỳ hằng năm giữa lực lượng Cảnh sát hình sự Việt Nam và Trung Quốc, Ma-lai-xi-a về hợp tác phòng, chống mua bán người. Lực lượng Công an phối hợp Biên phòng của 25 tỉnh biên giới đẩy mạnh hợp tác với cơ quan chức năng Cam-pu-chia, Lào và Trung Quốc duy trì đường dây nóng, gặp gỡ, đàm phán nhằm chủ động trao đổi thông tin, phối hợp điều tra, truy bắt tội phạm, giải cứu, tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán trở về. Triển khai nhiều kế hoạch phối hợp tuần tra chung, kiểm tra, kiểm soát biên giới phòng, chống di cư trái phép và mua bán người. Đã tổ chức 1.400 cuộc hội đàm 3 cấp, trao đổi gần 1.500 công thư, hơn 2.500 lượt điện thoại qua đường dây nóng, tổ chức hơn 100 đoàn ra và đón hơn 100 đoàn trao đổi, xác minh hơn 4.000 trường hợp công dân Việt Nam cư trú trái phép tại nước ngoài, trao đổi hơn 5.500 thông tin liên quan đến hoạt động tội phạm mua bán người và các đối tượng khác có liên quan. Tham dự nhiều hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tiếp và làm việc với đại diện các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế hợp tác đa phương, song phương về phòng, chống mua bán người. Phối hợp các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức quốc tế như: Di cư quốc tế (IOM), Quỹ Nhi đồng Liên Hợp quốc (UNICEF), Tầm nhìn thế giới (WVI), Chương trình hợp tác ASEAN - Australia về phòng, chống mua bán người (AAPTIP)... triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng mô hình hỗ trợ nạn nhân tại cộng đồng; biên tập tài liệu, đào tạo, hội thảo hoàn thiện chính sách pháp luật về phòng, chống mua bán người.

- Tổ chức Hội thảo quốc tế chia sẻ thông tin về phòng, chống mua bán người với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành, Đại sứ quán một số nước tại Việt Nam và tổ chức quốc tế có liên quan. Duy trì kênh liên lạc với các nước, tổ chức quốc tế, nhất là phía Hoa Kỳ nhằm cung cấp, chia sẻ thông tin về những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong công tác phòng, chống mua bán người. Năm 2012 Việt Nam được nâng từ Nhóm 2- Theo dõi¹ (năm 2011) lên Nhóm 2² trong Báo cáo thường niên về tình hình mua bán người trên thế giới của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (Báo cáo TIP) và liên tiếp 7 năm xếp ở Nhóm 2 đến năm 2018 (riêng báo cáo TIP các năm 2019 và 2020 xếp Việt Nam ở Nhóm 2 - Theo dõi).

b) Việc đề xuất ký kết, gia nhập và thực hiện các điều ước quốc tế liên quan

Các bộ, ngành đã tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước ban hành Quyết định số 2549/QĐ-CTN ngày 29/12/2011 phê chuẩn Công ước TOC; ngày 21/11/2015 đàm phán, ký Công ước ASEAN về phòng, chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, trình Chủ tịch nước ký

¹ Nhóm các nước chưa tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn tối thiểu về phòng, chống mua bán người, đã có nỗ lực nhưng cần phải theo dõi.

² Nhóm các nước chưa tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn tối thiểu về phòng, chống mua bán người song đã có nỗ lực đáng kể để đáp ứng các tiêu chuẩn đó.

Quyết định số 2674/QĐ-CTN ngày 13/12/2016 phê chuẩn Công ước, có hiệu lực từ ngày 08/3/2017; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 605/QĐ-TTg. Hiện nay, Bộ Công an đang chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổ chức các hoạt động rà soát, đánh giá tính tương thích của pháp luật Việt Nam và xây dựng lộ trình báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định khả năng Việt Nam gia nhập với Nghị định thư về phòng, chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không, bổ sung cho Công ước TOC.

Để tăng cường phối hợp trực tiếp với các quốc gia trong giải quyết vấn đề liên quan đến phòng, chống mua bán người, nhất là các nước có chung đường biên giới, đồng người Việt Nam làm ăn, sinh sống, có nhiều trường hợp nghi là nạn nhân bị mua bán..., trước khi Luật Phòng, chống mua bán người được ban hành, Bộ Công an đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tham mưu Chính phủ xây dựng, đàm phán, ký kết **04** Hiệp định hợp tác song phương giữa Việt Nam và **04** nước Trung Quốc, Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan về phòng, chống mua bán người. Sau khi Luật Phòng, chống mua bán người có hiệu lực thi hành, Bộ Công an tiếp tục tham mưu và tổ chức các hoạt động thực hiện có hiệu quả **04** hiệp định, cụ thể là: Hiệp định giữa Việt Nam - Trung Quốc về tăng cường hợp tác phòng, chống buôn bán người (ký ngày 15/9/2010); Hiệp định giữa Việt Nam - Cam-pu-chia về hợp tác song phương để loại trừ nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em và giúp đỡ nạn nhân bị buôn bán (ký ngày 10/10/2005); Hiệp định giữa Việt Nam - Lào về hợp tác phòng, chống buôn bán người và bảo vệ nạn nhân bị buôn bán (ký ngày 03/11/2010); Hiệp định giữa Việt Nam - Thái Lan về hợp tác song phương nhằm loại trừ nạn buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em và giúp đỡ nạn nhân bị buôn bán (ký ngày 24/3/2008). Đối với một số quốc gia khác có đồng nạn nhân và nghi là nạn nhân bị mua bán như Anh, Nga, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a..., Bộ Công an đã chủ động tổ chức khảo sát tình hình người Việt Nam bị mua bán tại Sinh-ga-po, Ma-lai-xi-a; ký kết và triển khai Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Bộ Công an Việt Nam và Bộ Nhập cư và bảo vệ Biên giới Ôt-xtrây-li-a về ngăn chặn nạn đưa người di cư trái phép; ra Tuyên bố chung song phương giữa Việt Nam với Anh và Ma-lai-xi-a, trong đó xác định sớm thúc đẩy, đàm phán, ký kết hiệp định, biên bản hợp tác về phòng, chống mua bán người như: Dự thảo Hiệp định hợp tác giữa Việt Nam và Ma-lai-xi-a về phòng, chống mua bán người và bảo vệ nạn nhân; Bản Ghi nhớ hợp tác về phòng, chống mua bán người giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ Anh.

4.4. Về hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm về ma túy

Trong công tác xây dựng, đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện các ĐUQT về phòng, chống ma túy: Việt Nam đã ký các hiệp định song phương về phòng, chống ma túy với Chính phủ các nước: Campuchia, Lào, Trung Quốc, Liên bang Nga, Mi-an-ma, Hung-ga-ry, Thái Lan, Hoa Kỳ và các hiệp định hợp tác trong phòng, chống tội phạm với hầu hết các nước trong khu vực và các đối tác, có ý nghĩa quan trọng về phòng, chống ma túy trên thế giới. Hoạt động hợp tác song phương với các nước đã được tăng cường theo hướng đi sâu giải quyết các công việc cụ thể và mang tính thực tiễn. Cơ chế giao ban giữa các tỉnh đã hình thành và dần đi vào thường xuyên. Việt Nam đã hỗ trợ nâng cao năng lực

cho lực lượng phòng, chống ma túy Lào và Cam-pu-chia thông qua các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, đầu tư kinh phí và phương tiện.

Bên cạnh đó, hợp tác với các nước láng giềng, Việt Nam còn tăng cường hợp tác về phòng, chống ma túy với các đối tác chủ yếu trong khu vực và trên thế giới như Thái Lan, Mi-an-ma, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên bang Nga, Ôt-xtrây-li... Thông qua các mối quan hệ này tranh thủ được nguồn lực góp phần ngăn chặn ma túy từ xa vào Việt Nam và từ Việt Nam đi các nước thứ ba. Các địa phương có đường biên giới đã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các tỉnh biên giới tăng cường phối hợp với các tỉnh giáp biên của nước bạn ký kết kế hoạch hợp tác, tổ chức giao ban định kỳ, đột xuất, trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm nâng cao năng lực đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn ma túy; chủ động nắm chắc tình hình, phối hợp đấu tranh, truy bắt tội phạm ma túy, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự khu vực biên giới.

Tích cực tham gia đóng góp tại các diễn đàn đa phương, cung cấp thông tin, tuyên truyền về chính sách, quan điểm và thành tựu của ta trong lĩnh vực này; đồng thời đấu tranh để bác bỏ các thông tin sai lệch liên quan đến công tác phòng, chống ma túy và cai nghiện tại Việt Nam, cụ thể: (1) Tham gia thương lượng, xây dựng các Nghị quyết, văn kiện về ma túy tại Ủy ban nhân quyền và các vấn đề xã hội Liên hợp quốc, các khóa họp thường niên của Ủy ban Kiểm soát ma túy Liên hợp quốc và Khóa họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc (UNGASS) năm 2016, phối hợp xây dựng tuyên bố chung của ASEAN tại các diễn đàn này; chủ động đưa ra những sáng kiến nâng cao hiệu quả hợp tác như: “Xây dựng Kế hoạch hành động của ASEAN về phòng, chống ma túy 2007-2015”, kế hoạch hành động của các nước tiểu vùng sông Mekong và các dự án hợp tác của khu vực; (2) Tích cực tham gia các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ hợp tác ASEAN; tham gia 6 kỳ Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về các vấn đề ma túy (AMMD) từ năm 2012 đến nay, trong đó năm 2018 ta là nước chủ nhà; tham gia các cơ chế phối hợp giữa ASEAN với các nước đối tác; tăng cường hợp tác trong khuôn khổ Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), trong đó năm 2017 ra “*Tuyên bố ARF về tăng cường hợp tác phòng chống ma túy*”.

Tích cực hợp tác với các cơ quan Liên Hiệp Quốc và tổ chức quốc tế (UNODC, INCB, Colombo Plan, INTERPOL...) trong phối hợp triển khai nội dung của 03 Công ước Liên hợp quốc về ma túy; tranh thủ sự hỗ trợ, ủng hộ của các tổ chức này trong công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ cán bộ và các dự án hỗ trợ kỹ thuật. Việc hợp tác quốc tế đã giúp Việt Nam tiếp nhận và chia sẻ hàng nghìn thông tin về tội phạm ma túy với Cảnh sát các nước. Nhiều thông tin đã giúp cho cơ quan chức năng phối hợp đấu tranh triệt phá nhiều đường dây mua bán, vận chuyển ma túy lớn.

5. Về tham gia cơ chế đánh giá quốc gia của Liên hợp quốc trong việc thực thi Công ước TOC và Nghị định thư TIP

Từ năm 2012 (khi Việt Nam trở thành thành viên của Công ước và Nghị định thư) đến nay, Việt Nam đã tham gia 05 lần Hội nghị các quốc gia thành viên, tích cực tham gia vào việc xây dựng Cơ chế đánh giá và Bảng câu hỏi đánh giá. Đặc biệt, tháng 10/2022, là một trong những quốc gia được đánh giá là tích cực nhất trong hoạt động của Cơ chế đánh giá, đoàn công tác Việt Nam được

Ban Thư ký Công ước mời trình bày và chia sẻ kinh nghiệm về quá trình triển khai hoạt động của Việt Nam cùng với Đại sứ I-ta-li-a tại Liên hợp quốc, đại diện đến từ Nam Phi và Pa-ki-xtan. Đại biểu Việt Nam trao đổi về quá trình thành lập tổ chuyên gia, tổ chức các hoạt động đánh giá có sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan liên quan; đồng thời cần sử dụng tối đa các phương tiện công nghệ để liên lạc và kết nối với các đối tác nước ngoài và Ban Thư ký Công ước để đảm bảo tiến độ và chất lượng công việc.

Nhìn chung, các quốc gia và các tổ chức nhân mạnh Công ước UNTOC là công cụ pháp lý quan trọng trong cuộc chiến chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; khẳng định cam kết tiếp tục thực thi có hiệu quả Công ước UNTOC và các nghị định thư bổ sung; đồng thời, kêu gọi cộng đồng quốc tế nỗ lực hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, đối phó với các thách thức an ninh phi truyền thống mới nổi và tham gia tích cực vào quá trình đánh giá việc thực thi Công ước. Các Nghị quyết hàng năm đều quan tâm thúc đẩy đấu tranh với các loại hình tội phạm cụ thể, đặc biệt là những hình thức mới nổi như tội phạm mạng, tội phạm liên quan đến môi trường (tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã, khai thác tài nguyên và rác thải phóng xạ độc hại trái phép) và rửa tiền, tham nhũng. Với sự tích cực của các quốc gia thành viên qua các kỳ họp Hội nghị quốc gia thành viên, hướng tới kỷ niệm 25 năm Công ước UNTOC có hiệu lực, Đại hội đồng Liên hợp quốc tại kỳ họp ngày 21/03/2024 đã thống nhất ghi nhận ngày 15/11 hàng năm là ngày Quốc tế phòng ngừa và đấu tranh tất cả các loại hình tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Theo Quy tắc và thủ tục đánh giá, các quốc gia thành viên sẽ phải tiến hành bốc thăm để quyết định thời gian tiến hành đánh giá và chốt cặp quốc gia thành viên đánh giá và được đánh giá. Theo kết quả bốc thăm ngày 14/12/2020, Việt Nam nằm trong nhóm quốc gia thứ 3 (quá trình đánh giá sẽ bắt đầu từ ngày 01/11/2022 bởi Ca-ta và Gi-nê xích đạo); Việt Nam cùng Xanh-lu-xi-a thực hiện đánh giá đối với Nê-pan (quá trình đánh giá bắt đầu từ ngày 01/11/2021) và Cô-lôm-bi-a (quá trình đánh giá bắt đầu từ ngày 01/11/2022). Tuy nhiên, trên thực tế, do đại dịch Covid-19 nên việc đánh giá Nê-pan bắt đầu từ tháng 04/2022, do sự thay đổi của cơ quan đầu mối của Cô-lôm-bi-a nên việc đánh giá Cô-lôm-bi-a chưa được triển khai, ảnh hưởng tới Nhóm 3 có đánh giá Việt Nam. Trước tình hình đó, vào tháng 03/2024, Ban Thư ký Công ước đề xuất Nhóm 2 và Nhóm 3 sẽ được triển khai các hoạt động đánh giá từ tháng 4 hoặc tháng 5/2024.

- Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 11892/VPCP-NC ngày 06/12/2018 của Văn phòng Chính phủ về kết quả tham dự Hội nghị lần thứ 9 các quốc gia thành viên Công ước UNTOC, thực hiện nhiệm vụ là cơ quan thường trực thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP của Việt Nam, ngày 19/4/2021, Bộ Công an ban hành Quyết định số 2602/QĐ-BCA-V03 thành lập Tổ chuyên gia tham gia đánh giá việc thực hiện Công ước UNTOC của Nê-pan và Cô-lôm-bi-a (Tổ chuyên gia đánh giá). Theo Quyết định, Tổ chuyên gia đánh giá của Việt Nam bao gồm 57 thành viên từ Vụ, Cục thuộc các Bộ, ban, ngành có liên quan do đồng chí Thượng tướng Lê Quý Vương, Thứ trưởng Bộ Công an làm Tổ trưởng. Trong quyết định cũng nêu rõ,

Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp Bộ Công an là cơ quan thường trực của Tổ chuyên gia đánh giá, có trách nhiệm điều phối các hoạt động trong quá trình tham gia đánh giá.

- Ngày 13/1/2022, Bộ Công an ban hành Quyết định số 265/QĐ-BCA-V03 về việc kiện toàn Tổ chuyên gia tham gia đánh giá của Việt Nam, trong đó có sự thay đổi, cập nhật danh sách thành viên Tổ chuyên gia (do thay đổi công tác hoặc giữ chức vụ khác). Đồng chí Trung tướng Lê Quốc Hùng, Thứ trưởng Bộ Công an làm Tổ trưởng Tổ chuyên gia thay cho đồng chí Thượng tướng Lê Quý Vương đã nghỉ công tác.

- Ngày 15/4/2022, Bộ Công an ban hành Quyết định số 2626/QĐ-BCA-V03 ban hành Quy chế hoạt động của Tổ chuyên gia đánh giá của Việt Nam, trong đó xác định nguyên tắc và phương thức hoạt động của Tổ chuyên gia, bảo đảm sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin giữa các thành viên Tổ chuyên gia và giữa cơ quan thường trực Tổ chuyên gia với các thành viên. Cùng đó, Bộ Công an ban hành Kế hoạch số 175/KH-BCA-V03 về việc đánh giá thực thi Công ước UNTOC của Nê-pan, trong đó xác định các công việc và thời hạn cụ thể thực hiện các nhiệm vụ trong triển khai quá trình đánh giá với Nê-pan.

Bám sát các văn bản, kế hoạch hoạt động nêu trên, các thành viên Tổ chuyên gia đánh giá của Việt Nam, dưới sự điều phối của cơ quan thường trực Tổ chuyên gia đã chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động của quá trình đánh giá thực thi Công ước UNTOC đối với Nê-pan, góp phần thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của Việt Nam với tư cách là quốc gia thành viên Công ước.

Đề xuất trong thời gian tới:

- Chủ động xây dựng Bản tự đánh giá của Việt Nam (dựa trên Bảng câu hỏi sẽ được Ban Thư ký Công ước xem xét, xác nhận trong tháng 04/2024) và tổ chức các cuộc họp tham vấn

- Biên dịch các tài liệu liên quan để phục vụ thực hiện Cơ chế đánh giá.

- Thực hiện Nghị quyết 08/2 Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước TOC, Ban Thư ký Công ước đã tổ chức cuộc họp lần thứ nhất thảo luận xây dựng Quy tắc và trình tự của Cơ chế đánh giá thực thi Công ước Công ước TOC (sau đây gọi tắt là Quy chế). Với chức năng là cơ quan thường trực thực hiện Công ước TOC và Nghị định thư TIP, Bộ Công an đã tham mưu, phối hợp với các cơ quan, đơn vị hữu quan trong và ngoài Ngành, thành lập Tổ công tác liên ngành theo Quyết định số 3628/QĐ-BCA-V19 ngày 11/10/2017 để triển khai thực hiện dịch thuật, nghiên cứu dự thảo Quy chế và Quy trình của Cơ chế đánh giá. Công tác đánh giá được thực hiện trên cơ sở thông tin tổng hợp từ việc các quốc gia thành viên hoàn thành Bộ câu hỏi khảo sát. Kết quả đánh giá được thể hiện dưới hình thức một báo cáo quốc gia, dung lượng không quá 1.000 từ, đăng tải công khai bằng sáu ngôn ngữ của Liên hợp quốc. Ngày 16/10/2020, Hội nghị lần thứ 10 các quốc gia thành viên Công ước TOC thông qua Nghị quyết số 10/1 về triển khai quy trình đánh giá của Cơ chế đánh giá việc thực thi Công ước TOC và các Nghị định thư bổ sung, theo đó Việt Nam thực hiện đánh giá việc thực hiện Công ước TOC của Nê-pan và Cô-lôm-bi-a.

Bộ Công an đã ban hành Quyết định số 265/QĐ-BCA-V03 ngày 13/01/2022 về việc kiện toàn Tổ chuyên gia tham gia đánh giá việc thực hiện

Công ước Công ước TOC của Nê-pan và Cô-lôm-bi-a. Tiếp đó, Bộ trưởng Bộ Công an đã ký quyết định số 2626/QĐ-BCA-V03 ngày 15/4/2022 ban hành Quy chế hoạt động của Tổ chuyên gia tham gia đánh giá việc thực hiện Công ước TOC của Nê-pan và Cô-lôm-bi-a. Trong quá trình triển khai hoạt động, Tổ chuyên gia đã tổ chức cuộc họp đánh giá việc thực hiện Công ước của Nê-pan. Đến nay, Việt Nam đã cơ bản hoàn thành nội dung quá trình đánh giá thực thi Công ước và Nghị định thư của Nê-pan; là một trong các quốc gia tích cực, chủ động hoàn thành nhiệm vụ này.

II. KẾT QUẢ THỰC THI CÔNG ƯỚC TOC VÀ NGHỊ ĐỊNH THƯ TIP CỦA VIỆT NAM

1. Về kết quả lĩnh vực hoạt động trong công tác dẫn độ tội phạm

1.1. Về yêu cầu dẫn độ của nước ngoài

Tính đến hết tháng 06/2022, căn cứ quy định tại Luật TTTP, Bộ Công an đã tiếp nhận và xử lý 35 yêu cầu dẫn độ của nước ngoài (21 yêu cầu theo các hiệp định song phương về dẫn độ giữa Việt Nam và Liên bang Nga, Cộng hòa Séc, Cộng hòa Bun-ga-ri, Cộng hòa In-đô-nê-xi-a, Ô-xtrây-li-a, Hàn Quốc; 14 yêu cầu theo nguyên tắc có đi có lại với Cộng hòa Lít-va, Ma-lai-xi-a, Cộng hòa Tuy-ni-di, Vương quốc Anh, Thổ Nhĩ Kỳ), trong đó:

- Đã chuyển TAND có thẩm quyền xem xét, giải quyết 21 yêu cầu (trong đó, 19 đối tượng bị yêu cầu đã được dẫn độ về các nước: Nga, Séc, Bun-ga-ri, Lít-va, Ma-lai-xi-a; 01 đối tượng bỏ trốn khỏi Việt Nam trước khi TAND có thẩm quyền ban hành Quyết định thi hành Quyết định về việc dẫn độ; đình chỉ 01 yêu cầu dẫn độ do phía Hàn Quốc rút yêu cầu dẫn độ);

- Yêu cầu bổ sung thông tin đối với 02 yêu cầu (của Tuy-ni-di và Vương quốc Anh - đến nay chưa nhận được thông tin từ phía đối tác nước ngoài);

- Từ chối 03 yêu cầu không hợp lệ (do người bị yêu cầu dẫn độ không có mặt trên lãnh thổ Việt Nam của các nước: Nga, Ô-xtrây-li-a và 08 đối tượng bị In-đô-nê-xi-a yêu cầu dẫn độ do các đối tượng này đã được dẫn độ cho Ma-lai-xi-a);

- Thông báo với phía nước ngoài 02 trường hợp không xác định được nơi cư trú trên lãnh thổ Việt Nam (của Anh và Nga);

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong xử lý 02 yêu cầu dẫn độ của Thổ Nhĩ Kỳ;

- Tiếp tục xác minh địa điểm cư trú của 03 đối tượng trên lãnh thổ Việt Nam (của Nga và Hàn Quốc).

1.2. Về yêu cầu dẫn độ của Việt Nam

- Bộ Công an đã lập và chuyển 55 hồ sơ yêu cầu dẫn độ đến cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (gồm: 29 yêu cầu theo các hiệp định song phương giữa Việt Nam và Nga, Ô-xtrây-li-a, Bê-la-rút, Căm-pu-chia, U-crai-na, Séc, Bun-ga-ri và 26 yêu cầu theo nguyên tắc có đi có lại với Anh, Hồng Công - Trung Quốc, Nhật Bản...), trong đó: (1) Đã dẫn độ được 07 đối tượng về Việt Nam (gồm: 04 đối tượng từ Nga, 01 đối tượng từ U-crai-na, 01 đối tượng từ Séc và 01 đối tượng từ Bê-la-rút); (2) 01 đối tượng bị bắt giữ khi bỏ trốn từ Ô-xtrây-li-a về Việt Nam; (3) 08 yêu cầu bị phía nước ngoài từ chối dẫn độ, gồm các nước: Nhật Bản

(01 yêu cầu), Séc (03 yêu cầu), Thái Lan (01 yêu cầu), Nga (01 yêu cầu), Vương quốc Anh (01 yêu cầu), Bồ Đào Nha (01 yêu cầu); (4) 01 đối tượng đã chết trong quá trình phía nước ngoài xem xét yêu cầu dẫn độ (yêu cầu dẫn độ gửi Pê-ru); (5) 01 đối tượng trở về Việt Nam và ra trình báo với cơ quan chức năng về việc đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chấp hành hình phạt về tội phạm bị yêu cầu dẫn độ tại nước ngoài (từ Căm-pu-chia);

- Bộ Công an đang tiếp tục tích cực đôn đốc các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài khẩn trương giải quyết yêu cầu dẫn độ đối với 37 đối tượng còn lại.

2. Về kết quả thực hiện trong công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù

2.1. Tình hình người nước ngoài chấp hành án phạt tù ở Việt Nam và việc chuyển giao phạm nhân ra nước ngoài

Tính đến hết tháng 06/2022, theo thông kê của Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng Bộ Công an, có **607** phạm nhân là người nước ngoài thuộc **28** quốc tịch khác nhau (bao gồm cả người không có quốc tịch) phạm tội chấp hành án hình sự tại các cơ sở giam giữ trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, về giới tính các phạm nhân này số lượng các phạm nhân nam là chủ yếu (**529** phạm nhân). Về tội danh, đa số các phạm nhân đã bị kết án liên quan đến các tội phạm về ma túy và kinh tế. Về quốc tịch, số phạm nhân mang quốc tịch Lào là nhiều nhất, tiếp đến lần lượt là phạm nhân quốc tịch Trung Quốc (bao gồm cả Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao), Ni-giê-ri-a, Cam-pu-chia, Ô-xtrây-li-a, Hàn Quốc, Mỹ và các phạm nhân quốc tịch khác.

Với tư cách là Cơ quan Trung ương về chuyển giao người bị kết án phạt tù, Bộ Công an đã tiếp nhận và xử lý **76** hồ sơ yêu cầu chuyển giao với **76** phạm nhân (chủ yếu yêu cầu chuyển giao của các nước: Ô-xtrây-li-a, Thái Lan, Vương quốc Anh).

Trong số các yêu cầu chuyển giao nêu trên, Bộ Công an đã thực hiện chuyển **19** phạm nhân cho phía nước ngoài, gồm: Pháp (**03**), Lào (**03**), Anh (**01**), Hàn Quốc (**01**), Ô-xtrây-li-a (**09**), Bun-ga-ri (**02**). Các phạm nhân được chuyển giao chủ yếu bị kết án liên quan đến các tội về ma túy.

2.2. Tình hình phạm nhân người Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài và việc tiếp nhận các phạm nhân này về Việt Nam

Tính đến ngày 30/6/2022, Bộ Công an đã nhận được trên 60 đề nghị của phía nước ngoài về việc chuyển giao công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam tiếp tục chấp hành án phạt tù (chủ yếu là Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Nga), trong đó có đối tượng liên quan đến tổ chức khủng bố quốc tế, có đối tượng là đối tượng truy nã của Việt Nam. Việt Nam đã tiếp nhận **04** phạm nhân đầu tiên từ Anh về để tiếp tục chấp hành án, các phạm nhân này đều bị Tòa án có thẩm quyền của Anh tuyên hình phạt tù chung thân về tội giết người. Quá trình chuyển giao không áp dụng các biện pháp chuyển đổi hình phạt; đến nay, chưa phạm nhân nào được áp dụng các hình thức giảm án, tha tù trước thời hạn.

Hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù thể hiện chính sách nhân đạo, khoan dung của Nhà nước ta đối với người phạm tội là người nước ngoài và trách nhiệm đối với công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài.

3. Về kết quả trong công tác tương trợ tư pháp về hình sự

3.1. Về thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài

- Từ ngày **01/7/2008** đến **30/6/2022**, theo thông kê của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Việt Nam đã tiếp nhận **699** yêu cầu TTTP về hình sự của nước ngoài do VKSNDTC, Bộ Ngoại giao, INTERPOL... chuyển đến. Trong quá trình thực hiện ủy thác tư pháp, Bộ Công an đã tổ chức triển khai nghiêm túc, thường xuyên rà soát, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong nước. Việc thực hiện các yêu cầu ủy thác tư pháp về hình sự đảm bảo đúng thời hạn, thủ tục do nước ngoài yêu cầu (đã có kết quả **682** yêu cầu).

- Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp cho thấy tình hình vi phạm pháp luật của cộng đồng người Việt ở nước ngoài, tội phạm xuyên quốc gia diễn ra tương đối phức tạp, nổi lên một số loại tội phạm như tội phạm rửa tiền, tội phạm về ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trốn thuế, làm giả giấy tờ, tổ chức di cư bất hợp pháp.

3.2. Về yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi ra nước ngoài

- Từ ngày **01/7/2008** đến **30/6/2022**, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân, TAND, VKSND các cấp...) đã yêu cầu phía nước ngoài thực hiện tổng số **872** yêu cầu TTTP về hình sự trên cơ sở các ĐUQT mà Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

- Nội dung yêu cầu do Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân đề nghị nước ngoài thực hiện chủ yếu các nội dung như: Tổng đạt các loại giấy tờ, hồ sơ tài liệu có liên quan; thu thập, cung cấp chứng cứ phục vụ công tác điều tra, giải quyết vụ án hình sự; trao đổi cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động lấy lời khai nhân chứng, đối tượng nghi vấn; xác minh địa chỉ, cung cấp bản gốc, bản sao có xác nhận của các loại tài liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động điều tra; triệu tập người làm chứng... Đa số các yêu cầu TTTP đề nghị hỗ trợ thực hiện nhiều nội dung trong cùng 01 hồ sơ; có những vụ việc có nhiều yêu cầu bổ sung.

4. Về kết quả trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người

4.1. Trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử tội phạm mua bán người

Từ ngày **01/01/2012** đến ngày **15/02/2023**, tổng số vụ án về mua bán người được khởi tố **1.744** vụ với **3.059** bị can. Các vụ án về mua bán người đều được Viện Kiểm sát kiểm sát theo đúng quy định, đạt tỉ lệ 100%; trong đó, không có vụ nào Tòa án xét xử bị cáo về khoản khác cùng điều luật và tội danh khác bằng hoặc nhẹ hơn tội danh Viện kiểm sát truy tố.

- Tòa án nhân dân các cấp đã thụ lý theo trình tự sơ thẩm **1.661** vụ với **3.209** bị cáo phạm các tội về mua bán người; đã giải quyết, xét xử 1.634 vụ với **3.137** bị cáo. Trong số **3.137** bị cáo bị đưa ra xét xử, số người bị kết án về tội mua bán người chiếm tỉ lệ gần 70%, các tội danh khác chiếm hơn 30%. Hình phạt mà Tòa án áp dụng đối với các bị cáo phạm tội về cơ bản đảm bảo nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Trong thời

gian qua, chưa phát hiện có trường hợp nào kết án oan người không có tội; các trường hợp Tòa án trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung đều đảm bảo có căn cứ, đúng pháp luật và được Viện kiểm sát chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án mua bán người, ngoài việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật với những người phạm tội, Tòa án luôn đề cao công tác bảo vệ người bị hại (nạn nhân) như: Bảo đảm về thân thể, danh dự, nhân phẩm, bảo đảm việc đền bù thiệt hại, bảo đảm các dịch vụ hỗ trợ xã hội tái hòa nhập cộng đồng của các nạn nhân trong các vụ án mua bán người. Thông qua các quy định của pháp luật về luật sư, trợ giúp pháp lý hoặc bào chữa viên nhân dân, nếu người bị hại hoặc gia đình của họ không có khả năng về kinh phí để mời luật sư thì Tòa án hướng dẫn họ liên hệ với các trung tâm trợ giúp pháp lý để cử trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi cho họ tại phiên tòa.

4.2. Kết quả công tác tiếp nhận, xác minh, giải cứu nạn nhân bị mua bán

Từ năm 2012 đến tháng 2 năm 2023 lực lượng chức năng đã giải cứu, tiếp nhận, xác minh khoảng **10.000** trường hợp trong đó, xác định **7.962** người là nạn nhân. Tình hình nạn nhân chủ yếu là phụ nữ, trẻ em (chiếm khoảng 90%), đa số thuộc các dân tộc ít người (chiếm trên 80%), tập trung ở vùng nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, phần nhiều họ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn (chiếm hơn 80%), chỉ làm ruộng hoặc không có việc làm (chiếm hơn 70%), gặp những chuyện éo le về gia đình, tình cảm, trình độ học vấn thấp (không biết chữ chiếm trên 35%), thiếu hiểu biết về xã hội và kỹ năng sống, tâm lý nhẹ dạ cả tin; hoặc một số cô gái trẻ, học sinh, sinh viên (chiếm khoảng 6%) thích hưởng thụ, ăn chơi, đua đòi, thiếu cảnh giác dễ tin theo lời hứa hẹn của đối tượng về việc làm ổn định, thu nhập cao hoặc lấy chồng nước ngoài khá giả, dẫn đến bị lừa bán. Nạn nhân bị bán ra nước ngoài chiếm trên 90%, trong đó chủ yếu sang Trung Quốc. Đa số nạn nhân là phụ nữ khi bị lừa bán ra nước ngoài bị cưỡng ép kết hôn làm vợ người dân bản địa và bóc lột tình dục (chiếm gần 80%), cưỡng bức lao động... Hình thức trở về: Tự trở về chiếm hơn 48%, qua giải cứu hoặc trao trả song phương chiếm gần 52%. Nạn nhân trở về lần đầu chiếm gần 90%.

Tội phạm mua bán người là loại tội phạm ảm nên việc xác định là nạn nhân rất khó khăn, do đó Bộ Công an phối hợp Bộ Ngoại giao chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện của Bộ Công an Việt Nam ở nước ngoài, nhất là các nước có nhiều nạn nhân là người Việt Nam bị mua bán, phối hợp với cơ quan chức năng nước sở tại giải quyết các vụ việc liên quan đến mua bán người, kịp thời nắm tình hình, phát hiện, xác minh, giải cứu và hồi hương nạn nhân bị mua bán, bảo hộ công dân, xác minh thông tin nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-TTg ngày 20/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo hộ quyền và lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam di cư ra nước ngoài trong tình hình hiện nay, phòng chống mua bán người.

Theo báo cáo của Bộ Ngoại giao, từ năm 2012 đến 30/3/2023, Bộ Ngoại giao đã tiếp nhận thông tin về 2.066 trường hợp nghi là nạn nhân, trong đó 1.914 người được giải cứu, xác định là nạn nhân, nạn nhân chủ yếu là phụ nữ, độ tuổi từ 18-30, cư trú tại một số tỉnh khu vực Tây nam bộ, miền Trung (Thành Hóa, Nghệ An) và biên giới phía Bắc (Lạng Sơn, Lào Cai, Hà Giang...). Trong năm

2022, nạn nhân là nam giới có xu hướng tăng, bị mua bán nhằm mục đích bóc lột lao động. Riêng Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an, từ 2012 đến nay đã tiếp nhận yêu cầu xác minh 856 trường hợp là nạn nhân bị mua bán theo con đường chính thức (Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tiếp nhận thông tin và đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác minh); trong đó, tính riêng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 15/02/2023, đã xác minh 379 trường hợp nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài theo con đường chính thức, trong đó đồng ý tiếp nhận 338 trường hợp (đã về nước 197 trường hợp).

4.3. Kết quả công tác bảo vệ nạn nhân

Căn cứ các quy định tại Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2012 quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ, Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Phòng, chống mua bán người và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật này, 100% nạn nhân khi được giải cứu, tiếp nhận, xác minh đều được các lực lượng chức năng hỗ trợ ban đầu và tiến hành các biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật như: Giữ bí mật thông tin, tài liệu liên quan đến nạn nhân; áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản của nạn nhân; bố trí chỗ ở tạm thời, hỗ trợ ăn, mặc và các vật chất thiết yếu khác phục vụ sinh hoạt hàng ngày; chăm sóc sức khỏe ban đầu, hỗ trợ tâm lý... cho nạn nhân. Qua công tác hỗ trợ ban đầu và áp dụng các biện pháp bảo vệ nạn nhân, bước đầu đã tạo tâm lý yên tâm cho nạn nhân đặc biệt là các phụ nữ bị mua bán đang bị sang chấn tâm lý nặng nề, giúp cho nạn nhân yên tâm, tin tưởng vào các cơ quan chức năng và phối hợp, hỗ trợ trong công tác đấu tranh chống tội phạm mua bán người.

d) Kết quả công tác hỗ trợ nạn nhân

Từ năm 2012 đến ngày 15/02/2023, **7.962** nạn nhân được hỗ trợ theo quy định. Số lượng nạn nhân bị mua bán được tiếp nhận, hỗ trợ ban đầu tập trung đông tại một số tỉnh: Lào Cai, Hà Giang, Quảng Ninh, Nghệ An, Lạng Sơn, Lai Châu, Sơn La, Nam Định, Thừa Thiên Huế, Hậu Giang, Vĩnh Phúc, An Giang, Kiên Giang... 100% nạn nhân bị mua bán, sau khi tiếp nhận được lực lượng chức năng (Công an, Bộ đội Biên phòng, chính quyền địa phương) phối hợp bảo vệ, tổ chức bàn giao, cung cấp thông tin và thực hiện dịch vụ hỗ trợ, để nạn nhân nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng.

Hiện nay, tại các địa phương 100% các trường hợp nạn nhân trở về chính thức, tự trở về hoặc được giải cứu đều nhận được sự hỗ trợ phù hợp. Các nội dung hỗ trợ chủ yếu là cung cấp nơi ăn, nghỉ tạm thời, tư vấn tâm lý xã hội, đối với các trường hợp ốm đau, sức khỏe yếu được hỗ trợ chữa trị ban đầu; trợ cấp tiền tàu xe, tiền ăn khi trở về nơi cư trú. Bên cạnh đó, các nạn nhân cũng được hỗ trợ pháp lý như làm thủ tục về hộ khẩu, cấp chứng minh nhân dân, giấy khai sinh; tư vấn, tham gia tố tụng. Theo thống kê, trong cả nước từ năm 2012 đến 15/02/2023, các tổ chức pháp lý đã trợ giúp cho **365** lượt người là nạn nhân của hành vi mua bán người (trong đó, tư vấn: 225 lượt người, tham gia tố tụng: 139 lượt người, đại diện ngoài tố tụng: 01 lượt người); riêng từ năm 2018 đến nay, đã có 41 lượt người là nạn nhân có khó khăn về tài chính được các trung tâm

pháp lý trợ giúp pháp lý trợ giúp miễn phí. Các nạn nhân còn được hỗ trợ học nghề, hỗ trợ việc làm, học văn hóa và bảo vệ nạn nhân tố giác tội phạm.

Bên cạnh việc hỗ trợ nạn nhân nêu trên, hiện nay nạn nhân còn được hỗ trợ thông qua các hình thức sau:

- Hỗ trợ tại Trung tâm, Nhà tạm lánh dành cho nạn nhân: Hình thức này được thực hiện thông qua dự án tại Lào Cai, An Giang, các thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Cần Thơ. Các trường hợp nạn nhân bị mua bán trở về được cung cấp nơi ăn, nghỉ, tư vấn tâm lý xã hội và được tiếp cận với các dịch vụ ngoài Trung tâm để học văn hóa, học nghề hoặc khám chữa bệnh theo nhu cầu và khả năng của đối tượng.

- Hỗ trợ thông qua các hoạt động lồng ghép, phòng ngừa và tái hòa nhập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn như: Tổ chức các lớp dạy nghề cho phụ nữ, trẻ em thuộc diện hộ nghèo, hỗ trợ tạo việc làm để có mức thu nhập ổn định; hỗ trợ vay tín dụng, cấp phát học phí, học bổng gắn với các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về phòng, chống mua bán người.

- Hỗ trợ thông qua các mô hình do các dự án quốc tế hỗ trợ về kinh phí và kỹ thuật như: Mô hình “Nhóm tự lực” được thực hiện tại các tỉnh Thanh Hóa, Bắc Giang, Tây Ninh, Thừa Thiên - Huế, Quảng Bình; mô hình “kết hợp hỗ trợ nạn nhân bị mua bán với phòng, chống mại dâm, phòng ngừa lây nhiễm HIV/AIDS” tại Thành phố Hải Phòng và mô hình “Phòng ngừa phụ nữ có nguy cơ dẫn đến hoạt động mại dâm và dự phòng lây nhiễm HIV” tại Thành phố Đà Nẵng... Các mô hình này đã được đánh giá cao về tính hiệu quả và thực tiễn, bước đầu đã giúp đỡ được những nạn nhân có hoàn cảnh khó khăn, thông qua việc sử dụng đồng vốn sinh kế hiệu quả, đem lại thu nhập ổn định cuộc sống, được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ hòa nhập cộng đồng bền vững.

5. Về lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy

Thực hiện Luật Phòng, chống ma túy, các bộ đã chỉ đạo lực lượng chuyên trách tăng cường nắm tình hình, tổ chức đấu tranh mạnh mẽ trên các tuyến, địa bàn trọng điểm, tập trung vào tuyến Tây Bắc, Bắc miền Trung và Tây Nam, các cảng hàng không Nội Bài, Tân Sơn Nhất, các thành phố lớn (Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh...); đẩy mạnh công tác phối hợp, nhất là với các địa phương và các lực lượng chức năng các nước có chung đường biên giới. Qua đó, nhiều tổ chức, đường dây mua bán, vận chuyển ma túy lớn trong nước và xuyên quốc gia được phát hiện, bắt giữ, thu giữ lượng ma túy lớn. Đồng thời, chỉ đạo Công an các tỉnh, thành phố mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm ma túy; tổ chức triệt xóa các điểm, tụ điểm ma túy phức tạp.

Từ năm 2009 đến hết năm 2018, Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, lực lượng Cảnh sát biển, cơ quan Hải quan đã phát hiện, điều tra bắt giữ **203.624 vụ/306.924** đối tượng phạm tội về ma túy; thu giữ **9.329,823 kg** và **2.635** bánh Heroine; **1.996,180 kg** thuốc phiện; trên **25.000 kg** cần sa tươi, khô, khoảng **6.968 kg** ma túy tổng hợp; **9.275.257** viên ma túy tổng hợp và nhiều loại ma túy khác cùng nhiều vũ khí, phương tiện, tài sản có liên quan. Đã đề nghị truy tố **142.275** vụ

với **171.354** bị can³; Tòa án nhân dân các cấp đã thụ lý xét xử **155.584** vụ án với **199.680** bị cáo, chất lượng truy tố, xét xử các vụ án về ma túy của ngành Kiểm sát, Tòa án các cấp được nâng lên, đảm bảo đúng người đúng tội.

Mặc dù kết quả đấu tranh với tội phạm ma túy những năm qua là rất lớn nhưng các loại tội phạm về ma túy ở Việt Nam vẫn chưa được ngăn chặn, đẩy lùi và có chiều hướng gia tăng. Tính chất và mức độ phạm tội ngày càng nghiêm trọng, phức tạp, thủ đoạn hoạt động ngày càng tinh vi, xảo quyệt, manh động hơn. Số vụ buôn bán, vận chuyển trái phép chất ma túy với số lượng lớn ngày càng nhiều. Tội phạm ma túy có yếu tố nước ngoài cũng diễn biến rất phức tạp. Nhiều vụ buôn bán, vận chuyển ma túy có sự cấu kết giữa người Việt Nam và người nước ngoài hoặc người nước ngoài trực tiếp vận chuyển ma túy vào Việt Nam, nhất là các đối tượng người châu Phi tổ chức các đường dây vận chuyển ma túy vào Việt Nam và đi nước thứ 3 tăng lên. Tình hình sản xuất ma túy tổng hợp, hàm lượng ma túy thành phẩm cao hơn so với trước. Các đối tượng phạm tội là người Việt Nam đã từng sống, lao động ở nước ngoài trực tiếp hoặc móc nối với tội phạm là người nước ngoài để tổ chức sản xuất ma túy ở nhiều địa phương như thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An, Long An, Bắc Ninh, ...

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG THỰC THI CÔNG ƯỚC TOC VÀ NGHỊ ĐỊNH THƯ TIP

1. Khó khăn, vướng mắc chung

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và chấp hành pháp luật nói chung và các quy định của pháp luật về tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm mua bán người nói riêng mặc dù đã triển khai nhưng chưa thường xuyên, sâu rộng dẫn đến còn nhiều người dân nhất là phụ nữ, trẻ em vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số không nắm được nhiều thông tin về pháp luật, phương thức thủ đoạn của tội phạm nên dễ bị lừa gạt, không có kỹ năng tự bảo vệ mình.

- Một số quy định về phòng, chống mua bán người của Việt Nam chưa tương thích, phù hợp với Công ước TOC và Nghị định thư TIP như: về xác định độ tuổi được coi là trẻ em theo quy định pháp luật Việt Nam là người dưới 16 tuổi, theo quy định của pháp luật quốc tế và Công ước TOC, Nghị định thư TIP là người dưới 18 tuổi; khái niệm về hành vi “mua bán người” tại Điều 150 Điều 151 BLHS năm 2015 còn có khác biệt so với với khái niệm về “*mua bán người*” theo Công ước TOC và Nghị định thư TIP.

- Vướng mắc trong xác định thẩm quyền điều tra, giải quyết các vụ việc có yếu tố nước ngoài (bao gồm cả các vụ án xuyên quốc gia) theo khoản 5 Điều 163 và khoản 1, 2 Điều 268 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Ngoài ra, việc thu thập thông tin, tài liệu làm chứng cứ trong các vụ án xuyên quốc gia cũng gặp không ít khó khăn do hạn chế về cơ sở pháp lý. Điểm e, khoản 1 Điều 87 (nguồn chứng cứ) BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) có quy định chứng cứ được thu thập, xác định từ nguồn “*kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác*”. Trong khi đó, điểm a khoản 1 Điều 148 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) chỉ quy định căn cứ để tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khi thuộc trường hợp “*đã*

³ Số liệu từ năm 2010 đến năm 2018

trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài trong TTTP nhưng chưa có kết quả”, việc này không tương thích với điểm 3 khoản 1 Điều 87 (nguồn chứng cứ)

- Với các hành vi “*tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp*” người thì phải chứng minh được mục đích “kép” là “*đề chuyển giao*” và “*nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác*”. Mà hầu hết hành vi “*chuyển giao*” được thực hiện ở nước ngoài nên mặc dù các đối tượng có hành vi “*tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp*” người trong nước nhưng không xử lý được về tội mua bán người. Bên cạnh đó, quá trình điều tra các vụ án mua bán người thường thực hiện là truy xét, rất ít trường hợp bị bắt quả tang. Do vậy, đối với các vụ án không thuộc trường hợp phạm tội quả tang, chỉ khi người bị hại trốn từ nước ngoài về và có đơn tố cáo thì đối tượng phạm tội mới bị phát hiện.

Công tác truy nã quốc tế hiện cũng gặp nhiều khó khăn do hạn chế của các quy định pháp luật trong nước. Điều 502, 503, 504 và 505 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định các biện pháp ngăn chặn đối với các trường hợp dẫn độ nhưng chưa có quy định, chưa có văn bản hướng dẫn việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, tạm giữ, tạm giam đối với các đối tượng bị truy nã theo lệnh truy nã của nước ngoài (bao gồm cả các đối tượng có Lệnh truy nã quốc tế của INTERPOL và truy nã qua kênh hợp tác song phương). Đồng thời, một số quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống mua bán người chưa tương thích với quy định của Nghị định thư TIP như việc xác định trẻ em là người dưới 16 tuổi; chưa xử lý được hành vi mua bán người đối với trường hợp tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp mà không chuyển giao để nhận tiền, tài sản.

- Đối với các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tổ chức đưa người xuất, nhập cảnh trái phép, mua bán người việc ủy thác tư pháp chủ yếu dựa trên nguyên tắc có đi có lại mà không có thời hạn cụ thể nên việc trả lời phía bạn thường kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ, thời hạn xác minh, điều tra vụ án.

2. Khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng, chống mua bán người

a) Khó khăn vướng mắc từ quy định của Luật Phòng, chống mua bán người

- Luật Phòng, chống mua bán người được thông qua năm 2011 nên có một số quy định không còn phù hợp với tình hình hiện nay, chưa bảo đảm tính đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp luật (không còn phù hợp với quy định của các luật ban hành sau như: BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự và các văn bản về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các bộ, ngành có liên quan);

- Một số quy định cụ thể của Luật Phòng, chống mua bán người chưa tương thích với các ĐUQT mà Việt Nam là một bên ký kết liên quan đến mua bán người. Hành vi “*mua bán người*” theo quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 3 của Nghị định thư TIP còn khác biệt dẫn đến xác định tiêu chí nạn nhân trong các vụ án chưa phù hợp với quy định của pháp luật về phòng, chống mua bán người hiện hành;

- Chế độ hỗ trợ nạn nhân chưa phù hợp với thực tiễn: Chỉ quy định nạn nhân được hỗ trợ về tâm lý trong thời gian cư trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, trong khi nhiều nạn nhân thường trở về với những sang chấn về

mặt tâm lý, hoảng loạn, lo lắng bị trả thù sau khi cung cấp lời khai cho cơ quan chức năng hoặc khi trở về địa phương bị kỳ thị, xa lánh cũng rất cần được hỗ trợ tâm lý; chỉ có nạn nhân thuộc hộ nghèo mới được xem xét hỗ trợ văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu; mức chi hỗ trợ khó khăn ban đầu cho nạn nhân còn thấp, chưa đảm bảo cuộc sống khi về địa phương hòa nhập cộng đồng, trong khi đó các quy định về trình tự, thủ tục nhận hỗ trợ chưa được quy định cụ thể trong Luật nên áp dụng chưa thống nhất...;

- Những người đang trong thời gian xác minh là nạn nhân này cần phải được hưởng một số chế độ hỗ trợ thiết yếu (ăn, mặc, ở, y tế, chi phí đi lại; hỗ trợ tâm lý...) và các cơ quan chức năng đã tổ chức hỗ trợ các đối tượng này nhưng chưa có cơ sở pháp lý để thực hiện các chế độ nêu trên. Bên cạnh đó, một số quy định pháp luật về phòng, chống mua bán người không còn phù hợp dẫn đến khó khăn trong thực hiện (như: chưa có quy định về chi phí phiên dịch cho nạn nhân là người nước ngoài, nạn nhân là người dân tộc thiểu số trong quá trình tiếp nhận nạn nhân lấy lời khai hoặc trong hỗ trợ nạn nhân lưu trú tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở bảo trợ xã hội).

b) Trong công tác tổ chức thi hành

- Công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống mua bán người còn dàn trải, một số nơi công tác tuyên truyền còn chưa thực sự xuống tới cơ sở; chưa tập trung vào đối tượng có nguy cơ cao bị mua bán, chưa có biện pháp tuyên truyền hữu hiệu đối với đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa.

- Công tác phòng, ngừa nghiệp vụ có lúc, có nơi còn chưa được triển khai quyết liệt, đồng bộ; công tác quản lý xuất, nhập cảnh, quản lý nhà nước tại các khu vực biên giới, nhất là các tuyến đường bộ còn thiếu sót, lực lượng mỏng không kiểm soát được các đường tiểu ngạch, lối mòn ở khu vực biên giới nên tội phạm lợi dụng đưa người, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em qua biên giới bán, tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép... Công tác nắm, dự báo tình hình tại một số địa phương chưa cụ thể, chưa đánh giá đúng thực trạng xu hướng hoạt động của tội phạm. Cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội trong thực hiện công tác phòng, chống mua bán người chưa phát huy tối đa hiệu quả dẫn đến có thời điểm thiếu thống nhất, đồng bộ trong thực hiện.

- Việc điều tra tội phạm mua bán người thường tổ chức truy xét, rất ít trường hợp bị bắt quả tang; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, xác minh, điều tra gặp nhiều khó khăn. Do vậy, đối với các vụ án không thuộc trường hợp phạm tội quả tang thì chỉ khi người bị hại trốn được về và có đơn trình báo thì đối tượng và hành vi phạm tội mới bị phát hiện, điều tra. Việc thu thập chứng cứ chỉ dựa vào lời khai của người bị hại cũng như khai nhận của đối tượng, chính vì vậy rất khó chứng minh hành vi phạm tội nếu đối tượng không thừa nhận.

- Đối với những vụ án mua bán người đối tượng thừa nhận hành vi phạm tội, có đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của đối tượng nhưng chưa giải cứu được nạn nhân (tức không có lời khai bị hại) hoặc nạn nhân chưa tố giác thì các cơ quan tố tụng cho rằng chưa đủ chứng cứ để khởi tố điều tra và xử lý đối tượng (kể cả trong vụ án có từ 02 đối tượng trở lên) nên ở nhiều nơi Viện Kiểm sát không phê chuẩn các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đồng nghĩa với

việc đối tượng phạm tội không bị xử lý. Đây là bất cập rất lớn dẫn đến vụ án kéo dài, án đình chỉ và có thể khiến người dân, dư luận hoài nghi có tiêu cực. Trong khi đó địa phương chưa thống nhất trong cách giải quyết, có nơi khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; có địa phương không phê chuẩn hoặc trả hồ sơ để yêu cầu xác định và đưa người bị hại vào tham gia tố tụng nên vụ án thường bị tạm đình chỉ hoặc kéo dài hoặc không đủ cơ sở để điều tra xác minh làm rõ vụ án và xử lý triệt để các đối tượng phạm tội.

- Tội phạm mua bán người chủ yếu là mua bán ra nước ngoài nên đa số các vụ án xảy ra đều ít nhiều liên quan đến yếu tố nước ngoài và phải thực hiện các quy định của Luật TTTP năm 2007 để thu thập thông tin, xác minh, điều tra... thì mới được coi là chứng cứ theo quy định của pháp luật. Việc thực hiện TTTP, trả lời ủy thác điều tra của phía nước ngoài thường chậm, kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ, thời hạn điều tra vụ án. Trong khi đó, việc thực hiện các yêu cầu xác minh, điều tra, thu thập chứng cứ do các cơ quan chức năng đối đẳng hai bên biên giới theo nguyên tắc có đi có lại, thậm chí sử dụng mối quan hệ cá nhân thường nhanh hơn, thuận lợi hơn nhưng những tài liệu, thông tin phối hợp này theo quy định của pháp luật không được sử dụng làm chứng cứ.

- Số lượng các vụ án mua bán người được phát hiện, điều tra, xử lý còn ít so với tình hình thực tế, công tác phát hiện các vụ việc liên quan đến mua bán người còn chưa chủ động, hầu như chủ yếu phát hiện qua đơn thư tố giác của người bị hại hoặc gia đình nạn nhân. Nhưng nạn nhân bị mua bán hoặc nghi bị mua bán ra nước ngoài không có khả năng, điều kiện trở về địa phương hoặc nếu được giải cứu, tự trốn thoát hoặc được trao trả về còn tâm lý e ngại, sợ sệt không dám khai báo, tố giác tội phạm, không hợp tác dẫn đến cản trở việc thu thập, xác minh thông tin, tài liệu. Việc phát hiện, điều tra khám phá thành công vụ án mua bán người phải đầu tư nhiều thời gian, công sức và kinh phí điều tra.

- Công tác hỗ trợ nạn nhân hòa nhập cộng đồng chưa huy động được nguồn lực và tham gia của toàn xã hội, nhất là ở nơi họ sinh sống. Việc thực hiện hỗ trợ trong nhiều trường hợp còn khó khăn do quá trình xác minh nạn nhân kéo dài, hoặc không có kết quả. Các tổ chức và người thực hiện trợ giúp pháp lý gặp khó khăn trong tiếp cận các vụ việc cho đối tượng là nạn nhân bị mua bán; việc phát hiện và chuyển nhu cầu trợ giúp pháp lý của nạn nhân bị mua bán còn hạn chế. Một số cơ sở y tế còn chưa bố trí được kinh phí đảm bảo số lượng nhân viên an ninh, bảo vệ và đầu tư về cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, công cụ hỗ trợ lực lượng bảo vệ, an ninh của cơ sở. Bên cạnh đó, số lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của lực lượng này tại các cơ sở y tế còn hạn chế, chưa phát hiện sớm các trường hợp vi phạm pháp luật phức tạp.

- Điều ước quốc tế song phương trong lĩnh vực phòng, chống mua bán người còn chưa nhiều. Hợp tác với các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam còn mang tính hình thức và chưa hiệu quả. Các khuyến nghị của các nước, các tổ chức quốc tế liên quan đến công tác phòng, chống mua bán người của Việt Nam chưa được nghiên cứu, xử lý kịp thời. tiêu chí để xác định hành vi mua bán

người của Việt Nam với các nước chưa đồng nhất⁴ nên nhiều vụ án bị kéo dài hoặc bị tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra, dẫn đến việc xác minh, giải cứu nạn nhân chậm trễ. Đối với một số nước đã ký kết thì mới dừng lại ở việc thực hiện các hiệp định, văn bản ghi nhớ nhưng thực tế triển khai thực hiện ở cơ sở phía nước bạn thường ít được quan tâm phối hợp, hiệu quả ký kết này trong xác minh hành vi vi phạm pháp luật của đối tượng, truy bắt, dẫn độ tội phạm, giải cứu, hồi hương nạn nhân còn bất cập, rào cản về ngoại giao gây khó khăn cho công tác điều tra vụ án, giải cứu nạn nhân.

3. Khó khăn, vướng mắc trong công tác dẫn độ

3.1. Về cơ sở pháp lý thúc đẩy hợp tác quốc tế về dẫn độ trong Luật TTTP chưa phù hợp với bối cảnh, tình hình mới của Việt Nam và quốc tế

Một là, mặc dù quy định của Luật TTTP về các trường hợp từ chối dẫn độ đã cơ bản phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn công tác dẫn độ, tuy nhiên, vẫn còn một số quy định chưa hợp lý hoặc chưa đầy đủ.

Hiện nay, khoản 1 Điều 35 Luật TTTP quy định cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam từ chối dẫn độ nếu yêu cầu dẫn độ thuộc một trong các trường hợp sau đây: (a) Người bị yêu cầu dẫn độ là công dân Việt Nam; (b) Theo quy định của pháp luật Việt Nam thì người bị yêu cầu dẫn độ không thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành hình phạt do đã hết thời hiệu hoặc vì những lý do hợp pháp khác; (c) Người bị yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự đã bị Tòa án của Việt Nam kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ hoặc vụ án đã bị đình chỉ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam; (d) Người bị yêu cầu dẫn độ là người đang cư trú ở Việt Nam vì lý do có khả năng bị truy bức ở nước yêu cầu dẫn độ do có sự phân biệt về chủng tộc, tôn giáo, giới tính, quốc tịch, dân tộc, thành phần xã hội hoặc quan điểm chính trị; (đ) Trường hợp yêu cầu dẫn độ có liên quan đến nhiều tội danh và mỗi tội danh đều có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nước yêu cầu dẫn độ nhưng không đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật TTTP. Ngoài những trường hợp từ chối dẫn độ nêu trên, theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật TTTP, cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam có thể từ chối dẫn độ nếu yêu cầu dẫn độ thuộc một trong các trường hợp sau đây: (a) Hành vi mà người bị yêu cầu dẫn độ không phải là tội phạm theo quy định của BLHS Việt Nam; (b) Người bị yêu cầu dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự ở Việt Nam về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ.

- Việt Nam trở thành thành viên của Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người từ ngày 07/3/2015. Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Công ước này, các Quốc gia thành viên không được trục xuất, trao trả hoặc dẫn độ một người cho một Quốc gia khác nếu có đủ căn cứ để tin rằng người này có nguy cơ phải chịu sự tra tấn ở Quốc gia đó. Tuy nhiên, Luật TTTP chưa có quy định về việc từ chối dẫn độ

⁴ Hiện Trung Quốc chỉ coi mua bán người làm nô lệ tình dục, cưỡng bức lao động hoặc để lấy bộ phận cơ thể, chưa công nhận mua bán người phục vụ kết hôn bất hợp pháp với người dân bản địa, trong khi các trường hợp này theo thống kê khá phổ biến hiện nay.

trong trường hợp có đủ căn cứ để tin rằng người bị yêu cầu dẫn độ có nguy cơ phải chịu sự tra tấn ở quốc gia yêu cầu.

- Theo quy định của các ĐUQT song phương về dẫn độ mà Việt Nam là thành viên cũng như thông lệ quốc tế, các quốc gia thường từ chối dẫn độ trong trường hợp tội phạm được yêu cầu dẫn độ được xác định là tội phạm chính trị hoặc tội phạm quân sự. Tuy nhiên, Luật TTTP chưa có quy định cụ thể về trường hợp này cũng như căn cứ để xác định tội phạm chính trị, tội phạm quân sự. Do vậy, trong trường hợp nhận được yêu cầu dẫn độ có liên quan đến tội phạm chính trị, tội phạm quân sự, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chắc chắn sẽ gặp lúng túng.

- Trường hợp có thể từ chối dẫn độ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật TTTP (hành vi mà người bị yêu cầu dẫn độ không phải là tội phạm theo quy định của BLHS Việt Nam) trên thực tế phải là trường hợp bắt buộc từ chối dẫn độ. Về nguyên tắc, một người chỉ có thể bị dẫn độ nếu hành vi phạm tội mà người đó bị cáo buộc thực hiện cấu thành tội phạm theo pháp luật của Việt Nam và quốc gia yêu cầu (bảo đảm nguyên tắc tội phạm kép). Như vậy, trường hợp hành vi mà người bị yêu cầu dẫn độ không phải là tội phạm theo quy định của BLHS Việt Nam thì các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phải từ chối dẫn độ. Việc quy định đây là trường hợp có thể từ chối dẫn độ là chưa phù hợp và mâu thuẫn với chính quy định Điều 33 Luật TTTP (các trường hợp bị dẫn độ).

Bên cạnh đó, Luật TTTP cũng không quy định cụ thể các cơ quan tiến hành tố tụng nào có thẩm quyền từ chối dẫn độ. Theo các quy định của Luật TTTP thì chỉ có Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền (Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi người bị yêu cầu dẫn độ đang cư trú, đang bị tạm giam, tạm giữ hoặc chấp hành hình phạt tù) được quyền ra quyết định từ chối dẫn độ. Việc này sẽ dẫn đến trường hợp khi Bộ Công an tiếp nhận và kiểm tra yêu cầu dẫn độ của nước ngoài, mặc dù biết rõ yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp bắt buộc từ chối dẫn độ theo quy định của ĐUQT hoặc pháp luật Việt Nam nhưng vẫn phải làm các thủ tục chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân cấp tỉnh để giải quyết theo trình tự, gây lãng phí không cần thiết cả về nhân lực, thời gian, kinh phí cho các cơ quan có liên quan.

Hai là, Luật TTTP chưa đề cập đến vấn đề mở rộng phạm vi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người bị dẫn độ

Sau khi bị dẫn độ về quốc gia yêu cầu, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, phát hiện thêm các tội phạm mà người bị dẫn độ đã thực hiện trên lãnh thổ quốc gia yêu cầu trước khi bỏ trốn sang quốc gia được yêu cầu. Tuy nhiên, trong yêu cầu dẫn độ, các quốc gia luôn phải cam kết chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự người bị dẫn độ về các tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ. Do vậy, cần bổ sung quy định về mở rộng phạm vi truy cứu trách nhiệm hình sự ngoài hành vi được nêu trong yêu cầu dẫn độ để tránh bỏ lọt tội phạm.

Ba là, Luật TTTP chưa quy định về dẫn độ đơn giản

Thủ tục dẫn độ đơn giản đã được quy định trong một số hiệp định về dẫn độ, theo đó, trong trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đồng ý với việc dẫn độ thì việc dẫn độ có thể được tiến hành kể cả khi các điều kiện về thủ tục chưa

hoàn tất (Điều 6 Hiệp định mẫu về dẫn độ năm 1990 của Liên hợp quốc quy định về dẫn độ đơn giản).

Hiện nay, thời hạn mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xử lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài, Luật TTTP hiện quy định như sau: thời hạn thụ lý hồ sơ là 10 ngày. Thời hạn chuẩn bị xem xét yêu cầu là 04 tháng kể từ ngày thụ lý. Thời hạn chuẩn bị tổ chức phiên họp xem xét yêu cầu là 30 ngày kể từ ngày ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ. Đối chiếu với các quy định về chuẩn bị xét xử tại BLTTHS năm 2015 thì các thời hạn này là tương đối dài, cụ thể là: ngay sau khi nhận được hồ sơ vụ án thì Tòa phải thụ lý vụ án (khoản 2 Điều 276); thời hạn chuẩn bị xét xử tối đa đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng chỉ là 03 tháng kể từ ngày thụ lý và được phép gia hạn không quá 30 ngày (khoản 1 Điều 277); thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử là 15 ngày và chỉ có thể được gia hạn thành 30 ngày vì lý do bất khả kháng (khoản 3 Điều 277). Trong khi đó, nội dung và yêu cầu xem xét yêu cầu dẫn độ đơn giản hơn rất nhiều so với việc xét xử vụ án hình sự. Việc quy định thời hạn xử lý quá dài là không cần thiết, đồng thời, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền của người bị yêu cầu dẫn độ trong trường hợp bị tạm giam chờ giải quyết yêu cầu.

Ngoài ra, Luật Mẫu của Liên hợp quốc về dẫn độ (Điều 6) cũng đã đề cập đến quy định về dẫn độ đơn giản. Các quốc gia khi ký Hiệp định về dẫn độ với Việt Nam cũng đều đề nghị phải có quy định này. Ví dụ như Hiệp định với Ấn Độ (Điều 9), Cam-pu-chia (Điều 9), Hungari (Điều 17), Hàn Quốc (Điều 10)... Do đó, việc Luật TTTP năm 2007 không quy định nội dung này không chỉ ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị yêu cầu dẫn độ mà còn chưa phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế cũng như ảnh hưởng đến việc đẩy nhanh quá trình giải quyết vụ án hình sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đồng thời lãng phí nguồn lực của Nhà nước trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu dẫn độ.

Bốn là, Luật TTTP chưa có quy định về bắt khẩn cấp để dẫn độ đã ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết yêu cầu dẫn độ

Việt Nam là thành viên của 21 ĐUQT song phương về dẫn độ có quy định về bắt khẩn cấp người bị yêu cầu dẫn độ trước khi nhận được yêu cầu dẫn độ chính thức. Theo đó, trong các trường hợp khẩn cấp, các cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết này có thể yêu cầu nước ký kết kia bắt giữ người bị yêu cầu dẫn độ trong thời gian chờ yêu cầu dẫn độ chính thức. Đặc biệt, trong 07 hiệp định về dẫn độ với Liên bang Nga, Tiệp Khắc (Séc và Xlo-va-ki-a kế thừa), Mông Cổ, CHDCND Lào, Ba Lan, Cu-ba, Bun-ga-ri còn quy định các cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết này có thể bắt giữ một người đang có mặt trên lãnh thổ nước mình nếu có căn cứ xác định người này đã thực hiện tại nước ký kết kia một tội phạm có thể bị dẫn độ theo hiệp định mà không cần có yêu cầu bắt giữ. Các hiệp định này cũng quy định người bị bắt trong trường hợp này phải bị giam giữ tại nước ký kết bắt giữ trong một thời hạn nhất định (tối thiểu là 01 tháng) kể từ ngày nước ký kết kia nhận được thông báo về việc bắt.

Quy định nêu trên của các hiệp định nhằm bảo đảm việc thực hiện yêu cầu dẫn độ được hiệu quả, tránh trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ tiếp tục bỏ trốn trong thời gian kể từ khi bị phát hiện đến khi các cơ quan có thẩm quyền

lập, dịch và gửi hồ sơ yêu cầu dẫn độ chính thức (thời gian này có thể kéo dài do khối lượng hồ sơ, tài liệu phải dịch sang ngôn ngữ mà nước được yêu cầu chấp nhận cũng như thời gian di chuyển của hồ sơ). Việc này cũng phù hợp với thông lệ quốc tế trong lĩnh vực dẫn độ (đa số các hiệp định về dẫn độ trên thế giới đều có quy định về bắt khẩn cấp để dẫn độ và nhiều quốc gia cũng đã nội luật hóa quy định này). Theo đó, Hiệp định dẫn độ giữa Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu (Điều 6, 7), Nhật Bản và Hoa Kỳ (Điều 9)... cũng quy định về bắt khẩn cấp để dẫn độ. Pháp luật trong nước của một số nước cũng quy định về bắt khẩn cấp để dẫn độ như Luật Dẫn độ của Trung Quốc (Điều 48), Luật Dẫn độ của Nhật Bản cũng quy định về bắt khẩn cấp. BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) đã quy định về các biện pháp ngăn chặn để bảo đảm cho việc xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc thi hành quyết định dẫn độ gồm bắt, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền để bảo đảm, tạm hoãn xuất cảnh. Tuy nhiên, các biện pháp ngăn chặn chỉ được áp dụng đối với người bị xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc bị dẫn độ sau khi Tòa án đã có quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ đối với người đó hoặc quyết định dẫn độ đối với người đó đã có hiệu lực pháp luật; việc quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn do Tòa án quyết định. Trên thực tế xử lý các yêu cầu dẫn độ do phía nước ngoài gửi đến, do chưa có cơ sở pháp lý cụ thể quy định về việc “bắt khẩn cấp” để dẫn độ dẫn đến tình trạng đối tượng bị yêu cầu dẫn độ đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú hoặc xuất cảnh khi nằm được thông tin về việc đang bị xem xét dẫn độ, dẫn đến khó khăn trong việc giải quyết và phía nước ngoài cho rằng Việt Nam không thiện chí trong công tác phối hợp xử lý yêu cầu dẫn độ.

Thời gian qua, Công an một số đơn vị, địa phương đã tiến hành bắt giữ một số đối tượng người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước ngoài rồi lẩn trốn vào Việt Nam theo yêu cầu của phía nước ngoài hoặc khi phát hiện đối tượng bị truy nã quốc tế. Các hoạt động này thể hiện thiện chí, quyết tâm của Việt Nam trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và được cộng đồng quốc tế đánh giá rất cao. Tuy nhiên, quá trình thực hiện, xảy ra tình trạng nhiều Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và cả một số Vụ của Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ phê chuẩn quyết định bắt, tạm giữ mà không phê chuẩn quyết định tạm giam, có trường hợp không phê chuẩn cả quyết định bắt. Lý do các đơn vị này đưa ra là do BLTTHS không quy định việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với các trường hợp này.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật ĐUQT năm 2016, trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và ĐUQT mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của ĐUQT đó, trừ Hiến pháp. Do vậy, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với các đối tượng phạm tội ở nước ngoài rồi lẩn trốn vào Việt Nam (đặc biệt là từ các quốc gia có hiệp định về dẫn độ với Việt Nam nêu trên) cần căn cứ theo quy định của các ĐUQT mà Việt Nam là thành viên. Việc này vừa là nghĩa vụ của Việt Nam theo pháp luật quốc tế, vừa khẳng định thiện chí hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm của Việt Nam. Nếu không thực hiện đúng quy định của các hiệp định, sẽ có thể dẫn đến tranh chấp không đáng có giữa Việt Nam và các quốc gia, đồng thời, khi Việt Nam có yêu cầu tương tự sẽ không được các nước đáp ứng, dẫn đến nguy cơ bỏ lọt tội phạm.

Năm là, Luật TTTP chưa quy định về đưa ra cam kết không thi hành hình phạt tử hình

Pháp luật Việt Nam hiện nay có quy định hình phạt tử hình và không hạn chế việc dẫn độ đối với người có thể sẽ bị kết án tử hình. Tuy nhiên, một số hiệp định về dẫn độ giữa Việt Nam và các nước có quy định chỉ xem xét yêu cầu dẫn độ nếu Việt Nam cam kết không áp dụng án tử hình hoặc tuyên tử hình nhưng sẽ không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ (như Điều 70 Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hòa Bê-la-rút, Điều 1 Nghị định thư bổ sung Hiệp định giữa CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga về TTTP và pháp lý về dân sự và hình sự hay điểm d khoản 1 Điều 3 Hiệp định dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Ô-xtrây-li-a...). Theo đó, nếu không có cam kết về vấn đề này, việc dẫn độ sẽ bị từ chối.

Một số quốc gia, đặc biệt là một số nước châu Âu không quy định hình phạt tử hình, do đó khi tiến hành xử lý các yêu cầu dẫn độ, các quốc gia này đều đề nghị Việt Nam cam kết không tuyên phạt tử hình hoặc tuyên phạt nhưng không thi hành đối với người phạm tội. Tuy nhiên, vấn đề cam kết không áp dụng án tử hình trong thực hiện TTTPHS là một vấn đề rất lớn, phức tạp, chưa được quy định trong Luật TTTP. Do đó, việc đưa ra cam kết này cần phải bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 40 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm e khoản 1 Điều 367 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Bên cạnh đó, cũng cần lưu ý rằng nhiều đối tượng phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nắm bắt được việc các quốc gia có xu hướng yêu cầu cam kết không tuyên hình phạt tử hình trong dẫn độ, đã bỏ trốn đến các quốc gia này và hy vọng rằng nếu bị dẫn độ về Việt Nam thì sẽ không bị tử hình. Vì vậy, nếu như chính thức luật hóa quy định về việc cam kết không tuyên hình phạt tử hình trong dẫn độ thì phải được tiến hành thận trọng, chặt chẽ.

Ngoài ra, nếu quy định chính sách này vào Luật dẫn độ thì cần cân nhắc áp dụng cả trong trường hợp Việt Nam là quốc gia được yêu cầu. Cụ thể, nếu hình phạt có thể bị áp dụng đối với tội phạm bị yêu cầu dẫn độ tại quốc gia yêu cầu là hình phạt tử hình nhưng hình phạt có thể bị áp dụng đối với tội phạm đó theo pháp luật Việt Nam không đến mức tử hình thì căn cứ nguyên tắc áp dụng pháp luật có lợi cho người phạm tội trong chính sách hình sự của Việt Nam, cần yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cam kết không áp dụng hoặc áp dụng nhưng không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ.

Sáu là, Luật TTTP chưa quy định về dẫn độ có điều kiện

Ngoài một số điều kiện dẫn độ “cứng” như hiện nay (bảo đảm nguyên tắc tội phạm kép, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thời hiệu thi hành bản án chưa hết, không phải là công dân Việt Nam) thì mỗi nước lại có các điều kiện dẫn độ khác nhau, do đó, khi gửi văn bản yêu cầu dẫn độ, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phải đưa ra các cam kết thực hiện khác nhau. Ví dụ, Thụy Điển không có hình phạt tử hình nên Việt Nam sẽ phải đưa ra cam kết không thi hành hình phạt tử hình nếu người bị yêu cầu dẫn độ bị kết án tử hình và có đơn xin ân giảm hình phạt tử hình lên Chủ tịch nước. Thái Lan quy định tội phạm bị yêu cầu dẫn độ phải ít nhất là 01 năm tù nên Việt Nam phải đưa ra cam kết tội

phạm bị yêu cầu dẫn độ sẽ bị phạt tù từ 01 năm trở lên nếu bị kết án tại Việt Nam. An-giê-ri yêu cầu phải cam kết tội phạm bị yêu cầu dẫn độ không phải là tội phạm liên quan đến chính trị. Hàn Quốc yêu cầu đưa ra cam kết tội phạm bị yêu cầu dẫn độ không liên quan đến quân sự...

Tuy nhiên, hiện nay, Luật TTTP chưa có quy định về việc đưa ra các cam kết này trong văn bản yêu cầu dẫn độ. Quy định này mới chỉ được đưa vào Thông tư số 43/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về các loại mẫu giấy tờ trong công tác dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân. Do đó, việc bổ sung quy định về việc đưa ra các cam kết này là hết sức cần thiết để thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế về dẫn độ.

Ngoài ra, hiện nay, Luật TTTP cũng chưa quy định về việc yêu cầu nước ngoài thực hiện các cam kết theo yêu cầu của phía Việt Nam trong trường hợp Việt Nam dẫn độ người phạm tội cho phía nước ngoài, ví dụ như yêu cầu phía nước ngoài đưa ra một số cam kết: (i) Các thông tin và tài liệu nêu trong hồ sơ yêu cầu dẫn độ là chính xác, đúng sự thật; được thu thập và ban hành đúng thẩm quyền, tuân thủ trình tự, thủ tục của pháp luật; (ii) Đối tượng bị yêu cầu dẫn độ và người có tên trong các Quyết định khởi tố bị can, Quyết định truy nã nêu trên là cùng một người; (iii) Bồi thường thiệt hại trong trường hợp xảy ra oan, sai đối với người bị yêu cầu dẫn độ; (iv) Đối tượng phạm tội hình sự thông thường, không phải là tội phạm mang tính chất chính trị; (v) Đối tượng sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến chủng tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, quốc tịch, dân tộc hay các quan điểm chính trị hoặc địa vị xã hội của người đó; (vi) Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với đối tượng không hết hạn, đối tượng không có quyền miễn trừ truy cứu trách nhiệm hình sự.

3.2. Về quy trình, thủ tục, hồ sơ, thời gian thực hiện yêu cầu dẫn độ trong Luật TTTP chưa thật sự hoàn thiện, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động dẫn độ

Một là, quy trình, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn để dẫn độ không còn phù hợp, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác dẫn độ

Điều 41 Luật TTTP quy định các biện pháp ngăn chặn để dẫn độ theo hướng khi nhận được yêu cầu chính thức của nước ngoài về việc dẫn độ, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật Việt Nam và ĐUQT mà Việt Nam là thành viên để bảo đảm cho việc xem xét yêu cầu dẫn độ. Tuy nhiên, các biện pháp ngăn chặn trong hoạt động dẫn độ được quy định tại Điều 502 BLTTHS năm 2015 (gồm: bắt, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền để bảo đảm, tạm hoãn xuất cảnh) chỉ được áp dụng sau khi Tòa án đã có quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ đối với người bị yêu cầu và có căn cứ cho rằng người bị yêu cầu dẫn độ bỏ trốn hoặc gây khó khăn, cản trở việc xem xét yêu cầu dẫn độ.

Theo quy định tại Luật TTTP, thời gian kể từ ngày Bộ Công an nhận được yêu cầu dẫn độ đến khi Tòa án có thẩm quyền ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ có thể lên đến 05 tháng (gồm: Bộ Công an kiểm tra hồ sơ và chuyển cho Tòa án trong 20 ngày, Tòa án thụ lý trong 10 ngày, Tòa án chuẩn bị xem xét yêu cầu trong 04 tháng) hoặc thậm chí 07 tháng (trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và phải

yêu cầu bổ sung). Do vậy, nếu tiếp tục giữ nguyên quy định về áp dụng biện pháp ngăn chặn như tại BLTTHS hiện nay sẽ dẫn đến trường hợp các đối tượng bị yêu cầu dẫn độ có đủ thời gian để lẩn trốn sang nước khác. Trường hợp đối tượng chưa bỏ trốn sang quốc gia khác thì việc xác định địa phương nơi đối tượng đang có mặt để gửi yêu cầu dẫn độ đến Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xem xét, ra quyết định cũng là vô cùng khó khăn, chưa kể đến trường hợp sau khi chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân tỉnh này thì đối tượng lại di chuyển đến địa bàn của tỉnh khác.

Hai là, pháp luật hiện hành chưa giải quyết trường hợp yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người mà yêu cầu dẫn độ sau được gửi đến khi Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã thụ lý yêu cầu dẫn độ trước

Theo quy định tại Điều 39, trường hợp Bộ Công an nhận được văn bản của hai hoặc nhiều nước yêu cầu dẫn độ một người về cùng một tội phạm hoặc nhiều tội phạm khác nhau thì Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, VKSNDTC, TANDTC xem xét, quyết định đáp ứng yêu cầu dẫn độ cho một trong các nước yêu cầu và chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho TAND cấp tỉnh xem xét, quyết định dẫn độ. Tuy nhiên, trên thực tế, các yêu cầu dẫn độ của các nước khác nhau thường không được gửi đến Bộ Công an cùng một thời điểm. Do Bộ Công an chỉ được kiểm tra hồ sơ trong thời hạn 20 ngày, khả năng xảy ra trường hợp yêu cầu dẫn độ thứ hai được gửi đến Bộ Công an sau khi yêu cầu dẫn độ thứ nhất đã được chuyển đến TAND cấp tỉnh có thẩm quyền để thụ lý, giải quyết là rất cao.

Trong trường hợp này, Bộ Công an vẫn phải tiếp nhận và xử lý yêu cầu dẫn độ thứ hai và để bảo đảm thực hiện theo đúng quy định của Luật, TAND cấp tỉnh đã thụ lý yêu cầu dẫn độ thứ nhất buộc phải trả lại hồ sơ cho Bộ Công an để xem xét, quyết định việc đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, Luật chưa có quy định về việc TAND trả lại hồ sơ yêu cầu dẫn độ sau khi đã thụ lý hồ sơ. Đồng thời, việc này cũng sẽ gây mất thời gian và lãng phí, đặc biệt là đối với trường hợp có nhiều hơn hai nước cùng yêu cầu dẫn độ với một người vì khi đó các hồ sơ sẽ liên tục được gửi đi gửi lại giữa Bộ Công an và TAND.

Ba là, mặc dù đã có quy định về quá cảnh nhưng pháp luật hiện hành chưa quy định về quy trình, thủ tục quá cảnh người bị dẫn độ

Trong ĐUQT về dẫn độ, các nước thường quy định một điều khoản liên quan đến việc quá cảnh người bị dẫn độ từ một nước thứ ba và người bị dẫn độ thường là đối tượng nguy hiểm cho xã hội, do đó cần được áp giải và bảo vệ nghiêm. Điều 47 Luật TTTP hiện nay đã quy định khái quát về quá cảnh người bị yêu cầu dẫn độ trên lãnh thổ Việt Nam thì phải có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chấp nhận nhưng chưa quy định rõ cơ quan nào là cơ quan có thẩm quyền cho phép quá cảnh. Ngoài ra, thực tiễn cho thấy người bị dẫn độ thường là đối tượng nguy hiểm cho xã hội, do đó, khi thực hiện quá cảnh trên lãnh thổ Việt Nam cần được áp giải và bảo vệ nghiêm ngặt, nhất là tại sân bay nơi có rất nhiều hành khách. Vì vậy, để giải quyết vấn đề này, cần thiết phải quy định cơ quan có thẩm quyền và trình tự, thủ tục cho phép quá cảnh, đồng thời quy định rõ Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam bố trí buồng tạm giữ tạm thời tại các cửa khẩu quốc tế để tạm giữ người bị yêu cầu dẫn độ quá cảnh Cộng

hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, cũng cần bổ sung quy định khi Việt Nam dẫn độ đối tượng từ nước ngoài về và cần phải xin quá cảnh ở sân bay nước ngoài.

Bốn là, quy định về dịch thuật và hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự các tài liệu dịch thuật theo quy định hiện hành làm chậm quá trình xem xét, giải quyết yêu cầu dẫn độ

Điều 5 Luật TTTP quy định về ngôn ngữ TTTP. Theo đó, hồ sơ yêu cầu dẫn độ phải được dịch sang ngôn ngữ quy định trong ĐUQT (trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài đã có ĐUQT về dẫn độ), ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu chấp nhận (trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có ĐUQT về dẫn độ), cơ quan lập hồ sơ yêu cầu nước ngoài dẫn độ phải dịch hồ sơ ra ngôn ngữ đó. Thực tiễn triển khai quy định này đã nảy sinh một số vướng mắc sau, ảnh hưởng đến quá trình xem xét, giải quyết yêu cầu dẫn độ:

- Luật chỉ quy định cơ quan lập hồ sơ yêu cầu nước ngoài dẫn độ phải dịch hồ sơ, không có quy định đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ từ nước ngoài. Cùng đó, Luật không có quy định cụ thể về ngôn ngữ mà Việt Nam chấp nhận nên nhiều yêu cầu, đặc biệt là các yêu cầu theo nguyên tắc có đi có lại, chỉ có ngôn ngữ gốc của nước yêu cầu. Để phục vụ việc kiểm tra hồ sơ và giải quyết hồ sơ sau này (do các cán bộ của TAND cấp tỉnh - cơ quan có thẩm quyền xem xét yêu cầu - thường không sử dụng thành thạo ngoại ngữ), Bộ Công an (mà trực tiếp là Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp) phải dịch hồ sơ sang tiếng Việt. Các hồ sơ yêu cầu dẫn độ thường gồm hàng trăm trang tài liệu pháp lý, việc dịch thuật mất nhiều thời gian. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 38 Luật TTTP, Bộ Công an chỉ có thời hạn 20 ngày để kiểm tra hồ sơ kể từ ngày nhận được yêu cầu dẫn độ.

- Luật không quy định hồ sơ yêu cầu dẫn độ gửi đi được miễn chứng thực lãnh sự, hồ sơ yêu cầu dẫn độ gửi đến được miễn hợp pháp hóa lãnh sự nên một số TAND cấp tỉnh khi nhận được hồ sơ kèm bản dịch của Bộ Công an thường yêu cầu bản dịch phải được chứng thực mặc dù Bộ Công an không có chức năng này và việc gửi bản dịch thực chất là để giúp TAND thuận lợi hơn trong quá trình giải quyết yêu cầu. Do đó, các quy định hiện hành về dịch thuật và hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự hoặc chứng thực các bản dịch chưa thật sự phù hợp, làm giảm tốc độ cũng như chất lượng giải quyết yêu cầu dẫn độ.

3.3. Về hiệu quả quản lý Nhà nước và phối hợp liên ngành trong thực hiện dẫn độ còn bất cập, ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết yêu cầu dẫn độ

Một là, Cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động dẫn độ được giao cho Bộ Tư pháp là chưa thật sự hợp lý

Luật TTTP quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động TTTP (Điều 61), Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động TTTP (Điều 62). Như vậy, Bộ Tư pháp chính là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về dẫn độ. Điều này là bất cập với thực tiễn do Bộ Công an là cơ quan quản lý công tác phòng, chống tội phạm và là Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về dẫn độ (Điều 65 Luật TTTP; khoản 2 Điều 493 BLTTHS năm 2015; khoản 20 Điều 16 Luật Công an

nhân dân năm 2018 và trong các Hiệp định riêng về dẫn độ mà Việt Nam đã ký với các quốc gia).

Việc Bộ Tư pháp làm đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước về dẫn độ làm cho công tác quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành gặp những bất cập, hạn chế. Bộ Tư pháp khó phát huy vai trò cơ quan quản lý nhà nước trong dẫn độ. Cùng với đó, việc thực hiện hợp tác quốc tế trong dẫn độ chủ yếu trên cơ sở các ĐUQT về dẫn độ mà theo quy định của Luật ĐUQT năm 2016 thì từng bộ, ngành chủ trì có trách nhiệm đối với việc tổ chức thực hiện các điều ước do mình chủ trì ký kết. Bộ Tư pháp không chủ trì ký kết các điều ước về dẫn độ. Do đó, công tác quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp còn nặng về hình thức và chủ yếu chỉ được thực hiện thông qua hoạt động báo cáo trên cơ sở tổng hợp thông tin, số liệu từ Bộ Công an. Theo đó, nên quy định Bộ Công an làm đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước về dẫn độ.

Hai là, Cơ quan đầu mối chủ trì phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xem xét, quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong hoạt động dẫn độ với nước hữu quan được giao cho Bộ Ngoại giao là chưa thật sự phù hợp

Luật TTTP quy định TTTP nói chung và dẫn độ nói riêng được thực hiện trên cơ sở ĐUQT. Trường hợp không có ĐUQT thì áp dụng nguyên tắc có đi có lại và Bộ Ngoại giao là cơ quan chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xem xét, quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong hợp tác về dẫn độ với các nước. Tuy nhiên, trên thực tế, khi Việt Nam là quốc gia được yêu cầu, quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại cần dựa trên cơ sở theo dõi quan hệ hợp tác về dẫn độ giữa Việt Nam và quốc gia yêu cầu. Đối với trường hợp này, chỉ Bộ Công an - Cơ quan trung ương của nước CHXHCN Việt Nam về dẫn độ - có thể nắm được toàn bộ nội dung quan hệ hợp tác về dẫn độ giữa Việt Nam và quốc gia yêu cầu vì đây là cơ quan theo dõi, lưu trữ toàn bộ hồ sơ về công tác này. Kể cả trong trường hợp quốc gia yêu cầu đã từng từ chối yêu cầu dẫn độ của Việt Nam thì vẫn phải xem xét đến lý do từ chối, thiện chí hợp tác của các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong quá trình xử lý yêu cầu trước đó của Việt Nam... Khi Việt Nam là quốc gia yêu cầu, cam kết về việc các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ giải quyết các yêu cầu dẫn độ tương tự của quốc gia được yêu cầu. Đối với trường hợp này, việc yêu cầu Bộ Ngoại giao chủ trì quyết định việc cam kết là không phù hợp vì trên thực tế, Bộ Ngoại giao không tham gia sâu vào quá trình giải quyết các yêu cầu dẫn độ. Thẩm quyền quyết định việc cam kết này nên được giao cho Bộ Công an, cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài cũng như thống kê, tổng hợp toàn bộ các vụ việc liên quan đến yêu cầu dẫn độ và thực tiễn quan hệ hợp tác về dẫn độ giữa Việt Nam và các nước. Ngoài ra, hiện nay Luật TTTP cũng chưa quy định rõ trình tự, thủ tục áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong hợp tác dẫn độ với các nước. Việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong hợp tác dẫn độ chưa hiệu quả như mong muốn.

Ba là, pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Cơ quan Trung ương

Trong các hiệp định về dẫn độ mà Việt Nam là thành viên, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và Luật Công an nhân dân năm 2018 đều quy

định Bộ Công an là Cơ quan trung ương về dẫn độ của Việt Nam. Tuy nhiên, với tư cách là luật chuyên ngành điều chỉnh hoạt động dẫn độ, Luật TTTP chưa quy định Bộ Công an là Cơ quan trung ương về dẫn độ cũng như chức năng, vai trò, trách nhiệm của Cơ quan trung ương.

Bốn là, pháp luật hiện hành chưa quy định các cơ quan có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ của Việt Nam trong từng trường hợp cụ thể

Hiện nay, chưa có một quy định thống nhất về cơ quan có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ của Việt Nam. Luật TTTP không có quy định về cơ quan lập yêu cầu dẫn độ và quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan này. Việc này dẫn đến thực trạng là việc lập yêu cầu dẫn độ đối tượng phạm tội ở Việt Nam rồi bỏ trốn ra nước ngoài phụ thuộc vào ý chí chủ quan của cơ quan đang thụ lý vụ án và nếu như cơ quan này không lập yêu cầu dẫn độ thì cũng không có cơ chế, chế tài nào để xử lý. Việc không quy định cụ thể cơ quan có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ và quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan này đã ảnh hưởng đến hiệu quả công tác dẫn độ. Do đó, thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ của Việt Nam sẽ được phân công cụ thể cho nhiều cơ quan khác nhau theo hướng Cơ quan Trung ương về dẫn độ và cơ quan nào đang thụ lý vụ việc mà người bị tình nghi đã thực hiện tội phạm, bị can, bị cáo, người đang chấp hành án hình sự bỏ trốn ra nước ngoài thì cơ quan đó có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ. Cơ quan lập yêu cầu dẫn độ chính là Cơ quan Trung ương về dẫn độ và cơ quan tiến hành tố tụng nên nắm được toàn bộ hồ sơ, nội dung của vụ án và việc lập yêu cầu dẫn độ sẽ thuận lợi, bảo đảm các yêu cầu cả về nội dung và hình thức.

Việc phân định rõ thẩm quyền của các cơ quan trong từng giai đoạn tố tụng sẽ góp phần xác định trách nhiệm khi xảy ra sai phạm trong quá trình lập, xử lý yêu cầu dẫn độ; đồng thời, các cơ quan có thẩm quyền cũng nhận thức rõ hơn về trách nhiệm của mình và hậu quả của việc không thực hiện đúng trách nhiệm, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác dẫn độ. Cùng đó, đơn vị đầu mối cũng sẽ có cơ sở để thực hiện tốt hơn trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc của mình, kịp thời phát hiện các trường hợp sai phạm, hạn chế tối đa việc bỏ lọt tội phạm.

Năm là, pháp luật hiện hành đang quy định Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền, trách nhiệm phúc thẩm quyết định liên quan đến quyết định dẫn độ

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định về tổ chức của Tòa án nhân dân bao gồm: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện (Điều 3), trong đó, theo Điều 29 của Luật này, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân cấp cao gồm: Phúc thẩm vụ việc mà bản án, quyết định cấp sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị kháng cáo, kháng nghị. Như vậy, Tòa án nhân dân cấp cao có thẩm quyền và trách nhiệm phúc thẩm quyết định liên quan đến quyết định dẫn độ (trong khi đó, khoản 5 Điều 40 Luật TTTP quy định Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền này). Vấn đề này cần được quy định lại cho phù hợp với quy định mới, bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa các văn bản luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Khó khăn, vướng mắc trong hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù

4.1. Về công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế

- Việc ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật về TTTP nói chung và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù nói riêng trong giai đoạn đầu còn chậm so với tiện độ. Điển hình như việc xây dựng Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BCA-BTP-BNG-VKSNDTC-TANDTC ngày 22/02/2013 hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao, tiếp tục thi hành án đối với người đang chấp hành án phạt tù sau 5 năm Luật TTTP có hiệu lực mới được ban hành và Thông tư liên tịch quy định về quan hệ phối hợp thực hiện một số hoạt động trong tổ tụng hình sự (gồm dẫn độ, TTTP về hình sự và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù) bắt đầu xây dựng từ năm 2019 đến nay vẫn chưa thể hoàn thành do còn nhiều ý kiến khác nhau giữa các bộ, ngành.

- Điều 60 của Luật TTTP quy định trong trường hợp Việt Nam chịu chi phí chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù thì chi phí đó do ngân sách nhà nước bảo đảm. Tuy nhiên, Thông tư số 144/2012/TT-BTC ngày 04/9/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác TTTP không có quy định cụ thể về kinh phí cho đoàn công tác của Việt Nam ra nước ngoài tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở Việt Nam về nước ngoài cũng như chi phí (đi lại, ăn, ở) cho người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam.

4.2. Về công tác chỉ đạo điều hành, phối hợp liên ngành

Bộ Công an đã xây dựng cơ chế phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, VKSNDTC, TANDTC cũng như cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Công an nhân dân trong công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, theo đó, đã phân định tương đối rõ về thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan có liên quan, góp phần tạo ra một cơ chế khá hiệu quả để thực hiện công tác. Tuy vậy, cơ chế phối hợp này cũng bộc lộ những bất cập, thiếu sót nhất định làm giảm hiệu quả hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù như: một số cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài gặp khó khăn trong công tác thống kê số liệu, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài; một số TAND cấp tỉnh còn thiếu kinh nghiệm và chậm trễ trong việc xem xét các yêu cầu đề nghị tiếp nhận chuyển giao của phía nước ngoài; các trại giam nơi người bị kết án được tiếp nhận về Việt Nam cũng như các trại giam nơi phạm nhân nước ngoài được chuyển giao chưa chủ động thông báo về tình hình thi hành hình phạt của những phạm nhân được chuyển giao.

4.3. Về công tác ký kết và thực hiện các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù

- Việc đàm phán, ký các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù còn bị động, phụ thuộc vào phía đối tác.

- Hoạt động rà soát, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù chưa được tổ chức. Có một số hiệp định đã ký kết được nhiều năm và số lượng công dân Việt Nam đang chấp

hành án phạt tù tại nước ký kết và công dân nước ký kết đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cũng tương đối lớn nhưng hai bên chưa chuyển giao bất kỳ phạm nhân nào (như: Căm-pu-chia, Thái Lan...).

- Các cơ quan chức năng của Việt Nam chưa chủ động đề nghị phía nước ngoài chuyển giao bất kỳ phạm nhân nào. Đến nay, Việt Nam mới tiếp nhận 04 công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam để tiếp tục chấp hành án phạt tù theo đề nghị của phía nước ngoài.

- Lãnh sự một số nước mà phạm nhân mang quốc tịch thiếu quan tâm đến công dân của mình đang chấp hành án tại các cơ sở giam giữ hoặc bị quản lý tại các cơ sở lưu trú thuộc trại giam; một số phạm nhân có nguyện vọng được chuyển giao nhưng cơ quan có thẩm quyền của nước mà phạm nhân đó mang quốc tịch không đồng ý tiếp nhận do các hành vi vi phạm pháp luật của phạm nhân có tính chất nguy hiểm hoặc liên quan đến tình hình chính trị, an ninh quốc gia hoặc không bố trí được chi phí chuyển giao. Người đã chấp hành xong hình phạt tù và bị đưa vào cơ sở lưu trú thường chống đối và đòi hỏi nhiều yêu sách về chế độ ăn uống, chăm sóc sức khỏe... dẫn đến khó khăn trong việc quản lý vì họ không còn là phạm nhân.

- Thủ tục giải quyết đơn xin chuyển giao kéo dài đã làm phạm nhân có tư tưởng lo lắng, bất an khi chờ các văn bản trả lời, quyết định của các cơ quan có thẩm quyền hai nước, thậm chí có trường hợp sau khi hoàn tất thủ tục chuyển giao thì phạm nhân cũng sắp hết thời hạn thi hành án... điều này đặt ra vấn đề về quản lý phạm nhân trong thời gian chờ các cơ quan xem xét, giải quyết yêu cầu chuyển giao.

5. Khó khăn, vướng mắc trong công tác tương trợ tư pháp về hình sự

5.1. Từ quy định của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007

- Việc các nước yêu cầu cam kết không áp dụng án tử hình là điều kiện để thực hiện yêu cầu TTTP là vấn đề khá phổ biến trong thực tiễn hoạt động TTTPHS cũng như việc đàm phán, ký kết các hiệp định TTTPHS. Tuy nhiên, Luật TTTP chưa có quy định về trình tự, thủ tục cam kết không áp dụng hình phạt tử hình trong hoạt động TTTPHS.

- Phạm vi TTTPHS quy định tại Điều 17 còn hạn chế, chưa phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Luật TTTP chưa có các quy định về cho phép người tiến hành tố tụng của Bên yêu cầu được tham gia một số hoạt động trong quá trình thực hiện TTTP tại Bên được yêu cầu, tổ chức cho người tại Bên được yêu cầu đến Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ, liên kết điều tra, phối hợp điều tra; chưa quy định cụ thể về TTTP trong việc phong tỏa, kê biên, thu giữ, tịch thu và xử lý tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội... là những hoạt động TTTP đã được quy định trong các ĐUQT song phương và đa phương trong lĩnh vực tư pháp hình sự mà Việt Nam đã ký kết và tham gia và đã phát sinh trên thực tiễn.

- Chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện một số yêu cầu tương trợ: triệu tập người làm chứng, người giám định, dẫn giải người chấp hành án phạt tù ra nước ngoài để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự công dân Việt Nam tại Việt Nam...

5.2. Khó khăn từ thực tiễn thực hiện

- Khi yêu cầu TTTP về hình sự với nước ngoài thường mất nhiều thời gian, rất lâu mới có kết quả, trong khi việc giải quyết các vụ án hình sự phải tuân thủ thời hạn luật định. Việc chậm có kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án. Nguyên nhân là do pháp luật Việt Nam cũng như các quốc gia, các hiệp định mà Việt Nam đã ký với các nước chưa quy định thời hạn thực hiện yêu cầu TTTP về hình sự.

- Trong nhiều yêu cầu TTTP, phía bạn đề nghị thu giữ tài sản,... kèm theo các lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, với chủ quyền lãnh thổ, thì các lệnh, quyết định đó không có hiệu lực thi hành trên lãnh thổ Việt Nam. Cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam triển khai thực hiện yêu cầu TTTP đó bằng các văn bản, quyết định của mình phù hợp với quy định của nội luật. Vấn đề này cũng chưa được quy định, hướng dẫn thực hiện. Thực tế, cơ quan tiến hành tố tụng Việt Nam thường áp dụng thủ tục tương tự.

- Việc dịch thuật hồ sơ yêu cầu và kết quả trả lời yêu cầu TTTP về hình sự gặp nhiều khó khăn, bất cập vì chưa có đơn vị chuyên trách dịch thuật thuộc cơ quan Công an, Viện kiểm sát, nhất là từ các địa phương nên phải thuê các đơn vị ngoài ngành dịch, dẫn đến không đảm bảo bí mật nghiệp vụ, mất nhiều thời gian, kinh phí.

- Một số trường hợp việc trưng cầu phiên dịch để cơ quan điều tra làm việc với các đối tượng mang quốc tịch nước ngoài gặp nhiều khó khăn nhất là khi ngôn ngữ không phổ thông, dẫn đến việc lập biên bản ghi lời khai và làm các thủ tục tạm giữ, tạm giam còn vướng mắc.

- Việc ký kết Hiệp định TTTP về hình sự giữa Việt Nam với các nước tuy đã được quan tâm thúc đẩy nhưng chưa nhiều, có một số hiệp định ký kết đã lâu nên có những quy định không còn phù hợp, cần bổ sung quy định mới cho phù hợp với yêu cầu hợp tác như: không có quy định cụ thể về thời hạn thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự hoặc quy định, nếu trong thời gian bao nhiêu lâu mà Bên gửi yêu cầu không nhận được kết quả ủy thác tư pháp thì thực hiện như thế nào.

- Quá trình tiến hành hoạt động TTTP về hình sự phải thông qua nhiều khâu, cùng với sự khác biệt về quy định pháp luật tố tụng hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài (về quy trình, thủ tục, thời hạn thực hiện...) đã làm cho việc thực hiện các yêu cầu TTTP về hình sự mất nhiều thời gian, gây ảnh hưởng đến quá trình điều tra vụ án hình sự, nhiều trường hợp bị quá thời hạn điều tra vụ án theo luật định. Bên cạnh đó, một số kết quả TTTP về hình sự không đầy đủ theo yêu cầu như: Không nêu chính xác họ tên, thông tin cá nhân hoặc địa chỉ các đối tượng... cũng gây khó khăn cho quá trình điều tra, xử lý tội phạm.

- Trong thực tiễn, sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan ở cấp trung ương và cơ quan tiến hành tố tụng địa phương trong quá trình triển khai thực hiện một số hoạt động TTTP về hình sự còn lúng túng, vướng mắc. Cách thức gửi yêu cầu TTTP về hình sự cho nước ngoài của một số cơ quan tiến hành tố tụng còn thiếu nhất quán; không gửi yêu cầu TTTP qua Cơ quan Trung ương là VKSNDTC mà gửi tới Văn phòng Interpol Việt Nam, Sở Ngoại vụ, Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao, Đại sứ quán hoặc cơ quan lãnh sự các nước hoặc gửi trực tiếp tới các cơ quan tiến hành tố tụng nước ngoài.

2. Hạn chế, bất cập

- Trong thời gian dài trước đây, chưa có cơ chế phối hợp liên ngành giữa các ngành chức năng gồm: Công an, Bộ đội Biên phòng, Lao động - Thương binh và Xã hội nên việc phối hợp nắm bắt thông tin về các nạn nhân bị mua bán trở về còn nhiều hạn chế, dẫn đến việc hỗ trợ các dịch vụ cho nạn nhân gặp nhiều khó khăn, nạn nhân chưa được chuyên tuyến và kết nối với các dịch vụ kịp thời.

- Văn bản quy định về kinh phí thực hiện công tác ĐƯQT, thỏa thuận quốc tế (Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác ĐƯQT, thỏa thuận quốc tế (Thông tư số 43/2022/TT-BTC)) còn bất cập, cụ thể mức chi trong soạn thảo các văn bản, báo cáo, cho các cuộc họp chưa phù hợp với tình hình thực tiễn dẫn đến chưa phát huy được hết khả năng hợp tác quốc tế của đơn vị. - Kinh phí để tổ chức, duy trì thực hiện Công ước và Nghị định thư chưa được phân bổ, cung cấp thường xuyên.

- Luật Phòng, chống mua bán người chưa có quy định về chi phí phiên dịch cho nạn nhân là người nước ngoài, người dân tộc thiểu số trong quá trình tiếp nhận nạn nhân, lấy lời khai; những người đang trong quá trình xác định là nạn nhân chưa có quy định hỗ trợ những thiết yếu cơ bản như ăn, mặc, chi phí đi lại, y tế... Chế độ hỗ trợ nạn nhân chưa phù hợp với thực tiễn như chưa có quy định hỗ trợ về tâm lý (hoảng loạn, lo lắng bị trả thù, kỳ thị, xa lánh...) sau khi trở về địa phương; mức chi tối thiểu hỗ trợ một lần khó khăn ban đầu cho nạn nhân thuộc hộ nghèo còn thấp (1 triệu đồng/người), chưa bảo đảm cuộc sống khi về địa phương hòa nhập cộng đồng.

- Hệ thống pháp luật trong nước ngày một hoàn thiện nhưng chưa thực sự đồng bộ, chưa tạo được hành lang pháp lý thật sự thuận lợi cho việc thực hiện có hiệu quả Công ước và Nghị định thư, cũng như cho hoạt động hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia.

PHẦN THỨ BA KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trong những năm qua việc thực hiện Công ước TOC và Nghị định thư TIP của các bộ, ngành; UBND cấp tỉnh và trong Công an nhân dân đã đạt được nhiều kết quả, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm nói chung, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia nói riêng thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước TOC và nghị định thư TIP; các hệ lực lượng Công an nhân dân đã triệt phá nhiều vụ án, phạm vi, đối tượng với tính chất, loại tội, phương thức, thủ đoạn có tổ chức xuyên quốc gia như mua bán người, rửa tiền, mua bán trái phép chất ma túy; hoạt động trong lĩnh vực dẫn độ tội phạm, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù đã thu được những kết quả tốt, thành quả đáng khích lệ góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ an ninh, trật tự, đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tuy nhiên, cùng với những yêu cầu mới phát sinh của quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế, yêu cầu về sửa đổi, bổ sung đối với văn bản quy phạm pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, một số văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam điều chỉnh lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước TOC và nghị định thư TIP cũng bộc lộ những hạn chế như: Có điều khoản chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với quy định của BLHS, BLTTHS; Luật mua bán người; Luật TTTP năm 2007 đang điều chỉnh 04 lĩnh vực nhưng có phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng có tính chất, đặc thù riêng và những nội dung khác liên quan ở từng lĩnh vực khác nhau cụ thể là: TTTP về dân sự, TTTP về hình sự; dẫn độ tội phạm và chuyển giao người chấp hành hình phạt tù; hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật TTTP được thực hiện thông qua các ĐUQT. Theo quy định của Luật tương trợ tư pháp, BLTTHS và Luật ĐUQT năm 2016 thì các bộ, ngành (Bộ Công an, Bộ Tư pháp, VKSNDTC) chủ trì, đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện các ĐUQT thuộc lĩnh vực mình được giao để thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình. Việc ký kết ĐUQT TTTP được tách riêng thành từng lĩnh vực độc lập, không điều chỉnh nhiều lĩnh vực trong một hiệp định như trước đây ký kết với một số quốc gia. Hiện nay, Bộ Công an được giao chủ trì, ký kết và tổ chức thực hiện các ĐUQT về an ninh, trật tự, đấu tranh phòng, chống tội phạm, dẫn độ và chuyển giao người bị kết án phạt tù còn Bộ Tư pháp chủ trì đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện ĐUQT TTTP về dân sự. Tương tự như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện ĐUQT TTTP về hình sự. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP thời gian tới cần tập trung một số giải pháp trọng tâm sau:

1. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị với việc thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP

Xác định công tác thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP; công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân là nhiệm vụ quan

trọng nếu có vụ việc, vụ án liên quan đến tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia ở bất cứ địa bàn nào sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự, kinh tế - xã hội theo ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương đó. Công tác này phải đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, chính quyền, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Mỗi cơ quan, đơn vị xác định rõ đây là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên; công chức, viên chức, cán bộ, chiến sỹ lực lượng Công an nhân dân, Quân đội nhân dân. Các bộ, cơ quan ngang bộ; cấp ủy đảng, chính quyền; Công an các đơn vị, địa phương tập trung chỉ đạo trực tiếp, quyết liệt và đưa nội dung vào chương trình hoạt động, chỉ đạo thường xuyên bằng việc cụ thể hoá thành các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với từng bộ, ngành, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công tác chuyên môn, phối hợp thực hiện liên quan điều chỉnh của Công ước TOC và nghị định thư TIP. Cùng đó, cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; lồng ghép ưu tiên Chương trình phòng, chống mua bán người với các phong trào, cuộc vận động, các chương trình, dự án như xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, xã hội hóa công tác phòng, đẩy mạnh các hoạt động tạo việc làm, vay vốn với lãi suất thấp, giúp người dân cải thiện cuộc sống; hỗ trợ các nạn nhân bị mua bán tiếp cận các dịch vụ như trợ giúp pháp lý, hỗ trợ chuyển tuyến, vay vốn, học nghề, tạo việc làm...

2. Hoàn thiện cơ sở pháp lý về công tác thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP

- Bám sát tình hình thực tiễn, nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến công tác thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP; công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân, chú trọng kết hợp xây dựng đồng bộ văn bản quy phạm pháp luật nội dung và văn bản quy phạm pháp luật hình thức điều chỉnh lĩnh vực liên quan thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước TOC và nghị định thư TIP. Gắn tổ chức thực hiện với công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế theo chức năng, thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Công an về công tác này đối với những văn bản quy phạm pháp luật liên quan bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất để sửa đổi, bổ sung để ban hành mới; xây dựng, ban hành quy định về hỗ trợ kinh phí, mức chi, thủ tục thanh toán, quyết toán đối với công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế nói chung và công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân nói riêng để có cơ sở bố trí phù hợp, giảm tải thủ tục hành chính.

- Đề xuất giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ; UBND cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức liên quan rà soát văn bản quy phạm pháp luật về công tác thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP; công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân. Qua đó, đề xuất cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới bảo đảm phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu công tác thực thi Công ước TOC và

ngụ định thư TIP; công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân.

- Bộ Tài chính cần nghiên cứu, xây dựng thông tư thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung đối với Thông tư số 43/2022/TT-BTC như: về mức chi, mục chi bảo đảm tốt hơn cho công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế nhằm đáp ứng phù hợp với tình hình thực tiễn của công tác này, đồng thời, thống nhất, đồng bộ với Nghị định số 65/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng kinh phí, ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác ĐUQT, thỏa thuận quốc tế.

- Tăng cường hơn nữa việc tổ chức phối hợp giữa các hệ lực lượng trong Công an nhân dân từ Trung ương đến Công an các đơn vị, địa phương; sự phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, đơn vị có liên quan; UBND cấp tỉnh. Kịp thời ngăn chặn các vụ án, vụ việc có tính chất tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình được tốt hơn. Theo hướng này, giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ; HĐND, UBND cấp tỉnh; các cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu, tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, ban hành mới với những văn bản quy phạm pháp luật chưa phù hợp của Việt Nam trong quá trình thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP; công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân và để thực hiện đúng với quy định của Công ước TOC đối với các quốc gia thành viên trong xây dựng Cơ chế đánh giá thực thi Công ước. Theo đó, thực hiện Nghị quyết 10/1 Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước TOC về Cơ chế đánh giá thực thi Công ước, kết quả bốc thăm, từ năm 2023 trở đi, Việt Nam sẽ được hai quốc gia là Ca-ta và Ghi-nê Xích Đạo đánh giá việc thực thi Công ước TOC, trong đó, tại chu trình thứ nhất sẽ đánh giá mức độ tương thích giữa quy định của pháp luật trong nước với các quy định về hình sự hóa các loại tội phạm có tổ chức theo yêu cầu tại các điều 5, 6, 8 và Điều 23 Công ước TOC đáp ứng phù hợp với quy định của tình hình hiện nay. Bộ Công an đề xuất Thủ tướng Chính phủ liên quan đến sửa đổi, bổ sung BLHS như sau:

- Bổ sung định nghĩa về nhóm tội phạm có tổ chức trong phần chung và bổ sung tội phạm mới có tên “Tội tham gia nhóm tội phạm có tổ chức”. Việc bổ sung điều luật quy định về nhóm tội phạm trước hết thể hiện chính sách hình sự nước ta luôn quán triệt các quan điểm tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện các cam kết quốc tế; “tổ chức, thực hiện tốt các ĐUQT mà Nhà nước ta đã tham gia”, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”; Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế yêu cầu các bộ, ngành: “Chú trọng nội luật hóa những ĐUQT mà Việt Nam là thành viên liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đồng thời thể hiện trách nhiệm của Việt Nam với tư cách là thành viên tham gia ký kết Công ước TOC, đáp ứng thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm của nước ta hiện nay.

- Cần nghiên cứu để bổ sung và mở rộng hơn khái niệm đồng phạm và phạm tội có tổ chức cho tương thích với khái niệm “tội phạm có tổ chức” trong

BLHS để tạo cơ sở pháp lý đấu tranh một cách có hiệu quả với tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

- Bổ sung quy định giới hạn phạm vi xử lý hình sự đối với hành vi rửa tiền. Việc giới hạn có thể thực hiện thông qua giới hạn tội phạm nguồn hoặc định lượng tài sản tối thiểu để hành vi rửa tiền cấu thành tội phạm.

- Đưa quy định về tội đưa hối lộ (Điều 364) và tội môi giới hối lộ (Điều 365) về nhóm các điều tại Mục 1. Nhóm các tội phạm tham nhũng cho phù hợp. Bên cạnh đó, thay hành vi đưa hối lộ là “đã đưa hoặc sẽ đưa” quy định tại Điều 364 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thành hành vi “hứa hẹn, đề nghị hay đưa đến” đảm bảo chính xác và phù hợp với quy định tại Điều 8 (1) (a) Công ước TOC.

- Bổ sung đối tượng tác động tại Điều 384 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) bao gồm cả các đối tượng biết được tình tiết khách quan của vụ án nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền triệu tập để lấy lời khai (họ chưa được xem là người làm chứng trong vụ án); đối tượng là người tình nghi, bị can, bị cáo trong quá trình thẩm vấn để lấy lời khai sai sự thật, đáp ứng yêu cầu về khái niệm “người bị thẩm vấn” của Công ước TOC.

- Giao Bộ Công an tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Luật dẫn độ và Luật chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù báo cáo cấp có thẩm quyền trình Quốc hội sớm thông qua trong thời gian sớm nhất.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP

- Nâng cao nhận thức, tầm quan trọng công tác tuyên truyền đối với hoạt động công tác thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP; đổi mới nội dung, đa dạng hình thức tuyên truyền đáp ứng phù hợp với từng đối tượng, từng đơn vị, địa phương, đặc biệt là đối tượng trực tiếp thực hiện công tác ĐUQT, thỏa thuận quốc tế; công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước TOC và nghị định thư TIP.

- Chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, công nghệ số, hệ thống thông tin cơ sở phù hợp với nhóm đối tượng khác nhau và đặc điểm từng địa phương, đơn vị, hệ lực lượng trong thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP. Lựa chọn hình thức, phương thức tuyên truyền bằng các ngôn ngữ sử dụng của Liên hợp quốc trên nền tảng công nghệ số hoặc đến các Cổng thông tin, trang thông tin điện tử của các cơ quan có thẩm quyền của tổ chức quốc tế chính thống liên quan đến thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP và của các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị hữu quan trong nước. Hình thành ý thức tự giác, tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ công tác ĐUQT, thỏa thuận quốc tế; công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước TOC và nghị định thư TIP của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan; các hệ lực lượng trong Công an nhân dân khi thực hiện nhiệm vụ công tác này.

4. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, hiệu quả tổ chức thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP; bảo đảm nguồn lực, cơ sở vật chất đối với công tác này

- Nâng cao hiệu quả công tác thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP, xem đây là nhiệm vụ chính trị lâu dài, thường xuyên; thực hiện quyết liệt, đồng bộ các biện pháp trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia nói riêng thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước TOC và nghị định thư TIP đáp ứng, phù hợp với nội luật hóa của Việt Nam của các luật liên quan trong từng lĩnh vực để nâng cao hơn nữa, tăng cường chất lượng, hiệu quả công tác này trong những năm tiếp theo.

- Nâng cao nhận thức, năng lực, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức của các bộ, ngành, địa phương; xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước TOC và nghị định thư TIP ; công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế của mỗi bộ, ngành, địa phương và của Bộ Công an có phẩm chất đạo đức tốt, vững vàng chuyên môn nghiệp vụ, nắm vững các quy định về điều tra, xử lý vụ án, TTTP về hình sự, đấu tranh phòng, chống tội phạm, kiến thức pháp luật, ngoại ngữ, am hiểu tình hình chính trị, xã hội cũng như có kinh nghiệm năng lực, trình độ hiểu biết pháp luật; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện và ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ thông tin phục vụ công tác thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP cũng như công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế gắn với việc thực thi Hiệp định và nghị định thư nêu trên đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ công tác; xây dựng chính sách, chế độ đãi ngộ tương xứng với người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ công tác này ở các bộ, ngành, UBND, các tổ chức chính trị xã hội các cấp.

- Đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền tiếp tục quan tâm phân bổ ngân sách đầu tư cho cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP cũng như đối với công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế được hiệu quả hơn. Các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về chính sách đãi ngộ, chế độ phụ cấp với cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân; công chức, viên chức làm công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước TOC và nghị định thư TIP ở các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị xã hội; UBND các cấp có liên quan đáp ứng phù hợp với tính chất, mức độ của loại hình lao động đặc biệt này.

5. Xác định nội dung trọng tâm trong việc thực hiện công tác để thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh xác định nâng cao chất lượng công tác thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP trong bối cảnh tình hình hiện nay là công tác trọng tâm, ưu tiên nguồn lực; thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trách nhiệm; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; trình tự, thủ tục.v.v... và các quy định khác liên quan theo đúng quy định của BLTTHS,

BLHS, Luật TTTP, Luật phòng, chống mua bán người, Luật phòng, chống tham nhũng; Luật phòng, chống rửa tiền.v.v... và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành, các luật khác liên quan đến phạm vi điều chỉnh và công tác thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP;

- Chú trọng công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, nắm tình hình; triển khai thực hiện, kịp thời việc thực thi cũng như xây dựng báo cáo giải trình, cơ chế đánh giá của Việt Nam, xây dựng phương thức giải quyết và có phương án phù hợp trong thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP. Chủ động, tăng cường trao đổi thông tin, hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế; duy trì phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chức năng dọc tuyến biên giới để nắm tình hình về các loại tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước TOC và nghị định thư TIP. Tổ chức các buổi giao ban định kỳ với lực lượng chức năng có thẩm quyền của nước có đường biên giới với Việt Nam để trao đổi thông tin về tình hình tội phạm giữa hai nước. Kịp thời xác minh giải cứu nạn nhân bị lừa bán, truy bắt các đối tượng phạm tội, đối tượng truy nã về tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước TOC và nghị định thư TIP đang lẩn trốn ở nước ngoài. Thiết lập đường dây nóng (điện thoại, email...) để thu thập các thông tin tố giác tội phạm liên quan bảo đảm việc thực thi được hiệu quả đáp ứng yêu cầu.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ban ngành khi tham mưu với UBND cấp tỉnh với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao và các bộ, cơ quan ngang bộ khác liên quan trong việc thực hiện công tác thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP. Các bộ, ngành, phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an để xây dựng, ký kết các ĐUQT về dẫn độ tội phạm, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, TTTP về hình sự những tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước TOC và nghị định thư TIP.

- Chú trọng, quan tâm công tác tập huấn, tập huấn chuyên sâu, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ liên quan đến công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế; đặc biệt đối với việc thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP và các văn bản quy phạm pháp luật và những văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành của Việt Nam liên quan đến Hiệp định này. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách thực hiện dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung và cán bộ chuyên trách đối ngoại, nghiên cứu, đàm phán ĐUQT và vận dụng pháp luật quốc tế trong lĩnh vực dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, TTTP về hình sự nói riêng, tập trung đổi mới các hình thức đào tạo, nhất là đào tạo, huấn luyện kiến thức, kỹ năng, chiến thuật mang tính thực tiễn cao, đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài.

- Cập nhật những văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế, những văn bản đã có chủ trương của cấp có thẩm quyền về việc ban hành Luật theo từng chuyên ngành, lĩnh vực như việc xây dựng Luật Dẫn độ, Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.v.v... liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Công ước TOC và nghị định thư TIP. Bên cạnh có, có hình thức biểu dương, khen thưởng, động viên kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi điều chỉnh

của Công ước TOC và nghị định thư TIP công tác ở các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức có liên quan.

6. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Công ước TOC và nghị định thư TIP; tăng cường đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện tốt các điều ước quốc tế về dẫn độ; chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; tương trợ tư pháp về hình sự; phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; mua bán người; rửa tiền, ma túy

Để cơ sở pháp lý cho việc hợp tác với các nước ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả việc thực thi Công ước TOC và nghị định thư TIP; lĩnh vực hoạt động công tác dẫn độ; chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; TTTP về hình sự; phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; mua bán người, rửa tiền, ma túy và các loại tội phạm khác thì việc tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Công ước TOC và nghị định thư TIP; tăng cường đàm phán, ký kết các ĐUQT nêu trên là nhiệm vụ quan trọng, trong đó, chú ý ký kết với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và các nước có quan hệ truyền thống với Việt Nam, các nước hoặc vùng lãnh thổ có nhiều công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù hoặc có nhiều công dân đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam.

- Trên bình diện khu vực, tiếp tục tham gia xây dựng Hiệp định ASEAN về dẫn độ, sớm xây dựng Công ước ASEAN về chuyển giao người bị kết án phạt tù theo lộ trình của ASEAN. Đây sẽ là các văn kiện pháp lý đa phương quan trọng để các nước trong nội khối ASEAN hợp tác dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

- Đối với các ĐUQT đa phương mà Việt Nam đã là thành viên và hiện đang tuyên bố không coi là cơ sở pháp lý trực tiếp để dẫn độ, cần tiếp tục nghiên cứu, đề xuất việc rút tuyên bố này nhằm củng cố và tăng cường hơn nữa cơ sở pháp lý trong hợp tác với các quốc gia. Cùng đó, cần tiếp tục đề xuất, thúc đẩy đàm phán lại các hiệp định TTTP mà Việt Nam đã ký trước năm 2000 cho phù hợp với pháp luật và tình hình hợp tác hiện nay. Trong đó, đối với các hiệp định chung gồm nhiều lĩnh vực (hình sự, dân sự, lao động, gia đình) cần phải tách ra thành hiệp định riêng trong lĩnh vực dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, tương trợ tư pháp.

- Thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia thuộc phạm vi điều chỉnh Công ước TOC và nghị định thư TIP, tình hình chấp hành án hình sự của các phạm nhân là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam; đẩy mạnh việc nghiên cứu so sánh pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, TTTP về hình sự của các nước với quy định tương ứng của Việt Nam.

- Xây dựng Kế hoạch thực thi từng ĐUQT liên quan đến công tác này (như: hiệp định về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, TTTP về hình sự, v.v...) đã có hiệu lực với Việt Nam trong đó cần quy định cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp giải quyết các yêu cầu thuộc chức năng, thẩm quyền quản lý nhà nước của mỗi cơ quan, đơn vị liên

quan; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện các ĐUQT này để làm cơ sở đánh giá, đề xuất sửa đổi được kịp thời.

- Riêng trong lĩnh vực chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền các ĐUQT song phương và đa phương về chuyển giao người bị kết án phạt tù, đặc biệt là đối với công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù tại nước ngoài. Tổ chức các đoàn khảo sát đến thăm và tìm hiểu điều kiện giam giữ, tâm tư, nguyện vọng của những công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở các nước đã ký kết hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù với Việt Nam. Chủ động đề nghị cơ quan có thẩm quyền nước ngoài chuyển giao công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù về Việt Nam tiếp tục chấp hành án.

7. Nâng cao hiệu quả hơn nữa chức năng là Cơ quan Trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù

Hiện nay, Bộ Công an là Cơ quan Trung ương của nước CHXHCN Việt Nam về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù theo 28 hiệp định song phương đã ký với các nước. Đối với các trường hợp khác, Bộ Công an chỉ thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, chuyển giao, xem xét, giải quyết các yêu cầu của nước ngoài về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù theo quy định tại Điều 65 Luật TTTP năm 2007. Để nâng cao hơn nữa hiệu quả chức năng là Cơ quan Trung ương của Bộ Công an, xin kiến nghị các cấp có thẩm quyền những nhiệm vụ sau:

- Xây dựng Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường hiệu quả thực thi Công ước và nghị định thư TIP.

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thực hiện dẫn độ, chuyển giao không chỉ cho các cơ quan có thẩm quyền trong nước mà cả các cơ quan nước ngoài, tổ chức quốc tế để các cơ quan này hiểu và nắm được các yêu cầu cơ bản về dẫn độ, chuyển giao của Việt Nam;

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trong việc thực hiện các yêu cầu dẫn độ, chuyển giao của nước ngoài; đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài khẩn trương giải quyết các yêu cầu dẫn độ, chuyển giao của Việt Nam;

- Theo dõi tình hình của người bị dẫn độ, chuyển giao từ nước ngoài về Việt Nam, định kỳ thông báo với nước chuyển giao; đề nghị phía nước ngoài định kỳ cung cấp thông tin về kết quả xử lý, thi hành hình phạt của người bị dẫn độ, chuyển giao từ Việt Nam ra nước ngoài. Bên cạnh đó, tiến hành khảo sát khả năng đáp ứng yêu cầu tiếp nhận của các trại giam tại Việt Nam trong trường hợp nhiều công dân Việt Nam đang chấp hành án tại nước ngoài mong muốn được trở về Việt Nam tiếp tục chấp hành án.

- Tăng cường cơ chế phối hợp chặt chẽ, thường xuyên hơn giữa các cơ quan có liên quan đến hợp tác quốc tế trong tổ tụng hình sự của Việt Nam.

Trên đây là nội dung Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em của Bộ Công an./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- VKSNDTC, TANDTC (để phối hợp);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan trung ương các tổ chức chính trị, xã hội;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Công an các đơn vị, địa phương;
- Lưu: VT, V03 (P5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

**BIỂU THỐNG KÊ KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN CÔNG ƯỚC CHỐNG TỘI PHẠM
CÓ TỔ CHỨC XUYÊN QUỐC GIA VÀ NGHỊ ĐỊNH THƯ VỀ PHÒNG NGỪA, TRỪNG TRỊ, TRẤN ÁP
TỘI BUÔN BÁN NGƯỜI, ĐẶC BIỆT LÀ PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM**

(Từ ngày 18/4/2013 đến ngày 18/4/2023)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCA-V03 ngày / /2024 của Bộ Công an)

1. Bảng 1. Thống kê các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung của Công ước, Nghị định thư và pháp luật của Việt Nam có liên quan

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
1.	01	Lễ phát động hưởng ứng “Ngày thế giới phòng, chống mua bán người” và “Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người” năm 2023	Ngày 28/7/2023 tại Hội trường chính, Cung Quy hoạch, hội chợ và triển lãm tỉnh Quảng Ninh	Lãnh đạo Bộ Công an, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ, lãnh đạo các bộ ngành trung ương, lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh và các đại biểu Công an, Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Biên phòng, Quân sự và nhân dân trên địa bàn tỉnh (hơn 1.000 người)	Bộ Công an, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phối hợp tổ chức IOM Việt Nam (Tổ chức Di cư Quốc tế)	Hưởng ứng ngày thế giới phòng, chống mua bán người và ngày toàn dân phòng, chống mua bán người năm 2023 với chủ đề “Mở rộng vòng tay với nạn nhân mua bán người để không ai bị bỏ lại phía sau”; thể hiện sự quan tâm của Chính phủ Việt Nam trong thực hiện công tác phòng, chống mua bán người
2.	120	Chuyên mục: Vì chủ quyền an ninh biên giới	Định kỳ hàng tháng	Nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bộ Chỉ huy BĐ Biên phòng tỉnh phối hợp với Trung tâm truyền thông tỉnh Quảng Ninh	Tuyên truyền về kết quả đấu tranh của BĐBP của tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (lồng ghép các nội dung tuyên truyền khác)

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
3.	237	Tập huấn kỹ năng tư vấn, tuyên truyền về phòng, chống mại dâm, ma túy và mua bán người	Năm 2013-2023 tại các xã, phường, thị trấn	Lãnh đạo, công an, cán bộ UBND cấp xã, trưởng thôn khu và người dân có uy tín trong cộng đồng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Phổ biến chính sách pháp luật về phòng, chống mại dâm, ma túy và mua bán người; kỹ năng phòng ngừa
4.	105	Tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề về Phòng chống tệ nạn xã hội và phòng chống mua bán người	Năm 2013-2023 tại các cơ sở giáo dục	Lãnh đạo quản lý, giáo viên, học sinh sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng, GDTX, THPT.	Sở lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên đề về Phòng chống tệ nạn xã hội và phòng chống mua bán người
5.	85	Tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề về Phòng chống tệ nạn xã hội và phòng chống mua bán người	Năm 2013-2023 tại các khu công nghiệp, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ	Lãnh đạo, quản lý người lao động	Công an tỉnh Quảng Ninh	Chuyên đề về Phòng chống tệ nạn xã hội và phòng chống mua bán người
6.	120.000	Tờ rơi, panô tuyên truyền	Năm 2019-2023; địa bàn toàn tỉnh	Nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Công an tỉnh Quảng Ninh	Tuyên truyền về phòng, chống tội phạm mua bán người, tệ nạn xã hội
7.	20.000	Sổ tay (sách mỏng)	Năm 2017-2023; địa bàn toàn tỉnh	Nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Công an tỉnh Quảng Ninh	Hỏi đáp chính sách pháp luật về phòng, chống mua bán người.
8.	01	Hội nghị tuyên truyền phòng, chống mua bán người	Ngày 18/10/2023, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	Khoảng 850 đại biểu gồm: Đại diện lãnh đạo UBND huyện Thủy Nguyên, Đại diện lãnh đạo Công an huyện Thủy Nguyên...	Công an huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	Tuyên truyền các kỹ năng phòng, chống mua bán người; cảnh báo phương thức, thủ đoạn phạm tội, thông tin các đường dây nóng...

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
9.	01	Hội nghị tuyên truyền phòng, chống mua bán người	Ngày 27/10/2023, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng	Khoảng 500 đại biểu gồm: Đại diện lãnh đạo UBND quận Đồ Sơn, đại diện lãnh đạo Công an quận Đồ Sơn, đại diện TAND, BKSND, Phòng Lao động - Thương binh và xã hội Đồ Sơn	Công an quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng	Tuyên truyền các văn bản QPPL về phòng, chống mua bán người: nội dung Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em; Luật Phòng, chống mua bán người...
10.	05	Tuyên truyền thực hiện Đề án “Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân vùng biên giới, hải đảo” nâng cao nhận thức pháp luật cho nhân dân, ngư dân trên khu vực biên giới biển Hải Phòng, thực hiện sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật	Hàng năm, TP Hải Phòng	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Công an thành phố, Cục Hải Quan thành phố, chính quyền địa phương các quận, huyện khu vực biên giới biển thành phố	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố Hải Phòng phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương.	Tổ chức tuyên truyền về phòng chống ma túy, phòng chống mại dâm, mua bán người; tuyên truyền về thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ...
11.	10	Hội nghị tuyên truyền phổ biến pháp luật hàng năm	Hàng năm, TP Hải Phòng	Cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan, ban ngành, đoàn thể	Phòng tư pháp chủ trì, CA các quận/huyện phối hợp	- Tuyên truyền các văn bản pháp luật mới ban hành; - Các phương thức, thủ đoạn hoạt động phạm tội của tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và tội phạm

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
						buôn bán người.
12.	10	Hội nghị tuyên truyền phổ biến pháp luật hằng năm	Hàng năm, các huyện An Dương, Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo TP Hải Phòng	Bí thư, Trưởng thôn, Hội phụ nữ, Hội nông dân, các gia đình có nạn nhân bị mua bán trở về, hộ gia đình có người kết hôn có yếu tố nước ngoài, hộ gia đình có người nghiện ma túy tại các xã của huyện An Dương, Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Công an thành phố và các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan	- Tuyên truyền công tác phòng, chống mua bán người, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về, công tác điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế methadone...
13.	480	Tuyên truyền phòng, chống tội phạm trên Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng.	01 số/ tuần, địa bàn TP. Hải Phòng	Toàn thể nhân dân	Công an thành phố, các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn thành phố phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình thành phố Hải Phòng	Xây dựng các phóng sự, chương trình chuyên thông, bản tin tuyên truyền phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao, tội phạm mua bán người...
14.	01	Hội thảo triển khai Dự án “Truyền thông phòng, chống mua bán người và nô lệ thời hiện đại”	Ngày 02/3/2023	Đại diện các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương liên quan	Trung ương Hội LHPN Việt Nam phối hợp với Tổ chức Di cư quốc tế (IOM) và Hội LHPN Thành phố Hải Phòng	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống mua bán người; tư vấn, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán; tư vấn hỗ trợ phụ nữ di cư an toàn...
15.	01	Hội nghị tập huấn chuyên sâu Bộ luật	Ngày 09/01/2018;	300 cán bộ chỉ huy cấp đội trở lên trong Công an tỉnh	Công an tỉnh Điện Biên	Tập huấn chuyên sâu Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
		Hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự	Công an tỉnh Điện Biên			
16.	01	Lớp tập huấn nghiệp vụ pháp luật	Công an tỉnh Điện Biên	162 đồng chí Công an viên	Công an tỉnh Điện Biên	Tập huấn nghiệp vụ pháp luật
17.	01	Lớp tập huấn kỹ năng lấy lời khai, chiến thuật hỏi cung bị can	Công an tỉnh Điện Biên	120 cán bộ làm công tác điều tra và 17 kiểm sát viên cấp tỉnh	Công an tỉnh Điện Biên	Kỹ năng lấy lời khai, chiến thuật hỏi cung bị can
18.	19	Lớp tập huấn về công tác phòng, chống tội phạm mua bán người	Công an tỉnh Điện Biên	674 cán bộ là trưởng, phó công an xã, công an viên và cán bộ các ban ngành, đoàn thể cơ sở	Công an tỉnh Điện Biên	Công tác phòng, chống tội phạm mua bán người
19.	01	Hội nghị trực tuyến quán triệt Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành	Ngày 12/12/2021; Công an tỉnh Điện Biên	Đại diện một số sở, ngành, Công an tỉnh, Công an huyện	Công an tỉnh Điện Biên	Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
20.	01	Hội nghị tập huấn	Năm 2022, tại tỉnh Kon Tum	80 cán bộ, chiến sĩ Công an cấp tỉnh, huyện, xã	Công an tỉnh Kon Tum	Tập huấn công tác điều tra thân thiện với trẻ em và người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật; công tác phòng, chống tội phạm mua bán người
21.	01	Hội nghị tập huấn	Năm 2023, tại tỉnh Kon Tum	80 cán bộ, chiến sĩ Công an cấp tỉnh, huyện, xã	Công an tỉnh Kon Tum	Tập huấn công tác điều tra thân thiện với trẻ em và người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật; công tác phòng, chống tội phạm mua bán

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
						người
22.	01	Hội nghị	Tháng 7/2013, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Ban Giám đốc, Công an các đơn vị, địa phương	Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Phổ biến Công ước và Nghị định thư
23.	10	Các hội nghị, hội thảo, chương trình tập huấn	- Hằng năm; - Công an tỉnh và các địa phương	Ban Giám đốc, Công an các đơn vị, địa phương	- Công an tỉnh Thừa Thiên Huế - Công an các địa phương	Phổ biến pháp luật của Việt Nam có liên quan
24.	240	Chuyên mục phát thanh Vì An ninh Tổ quốc	- Hàng tuần; - Công an tỉnh.	Toàn thể nhân dân trên địa bàn	Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Phổ biến pháp luật của Việt Nam có liên quan trên các chương trình phát thanh, truyền hình
25.	240	Chương trình phát thanh tại địa phương	- Hàng tuần; - Các xã, phường, thị trấn	Toàn thể nhân dân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Công an các xã, phường, thị trấn tham mưu UBND cấp xã tổ chức	Phổ biến pháp luật của Việt Nam có liên quan
26.	01	Hội nghị triển khai công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em	- Thời gian: 17/6/2013 - Địa điểm: Công an tỉnh Sóc Trăng	Lãnh đạo Công an các đơn vị, địa phương	Công an tỉnh Sóc Trăng	Triển khai các nội dung cơ bản của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
27.	01	Hội nghị triển khai Luật Phòng, chống mua bán người và các văn bản hướng dẫn thi hành	- Thời gian: 12/01/2014 - Địa điểm: Công an tỉnh Sóc Trăng	Lãnh đạo Công an các đơn vị, địa phương	Công an tỉnh Sóc Trăng	Triển khai các nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống mua bán người, Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người và Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ
28.	01	Hội nghị triển khai Luật Phòng, chống khủng bố	- Thời gian: 13/10/2013 - Địa điểm: Công an tỉnh Sóc Trăng	Lãnh đạo Công an các đơn vị, địa phương	Công an tỉnh Sóc Trăng	Triển khai các nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống khủng bố và những văn bản hướng dẫn có liên quan
29.	01	Hội nghị triển khai Bộ luật Hình sự 2015	- Thời gian: 12/12/2015 - Địa điểm: Công an tỉnh Sóc Trăng	Lãnh đạo Công an các đơn vị, địa phương	Công an tỉnh Sóc Trăng	Triển khai các nội dung cơ bản của Bộ luật Hình sự năm 2015
30.	01	Hội nghị triển khai Bộ luật Hình sự 2015	- Thời gian: 20/7/2017	Lãnh đạo Công an các đơn vị, địa phương	Công an tỉnh Sóc Trăng	Triển khai các mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
		(sửa đổi, bổ sung năm 2017)	- Địa điểm: Công an tỉnh Sóc Trăng			sung năm 2017)
31.	01	Tập huấn	Năm 2022, tại tỉnh Bến Tre	Lực lượng Công an huyện, xã (404 lượt)	Công an tỉnh Bến Tre	Tập huấn công tác điều tra thân thiện với trẻ em và người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật; công tác phòng, chống tội phạm mua bán người.
32.	810	Chương trình tuyên truyền pháp luật, tập huấn kỹ năng tự vệ	Từ ngày 18/4/2013 đến ngày 18/4/2023 tại tỉnh Bến Tre	Nhân dân, đoàn viên, thanh niên, học sinh (172.305 lượt)	Công an các đơn vị, địa phương tỉnh Bến Tre phối hợp với chính quyền, địa phương, Trường học,...	Tuyên truyền, phổ biến các nội dung liên quan đến phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm mua bán người.
33.	8.000	Tin, bài, tài liệu tuyên truyền	Từ ngày 18/4/2013 đến ngày 18/4/2023 tại tỉnh Bến Tre	Nhân dân (photo gửi tài liệu để sinh hoạt trong các cuộc họp Tổ Nhân dân tự quản hàng tháng; đăng tải tin bài trên Cổng Thông tin điện tử và các trang mạng xã hội...)	Công an các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan thuộc tỉnh Bến Tre	Tài liệu tuyên truyền, phổ biến các nội dung liên quan đến phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm mua bán người
34.	04	Chương trình truyền hình (ANTV)	Từ ngày 18/4/2013 đến ngày 18/4/2023 trên Đài Truyền hình Bến Tre, Chương trình	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Công an tỉnh Bến Tre	Bản tin, cảnh giác, phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm mua bán người.

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
			ANTV			
35.	34	Tập huấn, quán triệt nội dung Luật Phòng, chống mua bán người	Hàng năm, Công an các đơn vị, địa phương thuộc Công an tỉnh Nghệ An	Cán bộ, chiến sỹ trong Công an tỉnh	Công an các đơn vị, địa phương thuộc Công an tỉnh Nghệ An	Các quy định pháp luật về phòng, chống mua bán người
36.	46	Tuyên truyền pháp luật về phòng, chống mua bán người gắn với hưởng ứng thiết thực “Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người - 30/7”	Hàng năm, Công an các đơn vị, địa phương thuộc Công an tỉnh Nghệ An	Cán bộ, nhân dân tại các địa phương	Công an các đơn vị, địa phương thuộc Công an tỉnh Nghệ An	Quy phạm pháp luật; các phương thức, thủ đoạn của tội phạm mua bán người
37.	116	Phóng sự tuyên truyền về phòng chống mua bán người	Hàng tháng, địa bàn tỉnh Nghệ An	Cán bộ, nhân dân tại các địa phương	Công an tỉnh phối hợp Đài phát thanh, truyền hình Nghệ An	Có lồng ghép nội dung về phòng, chống mua bán người
38.	110	Chương trình phát thanh “Vì an ninh trên quê hương Xô Viết”	Hàng tháng, địa bàn tỉnh Nghệ An	Cán bộ, nhân dân tại các địa phương	Công an tỉnh phối hợp Đài phát thanh, truyền hình Nghệ An	Có lồng ghép nội dung về phòng, chống mua bán người
39.	8000	Tài liệu tuyên truyền (pano, sô tay, băng rôn, file âm thanh...)	Hàng tháng, địa bàn tỉnh Nghệ An	Cán bộ, nhân dân tại các địa phương	Công an các đơn vị, địa phương tỉnh Nghệ An	Pháp luật về phòng, chống mua bán người
40.	01	Mít tinh, điều hành hưởng ứng “Ngày	Tháng 7/2020, UBND tỉnh	Phó Thủ tướng Chính phủ, đại diện lãnh đạo bộ, ngành, Tỉnh	UBND tỉnh Nghệ An	Pháp luật về phòng, chống mua

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
		toàn dân phòng, chống mua bán người 30/7”	Nghệ An	ủy, UBND, HƢND, UBND, tổ chức quốc tế và nhân dân	phối hợp Cục C02...	bán người
41.	326	Tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở	01 lần 1 tuần, địa bàn tỉnh Nghệ An	Cán bộ, nhân dân tại các địa phương	UBND huyện Kỳ Sơn, Tương Dương tỉnh Nghệ An	Pháp luật, phương thức, thủ đoạn của tội phạm mua bán người
42.	176 (cuộc đối thoại, tọa đàm, phỏng vấn); 192 (cuộc thi tìm hiểu các cấp); 1.232 (buổi tuyên truyền lưu động); 9.856 (buổi truyền thông hộ gia đình);	Tin, bài, tài liệu tuyên truyền, giáo dục pháp luật liên quan đến phòng chống tội phạm xuyên quốc gia	Trên báo Hải Dương, Đài PTTH Hải Dương, Đài PT&TH huyện, thị xã, thành phố; Trang thông tin Công an tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã; Trường học, khu, cụm dân cư; các cơ quan, doanh nghiệp; truyền thông hộ gia đình; hội thi tìm hiểu; sân khấu hoá; đối thoại chính sách, tọa đàm; chuyên	Cán bộ, đảng viên, giáo viên, học sinh, công nhân, người lao động...	UBND cấp huyện, cấp xã; Sở Lao động thương binh và xã hội; Liên đoàn lao động tỉnh; liên đoàn lao động cấp huyện; Phòng giáo dục; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương	Tuyên truyền, giáo dục pháp luật liên quan đến phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; phương thức thủ đoạn, địa bàn trọng điểm của tội phạm mua bán người; thông tin về quyền của nạn nhân; các hoạt động hỗ trợ, tư vấn, tiếp nhận thông tin dành cho nạn nhân; đối tượng có nguy cơ cao trở thành nạn nhân; thông điệp về phòng, chống mua bán người, về di cư an toàn; tổ chức mít tinh Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người với chủ đề “Mở rộng vòng tay tới nạn nhân mua bán người để không ai bị bỏ lại phía sau”.

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
	2.520 (tin, bài)		trang, chuyên mục			
43.	01	Hội nghị tuyên truyền phòng, chống mua bán người tại quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng	Ngày 27/10/2023, TP Hải Phòng	Khoảng 500 đại biểu gồm: Đại diện lãnh đạo UBND quận Đồ Sơn, đại diện lãnh đạo Công an quận Đồ Sơn, đại diện TAND, VKSND, Phòng Lao động - Thương binh, và xã hội Đồ Sơn	Công an quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng	Tuyên truyền các văn bản QPPL về phòng, chống mua bán người; nội dung Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em; Luật Phòng, chống mua bán người...
44.	01	Hội nghị tuyên truyền phòng, chống mua bán người tại huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng	Ngày 18/10/2023, TP Hải Phòng	Khoảng 850 đại biểu gồm: đại diện lãnh đạo UBND huyện Thủy Nguyên, đại diện lãnh đạo Công an	Công an huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng	Tuyên truyền các kỹ năng phòng, chống mua bán người; cảnh báo phương thức, thủ đoạn phạm tội, thông tin các đường dây nóng...
45.	01	Chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tình hình hoạt động của tội phạm mua bán người	Ngày 16/9/2023, tại Trường Trung học phổ thông Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Đoàn viên, thanh niên huyện Sơn Dương và học sinh của Trường THPT huyện Sơn Dương	Ban Thanh niên Công an tỉnh tỉnh Tuyên Quang đã phối hợp với Ban Thanh niên Văn phòng Bộ Công an, Khoa Luật - Học viện Chính trị Công an nhân dân	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tình hình hoạt động của tội phạm mua bán người với những thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp và có xu hướng gia tăng
46.	02	Lớp tập huấn kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật	Năm 2016, 2018; tại Công an tỉnh Đồng Tháp	Lực lượng điều tra, trinh sát; Công an cấp xã.	Công an tỉnh Đồng Tháp	Lồng ghép nội dung Công ước, Nghị định thư

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
47.	04	Lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ và triển khai chính sách pháp luật	Năm 2015, 2017, 2019, 2022; tại Công an tỉnh Đồng Tháp	Công an Cấp huyện; cấp xã	Công an tỉnh Đồng Tháp	Lồng ghép nội dung Công ước, Nghị định thư
48.	24	Bộ tài liệu tuyên truyền PCMBN và một số văn bản liên quan	Năm 2014, tại Công an tỉnh Đồng Tháp		Công an tỉnh Đồng Tháp	Phòng, chống mua bán người; hợp tác quốc tế
49.	01	Triển khai BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); một số văn bản liên quan PCTP	Năm 2018, tại Công an tỉnh Đồng Tháp	Các đơn vị nghiệp vụ; Công an cấp huyện; cấp xã	Công an tỉnh Đồng Tháp	Điểm mới của BLHS; một số tội danh; có tội phạm mua bán người

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
50.	326	<ul style="list-style-type: none"> - Phát thanh trên Đài phát thanh - Kè vẽ pano, áp phích - Viết tin bài, phóng sự - Tuyên truyền pháp luật tại các trường học 	Hàng năm, tại địa bàn tỉnh Hưng Yên	Cán bộ, nhân dân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp Sở thông tin và truyền thông tỉnh Hưng Yên - Phối hợp UBND các huyện, thị xã, TP - Phối hợp với Đài truyền hình tỉnh - Phối hợp với Sở giáo dục, trường học 	Chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia và phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống mua, bán người, các phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm để nâng cao ý thức cảnh giác, chủ động phòng ngừa, đấu tranh của người dân
51.	02	Hội nghị triển khai văn bản luật có liên quan đến lĩnh vực ANTT	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: tháng 4/2015, tháng 3/2019. - Địa điểm: Công an tỉnh Vĩnh Long 	Cán bộ, chiến sĩ Công an tỉnh Vĩnh Long	Công an tỉnh Vĩnh Long	Triển khai văn bản luật có liên quan đến lĩnh vực ANTT (lồng ghép triển khai nội dung công ước chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em; Luật Phòng, chống mua bán người...)
52.	250 (tin phát sóng); 45 (phóng	Chuyên mục Vì An ninh Tổ quốc; Đời sống và pháp luật, Đài truyền thanh cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 2013-2023. - Đài Truyền hình Vĩnh Long, 	Cán bộ, nhân dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	Công an Tỉnh Vĩnh Long	Tuyên truyền các nội dung Công ước, Nghị định thư và pháp luật của Việt Nam có liên quan; tuyên truyền về một số phương thức thủ

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
	sự); 650 (cuộc truyền thanh)	sở	Đài truyền thanh cơ sở			đoạn của tội phạm mua bán người; các biện pháp phòng chống tội phạm mua bán người.
53.	01	Hội nghị tập huấn Chuyên sâu các bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác điều tra hình sự trong Công an tỉnh	Năm 2018, Hội trường Công an tỉnh Bạc Liêu	Phó Thủ trưởng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra (440 đại biểu)	Công an tỉnh Bạc Liêu	Tập huấn Chuyên sâu các bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác điều tra hình sự trong Công an tỉnh
54.	01	Hội nghị tập huấn thực hiện Thông tư số 28/2020/TT-BCA về trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng Công an nhân dân	Năm 2020, Hội trường Công an tỉnh	Điều tra viên, Cán bộ điều tra (400 đại biểu)	Công an tỉnh Bạc Liêu	Trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng CAND theo Thông tư số 28/2020/TT-BCA
55.	01	Hội nghị tập huấn chuyên sâu một số quy định Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm	Năm 2021, Hội trường Công an tỉnh	Lực lượng làm công tác xác minh, điều tra, truy tố, xét xử của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án cấp tỉnh (230 đại biểu)	Công an tỉnh - Viện Kiểm sát - Tòa án Nhân dân tỉnh Bạc Liêu	Tập huấn chuyên sâu một số quy định Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
		2017)				
56.	01	Hội nghị tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ đang thực hiện công tác liên quan đến phòng ngừa bạo lực giới và mua bán người, nhất là lực lượng ở cấp cơ sở địa phương.	Năm 2023, Khách sạn Victory, 14 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Cán bộ phụ trách công tác phòng ngừa bạo lực giới và mua bán người	Cục V02, Bộ Công an	Hội thảo tập huấn nhằm chia sẻ nội dung cũng như cập nhật thông tin, kiến thức, kinh nghiệm quốc tế nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ đang thực hiện công tác liên quan đến phòng ngừa bạo lực giới và mua bán người nhất là lực lượng ở cơ sở, địa phương
57.	01	Hội nghị tập huấn công tác tương trợ tư pháp hình sự	Ngày 06/5/2013, Quảng Ninh	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Tập huấn công tác tương trợ tư pháp hình sự
58.	01	Hội nghị tập huấn công tác tương trợ tư pháp hình sự	Ngày 10/5/2013, Bà Rịa - Vũng Tàu	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Tập huấn công tác tương trợ tư pháp hình sự
59.	01	Hội thảo “Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự”	Ngày 03/10/2014, Hà Nội	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự
60.	01	02 Khóa tập huấn cho đối tượng học viên lớp BDNVKS và Kiểm sát viên về tương trợ tư pháp tại Hà Nội	Ngày 02-03/10; 06-07/10/2017 tại Hà Nội	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Tập huấn cho đối tượng học viên lớp BDNVKS và Kiểm sát viên về tương trợ tư pháp

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
61.	01	Hội thảo về thực tiễn thi hành luật TTTP 2007 và tập huấn công tác TTTP về hình sự trong ngành Kiểm sát nhân dân	Ngày 04/9/2019 tại Hà Nội; Ngày 06/9/2019 tại TPHCM	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Thực tiễn thi hành luật TTTP 2007 và tập huấn công tác TTTP về hình sự trong ngành Kiểm sát nhân dân
62.	01	Hội thảo ra mắt mạng lưới kiểm sát viên phòng, chống mua bán người và chia sẻ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng, chống mua bán người.	Ngày 09 - 10/6/2020 tại Thanh Hóa	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Ra mắt mạng lưới kiểm sát viên phòng, chống mua bán người và chia sẻ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng, chống mua bán người.
63.	01	Tập huấn đào tạo cho các cán bộ làm công tác giảng dạy về kỹ năng kiểm sát giải quyết các vụ án mua bán người	Ngày 14 - 16/10/2020 tại Hạ Long	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Đào tạo cho các cán bộ làm công tác giảng dạy về kỹ năng kiểm sát giải quyết các vụ án mua bán người
64.	01	Tập huấn nâng cao nhận thức trong phòng, chống tội phạm mua bán người	Ngày 13 - 15/01/2021 tại Phú Quốc	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Nâng cao nhận thức trong phòng, chống tội phạm mua bán người
65.	01	Tập huấn hướng dẫn	Ngày 11 -	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân	Viện Kiểm sát nhân	Hướng dẫn kỹ năng giải quyết các

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
		kỹ năng giải quyết các vụ án mua bán người, giải đáp khó khăn, vướng mắc của các địa phương trong quá trình kiểm sát giải quyết các vụ án	13/11/2021 tại Hà Nội	có liên quan	dân tối cao	vụ án mua bán người, giải đáp khó khăn, vướng mắc của các địa phương trong quá trình kiểm sát giải quyết các vụ án
66.	01	Tập huấn chuyên sâu trực tiếp kết hợp trực tuyến về kỹ năng giải quyết các vụ án buôn bán người	Ngày 15 - 16/11/2021 tại Hà Nội	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Kỹ năng chuyên sâu về giải quyết các vụ án buôn bán người
67.	01	Hội thảo “Xây dựng quy trình hướng dẫn về TTTP trong giải quyết vụ án mua bán người”	Ngày 26 - 27/11/2021 tại Hà Nội	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Xây dựng quy trình hướng dẫn về TTTP trong giải quyết vụ án mua bán người
68.	01	Hội thảo tăng cường cơ chế hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia	Ngày 08/9/2022 tại Đà Nẵng	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Tăng cường cơ chế hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia
69.	01	Tập huấn tăng cường năng lực cho kiểm sát	Ngày 18 - 19/8/2022 tại	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Tăng cường năng lực cho kiểm sát viên trong thực hành quyền công tố

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
		viên trong thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết các vụ án mua bán người	Hải Phòng			và kiểm sát việc giải quyết các vụ án mua bán người
70.	01	Tập huấn luật tương trợ tư pháp	Ngày 26 - 27/9/2022 tại Thừa Thiên - Huế	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	
71.	01	Tập huấn tăng cường năng lực cho kiểm sát viên trong thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết các vụ án mua bán người	Ngày 22 - 23/9/2022 tại Bà Rịa - Vũng Tàu	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Tăng cường năng lực cho kiểm sát viên trong thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết các vụ án mua bán người
72.	01	Hội thảo về tổng kết 14 năm thực hiện công tác TTTP về hình sự theo Luật TTTP năm 2007; giới thiệu nội dung sổ tay công tác TTTP về hình sự; hướng dẫn lập yêu cầu TTTP về hình sự gửi đi nước	Ngày 30/11/2022 tại Hà Nội; Ngày 02/12/2022 tại TP.HCM	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Tổng kết 14 năm thực hiện công tác TTTP về hình sự theo Luật TTTP năm 2007; giới thiệu nội dung sổ tay công tác TTTP về hình sự; hướng dẫn lập yêu cầu TTTP về hình sự gửi đi nước ngoài và nước ngoài gửi Việt Nam

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
		ngoài và nước ngoài gửi Việt Nam.				
73.	01	Tọa đàm về Tìm hiểu thực trạng, khó khăn trong công tác xử lý, đấu tranh phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, tập trung vào các loại tội phạm như: ma túy, buôn bán người, buôn bán động vật hoang dã, buôn lậu và rửa tiền.	Ngày 07/6/2022 tại TP.HCM	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Tìm hiểu thực trạng, khó khăn trong công tác xử lý, đấu tranh phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, tập trung vào các loại tội phạm như: ma túy, buôn bán người, buôn bán động vật hoang dã, buôn lậu và rửa tiền.
74.	01	Tập huấn tăng cường năng lực cho kiểm sát viên trong thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết các vụ án mua bán người	Ngày 15 - 16/12/2022 tại Gia Lai; Ngày 16-17/3/2023 tại Lào Cai	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Tăng cường năng lực cho kiểm sát viên trong thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết các vụ án mua bán người
75.	01	Tập huấn cho kiểm sát viên và giảng viên nguồn về kỹ năng tố tụng thân thiện với người chưa thành	Ngày 28/12/2022 tại Hà Nội	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Kỹ năng tố tụng thân thiện với người chưa thành niên khi giải quyết các vụ án xâm hại tình dục có nạn nhân là người chưa thành

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
		niên khi giải quyết các vụ án xâm hại tình dục có nạn nhân là người chưa thành niên				niên
76.	01	Tập huấn về công tác Tương trợ tư pháp về hình sự	Ngày 20-21/7/2023 tại Đà Nẵng	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Công tác Tương trợ tư pháp về hình sự
77.	01	Tập huấn về công tác Tương trợ tư pháp về hình sự	Ngày 24-25/7/2023 tại TP.HCM	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Công tác Tương trợ tư pháp về hình sự
78.	01	Tập huấn giới thiệu về các mạng lưới khu vực cho các liên hệ trực tiếp không chính thức giữa các Cơ quan Trung ương, các nguyên tắc dẫn độ và tương trợ tư pháp, hướng dẫn cách xây dựng một yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự	Ngày 14-17/8/2023 tại Ninh Bình	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Giới thiệu về các mạng lưới khu vực cho các liên hệ trực tiếp không chính thức giữa các Cơ quan Trung ương, các nguyên tắc dẫn độ và tương trợ tư pháp, hướng dẫn cách xây dựng một yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự
79.	01	Tập huấn luật tương trợ tư pháp	Ngày 24-25/8/2023 tại	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Tập huấn luật tương trợ tư pháp

STT	Tổng số	Tên cụ thể	Thời gian, địa điểm	Thành phần tham dự	Cơ quan, đơn vị tổ chức	Nội dung
			Vĩnh Phúc			
80.	(Sách, giáo trình, tài liệu)	Tuyên truyền về chính sách, pháp luật của Nhà nước, phương thức, thủ đoạn hoạt động tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội mua bán người, đặc biệt là mua bán phụ nữ và trẻ em	Hàng năm, tại các điểm Trường; Nhà văn hóa, sinh hoạt, học tập cộng đồng; khu dân cư,...	Các tầng lớp Nhân dân; cán bộ, công chức, học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh	Lực lượng Công an tỉnh Bạc Liêu	Tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về chính sách, pháp luật của Nhà nước, phương thức, thủ đoạn hoạt động tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội mua bán người, đặc biệt là mua bán phụ nữ và trẻ em
81.	(Các chương trình phát thanh, truyền hình)	Các phóng sự: "Đằng sau vẻ hào nhoáng của các cuộc hôn nhân ngoại quốc" (VTV); "Cuộc đấu trí với bọn buôn người" (Đài PHTH tỉnh Bạc Liêu); "Bi kịch giấc mơ chồng ngoại"; "Nước mắt ngày trở về vì tin lời việc nhẹ, lương cao"; "Bạc Liêu triệt xóa đường dây mua bán người"; ...	Thường xuyên các báo, đài Trung ương, địa phương, TTXVN,...	Tuyên truyền rộng rãi đến các tầng lớp Nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng	Lực lượng Công an tỉnh Bạc Liêu	Tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về chính sách, pháp luật của Nhà nước, phương thức, thủ đoạn hoạt động tội phạm mua bán người

2. Bảng 2: Thống kê các văn bản QPPL đã tham mưu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung liên quan đến phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia

STT	Tên văn bản QPPL đã tham mưu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung liên quan đến phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Tình trạng (đang đề xuất/ đã ban hành)	Cơ quan, đơn vị tham mưu	Cơ quan, đơn vị phối hợp
1.	Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Hình sự, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự, Luật Biên phòng Việt Nam, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam; Luật Phòng, chống mua bán người; Luật Phòng chống ma túy; Luật Phòng, chống rửa tiền; Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Tương trợ tư pháp; Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; Luật Xử lý vi phạm hành chính; các Luật, Nghị định, Thông tư liên quan đến công tác quản lý bảo vệ biên giới quốc gia, phòng chống tội phạm, ma túy, buôn lậu vũ khí, mua bán người	Đã ban hành	VKSND tối cao; Chính phủ	Các bộ ngành thuộc Chính phủ
2.	Luật Dẫn độ	Đang đề xuất	Bộ Công an	Các bộ ngành thuộc Chính phủ
3.	Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù	Đang đề xuất	Bộ Công an	Các bộ ngành thuộc Chính phủ
4.	Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi)	Đã đề xuất sửa đổi, đang hoàn chỉnh hồ sơ và dự thảo Luật	Bộ Công an	Các bộ ngành thuộc chính phủ
5.	Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15 của Ủy ban	Đã ban hành	Ủy ban Thường vụ Quốc	Các bộ ngành thuộc chính

STT	Tên văn bản QPPL đã tham mưu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung liên quan đến phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Tình trạng (đang đề xuất/ đã ban hành)	Cơ quan, đơn vị tham mưu	Cơ quan, đơn vị phối hợp
	Thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc		hội	phủ
6.	Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/07/2019 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tham nhũng	Đã ban hành	Thanh tra Chính phủ	Các bộ ngành thuộc chính phủ
7.	Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị	Đã ban hành	Thanh tra Chính phủ	Các bộ ngành thuộc chính phủ
8.	Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền	Đã ban hành	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ ngành thuộc chính phủ
9.	Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của Bộ luật hình sự	Đã ban hành	Tòa án nhân dân tối cao	Các bộ ngành thuộc chính phủ
10.	Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng	Đã ban hành	Tòa án nhân dân tối cao	Các bộ ngành thuộc chính phủ

STT	Tên văn bản QPPL đã tham mưu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung liên quan đến phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Tình trạng (đang đề xuất/ đã ban hành)	Cơ quan, đơn vị tham mưu	Cơ quan, đơn vị phối hợp
	và tội phạm khác về chức vụ			
11.	Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự	Đã ban hành	VKSND tối cao	BCA-BQP
12.	Thông tư liên tịch số 03/2020/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC ngày 11/12/2020 bãi bỏ Thông tư liên tịch số 06/2012/TTLT -BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC ngày 05/5/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về tội khủng bố và tội tài trợ khủng bố;	Đã ban hành	Bộ Công an	BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC
13.	Thông tư liên tịch số 02/2023/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/03/2023 quy định về phối hợp trao đổi thông tin trong điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền, tài trợ khủng bố.	Đã ban hành	Bộ Công an	VKSNDTC-TANDTC
14.	Thông tư số 09/2023/TT-NHNN ngày 28/7/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền	Đã ban hành	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ ngành thuộc chính phủ
15.	Thông tư liên tịch giữa Bộ Công an, VKSNDTC, TANDTC trong điều tra, truy tố, xét xử tội rửa tiền	Đang xây dựng	Bộ Công an	Các bộ ngành thuộc chính phủ

STT	Tên văn bản QPPL đã tham mưu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung liên quan đến phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Tình trạng (đang đề xuất/ đã ban hành)	Cơ quan, đơn vị tham mưu	Cơ quan, đơn vị phối hợp
	và tài trợ khủng bố, phong tỏa tài khoản, kê biên, tạm giữ, niêm phong tài sản nghi vấn do phạm tội mà có hoặc tài trợ cho các đối tượng khủng bố, chống Đảng, Nhà nước, thu hồi tài sản phi pháp			
16.	Thông tư liên tịch quy định quan hệ phối hợp thực hiện một số hoạt động hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự	Đang xây dựng	Bộ Công an	Các bộ ngành thuộc chính phủ
17.	Thông tư liên tịch giữa Bộ Công an, VKSND Tối cao, TAND Tối cao trong điều tra, truy tố, xét xử tội rửa tiền và tài trợ khủng bố, phong tỏa tài khoản, kê biên, tạm giữ, niêm phong tài sản nghi vấn do phạm tội mà có hoặc tài trợ cho các đối tượng khủng bố, chống Đảng, Nhà nước, thu hồi tài sản phi pháp.	Đang xây dựng	Bộ Công an	Các bộ ngành thuộc chính phủ
18.	Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP, ngày 13/12/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp Quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế.	Đã ban hành	VKSND tối cao	TANDTC - BCA - BTP
19.	Thông tư liên tịch số 01/2022/TTLT-BKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BLĐT BXH ngày 18/02/2022	Đã ban hành	VKSND tối cao	TANDTC - BCA - BQP-BLĐT BXH

STT	Tên văn bản QPPL đã tham mưu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung liên quan đến phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Tình trạng (đang đề xuất/ đã ban hành)	Cơ quan, đơn vị tham mưu	Cơ quan, đơn vị phối hợp
	quy định về phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi			
20.	Nghị quyết số 213/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của HĐND tỉnh “về việc hỗ trợ kinh phí nâng cao chất lượng công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội giai đoạn 2015-2020”	Đã ban hành	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh	Công an tỉnh, Sở Tài chính và các ngành thành viên Ban chỉ đạo 138/QN
21.	Nghị quyết số 314/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021-2025.	Đã ban hành	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh	Công an tỉnh, Sở Tài chính và các ngành thành viên Ban chỉ đạo 138/QN
22.	Quyết định số 2490/2015/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh về “hỗ trợ kinh phí nâng cao chất lượng công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội giai đoạn 2015-2020”.	Đã ban hành	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh	Công an tỉnh, Sở Tài chính và các ngành thành viên Ban chỉ đạo 138/QN
23.	Quyết định số 121/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh v/v Ban hành quy chế hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành về phòng, chống tệ nạn mại dâm tỉnh Quảng Ninh	Đã ban hành	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh	Công an tỉnh, Sở Tài chính và các ngành thành viên Ban chỉ đạo 138/QN
24.	Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn	Đã ban hành	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh	Sở Tài chính, Sở Y tế, UBND các địa phương

STT	Tên văn bản QPPL đã tham mưu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung liên quan đến phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Tình trạng (đang đề xuất/ đã ban hành)	Cơ quan, đơn vị tham mưu	Cơ quan, đơn vị phối hợp
	khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh			
25.	Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Đã ban hành	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính, Sở Y tế, UBND các địa phương
26.	Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 Quy định chính sách cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hỗ trợ lực lượng chuyên trách phòng chống tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Đã ban hành	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh	Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở Y tế, UBND các địa phương
27.	Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về tội mua bán người và tội mua bán người dưới 16 tuổi của Bộ luật Hình sự	Đã ban hành	Công an tỉnh Điện Biên	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
28.	Thông tư hướng dẫn sử dụng và quản lý các loại giấy tờ trong công tác dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù và các hoạt động hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân	Đã ban hành	Công an tỉnh Điện Biên	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
29.	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người về cơ sở hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ nạn nhân bị mua bán	Đang đề xuất	Công an tỉnh Nghệ An	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

STT	Tên văn bản QPPL đã tham mưu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung liên quan đến phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Tình trạng (đang đề xuất/ đã ban hành)	Cơ quan, đơn vị tham mưu	Cơ quan, đơn vị phối hợp
30.	Dự thảo Thông tư liên tịch quy định về môi quan hệ phối hợp thực hiện một số hoạt động hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự	Đang đề xuất	Công an tỉnh Nghệ An	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

3. Bảng 3: Hội nghị, hội đàm hợp tác với nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia

STT	Tên các Hội nghị, hội đàm với nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Thời gian, địa điểm tổ chức	Thành phần tham dự	Cơ quan tổ chức	Nội dung
1.	Hội nghị thường niên đánh giá kết quả phối hợp thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam - Lào về phòng, chống MBN	Năm 2013, Hà Nội	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam, Lào	Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng Lào và Việt Nam	Đánh giá kết quả phối hợp thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam - Lào về phòng, chống MBN
2.	Hội nghị thường niên chống tội phạm MBN giữa Trung Quốc và Việt Nam	Năm 2013, Trung Quốc	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam, Trung Quốc	Bộ Quốc phòng Việt Nam và Trung Quốc	Đánh giá công tác chống tội phạm MBN giữa Trung Quốc và Việt Nam
3.	Hội nghị thường niên đánh giá kết quả phối hợp thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam - Lào về phòng chống MBN	Năm 2014, Lào	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam, Lào	Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng Lào và Việt Nam	Đánh giá kết quả phối hợp thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam - Lào về phòng chống MBN
4.	Hội nghị thường niên chống tội phạm MBN giữa Trung Quốc và Việt Nam	Năm 2014, Trung Quốc	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam, Trung Quốc	Bộ Quốc phòng Việt Nam và Trung Quốc	Đánh giá công tác chống tội phạm MBN giữa Trung Quốc và Việt Nam
5.	Hội nghị thường niên đánh giá kết quả phối hợp thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam - Lào về phòng, chống MBN	Năm 2015, Hà Nội	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam, Lào	Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng Lào và Việt Nam	Đánh giá kết quả phối hợp thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam - Lào về phòng, chống MBN
6.	Hội nghị thường niên chống tội phạm MBN giữa Trung Quốc và	Năm 2015, Việt Nam	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của	Bộ Quốc phòng Việt Nam và Trung	Đánh giá công tác chống tội phạm MBN giữa Trung Quốc

	Việt Nam		Việt Nam, Trung Quốc	Quốc	và Việt Nam
7.	Hội nghị thường niên chống tội phạm MBN giữa Trung Quốc và Việt Nam	Năm 2016, Trung Quốc	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam, Trung Quốc	Bộ Quốc phòng Việt Nam và Trung Quốc	Đánh giá công tác chống tội phạm MBN giữa Trung Quốc và Việt Nam
8.	Hội nghị thường niên đánh giá kết quả phối hợp thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam - Lào về phòng, chống MBN	Năm 2016, Lào	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam, Lào	Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng Việt Nam, Lào	Đánh giá kết quả phối hợp thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam - Lào về phòng, chống MBN
9.	Tập huấn công tác PCMT&TP, quản lý BVBG, chống XNCTP	Năm 2017, Trung Quốc	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam	Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng Việt Nam, Trung Quốc	Tập huấn công tác PCMT&TP, quản lý BVBG, chống XNCTP
10.	Hội nghị thường niên chống tội phạm MBN giữa Trung Quốc và Việt Nam	Năm 2018, Trung Quốc	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam, Trung Quốc	Bộ Quốc phòng Việt Nam và Trung Quốc	Đánh giá công tác chống tội phạm MBN giữa Trung Quốc và Việt Nam
11.	Hội nghị thường niên đánh giá kết quả phối hợp thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam - Lào về phòng, chống MBN	Năm 2018, Hà Nội	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam, Lào	Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng Việt Nam, Lào	Đánh giá kết quả phối hợp thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam - Lào về phòng, chống MBN
12.	Làm việc với Bộ Ngoại giao Mỹ về công tác phòng, chống MBN	Năm 2018, Hà Nội	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Bộ Tư lệnh BDBP/BQP Việt Nam và Đại sứ quán Mỹ	Bộ Ngoại giao, Bộ Tư lệnh BDBP/Bộ Quốc phòng	Làm việc với Bộ Ngoại giao Mỹ về công tác phòng, chống MBN
13.	Hội nghị tổng kết cao điểm tấn công trấn áp tội phạm MBN giữa Campuchia - Lào - Việt Nam năm 2019	Năm 2019, Campuchia	Đại diện lực lượng chức năng PCTP của 3 nước	Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an Việt Nam, Lào, Campuchia	Tổng kết cao điểm tấn công trấn áp tội phạm MBN giữa CPC - Lào - Việt Nam năm 2019

14.	Tham gia Nhóm công tác chung thực hiện Hiệp định Việt Nam - Thái Lan về phòng, chống MBN và dự thảo quyết định kiện toàn Nhóm công tác liên ngành thực hiện Hiệp định	Năm 2019, Hà Nội	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam, Thái Lan	Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an Việt Nam	Tham gia Nhóm công tác chung thực hiện Hiệp định Việt Nam - Thái Lan về phòng, chống MBN và dự thảo quyết định kiện toàn Nhóm công tác liên ngành thực hiện Hiệp định
15.	Dự buổi làm việc với Tùy viên Quốc phòng, đại sứ quán Mỹ tại Việt Nam về công tác phòng chống MBN	Năm 2020, Hà Nội	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Bộ Tư lệnh BDBP/BQP Việt Nam và Đại sứ quán Mỹ	Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng Việt Nam, Đại sứ quán Mỹ	Nắm tình hình và kết quả công tác phòng chống MBN
16.	Gặp gỡ với Tổ chức di cư quốc tế (IOM) để phối hợp xây dựng tài liệu tập huấn PCMBN	Năm 2021, Hà Nội	Đại diện Cục PCMT & TP/BDBP, Đại diện IOM tại Việt Nam	Đại diện IOM và đại diện Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam	Phối hợp xây dựng tài liệu tập huấn PCMBN
17.	Tham dự buổi làm việc với Đại sứ quán Mỹ về giải trình, kiến nghị các nội dung trong báo cáo TIP năm 2021 của Bộ Ngoại giao Mỹ	Năm 2021, Hà Nội	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam. Đại sứ quán Mỹ	Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng Đại sứ quán Mỹ/TIP	Giải trình, kiến nghị các nội dung trong báo cáo TIP năm 2021 của Bộ Ngoại giao Mỹ
18.	Hội nghị trực tuyến phòng, chống tội phạm MBN ASEANAPOL	Năm 2022, Hà Nội	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam và các nước ASEAN	Văn phòng cơ quan CSĐT/ Bộ Công an	Hội nghị trực tuyến phòng, chống tội phạm MBN ASEANAPOL
19.	Làm việc với ông Samuel J. Juett, Điều phối viên Chương trình Thực thi pháp luật và Tư pháp hình sự của Cục Phòng, chống Ma túy và Thực thi pháp luật, Bộ Ngoại giao	Năm 2022, Hà Nội	Đại diện lực lượng PCMT&TP/ Bộ Tư lệnh BDBP.	Cục Đối ngoại/BQP phối hợp với BTLBP và ĐSQ Mỹ	Trao đổi tình hình về công tác PCMBN, chống di cư trái phép

	Mỹ				
20.	Hợp Nhóm làm việc Dự án Geiger về chống khủng bố sử dụng vật liệu phóng xạ, hạt nhân khu vực Đông Nam Á	Năm 2022, Pháp	Đại diện lực lượng cứu trợ PCTP, PCMBN của Việt Nam; các nước khu vực Đông Nam Á	Cục trinh sát BDBP/ Bộ Quốc phòng	Làm việc Dự án Geiger về chống khủng bố sử dụng vật liệu phóng xạ, hạt nhân khu vực Đông Nam Á
21.	Hội nghị tổ chuyên gia Việt Nam đánh giá việc thực thi Công ước UNTOC và các Nghị định thư bổ sung công ước của Nepal và Côlômbia (trực tuyến)	Năm 2022, Thái Lan	Đại diện lực lượng cứu trợ PCTP, PCMBN của Việt Nam	Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an Việt Nam	Đánh giá việc thực thi Công ước UNTOC và các Nghị định thư bổ sung công ước của Nepal và Côlômbia (trực tuyến)
22.	Hội đàm giữa Bộ Tư lệnh BDBP với Tổng cục di trú CPC.	Năm 2022, TP. Hồ Chí Minh	Đại diện lực lượng cứu trợ PCTP, PCMBN của Việt Nam và CPC	Bộ Tư lệnh BDBP	Trao đổi tình hình về công tác PCMBN, chống XNCTP.
23.	Hội nghị chống nô lệ hiện đại và MBN khu vực Châu Á-Thái Bình Dương	Năm 2023, Thái Lan	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam; các nước trong khu vực Đông Nam Á	Bộ Công an Việt Nam, Đại sứ quán Việt Nam, Thái Lan	Trao đổi tình hình về công tác PCMBN, chống di cư trái phép, chống nô lệ hiện đại và MBN khu vực Châu Á-Thái Bình Dương
24.	Làm việc với Đặc phái viên về Di cư, nô lệ hiện đại và MBN của chính phủ Anh	Năm 2023, Hà Nội	Đại diện lực lượng PCMT&TP của BDBP Việt Nam và Đại diện Đại sứ quán Anh	Cục CMT&TP/Bộ Tư lệnh BDBP	Trao đổi tình hình về công tác PCMBN và nô lệ hiện đại, chống di cư trái phép
25.	Làm việc với Đại sứ quán Niu-di-lân về công tác PCTP, PCMBN	Năm 2023, Hà Nội	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam; Đại sứ quán Niu-di-lân	Cục CMT&TP/Bộ Tư lệnh BDBP/BQP	Trao đổi tình hình về công tác PCMBN, chống di cư trái phép
26.	Làm việc với Trung tâm điều phối	Năm 2023,	Đại diện lực lượng chức	Cục CMT&TP/Bộ	Kiểm soát ma túy trong khu vực

	sông Mê Công an toàn về kiểm soát ma túy	Hà Nội	năng PCTP, PCMBN của Việt Nam	Tư lệnh BĐBP	
27.	Khóa đào tạo nghiệp vụ biên phòng về phòng, chống di cư, XNCTP qua biên giới (Trực tuyến)	Năm 2023, Trung Quốc	Đại diện lực lượng PCMT&TP/BĐBP	Bộ Kế hoạch đầu tư/Bộ Ngoại giao Việt Nam và Trung Quốc	Đào tạo nghiệp vụ biên phòng về phòng, chống di cư, XNCTP qua biên giới
28.	Khóa tập huấn PCMT trên biển	Năm 2023, Hà Nội	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam; Đại sứ quán Mỹ	Cảnh sát biển/BQP	Tập huấn công tác phòng chống ma túy trên biển
29.	Hội đàm với Bộ Tư lệnh Lục quân Campuchia về công tác PCTP, PCMBN	Năm 2023, Campuchia	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam và CPC	Bộ Tư lệnh BĐBP, Bộ Tư lệnh lục quân Campuchia	Hội đàm với Bộ Tư lệnh Lục quân CPC về công tác PCTP, PCMBN
30.	Huấn luyện nghiệp vụ lên tàu VSBB	Năm 2023, Indonexia	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam	Bộ Quốc phòng, Đại sứ quán Việt Nam, Bộ Ngoại giao Indônêxia	Huấn luyện nghiệp vụ lên tàu VSBB
31.	Tập huấn cứu thương y tế cho điều tra viên ma túy	Năm 2023, Nghệ An	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam	C04 + DEA	Tập huấn cứu thương y tế cho điều tra viên ma túy
32.	Hội nghị giao ban công tác phối hợp PCMT lần thứ 20 giữa các tỉnh Luông Pha Băng, Phong Sa Lý, Xiêng Khoảng, Hủa Phăn/Lào với các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn La, Điện Biên/Việt Nam	Năm 2023, Lào	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam, Lào	UBND các tỉnh; Công an chủ trì	Hội nghị giao ban công tác phối hợp PCMT lần thứ 20
33.	Hội thảo tập huấn điều tra hiện trường	Năm 2023, Hà Nội	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của	BTL Cảnh sát biển/Bộ Quốc phòng	Hội thảo tập huấn điều tra hiện trường

			Việt Nam		
34.	Hội nghị toàn thể MTR - SEA 2023	Năm 2023, Thái Lan	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam	UNODC	Hội nghị toàn thể MTR - SEA 2023
35.	Tập huấn về thu thập, phân tích tin tình báo do Úc tài trợ	Năm 2023, Việt Nam	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam; Úc	Cục Đối ngoại/ Bộ Quốc phòng	Tập huấn về thu thập, phân tích tin tình báo do Úc tài trợ
36.	Đối thoại cấp cao giải pháp đấu tranh với tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và MBN có liên quan đến các sông bạc và hoạt động lừa đảo tại Đông Nam Á	Năm 2023, Thái Lan	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam; các nước trong khu vực Đông Nam Á	Đại sứ quán Philippine và UNODC tổ chức	Giải pháp đấu tranh với tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và MBN có liên quan đến các sông bạc và hoạt động lừa đảo tại Đông Nam Á
37.	Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện bản ghi nhớ VN-Anh về hợp tác PCMBN	Năm 2023, Hà Nội	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam; Anh	Cục Đối ngoại Bộ Công an	Đánh giá kết quả thực hiện bản ghi nhớ VN-Anh về hợp tác PCMBN
38.	Tập huấn về PCMT do C04 phối hợp với UNODC tổ chức	Năm 2023, Đà Nẵng	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam; Đại diện UNODC	Cục C04 + UNODC	Tập huấn về phòng chống ma túy
39.	Thảo luận bàn tròn về vai trò của công nghệ thông tin trong phòng, chống MBN và đưa người di cư trái phép	Năm 2023, Indonexia	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam; các nước trong khu vực Đông Nam Á	Văn phòng hỗ trợ khu vực của Tiến trình Bali về phòng, chống đưa người di cư trái phép, chống MBN và tội phạm xuyên quốc gia liên quan tổ chức	Vai trò của công nghệ thông tin trong phòng, chống MBN và đưa người di cư trái phép

40.	Làm việc với Đại sứ quán Mỹ và Đại sứ quán Niu-di-lân tại Việt Nam về công tác phòng, chống MBN	Năm 2023, Hà Nội	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam; Đại sứ quán Mỹ, Niu Di-lân	Đại sứ quán Hoa Kỳ và Đại sứ quán Niu Di-lân tại Việt Nam Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng	Công tác phòng, chống MBN
41.	Làm việc giữa ông Ryan McKean, Giám đốc mới được bổ nhiệm của Cục Phòng, chống ma túy và thực thi pháp luật Quốc tế của Mỹ tại Việt Nam (INL) và Cục PCMT&TP nhằm tìm hiểu về tình hình phòng chống tội phạm MBN và ma túy	Năm 2023, Hà Nội	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam; Đại diện INL/Mỹ	Cục Đối ngoại/ BQP phối hợp với BTLBP và ĐSQ Mỹ	Tìm hiểu về tình hình phòng chống tội phạm MBN và ma túy tại Việt Nam
42.	Hội nghị thảo luận giữa các Bộ ngành có liên quan của Việt Nam với văn phòng theo dõi và chống MBN của Bộ Ngoại giao Mỹ (J/TIP)	Năm 2023, Hà Nội	Đại diện các Bộ, Ngành lực lượng chức năng thực thi pháp luật về PCTP, đại diện Bộ Ngoại giao Mỹ	Bộ Ngoại giao	Trao đổi tình hình về công tác PCMBN, chống di cư trái phép ở Việt Nam
43.	Hội nghị cấp cao nhằm giải quyết tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia về MBN	Năm 2023, Thái Lan	Đại diện cơ quan quản lý biên giới, quản lý di cư, Phòng chống MBN, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán của các nước Đông Nam Á và Trung Quốc	Bộ Ngoại giao Philippin và UNODC tổ chức	Giải quyết tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia về MBN
44.	Cuộc họp trực tuyến Nhóm giữa kỳ Diễn đàn khu vực ASEAN về chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia lần thứ 19 (ARF ISMCTIC).	Năm 2023, Trực tuyến	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam, các nước trong khu vực	Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công An	Chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia

45.	Cuộc họp trực tuyến nhóm giữa kỳ lần thứ 18 về chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia trong khuôn khổ diễn đàn khu vực ASEAN lần thứ 18	Năm 2022, Trực tuyến	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam, các nước trong khu vực	Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công An	Chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia
46.	Hội theo biên soạn Bộ tài liệu nâng cao năng lực PCMBN với IOM	Năm 2022, Hà Nội	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam	C02/BCA Cục PCMT&TP/Bộ Tư lệnh BDBP/ Bộ Quốc phòng	Biên soạn Bộ tài liệu nâng cao năng lực PCMBN với IOM
47.	Tập huấn phòng chống MBN	Năm 2023, Tp. Hồ Chí Minh	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam; đại diện IOM	Học viện thực thi pháp luật quốc tế Hoa Kỳ	Tập huấn công tác phòng chống MBN
48.	Thảo luận Bàn tròn về phòng chống MBN với Tổng Lãnh sự quán Mỹ	Năm 2023, Thái Lan	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam; đại diện Tổng lãnh sự quán Mỹ	Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam	Thảo luận Bàn tròn về phòng chống MBN với Tổng Lãnh sự quán Mỹ
49.	Hội đàm giữa Bộ Tư lệnh BDBP với Tổng cục di trú CPC	Năm 2023, Tp. Hồ Chí Minh	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của BDBP Việt Nam	Bộ Tư lệnh BDBP	Hội đàm giữa Bộ Tư lệnh BDBP với Tổng cục di trú CPC
50.	Khóa tập huấn về chống rửa tiền, tài trợ khủng bố	Năm 2023, Tp. Hồ Chí Minh	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam	Tổng cục Hải quan + UNODC	Tập huấn về chống rửa tiền, tài trợ khủng bố
51.	Hội nghị đối thoại quản lý biên giới khu vực ASEAN	Năm 2023, Thái Lan	Đại diện lực lượng chức năng PCTP, PCMBN của Việt Nam, các nước trong khu vực ASEAN	Cục Lãnh sự/ Bộ Ngoại giao	Đối thoại quản lý biên giới khu vực ASEAN
52.	Hội đàm đấu tranh với tội phạm	Ngày	Công an thành phố Móng	Công an Thành phố	Tình hình tội phạm công nghệ

	Lừa đảo qua mạng	11/6/2020, tại Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Móng Cái	Cái và Công an thành phố Đông Hưng, Quảng Tây, Trung Quốc	Móng Cái và Công an thành phố Đông Hưng, Quảng Tây, Trung Quốc	cao diễn biến phức tạp ở Trung Quốc, có sự móc nối với người Việt Nam ở khu vực biên giới để phạm tội
53.	Hội đàm trao đổi tình hình 2 bên biên giới	Định kỳ hàng quý, năm và đột xuất	Bộ Chỉ huy, các Đồn Biên phòng tuyến biên giới và lực lượng chức năng phía đối diện	Lực lượng chức năng 2 bên (theo hình thức luân phiên)	Trao đổi tình hình, kết quả thực hiện cơ chế phối hợp thường kỳ và những vấn đề đột xuất có liên quan 2 ban biên giới
54.	Hội đàm hợp tác với Campuchia về công tác phòng, chống mua bán người và bảo vệ nạn nhân bị mua bán giai đoạn 2017-2019	Ngày 18/12/2019, tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh	Lãnh đạo các bộ, ngành của Campuchia; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành của tỉnh	Các bộ, ngành của Campuchia và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Công tác phòng, chống mua bán người và bảo vệ nạn nhân bị mua bán giai đoạn 2017-2019
55.	Hội nghị bàn giao nạn nhân bị mua bán là cháu bé mang quốc tịch Thái Lan	Ngày 23/6/2021, tại Cơ sở Bảo trợ chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Đại sứ quán Vương quốc Thái Lan tại Việt Nam; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành của tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Đại sứ quán Vương quốc Thái Lan	Bàn giao nạn nhân bị mua bán là cháu bé mang quốc tịch Thái Lan

56.	Tọa đàm về các vấn đề dẫn độ, tương trợ tư pháp hình sự, hợp tác quốc tế giữa các cơ quan Cảnh sát và tịch thu tài sản do phạm tội mà có	Ngày 19/5/2017	Công an thành phố, Công an các đơn vị, địa phương	Cảnh sát liên bang Australia (AFP) và Cơ quan Tổng chương lý Australia (AGD) phối hợp với Công an thành phố	Nội dung tọa đàm về dẫn độ, tương trợ tư pháp hình sự, hợp tác quốc tế giữa các cơ quan cảnh sát và tịch thu tài sản do phạm tội mà có
57.	02 Hội nghị hợp tác phòng chống tội phạm ma túy qua biên giới Công an các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An (Việt Nam) và các tỉnh Phong Sa Lý, Luông Pha Bông, Hủa Phăn, Xiêng Khoảng (Lào).	Công an các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An (Việt Nam) và các tỉnh Phong Sa Lý, Luông Pha Bông, Hủa Phăn, Xiêng Khoảng (Lào).	Công an các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An (Việt Nam) và các tỉnh Phong Sa Lý, Luông Pha Bông, Hủa Phăn, Xiêng Khoảng (Lào).	Công an các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An (Việt Nam) và các tỉnh Phong Sa Lý, Luông Pha Bông, Hủa Phăn, Xiêng Khoảng (Lào).	Hợp tác phòng chống tội phạm ma túy qua biên giới
58.	27 Hội đàm thường niên giữa Công an tỉnh Điện Biên với Công an 06 tỉnh Bắc Lào	Luân phiên Việt Nam và Lào	Công an các tỉnh của 02 nước Việt Nam - Lào	Luân phiên giữa Lào và Việt Nam (tỉnh Điện Biên)	Hợp tác trong phòng, chống tội phạm nói chung, trong đó có tội phạm tổ chức xuyên quốc gia.
59.	08 Hội đàm thường niên giữa Công an tỉnh Điện Biên với Cục Công an thành phố Phổ Nhĩ, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc)	Công an tỉnh Điện Biên và Công an Trung Quốc luân phiên tổ	Công an của 02 nước Việt Nam và Trung Quốc	Công an tỉnh Điện Biên và Công an Trung Quốc luân phiên tổ chức	Hợp tác trong phòng, chống tội phạm nói chung, trong đó có tội phạm tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm mua bán người.

		chức			
60.	Hội đàm, giao ban biên giới giữa Công an các huyện biên giới Điện Biên với Công an các huyện đối đẵng của Lào, Trung Quốc.	Công an các huyện biên giới của Điện Biên với Công an các huyện đối đẵng của Lào, Trung Quốc.	Công an các huyện biên giới của Điện Biên với Công an các huyện đối đẵng của Lào, Trung Quốc.	Công an các huyện biên giới với Công an các huyện đối đẵng của Lào, Trung Quốc.	Công an các huyện biên giới của Điện Biên với Công an các huyện đối đẵng của Lào, Trung Quốc
61.	Hội thảo về nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm mua bán người	Tháng 4 năm 2021 tại tỉnh Lào Cai	Đại diện các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương liên quan	Bộ Công an phối hợp các tổ chức quốc tế tổ chức	Hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm mua bán người
62.	Hội thảo tổng kết Dự án “Đấu tranh chống mua bán người và nô lệ thời hiện đại”	Tháng 11 năm 2021 tại Hà Nội	Đại diện các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương liên quan	Tổ chức Di cư quốc tế tại Việt Nam (IOM)	Đấu tranh chống mua bán người và nô lệ thời hiện đại
63.	Hội thảo tham vấn và đưa ra các khuyến nghị hướng tới việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về phòng, chống mua bán người	Ngày 01/10/2021 tại Hà Nội	Đại diện các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương liên quan	Hội đồng Anh, Văn phòng Bộ Công an phối hợp tổ chức	Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về phòng, chống mua bán người
64.	Hội nghị giao ban thường niên giữa Công an tỉnh Quảng Nam và Công an tỉnh Sê Kông (Lào)	Từ năm 2013 đến năm 2023, tổ chức luân phiên hằng năm tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Ban giám đốc, lãnh đạo các đơn vị nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Nam và Công an tỉnh Sê Kông (Lào), lãnh đạo Công an các huyện giáp biên của 02 tỉnh Quảng Nam và Sê Kông (Lào)	Công an tỉnh Quảng Nam và Công an tỉnh Sê Kông (Lào) phối hợp tổ chức	Tổ chức giao ban đánh giá tình hình công tác hợp tác và trao đổi thông tin, kinh nghiệm, trong đấu tranh, phòng chống tội phạm và ký kết biên bản Hội nghị hợp tác an ninh thường niên

		và huyện Lạ Mằm, tỉnh Sê Kông (Lào)			
65.	Hội nghị Hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy trên tuyến biên giới giữa Công an tỉnh Quảng Trị và Công an tỉnh Salavan, Savannakhet	Ngày 09/3 - 10/3/2023 tại thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Công an tỉnh Quảng Trị, Công an tỉnh Salavan và Công an tỉnh Savarmakhet (90 người)	Công an tỉnh Quảng Trị	Hợp tác trong lĩnh vực phòng, chống ma túy; công tác đấu tranh phòng chống ma túy trên tuyến biên giới
66.	Hội đàm thường niên giữa Công an tỉnh Quảng Trị và Công an 03 tỉnh bạn Lào (tổ chức 27 lượt)	Từ năm 2013 đến nay tại Quảng Trị	Công an tỉnh Quảng Trị, Công an tỉnh Salavan, Savannakhet và Champasac (Lào)	Công an tỉnh Quảng Trị	Trao đổi tình hình, kinh nghiệm và hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm
67.	Tập huấn trao đổi kinh nghiệm (tổ chức 27 lớp)	Từ năm 2013 đến nay tại Quảng Trị	Công an tỉnh Quảng Trị, Công an tỉnh Salavan, Savannakhet và Champasac (Lào)	Công an tỉnh Quảng Trị	Trao đổi tình hình, kinh nghiệm và hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm
68.	Giao ban lực lượng An ninh giữa Công an tỉnh Quảng Trị và Công an tỉnh Savaimakhet (tổ chức 9 lần)	Từ năm 2015 đến nay tại Quảng Trị	Công an tỉnh Quảng Trị và Công an tỉnh Savannakhet	Công an tỉnh Quảng Trị	Tăng cường hợp tác trên lĩnh vực công tác an ninh
69.	Giao ban 06 huyện giáp biên giới (tổ chức 20 lần)	Từ năm 2013 đến nay tại huyện Hướng Hóa, huyện	Công an huyện Đakrông, huyện Hướng Hóa - tỉnh Quảng Trị; Công an huyện A Lưới - tỉnh Thừa Thiên Huế; Công an huyện Sê Pôn, huyện Nòng - tỉnh	Công an huyện Hướng Hóa, Công an huyện Đakrông - tỉnh Quảng Trị	Trao đổi tình hình, kinh nghiệm và hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm

		Đakrông	Savanakhet; Công an huyện huyện Sa Muội - tỉnh Salavan)		
70.	Tọa đàm về các vấn đề dẫn độ, tương trợ tư pháp hình sự, hợp tác quốc tế giữa các cơ quan Cảnh sát và tịch thu tài sản do phạm tội mà có	Ngày 19/5/2017	Công an thành phố, Công an các đơn vị, địa phương	Cảnh sát liên bang Australia (AFP) và Cơ quan Tổng Chương lý Australia (AGD) phối hợp với Công an thành phố Hải Phòng	Nội dung tọa đàm về dẫn độ, tương trợ - tư pháp hình sự, hợp tác quốc tế giữa các cơ quan Cảnh sát và tịch thu tài sản do phạm tội mà có

4. Bảng 4: Các đề án, dự án hợp tác với nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia

STT	Tên đề án, dự án hợp tác với nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kết quả
1.	Hợp tác với Đại sứ quán Anh trong PCMBN	<ul style="list-style-type: none"> - Biên soạn cẩm nang về PCMBN (- Phối hợp với Cục Hợp tác Quốc tế Bộ Nội vụ Anh tại Việt Nam phối hợp với Học viện Biên phòng xây dựng Bộ tài liệu PCMBN dành cho học viên BĐBP). - Chia sẻ thông tin tội phạm, kinh nghiệm PCMBN. - Xây dựng Thỏa thuận Hợp tác trong PCMBN giữa Bộ Tư lệnh BĐBP và Cục Hợp tác Quốc tế, Bộ Nội vụ Anh. - Hợp tác tập huấn công tác PCMBN cho lực lượng PCMT&TP/ BĐBP các tỉnh Nam Định, Thái Bình, hải Phòng. - Hỗ trợ đào tạo tiếng Anh giao tiếp. 	Giai đoạn 2022-2025 tại thành phố Hà Nội	Đang thực hiện
2.	Dự án hợp tác trong phòng, chống mua bán người giữa BĐBP Việt Nam và Phái đoàn Di cư Quốc tế (IOM) (INL/Mỹ hỗ trợ kinh phí thông qua IOM).	<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ thông tin tội phạm, kinh nghiệm PCMBN; giải trình liên quan đến báo cáo TIP hàng năm. - Xây dựng Bộ Tài liệu tập huấn công tác PCMBN. - Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực PCMBN cho các tỉnh trọng điểm. - Tổ chức Hội thảo liên ngành về công tác PCMBN. - Hỗ trợ kinh phí tổ chức các hoạt động truyền thông về PCMBN, các hoạt động hợp tác với IOM (Giai đoạn 1 đã 	Giai đoạn 2020-2025 tại thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đã biên soạn thành công bộ tài liệu và tập huấn 12 tỉnh/12 khóa học. Thời gian tới phối hợp tiếp trong giai đoạn 2 (Tiếp tục triển khai các hoạt động hợp tác theo đề nghị của Bộ Quốc phòng)

STT	Tên đề án, dự án hợp tác với nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kết quả
		<p>triển khai 12 khóa tập huấn tại 12 tỉnh: Quảng Ninh, Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bình Thuận, Bà Rịa Vũng Tàu, Tây Ninh An Giang, Kiên Giang, Cà Mau. Giai đoạn 2 (từ 2023-2025) sẽ xây dựng tài liệu tập huấn cho BDBP các tỉnh còn lại và lực lượng chức năng Lào tiếp giáp với Việt Nam về mua bán người).</p> <p>Đồng thời, INL/Mỹ sẽ làm đầu mối, phối hợp với Cơ quan phòng, chống ma túy Liên bang (DEA), Cục Điều tra Liên bang (FBI)... để trao đổi thông tin về tội phạm ma túy, tội phạm mua bán người cho lực lượng BDBP; hợp tác trong phòng, chống ma túy và mua bán người một cách chiến lược và bền vững hơn.</p> <p>- Tiếp tục tổng hợp, xây dựng nội dung chương trình phù hợp hơn để hỗ trợ lực lượng PBMT&TP/BDBP Việt Nam về phòng chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia.</p>		
3.	Hợp tác với Tổ chức Trẻ em Ròng Xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ giải cứu nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài. - Hỗ trợ nơi ở cho nạn nhân phục vụ công tác điều tra. - Hỗ trợ phương tiện đưa nạn nhân từ các tỉnh tiếp nhận về Hà Nội hoặc các đơn vị phục vụ đấu tranh chuyên án, vụ án. Hỗ trợ kinh phí cho các hội nghị tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm về PCMBN tại Sơn La, Lào Cai, Gia Lai, Kon Tum, Kiên Giang... - Hỗ trợ kinh phí cho một số đơn vị BDBP xây nhà tình 	Giai đoạn 2010-2020; 2021-2030 tại Việt Nam	Đã và đang triển khai tiếp

STT	Tên đề án, dự án hợp tác với nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kết quả
		nghĩa cho nạn nhân bị mua bán; tổ chức các hoạt động truyền thông PCMBN - Hỗ trợ kinh phí tập huấn nâng cao năng lực PCMBN - Tiếp tục triển khai 6 hoạt động hợp tác trong lĩnh vực PCMBN		
4.	- Dự án “Đấu tranh chống mua bán người và nô lệ thời hiện đại” do Bộ Nội vụ Vương quốc Anh tài trợ thông qua Tổ chức Tầm nhìn thế giới tại Việt Nam thực hiện	Các hoạt động chính: Khảo sát đầu vào, Tập huấn, Hội thảo, Truyền thông, Hỗ trợ sinh kế cho nạn nhân mua bán người. Riêng 2021, Dự án tập trung cho đối tượng đích như: Khảo sát, hướng dẫn lập KH kinh doanh, tư vấn tâm lý, hỗ trợ trang thiết bị, vật nuôi để ổn định sinh kế bền vững, tổng kết dự án	Năm 2020-2021 tại 05 phường của Thành phố Hạ Long	Kết thúc dự án có 32 nạn nhân và người có nguy cơ cao của 05 phường được tham gia hoạt động, 12 đối tượng được nhận thẻ BHYT và đồ dùng học tập, 07 nạn nhân là đối tượng đích được hỗ trợ trang thiết bị, vật nuôi để phát triển kinh doanh, ổn định sinh kế bền vững.
5.	- Dự án “Xây dựng mô hình phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái tại Việt Nam” do sự hỗ trợ nguồn lực của Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA), sự hỗ trợ kỹ thuật của Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam	Xây dựng và vận hành Ngôi nhà Ánh Dương để hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực trên cơ sở giới, trong đó có nạn nhân bị mua bán hoặc những nạn nhân nghi bị mua bán	Năm 2021-2023 tại thành phố Hạ Long	Đã triển khai xây dựng và vận hành Ngôi nhà Ánh Dương với đầy đủ cơ sở vật chất và kỹ thuật để hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực trên cơ sở giới, trong đó có nạn nhân bị mua bán hoặc những nạn nhân nghi bị mua bán

5. Bảng 5: Các văn bản hợp tác với các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài, đối tác nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia

STT	Tên các văn bản hợp tác với các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Thời gian, địa điểm ký kết	Cơ quan ký kết
1.	Hiệp định giữa Chính phủ Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Trung Hoa về hợp tác phòng, chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trong đó, hai bên cùng tiến hành hợp tác ngăn chặn và đấu tranh chống 05 loại tội phạm, trong đó có tội phạm ma túy: “Buôn lậu, mua bán, vận chuyển và sản xuất các chất ma túy, các chất kích thích thần kinh. Buôn lậu và mua bán trái phép các tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy”.	Ngày 26/7/2001, Việt Nam	Chính phủ
2.	Bản ghi nhớ giữa Cục PCMT&TP/Bộ Tư lệnh BĐBP/ Bộ Quốc phòng Việt Nam, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy/ Bộ Công an Việt Nam với Cục Chống ma túy/ Tổng cục Công an quốc gia Campuchia trong phối hợp đấu tranh, phòng chống tội phạm.	Ngày 2017, Việt Nam	Cục PCMT&TP
3.	Thỏa thuận hợp tác giữa Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Bộ Quốc phòng Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Tổng cục Cảnh sát, Bộ An ninh Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào) trong các loại tội phạm nhất là tội phạm hoạt động xuyên quốc gia như: sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy, ma túy có vũ trang; mua bán người; xuất nhập cảnh trái phép và các hành vi vi phạm pháp luật khác ở khu vực biên giới hai nước	Ngày 2021, Việt Nam	Bộ Tư lệnh BĐBP
4.	Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Lào giữa Chính phủ Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Chính phủ Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	Ngày 2016, Việt Nam	Chính phủ
5.	Hiệp định về kiểm soát ma túy, các chất hướng thần và tiền chất giữa Việt Nam và Lào	Ngày 06/7/1998, Việt Nam	Chính phủ
6.	Thỏa thuận hợp tác biên phòng giữa Bộ Quốc phòng nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Bộ Quốc phòng nước CHND Trung Hoa	Ngày 12/11/2017, Trung Quốc	Bộ Quốc phòng

STT	Tên các văn bản hợp tác với các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Thời gian, địa điểm ký kết	Cơ quan ký kết
7.	Thỏa thuận hợp tác giữa Bộ Tư lệnh BDBP, Bộ Quốc phòng nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Cục Quản lý biên phòng, Bộ Công an nước CHND Trung Hoa	Ngày 06/06/2017, Việt Nam	Bộ Tư lệnh BDBP
8.	Thỏa thuận hợp tác giữa Bộ Quốc phòng nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Bộ Công an Nước CHND Trung Hoa về thiết lập cơ chế phối hợp biên phòng ba cấp.	Ngày 16/04/2015, Việt Nam	Bộ Quốc phòng
9.	Hiệp định về Cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc giữa Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam Chính phủ nước CHND Trung Hoa	Ngày 18/11/2009	Chính phủ
10.	Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc giữa Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam Chính phủ nước CHND Trung Hoa	Năm 2009, Trung Quốc	Chính phủ
11.	Hiệp ước biên giới đất liền giữa nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và nước CHND Trung Hoa	Ngày 30/12/1999, Trung Quốc	Chính phủ
12.	Bản ghi nhớ giữa Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Trung Hoa về hợp tác kiểm soát ma túy, các chất hướng thần và tiền chất	Ngày 26/7/2001, Trung Quốc	Chính phủ
13.	Hiệp định tương trợ tư pháp và dẫn độ với nước CHND Trung Hoa	Ngày 19/10/1998, Việt Nam	Chính phủ
14.	Hiệp định giữa Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam với Chính phủ nước Cộng hòa DCND Lào về phòng chống MBN và bảo vệ nạn nhân bị mua bán giai đoạn từ 2020-2022.	Ngày 6/7/1998, Hà Nội	Chính phủ
15.	Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Vương quốc Campuchia về quy trình chuẩn trong xác định và hồi hương các nạn nhân bị buôn bán trở về	Năm 2005, Hà Nội	Chính phủ

STT	Tên các văn bản hợp tác với các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Thời gian, địa điểm ký kết	Cơ quan ký kết
16.	Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa XHCN Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Vương quốc Campuchia về hợp tác song phong để loại trừ nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em và giúp đỡ nạn nhân bị buôn bán	Năm 2005, Việt Nam	Chính phủ
17.	Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa XHCN Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa DCND Lào về hợp tác phòng chống buôn bán người và bảo vệ nạn nhân bị mua bán.	Năm 2010, Việt Nam	Chính phủ
18.	Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa XHCN Việt Nam và Chính phủ CHND Trung Hoa về tăng cường hợp tác phòng, chống buôn bán người.	Ngày 15/9/2010, Trung Quốc	Chính phủ
19.	Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa XHCN Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Thái Lan về hợp tác song phương nhằm loại trừ nạn buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em và giúp đỡ nạn nhân bị buôn bán.	Năm 2013, Việt Nam	Chính phủ
20.	Thỏa thuận về thiết lập cơ chế hợp tác thực thi pháp luật	Ngày 25/9/2016, tại Thành phố Quế Lâm, Quảng Tây (Trung Quốc)	Công an 4 tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang và Công an Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây
21.	Biên bản hội nghị hợp tác phòng, chống khủng bố	Ngày 27/9/2017, tại Thành phố Quế Lâm, Quảng Tây (Trung Quốc)	Công an 4 tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang (Việt Nam) và Công an Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây (Trung Quốc)
22.	Biên bản hợp tác cảnh vụ	Ngày 26/4/2019, tại Thành phố Quế Lâm, Quảng Tây (Trung Quốc)	Công an Thành phố Móng Cái, Công an huyện Hải Hà với công an TP Đông Hưng và Công an quận Phòng Thành, Phòng Thành Cảng

STT	Tên các văn bản hợp tác với các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Thời gian, địa điểm ký kết	Cơ quan ký kết
			(Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc)
23.	Biên bản về việc thiết lập cơ chế phối hợp Biên phòng 03 cấp	Ngày 07/01/2013 tại Bắc Kinh	Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng Việt Nam và Cục quản lý Biên phòng/ Bộ Công An, Trung Quốc
24.	Thỏa thuận hợp tác Biên phòng giữa Bộ Quốc phòng Việt Nam và Bộ quốc phòng Trung Quốc	Ngày 12/11/2017 tại Hà Nội	Bộ Quốc phòng Việt Nam và Bộ quốc phòng Trung Quốc
25.	Biên bản Hội đàm giữa Bộ Chỉ huy BDBP 4 tỉnh (Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang) với Tổng trạm KTBP XNC Quảng Tây	Ngày 05/8/2021 tại vạch phân định cầu Bắc Luân 1 giữa cửa khẩu Đông Hưng, Trung Quốc và cửa khẩu quốc tế Mông Cái, Việt Nam	Bộ Chỉ huy BDBP 4 tỉnh (Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang) với Tổng trạm KTBP XNC Quảng Tây
26.	Bản ghi nhớ quan hệ hợp tác hữu nghị giữa Công an Thành phố Hải Phòng, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cơ quan Cảnh sát tỉnh Bắc Gyeonggi, Đại hàn Dân Quốc	Ngày 05/9/2023 tại trụ sở Cảnh sát tỉnh Bắc Gyeonggi, Hàn Quốc	Công an Thành phố Hải Phòng với cơ quan Cảnh sát tỉnh Bắc Gyeonggi
27.	Kế hoạch phối hợp xây dựng mô hình “Bản biên giới sạch về ma túy” tại bản Huổi Ven, cụm Mường Hụp, huyện Phôn Thoong, tỉnh Luông Pha Băng (Lào)	Công an tỉnh Điện Biên	Công an tỉnh Điện Biên và Công an tỉnh Luông Pha Băng (Lào)
28.	Quy chế hoạt động “Đường dây nóng” giữa phòng Tham mưu Công an tỉnh Điện Biên (Việt Nam) và Văn phòng Công an tỉnh Phong Sa Lý, Luông Pha Băng (Lào).	Công an tỉnh Điện Biên	Phòng Tham mưu Công an tỉnh Điện Biên (Việt Nam) và Văn phòng Công an tỉnh

STT	Tên các văn bản hợp tác với các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Thời gian, địa điểm ký kết	Cơ quan ký kết
			Phong Sa Lý, Luông Pha Bông (Lào).
29.	Cơ chế hợp tác Cảnh vụ	Công an tỉnh Điện Biên	Cơ chế hợp tác cảnh vụ giữa Công an 4 tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Hà Giang, Lào Cai (Việt Nam) và Công an tỉnh Vân Nam (Trung Quốc)
30.	Hợp tác bảo đảm ANTT	Công an tỉnh Điện Biên	Hợp tác bảo đảm ANTT giữa Công an tỉnh Điện Biên và Công an 6 tỉnh Bắc Lào.
31.	Hợp tác bảo đảm ANTT khu vực biên giới	Công an tỉnh Điện Biên	Hợp tác bảo đảm ANTT khu vực biên giới giữa Công an tỉnh Điện Biên và Cục Công an thành phố Phổ Nhĩ, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc)
32.	Cơ chế hợp tác	Công an tỉnh Điện Biên	Công an huyện Điện Biên với Công an huyện Mường Mây, Công an huyện Phôn Thoong
33.	Cơ chế hợp tác	Công an tỉnh Điện Biên	Công an huyện Mường Nhé thiết lập cơ chế hợp tác với Cục Công an huyện Giang Thành, thành phố Phổ Nhĩ,

STT	Tên các văn bản hợp tác với các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Thời gian, địa điểm ký kết	Cơ quan ký kết
			tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.
34.	02 Biên bản Hội nghị hợp tác phòng chống tội phạm ma túy qua biên giới	Công an các tỉnh của Việt Nam và Lào	Công an các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An (Việt Nam) và các tỉnh Phong Sa Lý, Luông Pha Băng, Hủa Phăn, Xiêng Khoảng (Lào).
35.	27 Biên bản hội đàm thường niên với Công an các tỉnh Bắc Lào tại Điện Biên	Luân phiên Công an tỉnh Điện Biên và Công an các tỉnh Bắc Lào	Công an tỉnh Điện Biên và Công an 06 tỉnh Bắc Lào
36.	08 Biên bản hội đàm thường niên với Cục Công an thành phố Phô Nhĩ (Trung Quốc) tại Điện Biên	Luân phiên Công an tỉnh Điện Biên và Công an Trung Quốc	Công an tỉnh Điện Biên và Cục Công an thành phố Phô Nhĩ (Trung Quốc)
37.	33 Biên bản hội đàm, giao ban biên giới giữa Công an các huyện biên giới với Công an các huyện đối đẳng của Lào, Trung Quốc	Công an các huyện biên giới của Điện Biên với Công an các huyện đối đẳng của Lào, Trung Quốc.	Công an các huyện biên giới của Điện Biên với Công an các huyện đối đẳng của Lào, Trung Quốc.
38.	“Biên bản ghi nhớ Hội nghị lần thứ I về công tác phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự khu vực ngã ba biên giới giữa Công an 06 tỉnh, 03 nước: Campuchia - Lào - Việt Nam” năm 2014	Ngày 27/02/2014, ký tại tỉnh Kon Tum - nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Công an 06 tỉnh - 03 nước: Công an tỉnh Ratanakiri, Công an tỉnh Stung Treng-Vương quốc Campuchia; Công an tỉnh Attapur, Công an tỉnh Gia Lai, Công an tỉnh

STT	Tên các văn bản hợp tác với các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Thời gian, địa điểm ký kết	Cơ quan ký kết
			Kon Tum - nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
39.	“Biên bản ghi nhớ Hội nghị lần thứ II về công tác phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự khu vực ngã ba biên giới giữa Công an 06 tỉnh, 03 nước: Campuchia - Lào - Việt Nam” năm 2015	Ngày 24/11/2015, ký tại Công an tỉnh Attapur - nước CIIDCND Lào	Công an 06 tỉnh - 03 nước: Công an tỉnh Ratanakiri, Công an tỉnh Stung Treng - Vương quốc Campuchia; Công an tỉnh Attapur - nước CHDCND Lào, Công an tỉnh Gia Lai, Công an tỉnh Kon Tum - nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
40.	“Biên bản ghi nhớ Hội nghị lần thứ III về công tác phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự khu vực ngã ba biên giới giữa Công an 06 tỉnh, 03 nước: Campuchia - Lào - Việt Nam” năm 2016	Ngày 26/12/2016, ký tại Công an tỉnh Ratanakiri - Vương quốc Campuchia	Công an 06 tỉnh - 03 nước: Công an tỉnh Ratanakiri, Công an tỉnh Stung Treng - Vương quốc Campuchia; Công an tỉnh Attapur, Công an tỉnh Gia Lai, Công an tỉnh Kon Tum - nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
41.	“Biên bản ghi nhớ Hội nghị lần thứ IV về công tác phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự khu vực ngã ba biên giới giữa Công an 06 tỉnh, 03 nước: Campuchia - Lào - Việt Nam” năm 2018	Ngày 02/02/2018, ký kết tại Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai - nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Công an 06 tỉnh - 03 nước: Công an tỉnh Ratanakiri, Công an tỉnh Stung Treng - Vương quốc Campuchia; Công an tỉnh Attapur, Công an tỉnh Gia Lai, Công an tỉnh Kon Tum - nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
42.	“Biên bản ghi nhớ Hội nghị lần thứ V về công tác phối hợp đảm bảo an ninh,	Ngày 09/10/2019, ký tại	Công an 06 tỉnh - 03 nước:

STT	Tên các văn bản hợp tác với các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Thời gian, địa điểm ký kết	Cơ quan ký kết
	trật tự khu vực ngã ba biên giới giữa Công an 06 tỉnh, 03 nước: Campuchia - Lào - Việt Nam” năm 2019	Công an tỉnh Se Kong - nước CHDCND Lào.	Công an tỉnh Ratanakiri, Công an tỉnh Stung Treng - Vương quốc Carapuchia; Công an tỉnh Attapur, ký tại Công an tỉnh Se Kong - Nước CHDCND Lào; Công an tỉnh Gia Lai, Công an tỉnh Kon Tum - nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
43.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Salavan	Năm 2013, Công an tỉnh Salavan	Công an tỉnh Salavan
44.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Sê Kong	Năm 2013, Công an tỉnh Sê Kong	Công an tỉnh Sê Kong
45.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Salavan	Năm 2014, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Công an tỉnh Salavan
46.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Salavan	Năm 2015, Công an tỉnh Salavan	Công an tỉnh Salavan
47.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Sê Kong	Năm 2015, Công an tỉnh Sê Kong	Công an tỉnh Sê Kong
48.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Salavan	Năm 2016, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Công an tỉnh Salavan
49.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Sê Kong	Năm 2016, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Công an tỉnh Sê Kong
50.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Chăm Pa Sắc	Năm 2017, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Công an tỉnh Chăm Pa Sắc
51.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Sa Vẳn Na Khệt	Năm 2017, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Công an tỉnh Sa Vẳn Na Khệt

STT	Tên các văn bản hợp tác với các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Thời gian, địa điểm ký kết	Cơ quan ký kết
52.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Salavan	Năm 2017, Công an tỉnh Salavan	Công an tỉnh Salavan
53.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Sê Kong	Năm 2017, Công an tỉnh Sê Kong	Công an tỉnh Sê Kong
54.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Salavan	Năm 2018, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Công an tỉnh Salavan
55.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Sê Kong	Năm 2018, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Công an tỉnh Sê Kong
56.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Salavan	Năm 2022, Công an tỉnh Salavan	Công an tỉnh Salavan
57.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Sê Kong	Năm 2022, Công an tỉnh Sê Kong	Công an tỉnh Sê Kong
58.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Chăm Pa Sắc	Năm 2022, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Công an tỉnh Chăm Pa Sắc
59.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Sa Vẳn Na Khệt	Năm 2022, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Công an tỉnh Sa Vẳn Na Khệt
60.	Biên bản hợp tác phòng chống ma túy với Công an tỉnh Salavan giai đoạn 2022-2025	Năm 2022, Công an tỉnh Salavan	Công an tỉnh Salavan
61.	Biên bản hợp tác phòng chống ma túy với Công an tỉnh Sê Kong giai đoạn 2022-2025	Năm 2022, Công an tỉnh Sê Kong	Công an tỉnh Sê Kong
62.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Salavan	Năm 2023, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Công an tỉnh Salavan
63.	Biên bản làm việc hợp tác bảo đảm an ninh, trật tự với Công an tỉnh Sê Kong	Năm 2023, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	Công an tỉnh Sê Kong
64.	Bản ghi nhớ quan hệ hợp tác hữu nghị giữa Công an thành phố Hải Phòng, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cơ quan Cảnh sát tỉnh Bắc Gyeonggi, Đại hàn Dân quốc	Ngày 05/9/2023, Công an TP Hải Phòng	Tại trụ sở Cảnh sát tỉnh Bắc Gyeonggi, Hàn Quốc

STT	Tên các văn bản hợp tác với các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	Thời gian, địa điểm ký kết	Cơ quan ký kết
65.	Biên bản thỏa thuận giữa Công an hai tỉnh Đồng Tháp - Prâyveng (Campuchia) về công tác PCTP, đảm bảo ANTT trên tuyến biên giới	Hàng năm (riêng năm 2020, 2021 không ký kết do tình hình dịch Covid - 19)	Công an Tỉnh Đồng Tháp

CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG TỘI PHẠM CÓ TỔ CHỨC XUYÊN QUỐC GIA

Điều 1. Mục đích

Mục đích của Công ước này là thúc đẩy hợp tác để ngăn ngừa và chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia một cách hiệu quả hơn.

Điều 2. Các thuật ngữ được sử dụng

Trong Công ước này, các thuật ngữ sau sẽ được hiểu là:

(a) "Nhóm tội phạm có tổ chức" nghĩa là một nhóm có cơ cấu gồm từ ba người trở lên, tồn tại trong một thời gian và hoạt động có phối hợp để thực hiện một hay nhiều tội phạm nghiêm trọng hoặc các hành vi phạm tội được quy định trong Công ước này, nhằm giành được, trực tiếp hay gián tiếp, lợi ích về tài chính hay vật chất khác;

(b) "Tội phạm nghiêm trọng" nghĩa là một hành vi vi phạm có thể bị trừng phạt theo khung hình phạt tù ít nhất là 4 năm hoặc một hình phạt nặng hơn;

(c) "Nhóm có cơ cấu" nghĩa là một nhóm không phải được hình thành một cách ngẫu nhiên để thực hiện một hành vi phạm tội tức thời và không nhất thiết là vai trò của các thành viên trong nhóm phải được xác định rõ ràng, quan hệ giữa các thành viên phải duy trì hoặc cơ cấu của nhóm phải được phát triển.

(d) "Tài sản" nghĩa là mọi loại của cải, dù là vật chất hay phi vật chất, động sản hay bất động sản, hữu hình hay vô hình và các văn bản hay văn kiện pháp lý là bằng chứng cho quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với những của cải đó;

(e) "Tài sản do phạm tội mà có" nghĩa là bất cứ tài sản nào bắt nguồn hay có được một cách trực tiếp hay gián tiếp từ việc phạm tội ;

(f) "Phong toả" hoặc "tạm giữ" nghĩa là việc tạm thời cấm chuyển giao, chuyển đổi, chuyển nhượng hay chuyển dịch tài sản hoặc việc tạm thời giám sát hay kiểm soát tài sản theo lệnh của toà án hay một cơ quan có thẩm quyền khác;

(g) "Tịch thu", bao gồm cả việc tước đoạt, nghĩa là việc tước bỏ vĩnh viễn quyền sở hữu tài sản theo lệnh của toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác;

(h) "Hành vi phạm tội nguồn" nghĩa là bất kỳ một hành vi phạm tội nào dẫn đến việc làm phát sinh những tài sản có thể trở thành đối tượng của hành vi phạm tội được quy định trong Điều 4 của Công ước này.

(i) "Vận chuyển có kiểm soát" nghĩa là việc cho phép những hàng hoá ký gửi bất hợp pháp hoặc bị nghi ngờ được chuyển qua hoặc vào lãnh thổ của một hay nhiều nước nhưng đặt dưới sự theo dõi hoặc giám sát của các cơ quan có thẩm quyền những nước đó, nhằm điều tra một hành vi phạm tội và xác định những người liên quan trong việc thực hiện hành vi phạm tội đó;

(j) "Tổ chức hội nhập kinh tế khu vực" nghĩa là một tổ chức do các quốc gia có chủ quyền trong một khu vực thành lập nên, được các quốc gia đó trao

cho thẩm quyền đối với những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này, được uỷ quyền hợp lệ, theo đúng những thủ tục nội bộ của tổ chức đó, để ký, phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập Công ước; các "Quốc gia thành viên" được đề cập đến trong Công ước này cũng sẽ được hiểu là bao gồm cả những tổ chức đó trong phạm vi thẩm quyền của họ.

Điều 3. Phạm vi áp dụng

1. Trừ khi có quy định khác, Công ước này sẽ áp dụng đối với việc ngăn ngừa, điều tra và truy tố:

(a) Các hành vi phạm tội được quy định trong các Điều 5, 6, 8 và 23 Công ước này; và

(b) Tội phạm nghiêm trọng được định nghĩa tại Điều 2 Công ước này; khi các hành vi phạm tội có tính chất xuyên quốc gia và liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức.

2. Vì mục đích của Khoản 1 điều này, một hành vi phạm tội có tính chất xuyên quốc gia nếu:

(a) Nó được thực hiện ở nhiều quốc gia;

(b) Nó được thực hiện ở một quốc gia nhưng phần chủ yếu của việc chuẩn bị, lên kế hoạch, chỉ đạo hoặc điều khiển nó lại diễn ra ở một quốc gia khác;

(c) Nó được thực hiện ở một quốc gia nhưng liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức tham gia các hoạt động tội phạm ở nhiều quốc gia; hoặc

(d) Nó được thực hiện ở một quốc gia nhưng có ảnh hưởng lớn ở một quốc gia khác.

Điều 4. Bảo vệ chủ quyền

1. Các quốc gia thành viên thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của Công ước này phù hợp với những nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia và nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác.

2. Không quy định nào trong Công ước này cho phép một quốc gia thành viên được tiến hành trên lãnh thổ của quốc gia khác các hoạt động thực thi quyền tài phán và thi hành các chức năng chỉ dành riêng cho những cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đó theo pháp luật trong nước của họ.

Điều 5. Hình sự hoá việc tham gia vào một nhóm tội phạm có tổ chức

1. Mỗi quốc gia thành viên sẽ ban hành pháp luật và các biện pháp cần thiết khác để coi các hành vi sau là tội phạm khi những hành vi này được thực hiện một cách cố ý:

(a) Một hoặc cả hai hành vi dưới đây mà không phải là những hành vi thực hiện hoặc hoàn thành hoạt động tội phạm:

(i) Thoả thuận với một hoặc nhiều người khác để thực hiện một tội phạm nghiêm trọng nhằm mục đích liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến việc đạt được

lợi ích tài chính hoặc vật chất khác, và liên quan đến một hành vi do một thành viên thực hiện để thực hiện thoả thuận hoặc liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức, nếu pháp luật trong nước quy định như vậy;

(ii) Hành vi của một người nhận thức được hoặc mục đích và hành vi phạm tội nói chung của một nhóm tội phạm có tổ chức hoặc ý định phạm tội của nhóm đó nhưng vẫn đóng vai trò tích cực trong:

a. Những hoạt động tội phạm của nhóm tội phạm có tổ chức đó;

b. Những hoạt động khác của nhóm tội phạm có tổ chức đó với nhận thức rằng việc tham gia của họ sẽ đóng góp vào việc đạt được mục đích phạm tội nói trên;

(b) Việc tổ chức, chỉ đạo, hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện hoặc xúi giục việc thực hiện tội phạm nghiêm trọng liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức.

2. Sự nhận thức, ý định, mục đích, mục tiêu hoặc thoả thuận được đề cập tại khoản 1 của điều này có thể được suy ra từ hoàn cảnh khách quan cụ thể.

3. Các Quốc gia thành viên mà pháp luật trong nước yêu cầu phải có yếu tố liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức khi thực hiện các hành vi phạm tội nêu tại Khoản 1 (a) (i) điều này đảm bảo rằng pháp luật trong nước của họ sẽ điều chỉnh tất cả các tội phạm nghiêm trọng liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức. Những Quốc gia thành viên này, cũng như những Quốc gia mà pháp luật trong nước của họ yêu cầu phải có hành vi để thực hiện thoả thuận để thực hiện hành vi phạm tội nêu tại Khoản 1 (a) (i) điều này, sẽ thông báo về vấn đề trên cho Tổng thư ký Liên hợp quốc khi quốc gia đó ký hoặc lưu chiều văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt hoặc gia nhập Công ước.

Điều 6. Hình sự hoá hành vi hợp pháp hoá tài sản do phạm tội mà có

1. Phù hợp với những nguyên tắc cơ bản trong pháp luật trong nước của mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ ban hành pháp luật hoặc những biện pháp cần thiết khác để coi các hành vi sau là tội phạm khi chúng được thực hiện một cách cố ý:

(a) (i) Chuyển đổi hay chuyển giao tài sản, dù biết rằng những tài sản này do phạm tội mà có, nhằm che đậy hoặc che dấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản hoặc nhằm giúp đỡ bất cứ người nào liên quan đến việc thực hiện một hành vi vi phạm nguồn lẫn tránh những hậu quả pháp lý do hành vi của người đó gây ra;

(ii) Che đậy hoặc che dấu bản chất thực sự, nguồn gốc, địa điểm, việc chuyển nhượng, chuyển dịch hoặc quyền sở hữu hay những quyền đối với tài sản, dù biết rằng tài sản này do phạm tội mà có;

(b) Tuỳ theo những khái niệm cơ bản của hệ thống pháp lý của quốc gia:

(i) Giành được, sở hữu hoặc sử dụng tài sản, dù tại thời điểm nhận được tài sản, biết rằng đó là tài sản do phạm tội mà có;

(ii) Tham gia, liên kết hay thông đồng thực hiện, nỗ lực thực hiện và hỗ trợ, xúi giục, tạo điều kiện và hướng dẫn thực hiện bất kỳ một hành vi phạm tội nào theo quy định của điều này.

2. Để thực hiện hay áp dụng Khoản 1 của điều này:

(a) Mỗi Quốc gia thành viên sẽ tìm cách áp dụng Khoản 1 Điều này ở phạm vi rộng nhất của các hành vi vi phạm nguồn;

(b) Mỗi Quốc gia thành viên sẽ coi cả những tội phạm nghiêm trọng được định nghĩa tại Điều 2 của Công ước này và những hành vi phạm tội quy định tại Điều 5, 8 và 23 là những hành vi phạm tội nguồn. Đối với các Quốc gia thành viên mà luật pháp của họ định rõ một danh sách các hành vi phạm tội nguồn cụ thể, thì ít nhất họ sẽ gộp vào trong danh sách này một phạm vi tổng thể các hành vi phạm tội có liên quan đến những nhóm tội phạm có tổ chức;

(c) Vì mục đích của Mục (b), những hành vi vi phạm nguồn sẽ bao gồm những hành vi phạm tội được thực hiện nằm trong và ngoài phạm vi quyền tài phán của Quốc gia thành viên liên quan. Tuy nhiên, những hành vi phạm tội được thực hiện ngoài phạm vi quyền tài phán của một Quốc gia thành viên sẽ chỉ cấu thành hành vi phạm tội nguồn khi hành vi có liên quan là một hành vi phạm tội theo pháp luật trong nước của Quốc gia nơi hành vi đó được thực hiện và là một hành vi tội phạm theo pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên đang thực hiện hay áp dụng điều này nếu như hành vi đó được thực hiện ở Quốc gia này;

(d) Mỗi Quốc gia thành viên sẽ cung cấp cho Tổng thư ký Liên hợp quốc các bản sao luật của họ quy định việc áp dụng điều này và bản sao của bất cứ sửa đổi nào liên quan đến những luật này hoặc những văn bản hướng dẫn những luật này.

(e) Nếu những nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong nước của một Quốc gia thành viên đòi hỏi thì có thể quy định rằng những hành vi phạm tội nêu tại Khoản 1 Điều này không áp dụng đối với những người đã thực hiện những hành vi phạm tội nguồn;

(f) Sự nhận thức, ý định hay mục đích được coi là yếu tố cấu thành hành vi phạm tội nêu tại Khoản 1 Điều này có thể được suy ra từ những hoàn cảnh thực tế khách quan.

Điều 7. Các biện pháp chống rửa tiền

1. Mỗi Quốc gia thành viên:

(a) Trong phạm vi thẩm quyền của mình, thiết lập một thể chế điều chỉnh và giám sát tổng thể trong nước đối với các ngân hàng và định chế tài chính phi ngân hàng và cả các cơ quan khác đặc biệt dễ liên quan đến việc rửa tiền nếu cần, để ngăn ngừa và phát hiện tất cả các hình thức rửa tiền, thể chế này sẽ nhấn mạnh đến những yêu cầu về nhận dạng khách hàng, lưu trữ hồ sơ và báo cáo về những giao dịch có nghi vấn;

(b) Không làm phương hại tới các Điều 18 và 27 của Công ước này, đảm bảo rằng các cơ quan hành chính, lập quy, hành pháp và các cơ quan chống rửa tiền khác (kể cả những cơ quan tư pháp nếu pháp luật trong nước quy định) có khả năng hợp tác và trao đổi thông tin ở cấp độ quốc gia và quốc tế, trong phạm vi các quy định của pháp luật trong nước và để đạt được mục tiêu này sẽ xem xét việc thành lập cơ quan tình báo tài chính hoạt động như một trung tâm quốc gia để thu thập, phân tích và phổ biến thông tin về nguy cơ rửa tiền.

2. Các Quốc gia thành viên sẽ cân nhắc việc áp dụng những biện pháp khả thi để phát hiện và giám sát việc chuyển tiền và các giấy tờ có thể chuyển đổi thành tiền qua biên giới của họ theo cơ chế an ninh để bảo đảm việc sử dụng đúng đắn các thông tin và không cản trở việc vận chuyển vốn hợp pháp dưới mọi hình thức. Những biện pháp này có thể bao gồm cả việc yêu cầu các cá nhân và doanh nghiệp báo cáo về các hoạt động chuyển giao tiền và những giấy tờ có thể chuyển đổi thành tiền với số lượng lớn qua biên giới.

3. Không làm phương hại tới bất cứ quy định nào của Công ước này, khi thiết lập thể chế điều chỉnh và giám sát theo các quy định của Điều này, các quốc gia thành viên nên sử dụng những sáng kiến thích hợp về chống rửa tiền của các tổ chức khu vực, liên khu vực và đa phương như là phương hướng hành động.

4. Các quốc gia thành viên sẽ cố gắng phát triển và thúc đẩy hợp tác toàn cầu, khu vực, tiểu khu vực và song phương giữa các cơ quan tư pháp, hành pháp và điều chỉnh tài chính để chống rửa tiền.

Điều 8. Hình sự hoá hành vi tham nhũng

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ ban hành pháp luật và các biện pháp cần thiết khác để coi các hành vi sau là tội phạm khi chúng được thực hiện một cách cố ý:

(a) Hứa hẹn, đề nghị hay mang đến một cách trực tiếp hay gián tiếp cho viên chức nhà nước một mối lợi không chính đáng dành cho người đó hay người hoặc thực thể khác để viên chức đó hành động hoặc không hành động trong khi thực hiện các phận sự chính thức của mình;

(b) Gợi ý hoặc chấp nhận một cách trực tiếp hay gián tiếp của viên chức nhà nước đối với một mối lợi không chính đáng dành cho người đó hay người hoặc thực thể khác để viên chức đó hành động hoặc không hành động trong khi thực hiện các phận sự chính thức của mình.

2. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét ban hành pháp luật và các biện pháp cần thiết khác để xác định trách nhiệm hình sự đối với việc thực hiện những hành vi được đề cập đến tại Khoản 1 Điều này có dính líu đến một viên chức nhà nước nước ngoài hoặc một viên chức dân sự quốc tế. Tương tự, mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét việc quy định trách nhiệm hình sự đối với những hình thức tham nhũng khác.

3. Mỗi Quốc gia thành viên cũng sẽ ban hành những biện pháp cần thiết nói trên để coi sự tham gia với tư cách là đồng phạm trong việc thực hiện một hành vi phạm tội được quy định tại điều này là tội phạm.

4. Vì mục đích của Khoản 1 Điều này và Điều 9, "viên chức nhà nước" nghĩa là một viên chức nhà nước hoặc một người thực hiện công vụ được định nghĩa theo pháp luật trong nước và được áp dụng trong luật hình sự của Quốc gia thành viên mà tại đó người được nói đến thực hiện chức năng này.

Điều 9. Những biện pháp chống tham nhũng

1. Ngoài những biện pháp nêu trong Điều 8 Công ước này, mỗi Quốc gia thành viên sẽ ban hành pháp luật, những biện pháp hành chính hay những biện pháp có hiệu quả khác trong phạm vi thích hợp và phù hợp với hệ thống luật pháp của quốc gia đó để tăng cường sự chính trực và để ngăn ngừa, phát hiện và trừng trị hành vi tham nhũng của các viên chức nhà nước.

2. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ thực thi các biện pháp để bảo đảm các cơ quan của quốc gia đó hoạt động có hiệu quả trong việc ngăn ngừa, phát hiện và trừng trị hành vi tham nhũng của các viên chức nhà nước, bao gồm cả việc trao cho những cơ quan này một tư cách độc lập đủ để chống lại những tác động sai trái đến hoạt động của chúng.

Điều 10. Trách nhiệm pháp lý của pháp nhân

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ ban hành những biện pháp cần thiết phù hợp với những nguyên tắc pháp lý của họ, để xác định trách nhiệm pháp lý của pháp nhân trong việc tham gia các tội phạm nghiêm trọng liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức và trong việc thực hiện những hành vi phạm tội được xác định tại điều 5, 6, 8 và 23 của Công ước này.

2. Tùy theo những nguyên tắc pháp lý của Quốc gia thành viên, trách nhiệm pháp lý của pháp nhân có thể là hình sự, dân sự hay hành chính.

3. Trách nhiệm pháp lý này không ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của các cá nhân thực hiện các hành vi phạm tội.

4. Cụ thể, mỗi Quốc gia thành viên sẽ đảm bảo rằng các pháp nhân chịu trách nhiệm pháp lý theo điều này phải chịu các hình phạt hình sự hay phi hình sự có tính hiệu quả, tương xứng và có tác dụng ngăn ngừa, bao gồm cả những hình phạt bằng tiền.

Điều 11. Truy tố, xét xử và trừng phạt

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ bảo đảm việc thực hiện hành vi phạm tội được xác định theo điều 5, 6, 8, 23 của Công ước này phải bị trừng phạt, có tính đến mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội đó.

2. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ cố gắng để đảm bảo rằng bất cứ quyền tự do pháp lý nào theo quy định trong pháp luật trong nước của quốc gia đó về việc truy tố các cá nhân vì các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này phải được thực hiện để tối đa hoá hiệu quả của các biện pháp hành pháp đối với

những hành vi phạm tội và có tính đến sự cần thiết phải ngăn chặn việc thực hiện những hành vi phạm tội như vậy.

3. Trong trường hợp những hành vi phạm tội được xác định tại các điều 5, 6, 8 và 23 của Công ước này, mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng những biện pháp thích hợp, phù hợp với pháp luật trong nước và có cân nhắc đầy đủ đến các quyền được bào chữa, để bảo đảm rằng những điều kiện đặt ra liên quan tới các quyết định cho tại ngoại trong thời gian chờ xét xử hoặc phúc thẩm có tính đến sự cần thiết phải bảo đảm sự hiện diện của bị cáo trong quá trình tố tụng hình sự tiếp sau.

4. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ đảm bảo rằng các toà hay cơ quan có thẩm quyền của họ nhận thức được tính nghiêm trọng của hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh khi cân nhắc việc cho phép tạm tha sớm hay phóng thích người bị kết án về tội này.

5. Mỗi Quốc gia thành viên, nếu thích hợp, sẽ quy định trong pháp luật trong nước một khung thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự dài để truy cứu bất cứ hành vi phạm tội nào được Công ước này điều chỉnh và một thời hạn lâu hơn nếu người bị tình nghi là tội phạm lần tránh việc thực thi công lý.

6. Không có quy định nào trong Công ước này ảnh hưởng đến nguyên tắc việc quy định cụ thể các hành vi phạm tội theo Công ước này và việc bào chữa theo pháp luật hiện hành hoặc các nguyên tắc pháp lý khác xác định tính hợp pháp của hành vi thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật trong nước mỗi Quốc gia thành viên quyết định và những hành vi phạm tội như vậy sẽ bị truy tố và trừng trị theo luật đó.

Điều 12. Tịch thu và tạm giữ

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng hết mức có thể trong phạm vi hệ thống pháp luật trong nước những biện pháp cần thiết để cho phép tịch thu:

(a) Tài sản do phạm tội mà có bắt nguồn từ những hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh hay những tài sản có giá trị tương đương với giá trị của tài sản do phạm tội mà có;

(b) Tài sản, trang thiết bị và các công cụ khác được sử dụng hay được dự định sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh.

2. Các Quốc gia thành viên sẽ thông qua những biện pháp cần thiết để cho phép xác định, truy nguyên, phong toả hay tạm giữ bất kỳ mục nào được đề cập đến tại Khoản 1 của Điều này nhằm thực hiện được việc tịch thu.

3. Nếu những tài sản do phạm tội mà có được biến đổi hoặc chuyển đổi, một phần hay toàn bộ, thành một tài sản khác thì tài sản này sẽ phải chịu những biện pháp được đề cập đến trong Điều này thay cho những tài sản do phạm tội mà có.

4. Nếu những tài sản do phạm tội mà có đã được gộp với những tài sản có nguồn gốc hợp pháp thì những tài sản này, không cản trở đến bất cứ quyền niêm

phong hay tạm giữ nào, sẽ bị tịch thu theo giá trị tương đương số tài sản đã được gộp trước đó.

5. Thu nhập hay lợi nhuận khác thu được từ tài sản do phạm tội mà có, từ những tài sản do vật hoặc tiền do phạm tội mà có biến đổi hay chuyển đổi thành hay từ tài sản mà vật hoặc tiền do phạm tội mà có được gộp vào, cũng sẽ phải chịu những biện pháp được đề cập trong Điều này theo cùng phương thức và mức độ áp dụng đối với tài sản do phạm tội mà có.

6. Vì mục đích của Điều này và Điều 13, mỗi Quốc gia thành viên sẽ trao cho các toà án của mình hay các cơ quan có thẩm quyền khác quyền lực để ra lệnh nộp hay thu giữ các tài liệu về ngân hàng, tài chính, thương mại. Các Quốc gia thành viên sẽ không không từ chối thực hiện các quy định của khoản này vì lý do đảm bảo bí mật ngân hàng.

7. Các Quốc gia thành viên có thể xem xét khả năng yêu cầu bị cáo chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản bị nghi là do phạm tội mà có hoặc những tài sản sẽ bị tịch thu khác, trong chừng mực phù hợp với những nguyên tắc của pháp luật trong nước và với tính chất của các trình tự xét xử và thủ tục tố tụng khác.

8. Các quy định của Điều này sẽ không được giải thích làm phương hại đến quyền của bên thứ ba ngay tình.

9. Không quy định nào trong Điều này ảnh hưởng đến nguyên tắc việc xác định và áp dụng các biện pháp nêu trong Điều này phải phù hợp và tuân theo các quy định pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên.

Điều 13. Hợp tác quốc tế trong việc tịch thu tài sản

1. Quốc gia thành viên khi nhận được lời yêu cầu của một Quốc gia thành viên khác có quyền tài phán đối với một hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh về việc tịch thu tài sản do phạm tội mà có, tài sản, trang thiết bị và các công cụ khác được nói đến tại Điều 12 Khoản 1 Công ước này nằm trên lãnh thổ của nước đó, sẽ cố gắng hết mức có thể trong phạm vi hệ thống pháp luật trong nước cho phép:

(a) Chuyển yêu cầu này đến các cơ quan có thẩm quyền trong nước để phát lệnh tịch thu và, nếu lệnh này được ban ra, thực hiện lệnh đó; hoặc

(b) Chuyển lệnh tịch thu của toà án quốc gia yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện phù hợp với quy định tại Điều 12 Khoản 1 Công ước này nếu lệnh tịch thu đó liên quan đến tài sản do phạm tội mà có, tài sản, trang thiết bị và các công cụ khác nêu trong Điều 12 Khoản 1 đang nằm trên lãnh thổ của Quốc gia thành viên được yêu cầu.

2. Khi thực hiện yêu cầu của một Quốc gia thành viên khác có quyền tài phán đối với hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh, Quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ tiến hành các biện pháp xác định, truy nguyên và niêm phong hay tạm giữ tài sản do phạm tội mà có, tài sản, trang thiết bị và các công cụ khác được nêu trong Điều 12 Khoản 1 của Công ước này nhằm thực hiện

lệnh tịch thu do Quốc gia thành viên yêu cầu hoặc Quốc gia thành viên được yêu cầu đưa ra căn cứ theo lời yêu cầu quy định tại Khoản 1 của Điều này.

3. Các quy định của Điều 18 Công ước này được áp dụng cho Điều này với những sửa đổi cần thiết. Ngoài những thông tin được nói đến tại Điều 18 Khoản 15, các yêu cầu được đưa ra theo Điều này phải bao gồm:

(a) Một bản mô tả về tài sản sẽ bị tịch thu và một bản trình bày về các cơ sở làm căn cứ cho Quốc gia thành viên đưa ra yêu cầu, để Quốc gia thành viên được yêu cầu có đủ cơ sở phát lệnh tịch thu theo quy định pháp luật trong nước của họ, trong trường hợp yêu cầu đó thuộc Khoản 1 (a) Điều này;

(b) Một bản sao lệnh tịch thu được chấp nhận là có giá trị pháp lý mà căn cứ vào đó Quốc gia thành viên đưa ra yêu cầu, một bản trình bày về các tình tiết và thông tin liên quan đến việc thực hiện lệnh tịch thu, trong trường hợp yêu cầu đó thuộc Khoản 1 (b) Điều này,

(c) Một bản trình bày về các cơ sở làm căn cứ cho Quốc gia thành viên đưa ra yêu cầu và một bản trình bày về các hoạt động cần thực hiện, trong trường hợp yêu cầu thuộc Khoản 2 Điều này.

4. Các quyết định hay hoạt động theo quy định tại Khoản 1 và 2 của Điều này sẽ được Quốc gia thành viên được yêu cầu thực hiện, phù hợp và tuân theo các quy định pháp luật trong nước quốc gia đó và các nguyên tắc về thủ tục của họ hay bất cứ điều ước, hiệp định, thoả thuận song phương hay đa phương nào mà quốc gia đó có thể phải tuân theo trong quan hệ với Quốc gia thành viên yêu cầu.

5. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ cung cấp cho Tổng thư ký Liên hợp quốc bản sao các luật và quy định để Điều này có hiệu lực và bất cứ sửa đổi nào đối với những luật và quy định này hoặc các văn bản hướng dẫn.

6. Nếu một Quốc gia thành viên quyết định tiến hành các biện pháp nói đến tại Khoản 1 và 2 của Điều này với điều kiện phải có điều ước quốc tế liên quan điều chỉnh, Quốc gia thành viên đó sẽ coi Công ước này là cơ sở cần và đủ cho điều kiện nói trên

7. Việc hợp tác theo Điều này có thể bị một Quốc gia thành viên từ chối nếu hành vi phạm tội mà yêu cầu đề cập không phải là một hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh.

8. Các quy định của Điều này sẽ không được giải thích làm phương hại đến quyền của bên thứ 3 ngay tình.

9. Các Quốc gia thành viên sẽ cân nhắc việc ký kết các điều ước, hiệp định hay thoả thuận song phương và đa phương để tăng cường tính hiệu quả của hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Điều này.

Điều 14. Xử lý tài sản do phạm tội mà có bị tịch thu hoặc tài sản bị tịch thu

1. Tài sản do phạm tội mà có hay tài sản mà một Quốc gia thành viên tịch thu theo Điều 12 hoặc Điều 13 Khoản 1 của Công ước này sẽ do Quốc gia thành viên đó xử lý phù hợp với pháp luật trong nước và các thủ tục hành chính của quốc gia này.

2. Khi thực hiện yêu cầu của một Quốc gia thành viên khác theo Điều 13 Công ước này, các Quốc gia thành viên, trong chừng mực pháp luật trong nước cho phép và nếu được đề nghị, sẽ ưu tiên xem xét việc trả lại tài sản do phạm tội mà có hay tài sản cho Quốc gia thành viên yêu cầu để họ có thể đền bù cho các nạn nhân hoặc trả lại những tài sản đó cho chủ sở hữu hợp pháp của nó.

3. Khi thực hiện yêu cầu của một Quốc gia thành viên khác theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Công ước này, một Quốc gia thành viên có thể chú trọng xem xét ký kết các hiệp định hay thoả thuận về:

(a) Việc đóng góp tài sản do phạm tội mà có hay tài sản hoặc tiền của có được từ việc bán chúng hoặc một phần của chúng vào tài khoản được mở theo Điều 30 Khoản 2 (c) Công ước này và cho các cơ quan liên chính phủ chuyên trách chống tội phạm có tổ chức;

(b) Chia sẻ với các Quốc gia thành viên khác, trên cơ sở thường xuyên hoặc theo từng vụ việc, tài sản do phạm tội mà có hay tài sản hoặc tiền của từ việc bán chúng phù hợp với quy định của pháp luật trong nước và các thủ tục hành chính của quốc gia đó.

Điều 15. Quyền tài phán

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ thông qua các những biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những hành vi phạm tội quy định theo các Điều 5, 6, 8 và 23 của Công ước này khi:

(a) Hành vi phạm tội được thực hiện trên lãnh thổ của Quốc gia thành viên đó; hoặc

(b) Hành vi phạm tội được thực hiện trên boong tàu mang cờ của Quốc gia thành viên đó hoặc trên máy bay đăng ký theo luật của Quốc gia thành viên đó vào thời điểm xảy ra hành vi phạm tội.

2. Theo quy định tại Điều 4 Công ước này, một Quốc gia thành viên cũng sẽ thiết lập quyền tài phán của mình đối với bất kỳ hành vi phạm tội nào khi:

(a) Hành vi phạm tội được thực hiện nhằm chống lại một công dân của Quốc gia thành viên đó;

(b) Hành vi phạm tội được thực hiện bởi một công dân của Quốc gia thành viên đó hay một người không quốc tịch thường trú trên lãnh thổ của quốc gia đó; hoặc

(c) Hành vi phạm tội là:

(i) Một trong những hành vi được quy định tại Điều 6 Khoản 1 Công ước này và được thực hiện bên ngoài lãnh thổ của quốc gia đó nhằm thực hiện một tội phạm nghiêm trọng trong lãnh thổ của quốc gia đó;

(ii) Một trong những hành vi được quy định tại Điều 6 Khoản 1 (b) (ii) Công ước này và được thực hiện bên ngoài lãnh thổ của quốc gia đó nhằm thực hiện một hành vi phạm tội theo quy định tại Điều 6 Khoản 1 điểm (a) (i) hoặc (ii) hay điểm (b) (i) Công ước này trong lãnh thổ quốc gia đó.

3. Vì mục đích của Điều 16 Khoản 10 Công ước này, mỗi Quốc gia thành viên sẽ thông qua những biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh khi người bị tình nghi là tội phạm xuất hiện trên lãnh thổ của quốc gia đó và quốc gia đó không dẫn độ người này với lý do họ là công dân của quốc gia đó.

4. Mỗi Quốc gia thành viên cũng sẽ thông qua những biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh khi người bị tình nghi là tội phạm có mặt trên lãnh thổ của quốc gia đó và quốc gia đó không dẫn độ người này.

5. Nếu một Quốc gia thành viên thực hiện quyền tài phán của mình theo Khoản 1 hoặc 2 của Điều này đã được thông báo hoặc bằng một cách khác biết được rằng một hay nhiều Quốc gia thành viên khác đang tiến hành việc điều tra, truy tố hay xét xử đối với cùng hành vi đó, các cơ quan có thẩm quyền của những Quốc gia thành viên này sẽ, khi thích hợp, tham khảo với nhau để phối hợp hoạt động.

6. Không làm phương hại đến các chuẩn mực của luật pháp quốc tế chung, Công ước này không loại bỏ việc thực hiện quyền tài phán hình sự của một Quốc gia thành viên phù hợp với pháp luật trong nước của quốc gia đó.

Điều 16. Dẫn độ

1. Điều này sẽ áp dụng đối với các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh hoặc trong những trường hợp khi một hành vi phạm tội được đề cập đến trong Điều 2 bis Khoản 1 (a) hoặc (b) có liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức và người là đối tượng của yêu cầu dẫn độ đang sống ở Quốc gia thành viên được yêu cầu, với điều kiện là hành vi phạm tội dẫn đến việc dẫn độ đáng bị trừng phạt theo pháp luật trong nước của cả quốc gia yêu cầu lẫn quốc gia được yêu cầu.

2. Nếu yêu cầu dẫn độ bao gồm vài tội phạm nghiêm trọng khác nhau, trong đó có một số tội không được Công ước này điều chỉnh, Quốc gia thành viên được yêu cầu vẫn có thể áp dụng Điều này đối với những tội đó.

3. Mỗi hành vi phạm tội mà Điều này áp dụng cũng sẽ được coi là hành vi phạm tội có thể bị dẫn độ trong bất cứ điều ước dẫn độ tội phạm nào đã có giữa các Quốc gia thành viên. Các Quốc gia thành viên phải quy định những hành vi phạm tội này là những hành vi phạm tội có thể dẫn độ được trong mọi điều ước quốc tế về dẫn độ sẽ được ký kết giữa họ.

4. Nếu một Quốc gia thành viên dẫn độ theo điều ước nhận được yêu cầu dẫn độ từ một Quốc gia thành viên khác mà giữa họ chưa có điều ước về dẫn độ

nào, thì Quốc gia thành viên này có thể coi Công ước này như là cơ sở pháp lý cho việc dẫn độ đối với bất cứ hành vi phạm tội nào mà Điều này áp dụng.

5. Các Quốc gia thành viên dẫn độ theo điều ước sẽ:

(a) Thông báo cho Tổng thư ký Liên hợp quốc việc họ có lấy Công ước này làm cơ sở pháp lý cho việc hợp tác dẫn độ với các Quốc gia thành viên khác của Công ước này hay không khi nộp văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hay gia nhập Công ước này; và

(b) Cố gắng ký kết các điều ước về dẫn độ với các Quốc gia thành viên khác của Công ước này để thực hiện Điều này khi cần nếu họ không lấy Công ước này làm cơ sở pháp lý cho việc hợp tác dẫn độ.

6. Các Quốc gia thành viên không dẫn độ theo điều ước sẽ công nhận các hành vi phạm tội mà Điều này áp dụng là những hành vi phạm tội có thể bị dẫn độ giữa họ.

7. Việc dẫn độ sẽ phải tuân theo các điều kiện được quy định trong pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên được yêu cầu hoặc các điều ước về dẫn độ có thể áp dụng được, bao gồm nhưng không giới hạn các điều kiện liên quan đến yêu cầu về mức phạt tối thiểu để dẫn độ và những cơ sở mà Quốc gia thành viên được yêu cầu có thể từ chối dẫn độ.

8. Các Quốc gia thành viên sẽ, tuân theo pháp luật trong nước của họ, cố gắng tiến hành các thủ tục dẫn độ và đơn giản hoá các yêu cầu về bằng chứng liên quan đến nó đối với bất kỳ hành vi phạm tội nào mà Điều này áp dụng.

9. Nếu Quốc gia thành viên được yêu cầu nhận thấy hoàn cảnh đòi hỏi và cấp thiết thì, theo đề nghị Quốc gia thành viên yêu cầu và phù hợp với các quy định pháp luật trong nước cũng như các điều ước về dẫn độ của mình, có thể bắt giữ người cần được dẫn độ mà hiện đang có mặt trên lãnh thổ quốc gia mình hoặc tiến hành những biện pháp thích hợp khác để đảm bảo việc dẫn độ người đó sẽ được thực hiện.

10. Nếu một Quốc gia thành viên nơi bị can về một tội mà điều này áp dụng đang cư trú không dẫn độ người này với lý do là người đó là công dân của mình thì khi nhận được yêu cầu của Quốc gia thành viên muốn dẫn độ sẽ phải chuyển ngay vụ việc này cho các cơ quan có thẩm quyền truy tố. Cơ quan có thẩm quyền đó sẽ đưa ra quyết định của họ và tiến hành tố tụng theo một trình tự thủ tục giống như đối với những hành vi phạm tội khác có cùng mức độ nghiêm trọng phù hợp với pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên nói trên. Các Quốc gia thành viên hữu quan sẽ hợp tác với nhau trong quá trình tố tụng và về chứng cứ, để đảm bảo tính hiệu quả của việc truy tố.

11. Khi một Quốc gia thành viên được phép dẫn độ hoặc chuyển giao công dân của mình theo quy định của pháp luật trong nước, với điều kiện sau khi xét xử công dân đó phải trở về thi hành án tại Quốc gia đó và Quốc gia thành viên yêu cầu dẫn độ cũng đồng ý với điều kiện này cũng như những điều kiện

thích hợp khác, thì việc dẫn độ hoặc chuyển giao có điều kiện nói trên coi như đã thoả mãn các nghĩa vụ quy định tại Khoản 10 Điều này.

12. Nếu một Quốc gia từ chối yêu cầu dẫn độ thi hành án với lý do người bị dẫn độ là công dân của mình thì Quốc gia đó, theo đề nghị của Quốc gia yêu cầu dẫn độ và phù hợp với các quy định của pháp luật trong nước, sẽ xem xét việc thi hành toàn bộ hoặc một phần còn lại của hình phạt theo bản án của Quốc gia yêu cầu.

13. Bất cứ người nào đang là đối tượng của việc tố tụng về mọi kỳ hành vi phạm tội mà Điều này áp dụng sẽ được bảo đảm sự đối xử công minh trong mọi giai đoạn tố tụng, bao gồm việc hưởng đầy đủ các quyền và những đảm bảo theo quy định pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên nơi người đó cư trú.

14. Không quy định nào trong Công ước này được giải thích là áp đặt nghĩa vụ dẫn độ nếu như Quốc gia thành viên được yêu cầu có đủ cơ sở để tin rằng yêu cầu được đưa ra nhằm truy tố hay trừng trị một người vì lý do giới tính, tôn giáo, chủng tộc, quốc tịch, nguồn gốc dân tộc hay quan điểm chính trị của người đó hoặc việc thực hiện yêu cầu sẽ làm phương hại đến quan điểm của người đó về một trong những lý do trên.

15. Các Quốc gia thành viên có thể từ chối yêu cầu dẫn độ với lý do hành vi phạm tội cũng liên quan đến vấn đề tài chính quốc gia.

16. Trước khi từ chối dẫn độ, Quốc gia được yêu cầu, nếu thích hợp, sẽ tham khảo Quốc gia yêu cầu để Quốc gia này có thể bày tỏ quan điểm và cung cấp thông tin liên quan đến nghi vấn của họ.

17. Các Quốc gia thành viên sẽ cố gắng ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương để thực hiện hoặc tăng cường mức độ hiệu quả của việc dẫn độ.

Điều 17. Chuyển giao người bị kết án

Các Quốc gia thành viên có thể xem xét tham gia các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương về việc chuyển giao vào lãnh thổ của họ những người bị phạt tù hoặc những hình phạt tước bỏ quyền tự do khác vì những hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh, để những người này có thể chấp hành xong bản án của họ ở lãnh thổ quốc gia đó.

Điều 18. Tương trợ pháp lý

1. Các Quốc gia thành viên sẽ thực hiện tương trợ pháp lý hiệu quả nhất cho một Quốc gia thành viên khác trong việc điều tra, truy tố và xét xử liên quan đến các hành vi phạm tội được quy định tại Điều 3 Công ước và sẽ thực hiện tương trợ pháp lý tương tự cho một Quốc gia thành viên khác nếu Quốc gia thành viên đó có các lý do chính đáng để nghi ngờ hành vi phạm tội như được nêu trong Điều 3, Khoản 1 (a) hoặc (b), có tính chất xuyên quốc gia, bao gồm việc các nạn nhân, nhân chứng, tài sản, phương tiện hoặc chứng cứ của các hành vi phạm tội đó đang nằm tại Quốc gia thành viên được yêu cầu và có liên quan đến nhóm tội phạm có tổ chức.

2. Quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ thực hiện tương trợ pháp lý trong phạm vi khả năng của mình phù hợp với luật pháp, các hiệp ước, hiệp định và thoả thuận có liên quan của nước đó đối với các thủ tục điều tra, tố tụng và xét xử liên quan đến các hành vi phạm tội mà một pháp nhân có thể phải chịu trách nhiệm pháp lý theo Điều 10 của Công ước này tại Quốc gia thành viên yêu cầu.

3. Có thể yêu cầu tương trợ pháp lý theo Điều này nhằm bất kỳ mục đích nào sau đây:

(a) Lấy chứng cứ hoặc lời khai;

(b) Thực hiện tổng đạt giấy tờ tư pháp;

(c) Thực hiện khám xét, tạm giữ, và niêm phong;

(d) Khám nghiệm đồ vật và hiện trường;

(e) Cung cấp thông tin, vật chứng và đánh giá của người giám định;

(f) Cung cấp tài liệu và hồ sơ gốc hoặc đã được chứng thực, kể cả tài liệu của chính phủ, ngân hàng, các hồ sơ tài chính, các hồ sơ của nghiệp đoàn hoặc hồ sơ kinh doanh;

(g) Nhận dạng hoặc phát hiện tài sản do phạm tội mà có, tài sản, công cụ hoặc các đồ vật khác để phục vụ mục đích thu thập chứng cứ;

(h) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc trình diện tự nguyện của những cá nhân liên quan tại Quốc gia yêu cầu;

(i) Bất kỳ hình thức tương trợ nào khác không trái với pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên được yêu cầu.

4. Không làm phương hại tới pháp luật trong nước, các cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia thành viên có thể, không cần báo trước, chuyển các thông tin liên quan đến vấn đề hình sự tới một cơ quan có thẩm quyền của một Quốc gia thành viên khác nếu họ tin rằng các thông tin đó có thể giúp đỡ cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia kia trong việc thực hiện hoặc hoàn thành việc lấy lời khai và các thủ tục tố tụng hình sự hoặc có thể giúp Quốc gia thành viên kia thực hiện một yêu cầu phù hợp với Công ước này.

5. Việc chuyển thông tin theo Khoản 4 của Điều này sẽ không làm phương hại đến công việc lấy lời khai và các thủ tục tố tụng hình sự tại Quốc gia của các cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin. Các cơ quan có thẩm quyền nhận thông tin sẽ tuân thủ yêu cầu về bảo mật, thậm chí tạm thời, hoặc hạn chế sử dụng thông tin đó. Tuy nhiên, điều này sẽ không ngăn cản Quốc gia thành viên nhận thông tin tiết lộ thông tin đó khi tiến hành các hoạt động tố tụng của mình nhằm bào chữa cho một người bị kết tội. Trong trường hợp này, Quốc gia thành viên nhận thông tin sẽ thông báo vấn đề này cho Quốc gia thành viên chuyển thông tin trước khi tiết lộ thông tin và sẽ tham khảo ý kiến Quốc gia thành viên chuyển giao thông tin nếu được yêu cầu như vậy. Trong trường hợp đặc biệt, nếu không thể thông báo trước thì Quốc gia thành viên nhận thông tin

sẽ thông báo cho Quốc gia thành viên chuyên thông tin về việc tiết lộ thông tin mà không có bất kỳ sự trì hoãn nào.

6. Các quy định tại Điều này sẽ không ảnh hưởng đến những nghĩa vụ theo bất kỳ điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương nào khác điều chỉnh hoặc sẽ điều chỉnh, toàn bộ hoặc một phần, vấn đề tương trợ pháp lý.

7. Các Khoản 9 đến 29 của Điều này sẽ áp dụng cho các yêu cầu tương trợ pháp lý được đưa ra phù hợp với Điều này nếu các Quốc gia thành viên liên quan không bị ràng buộc bởi một điều ước quốc tế khác về tương trợ pháp lý. Nếu các Quốc gia thành viên bị ràng buộc bởi một điều ước như vậy, các quy định phù hợp của điều ước đó sẽ được áp dụng trừ khi các Quốc gia thành viên đó đồng ý áp dụng các Khoản 9 đến 29 của Điều này thay cho các quy định của điều ước nói trên. Các Quốc gia thành viên được khuyến khích áp dụng các Khoản này nếu chúng tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác giữa các Quốc gia thành viên.

8. Các Quốc gia thành viên sẽ không từ chối tương trợ pháp lý theo Điều này với lý do bảo mật ngân hàng.

9. Các Quốc gia thành viên có thể từ chối tương trợ pháp lý theo Điều này với lý do không tồn tại trách nhiệm hình sự song song. Tuy nhiên, nếu Quốc gia thành viên được yêu cầu thấy thích hợp thì có thể thực hiện việc tương trợ pháp lý theo chừng mực tùy ý bất kể việc hành vi đó có thể cấu thành một hành vi phạm tội theo pháp luật trong nước của Quốc gia đó hay không.

10. Một người đang bị giam giữ hoặc chấp hành án trên lãnh thổ của một Quốc gia thành viên cần phải trình diện tại một Quốc gia thành viên khác để nhận dạng, đưa ra lời khai hoặc trợ giúp trong việc thu thập chứng cứ cho các hoạt động điều tra, truy tố hoặc xét xử liên quan đến các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh có thể được dẫn giải sang Quốc gia thành viên kia nếu đáp ứng các điều kiện sau:

(a) Được sự đồng ý của người đó;

(b) Các cơ quan có thẩm quyền của cả hai Quốc gia thành viên đồng ý, theo các điều kiện mà các Quốc gia thành viên đó thấy thích đáng.

11. Vì các mục đích nêu trong Khoản 10 của Công ước này:

(a) Quốc gia thành viên nơi người đó được dẫn giải tới sẽ có thẩm quyền và nghĩa vụ giam giữ người đó, trừ khi Quốc gia thành viên nơi người đó được dẫn giải đi uỷ quyền hoặc yêu cầu khác;

(b) Quốc gia thành viên nơi người đó được dẫn giải tới sẽ không chậm trễ thực hiện nghĩa vụ trao trả người đó lại cho Quốc gia thành viên nơi người đó được dẫn giải đi như đã thoả thuận trước, hoặc theo thoả thuận giữa các cơ quan có thẩm quyền của cả hai Quốc gia thành viên;

(c) Quốc gia thành viên nơi người đó được dẫn giải tới sẽ không yêu cầu Quốc gia thành viên nơi người đó được dẫn giải đi phải tiến hành các thủ tục dẫn độ để trao trả lại người đó;

(d) Thời gian bị giam giữ của người đó tại Quốc gia thành viên nơi họ được dẫn giải tới sẽ được tính vào thời gian phạt tù mà họ phải chấp hành tại Quốc gia nơi họ được dẫn giải đi.

12. Trừ khi Quốc gia thành viên nơi một người được dẫn giải đi theo quy định tại Khoản 10 và 11 của Điều này đồng ý, người đó, bất kể có quốc tịch của nước nào, sẽ không bị truy tố, bắt giam, trừng phạt hoặc phải chịu bất kỳ sự hạn chế về tự do cá nhân nào tại lãnh thổ của Quốc gia nơi người đó được dẫn giải tới liên quan đến các hành vi mà người đó thực hiện trước khi rời khỏi lãnh thổ của Quốc gia nơi người đó được dẫn giải đi.

13. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ chỉ định một cơ quan trung ương có trách nhiệm và quyền hạn nhận các yêu cầu tương trợ pháp lý và hoặc thực hiện các yêu cầu đó hoặc chuyển chúng cho các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện. Nếu một Quốc gia thành viên có một vùng hoặc lãnh thổ đặc biệt với hệ thống tương trợ pháp lý riêng biệt, thì Quốc gia đó có thể chỉ định một cơ quan trung ương chuyên biệt có chức năng tương tự cho vùng hoặc lãnh thổ đó. Các cơ quan trung ương sẽ đảm bảo việc thực hiện hoặc chuyển giao các yêu cầu tương trợ pháp lý mà cơ quan đó nhận được một cách hiệu quả và nhanh chóng. Nếu cơ quan trung ương chuyển giao yêu cầu tương trợ pháp lý cho một cơ quan có thẩm quyền thực hiện, cơ quan trung ương đó sẽ đốc thúc cơ quan này thực hiện yêu cầu tương trợ pháp lý nhanh chóng và có hiệu quả. Quốc gia thành viên sẽ thông báo về cơ quan trung ương được chỉ định nhằm thực hiện các nhiệm vụ nói trên cho Tổng thư ký Liên hợp quốc khi gửi lưu chiếu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập của mình đối với Công ước này. Các yêu cầu tương trợ pháp lý và bất kỳ thông tin nào liên quan đến các yêu cầu đó sẽ được chuyển đến các cơ quan trung ương mà Quốc gia thành viên đã chỉ định. Quy định này sẽ không làm phương hại đến quyền của một Quốc gia thành viên đề nghị chuyển các yêu cầu và thông tin qua đường ngoại giao và trong các trường hợp khẩn cấp nếu các Quốc gia thành viên đồng ý, qua Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế, nếu có thể.

14. Các yêu cầu tương trợ pháp lý phải được viết bằng văn bản, hoặc nếu có thể, bằng bất kỳ phương tiện nào tạo ra được văn bản, được lập bằng ngôn ngữ mà Quốc gia thành viên được yêu cầu chấp thuận, theo các điều kiện cho phép Quốc gia thành viên đó có thể chứng thực nội dung của yêu cầu tương trợ pháp lý. Quốc gia thành viên phải thông báo về một hoặc nhiều ngôn ngữ mà Quốc gia đó có thể chấp thuận cho Tổng thư ký của Liên hợp quốc khi gửi lưu chiếu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập Công ước này. Trong các trường hợp khẩn cấp và nếu các Quốc gia thành viên đồng ý, các yêu cầu có thể được đưa ra bằng miệng, nhưng sẽ được khẳng định bằng văn bản ngay sau đó.

15. Một yêu cầu tương trợ pháp lý sẽ bao gồm:

(a) Tên cơ quan yêu cầu;

(b) Vụ việc uỷ thác và thực trạng của quá trình điều tra, truy tố hoặc xét xử mà yêu cầu tương trợ pháp lý có liên quan và tên, chức năng của cơ quan tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố hoặc xét xử;

(c) Tóm tắt các sự kiện liên quan, trừ trường hợp các yêu cầu tương trợ liên quan đến việc tổng đạt giấy tờ tư pháp;

(d) Nội dung uỷ thác và các chi tiết về bất kỳ thủ tục đặc biệt nào mà Quốc gia thành viên yêu cầu muốn tuân thủ;

(e) Nếu có thể, nhận dạng, nơi ở và quốc tịch của bất kỳ người nào liên quan; và

(f) Mục đích của việc tìm bằng chứng, thông tin hoặc hành vi.

16. Quốc gia thành viên được yêu cầu có thể đề nghị được cung cấp thêm thông tin nếu những thông tin đó cần thiết cho việc thực hiện yêu cầu phù hợp với pháp luật trong nước của quốc gia này hoặc những thông tin đó có thể tạo điều kiện cho việc thực hiện yêu cầu.

17. Một yêu cầu tương trợ pháp lý sẽ được thực hiện phù hợp với pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên được yêu cầu, và nếu có thể, phù hợp với các thủ tục được nêu trong yêu cầu trong chừng mực không trái với pháp luật trong nước của Quốc gia đó.

18. Khi một cá nhân đang cư trú trên lãnh thổ của một Quốc gia thành viên và phải đưa ra lời khai với tư cách là nhân chứng hoặc chuyên gia cho các cơ quan tư pháp của một Quốc gia thành viên khác, thì Quốc gia thành viên nơi người đó cư trú, theo yêu cầu của Quốc gia thành viên kia, nếu có thể và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong nước, sẽ cho phép lấy lời khai qua băng vi-đê-ô nếu Quốc gia này không thể hoặc không muốn cá nhân đó trình diện trên lãnh thổ của Quốc gia thành viên yêu cầu. Các Quốc gia thành viên sẽ đồng ý để cơ quan tư pháp của Quốc gia thành viên yêu cầu tiến hành lấy lời khai với sự chứng kiến của cơ quan tư pháp của Quốc gia thành viên được yêu cầu.

19. Quốc gia thành viên yêu cầu sẽ không chuyển hoặc sử dụng thông tin hay chứng cứ mà Quốc gia thành viên được yêu cầu cung cấp nhằm phục vụ hoạt động điều tra, truy tố hoặc xét xử vào những mục đích không được nêu trong yêu cầu mà không có sự đồng ý trước của Quốc gia đó. Không quy định nào trong Khoản này ngăn cản Quốc gia thành viên yêu cầu tiết lộ các thông tin hoặc chứng cứ trong khi tiến hành thủ tục tố tụng nhằm bào chữa cho bị cáo. Trong trường hợp này, Quốc gia thành viên yêu cầu sẽ thông báo cho Quốc gia thành viên được yêu cầu trước khi đưa ra thông tin và bằng chứng và sẽ tham khảo ý kiến của Quốc gia thành viên được yêu cầu nếu Quốc gia này đề nghị như vậy. Trường hợp ngoại lệ, nếu không thể báo trước, Quốc gia thành viên yêu cầu sẽ thông báo cho Quốc gia thành viên được yêu cầu về việc tiết lộ thông tin hoặc chứng cứ mà không có bất kỳ sự trì hoãn nào.

20. Quốc gia thành viên yêu cầu có thể đề nghị Quốc gia thành viên được yêu cầu giữ bí mật về sự việc và nội dung của yêu cầu, ngoại trừ trường hợp cần thiết để thực hiện yêu cầu đó. Nếu Quốc gia thành viên được yêu cầu không thể đáp ứng được đề nghị về bảo mật thì Quốc gia đó sẽ thông báo ngay lập tức cho Quốc gia thành viên yêu cầu.

21. Tương trợ pháp lý có thể bị từ chối:

(a) Nếu yêu cầu được đưa ra không phù hợp với các quy định tại Điều này;

(b) Nếu Quốc gia thành viên được yêu cầu cho rằng việc thực hiện yêu cầu có thể phương hại tới chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc các lợi ích thiết yếu khác của Quốc gia đó;

(c) Nếu pháp luật trong nước của Quốc gia thành viên được yêu cầu không cho phép các cơ quan chức năng của Quốc gia đó thực hiện các hoạt động theo yêu cầu liên quan đến bất kỳ hành vi phạm tội nào tương tự thuộc đối tượng điều tra, truy tố hoặc xét xử theo quyền hạn của chính các cơ quan đó;

(d) Nếu việc thực hiện yêu cầu tương trợ pháp lý là trái với hệ thống pháp luật của Quốc gia thành viên được yêu cầu.

22. Các Quốc gia thành viên không thể từ chối một yêu cầu tương trợ pháp lý với lý do hành vi phạm tội liên quan tới các vấn đề tài chính.

23. Bất kỳ sự từ chối tương trợ pháp lý nào đều phải đưa ra lý do .

24. Quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ thực hiện yêu cầu tương trợ pháp lý càng sớm càng tốt và sẽ lưu ý càng nhiều càng tốt đến bất kỳ thời hạn và lý do nào mà Quốc gia thành viên yêu cầu nêu ra trong yêu cầu. Quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ đáp ứng những yêu cầu chính đáng do Quốc gia thành viên yêu cầu đưa ra về tiến trình thực hiện yêu cầu. Quốc gia thành viên yêu cầu sẽ thông báo ngay lập tức cho Quốc gia thành viên được yêu cầu khi nào thì việc tương trợ không cần thiết nữa.

25. Quốc gia thành viên được yêu cầu có thể trì hoãn tương trợ pháp lý có thể bị hoãn lại bởi với lý do việc đó sẽ gây trở ngại cho các thủ tục điều tra, tố tụng hoặc xét xử đang tiến hành.

26. Trước khi từ chối một yêu cầu theo Khoản 21 của Điều này hoặc trì hoãn việc thực hiện yêu cầu theo Khoản 25 của Điều này, nếu thấy cần thiết, Quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ tham khảo với Quốc gia thành viên yêu cầu xem việc tương trợ pháp lý có phụ thuộc vào các quy định nói trên hay không. Nếu Quốc gia thành viên yêu cầu chấp nhận rằng việc tương trợ pháp lý phụ thuộc vào các điều kiện đó thì Quốc gia đó phải tuân thủ các điều kiện ấy.

27. Không làm phương hại đến việc áp dụng Khoản 12 của Điều này, nhân chứng, người giám định hay một người nào khác, theo đề nghị của Quốc gia thành viên yêu cầu, đồng ý cung cấp chứng cứ trong một vụ kiện hoặc hỗ trợ các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử trong lãnh thổ của Quốc gia thành viên yêu cầu sẽ không bị truy tố, giam giữ, trừng phạt hoặc chịu bất kỳ hình thức hạn

chế tự do nào khác trong lãnh thổ của Quốc gia đó liên quan đến các hành vi được thực hiện trước khi ra khỏi lãnh thổ của Quốc gia thành viên được yêu cầu. Tình trạng an toàn này sẽ chấm dứt khi nhân chứng, người giám định hoặc một người nào khác, trong vòng 15 ngày liên tục hoặc trong một thời gian được thoả thuận giữa các Quốc gia thành viên từ ngày người đó được chính thức thông báo rằng các cơ quan xét xử không yêu cầu người đó phải có mặt nữa, đã có cơ hội ra khỏi nhưng vẫn tự nguyện ở lại trong lãnh thổ của Quốc gia thành viên yêu cầu, hoặc đã rời khỏi lãnh thổ Quốc gia đó nhưng lại quay trở lại theo ý nguyện của chính họ.

28. Các chi phí thông thường của việc thực hiện yêu cầu tương trợ pháp lý sẽ do Quốc gia thành viên được yêu cầu chi trả, trừ khi có thoả thuận khác giữa các Quốc gia thành viên liên quan. Nếu cần phải có chi phí cho một công việc thực chất hoặc đặc biệt để thực hiện yêu cầu thì các Quốc gia thành viên sẽ tham khảo để quyết định các điều kiện, theo đó yêu cầu sẽ được thực hiện cũng như cách thức thanh toán chi phí.

29. Quốc gia thành viên được yêu cầu:

(a) Sẽ cung cấp cho Quốc gia thành viên yêu cầu bảo sao các hồ sơ của Chính phủ, các tài liệu hoặc thông tin mình có mà theo pháp luật trong nước chúng có tính chất công khai;

(b) Sẽ tuỳ ý cung cấp cho Quốc gia thành viên yêu cầu toàn bộ, một phần hoặc với những điều kiện thích đáng bản sao các hồ sơ của Chính phủ, các tài liệu hoặc thông tin mình có mà theo pháp luật trong nước chúng không có tính chất công khai.

30. Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét, nếu cần thiết, khả năng ký kết các thoả thuận song phương hoặc đa phương nhằm phục vụ các mục đích hay đem lại hiệu quả thực tế hoặc củng cố các quy định của Điều này.

Điều 19. Phối hợp điều tra

Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét việc ký kết các thoả thuận song phương hoặc đa phương làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền liên quan thiết lập cơ chế phối hợp điều tra về những vấn đề là đối tượng của các hoạt động điều tra, truy tố hoặc xét xử tại một hay nhiều Quốc gia. Nếu không có các hiệp định hoặc thoả thuận như vậy, thì việc phối hợp điều tra có thể được thực hiện dựa trên thoả thuận theo từng vụ việc. Các Quốc gia thành viên liên quan sẽ đảm bảo rằng chủ quyền của Quốc gia thành viên trong phạm vi lãnh thổ của Quốc gia đó, nơi việc điều tra được tiến hành, sẽ hoàn toàn được tôn trọng.

Điều 20. Các kỹ thuật điều tra đặc biệt

1. Nếu các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật trong nước cho phép, trong phạm vi khả năng của mình và phù hợp với các quy định của pháp luật trong nước, mỗi Quốc gia thành viên sẽ thực thi các biện pháp cần thiết để cho phép các cơ quan có thẩm quyền trong lãnh thổ của mình áp dụng hợp lý việc vận chuyển có kiểm soát và, nếu thích hợp, áp dụng các kỹ thuật điều tra

đặc biệt khác, như điện tử hoặc các hình thức giám sát và hoạt động đặc tình khác nhằm đấu tranh chống tội phạm có tổ chức được hiệu quả.

2. Nhằm mục đích điều tra các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này và nếu cần thiết, các Quốc gia thành viên được khuyến khích ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương thích hợp để sử dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt khi hợp tác ở cấp quốc tế. Các hiệp định hoặc thoả thuận như vậy sẽ được ký kết và thực hiện phù hợp với nguyên tắc bình đẳng chủ quyền của các Quốc gia và sẽ được thực hiện hoàn toàn phù hợp với các quy định của các hiệp định hoặc thoả thuận đó.

3. Nếu không có một hiệp định hay thoả thuận như được nêu trong Khoản 2 của Điều này, quyết định sử dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt ở cấp độ quốc tế nói trên sẽ được đưa ra trên cơ sở từng vụ việc và, nếu cần có thể xem xét các thoả thuận về tài chính liên quan đến việc thực hiện quyền tài phán của các Quốc gia thành viên liên quan.

4. Các quyết định sử dụng biện pháp vận chuyển có kiểm soát ở mức độ quốc tế, theo sự đồng ý của các Quốc gia thành viên liên quan, sẽ bao gồm các phương pháp như chặn lại và cho phép hàng hoá tiếp tục được giữ nguyên hoặc huỷ bỏ hoặc thay thế toàn bộ hay một phần.

Điều 21. Chuyển giao vụ kiện hình sự

Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét khả năng chuyển giao vụ kiện để truy tố một hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh trong trường hợp việc chuyển giao đó được coi là vì lợi ích của việc thi hành công lý, đặc biệt là trong các vụ việc có sự trùng lặp về thẩm quyền để việc truy tố tội phạm có tính tập trung vào.

Điều 22. Thiết lập hồ sơ tội phạm

Mỗi Quốc gia thành viên có thể ban hành pháp luật hay các biện pháp cần thiết khác, theo những điều kiện và vì những mục đích mà Quốc gia đó thấy phù hợp, để xem xét bất kỳ bản án nào trước đó ở một Quốc gia khác đối với một bị cáo với mục đích sử dụng thông tin đó trong thủ tục tố tụng hình sự liên quan đến một hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh.

Điều 23. Hình sự hoá hành vi cản trở công lý

Mỗi Quốc gia thành viên sẽ ban hành pháp luật hay các biện pháp cần thiết khác để coi là tội phạm đối với các hành vi cố ý thực hiện:

(a) Việc sử dụng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa hoặc hứa hẹn, đề nghị hoặc cung cấp một mối lợi không chính đáng để người bị thẩm vấn khai sai sự thật hoặc để can thiệp vào việc đưa ra lời khai hay đưa ra chứng cứ trong một vụ kiện liên quan đến các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này;

(b) Việc sử dụng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa nhằm can thiệp vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính thức của một nhân viên tư pháp hoặc hành pháp liên quan đến các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này. Không

một quy định nào trong Đoạn này làm phương hại tới quyền của các Quốc gia thành viên ban hành các quy định pháp luật để bảo vệ các loại viên chức khác.

Điều 24. Bảo vệ nhân chứng

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp phù hợp theo khả năng của mình để bảo vệ nhân chứng trong các vụ án hình sự một cách hiệu quả khỏi nguy cơ bị trả thù hoặc đe dọa khi họ cung cấp chứng cứ liên quan đến các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh, và nếu cần thiết, bảo vệ họ hàng hay những người thân thích của họ.

2. Không làm phương hại tới các quyền của bị cáo, trong đó có quyền khiếu kiện chính đáng, các biện pháp được quy định tại Khoản 1 của Điều này có thể bao gồm nhưng không giới hạn những biện pháp sau:

(a) Thiết lập các thủ tục để bảo vệ về mặt thân thể cho những người nói trên, ví dụ như, trong chừng mực cần thiết và khả thi, thay đổi chỗ ở của họ và, nếu thích hợp, cấm hoặc hạn chế tiết lộ thông tin liên quan đến nhận dạng và chỗ ở của những người đó;

(b) Quy định các quy tắc về thu thập chứng cứ để có thể lấy được lời khai của nhân chứng mà vẫn đảm bảo được an toàn cho họ, như cho phép lấy lời khai thông qua việc sử dụng kỹ thuật thông tin như kết nối vi-đê-ô hoặc các biện pháp thích hợp khác.

3. Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét việc ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận với các Quốc gia khác để thay đổi chỗ ở của những người như được nêu trong Khoản 1 của Điều này.

4. Các quy định của Điều này cũng sẽ áp dụng cho các nạn nhân khi họ đồng thời là nhân chứng.

Điều 25. Hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp phù hợp trong khả năng của mình để hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân của các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh, đặc biệt là trong các trường hợp bị đe dọa trả thù hoặc hăm dọa.

2. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ thiết lập các thủ tục cần thiết để đền bù và bồi thường cho nạn nhân của các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh.

3. Mỗi Quốc gia thành viên, theo pháp luật trong nước của nước mình, sẽ đề các ý kiến và mối quan tâm của nạn nhân được trình bày và được xem xét trong những giai đoạn thích hợp của quá trình tố tụng chống bị cáo theo cách không làm phương hại tới các quyền bào chữa.

Điều 26. Các biện pháp tăng cường hợp tác với các cơ quan hành pháp

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết để khuyến khích những người tham gia hoặc đã tham gia vào các nhóm tội phạm có tổ chức:

(a) Cung cấp thông tin hữu hiệu cho các cơ quan có thẩm quyền cho các mục đích điều tra và thu thập chứng cứ về những vấn đề như:

(i) Nhận dạng, bản chất, cấu thành, cơ cấu, vị trí hay các hoạt động của các nhóm tội phạm có tổ chức;

(ii) Các mối liên hệ, bao gồm các mối liên hệ quốc tế, với các nhóm tội phạm có tổ chức khác;

(iii) Các hành vi phạm tội mà các nhóm tội phạm có tổ chức đã thực hiện hoặc có thể thực hiện;

(b) Giúp đỡ các cơ quan có thẩm quyền một cách thực chất và cụ thể để góp phần thu lại các cơ sở vật chất và tài sản do phạm tội mà có của các nhóm tội phạm có tổ chức.

2. Mỗi Quốc gia thành viên, trong những trường hợp thích đáng, sẽ xem xét khả năng giảm hình phạt đối với người bị kết án nhưng đã hợp tác một cách hiệu quả trong việc điều tra hoặc truy tố một hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh .

3. Mỗi Quốc gia thành viên, phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong nước, sẽ xem xét khả năng miễn tố đối với người đã hợp tác hiệu quả trong việc điều tra hoặc truy tố một hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh.

4. Việc bảo vệ những người nói trên sẽ được quy định tại Điều 18 của Công ước này.

5. Nếu một người như được nêu trong Khoản 1 của Điều này đang cư trú tại một Quốc gia thành viên có thể hợp tác một cách có hiệu quả với các cơ quan có thẩm quyền của một Quốc gia thành viên khác, thì các Quốc gia thành viên liên quan có thể xem xét ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận, phù hợp với pháp luật trong nước của mình về các quy định có thể có của một Quốc gia thành viên khác liên quan đến sự đối xử được nêu trong Khoản 2 và 3 của Điều này.

Điều 27. Hợp tác hành pháp

1. Phù hợp với hệ thống pháp luật và hành chính của nước mình, Các Quốc gia thành viên sẽ hợp tác một cách chặt chẽ với một Quốc gia thành viên khác để tăng cường hiệu quả của hoạt động hành pháp nhằm đấu tranh chống lại các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh. Đặc biệt, mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp hiệu quả để:

(a) Tăng cường và, nếu cần thiết, thiết lập các kênh thông tin giữa các cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức và dịch vụ của nước mình nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi nhanh chóng và an toàn các thông tin liên quan tới mọi khía cạnh của các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh, bao gồm các mối liên hệ với những hoạt động tội phạm khác, nếu các Quốc gia thành viên thấy thích hợp;

(b) Hợp tác với các Quốc gia thành viên khác trong việc thực hiện thẩm vấn đối với các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh liên quan đến:

(i) Nhận dạng, chỗ ở và các hoạt động của những người bị tình nghi có liên quan các hành vi phạm tội nói trên hoặc chỗ ở của những người khác liên quan;

(ii) Việc chuyển dịch tài sản do phạm tội mà có hoặc tài sản có nguồn gốc từ việc thực hiện các hành vi phạm tội nói trên;

(iii) Việc chuyển dịch tài sản, thiết bị hay các phương tiện khác được sử dụng hoặc dự định được sử dụng để thực hiện các hành vi phạm tội nói trên;

(c) Cung cấp, nếu thích hợp, các thiết bị hoặc các đồ dùng cần thiết cho các mục đích phân tích hoặc điều tra;

(d) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác có hiệu quả giữa các cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức và dịch vụ của nước mình và tăng cường trao đổi nhân sự và các chuyên gia khác, bao gồm việc bố trí các cán bộ giao dịch, theo các hiệp định hoặc thoả thuận song phương giữa các Quốc gia thành viên liên quan;

(e) Trao đổi thông tin với các Quốc gia thành viên khác về các biện pháp và phương thức cụ thể được các nhóm tội phạm có tổ chức sử dụng, bao gồm lộ trình, phương tiện vận chuyển và việc sử dụng các thẻ căn cước giả, các tài liệu bị thay đổi hoặc làm giả hoặc các phương thức khác để che dấu các hoạt động của các nhóm tội phạm đó, nếu có thể.

2. Nhằm đem lại hiệu quả cho Công ước này, các Quốc gia thành viên sẽ xem xét ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận song phương về hợp tác trực tiếp giữa các cơ quan hành pháp của các nước đó và sửa đổi các hiệp định và thoả thuận nói trên nếu chúng đã được ký kết. Nếu không có các hiệp định hoặc thoả thuận như vậy giữa các Quốc gia thành viên liên quan thì các Thành viên có thể coi Công ước này như là cơ sở cho việc hợp tác hành pháp liên quan đến những hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh. Bất kỳ khi nào thích hợp, các Quốc gia thành viên sẽ tận dụng tối đa các hiệp định hoặc thoả thuận này, bao gồm cả các tổ chức quốc tế và khu vực, nhằm tăng cường hợp tác giữa các cơ quan hành pháp của họ.

3. Các Quốc gia thành viên sẽ nỗ lực hợp tác trong phạm vi khả năng của mình để chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia có sử dụng kỹ thuật hiện đại.

Điều 28. Thu thập, trao đổi và phân tích thông tin về tính chất của tội phạm có tổ chức

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét việc phân tích, có sự tư vấn của các cộng đồng khoa học và nghiên cứu, các xu hướng của tội phạm có tổ chức trong lãnh thổ của mình, các hoàn cảnh thực hiện tội phạm, cũng như các nhóm chuyên nghiệp và công nghệ có liên quan.

2. Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét việc phát triển và trao đổi chuyên môn liên quan đến các hoạt động của tội phạm có tổ chức với nhau và thông qua

các tổ chức quốc tế và khu vực. Để đạt được mục đích này, các định nghĩa, các tiêu chuẩn và phương pháp luận chung sẽ được xây dựng và áp dụng khi thích hợp.

3. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét việc theo dõi các chính sách và các biện pháp thực thi của mình để đấu tranh chống tội phạm có tổ chức và đánh giá hiệu quả và tác dụng của chúng.

Điều 29. Đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật

1. Mỗi Quốc gia thành viên, trong chừng mực cần thiết, sẽ khởi xướng, xây dựng hoặc phát triển một chương trình đào tạo đặc biệt cho các cán bộ hành pháp, bao gồm công tố viên, điều tra viên, các cán bộ hải quan và những người khác có trách nhiệm trong việc phòng chống, phát hiện và kiểm soát các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh. Những chương trình đó có thể bao gồm gửi biệt phái hoặc trao đổi nhân viên. Trong chừng mực pháp luật trong nước cho phép, những chương trình đó cụ thể sẽ hướng dẫn về:

(a) Các phương thức được sử dụng trong việc phòng ngừa, phát hiện và kiểm soát các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh;

(b) Các lộ trình và các công nghệ mà những người bị tình nghi có liên quan đến các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh sử dụng, bao gồm cả việc quá cảnh qua các Quốc gia, và các biện pháp đối phó thích hợp;

(c) Theo dõi sự vận chuyển hàng buôn lậu;

(d) Phát hiện và theo dõi việc vận chuyển tài sản do phạm tội mà có, tài sản, thiết bị hay các phương tiện và phương thức khác được sử dụng để di chuyển, che giấu hoặc nguy trang các tài sản, thiết bị, hoặc phương tiện đó, cũng như các phương thức được sử dụng để đấu tranh chống rửa tiền và các tội phạm tài chính khác;

(e) Thu thập chứng cứ;

(f) Kiểm soát công nghệ trong các khu vực tự do thương mại và tự do cầu cảng;

(g) Các thiết bị và kỹ thuật hành pháp hiện đại, bao gồm theo dõi điện tử, chuyển giao có kiểm soát và các hoạt động bí mật khác;

(h) Các phương thức được sử dụng để đấu tranh chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia có sử dụng máy vi tính, các mạng lưới viễn thông hay các công nghệ hiện đại khác; và

(i) Các phương thức được sử dụng trong việc bảo vệ nạn nhân và nhân chứng.

2. Các Quốc gia thành viên sẽ giúp đỡ một Quốc gia khác trong việc lập kế hoạch và thực hiện các chương trình nghiên cứu và đào tạo nhằm trao đổi chuyên môn trong các lĩnh vực được nêu tại Khoản 1 của Điều này và để làm được điều đó, các Quốc gia khi thích hợp cũng sẽ sử dụng các hội nghị và hội thảo khu vực và quốc tế để tăng cường hợp tác và để khuyến khích trao đổi về những vấn đề cùng quan tâm, bao gồm những vấn đề và nhu cầu đặc biệt của các Quốc gia đang trong giai đoạn chuyển tiếp.

3. Các Quốc gia thành viên sẽ tăng cường hỗ trợ về đào tạo và kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi cho việc dẫn độ tội phạm và tương trợ pháp lý. Sự hỗ trợ về đào tạo và kỹ thuật đó có thể bao gồm đào tạo về ngôn ngữ, gửi biệt phái và trao đổi nhân sự trong các cơ quan trung ương hoặc các tổ chức với các cơ quan có thẩm quyền.

4. Trong trường hợp đã ký các hiệp định hoặc thoả thuận song phương và đa phương, các Quốc gia thành viên, trong chừng mực cần thiết, sẽ tăng cường nỗ lực để tối đa hoá các hoạt động điều hành và đào tạo trong khuôn khổ các tổ chức quốc tế và khu vực và trong khuôn khổ các hiệp định và thoả thuận song phương và đa phương phù hợp.

Điều 30. Các biện pháp khác: thực hiện Công ước thông qua phát triển kinh tế và hỗ trợ kỹ thuật

1. Các Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp có lợi cho việc thực hiện tối ưu Công ước này với chừng mực có thể, thông qua hợp tác quốc tế, có chú ý đến các tác động tiêu cực của tội phạm có tổ chức đối với xã hội nói chung, đặc biệt là đối với phát triển lâu dài.

2. Các Quốc gia thành viên sẽ nỗ lực cộng tác với nhau cũng như với các tổ chức quốc tế và khu vực trong chừng mực có thể để:

(a) Thúc đẩy hợp tác ở mọi cấp độ với các nước đang phát triển, đặc biệt chú trọng đến việc tăng cường khả năng của các nước đang phát triển trong việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia;

(b) Tăng cường trợ giúp tài chính và vật chất để hỗ trợ cho những nỗ lực của các nước đang phát triển trong việc đấu tranh chống tội phạm có tổ chức một cách hiệu quả và giúp các nước này thực hiện Công ước thành công;

(c) Hỗ trợ kỹ thuật cho các nước đang phát triển và các nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn chuyên tiếp để giúp đỡ những nước này đáp ứng được các yêu cầu nhằm thực hiện Công ước. Để đạt được mục đích đó, các Quốc gia thành viên sẽ cố gắng đóng góp tự nguyện đầy đủ và thường xuyên cho một tài khoản dành riêng vào mục đích nói trên thuộc cơ chế tài trợ của Liên hợp quốc. Phù hợp với pháp luật trong nước và các quy định của Công ước này, Các Quốc gia thành viên cũng có thể chú trọng xem xét việc đóng góp vào tài khoản nói trên một phần tiền hoặc phần giá trị tương đương của tài sản do phạm tội mà có hoặc do tài sản tịch thu được theo các quy định của Công ước này;

(d) Khuyến khích và thuyết phục các Quốc gia khác và các thể chế tài chính thích hợp cùng nỗ lực tham gia các hoạt động theo Điều này, cụ thể là cung cấp thêm các chương trình đào tạo và thiết bị hiện đại cho các nước đang phát triển để hỗ trợ họ trong việc đạt được những mục tiêu của Công ước này.

3. Trong chừng mực có thể, các biện pháp này sẽ không làm phương hại tới các cam kết hỗ trợ của nước ngoài hoặc tới các thoả thuận hợp tác tài chính khác ở các cấp độ song phương, khu vực và quốc tế.

4. Các Quốc gia thành viên có thể ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương về việc hỗ trợ vật chất và hậu cần, có xem xét đến những thoả thuận tài chính cần thiết để các biện pháp hợp tác quốc tế quy định trong Công ước này được thực hiện một cách có hiệu quả và để phòng ngừa, phát hiện và kiểm soát tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Điều 31. Phòng ngừa

1. Các Quốc gia thành viên sẽ nỗ lực phát triển, đánh giá các dự án quốc gia và thiết lập, thúc đẩy các hoạt động và chính sách tối ưu nhằm phòng ngừa tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

2. Các Quốc gia thành viên sẽ nỗ lực, phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong nước, giảm thiểu các cơ hội hiện có hoặc sẽ có mà các nhóm tội phạm có tổ chức có thể lợi dụng để tham gia vào thị trường hợp pháp với số tài sản do phạm tội mà có, thông qua các biện pháp lập pháp, hành pháp hoặc các biện pháp khác. Các biện pháp này sẽ tập trung vào việc:

(a) Tăng cường hợp tác giữa các cơ quan hành pháp hoặc cơ quan công tố và các thực thể tư nhân liên quan, bao gồm cả ngành công nghiệp;

(b) Thúc đẩy việc xây dựng các tiêu chuẩn và thủ tục để bảo vệ tính chính trực của quần chúng và các thực thể tư nhân liên quan, cũng như các quy tắc ứng xử cho các ngành nghề liên quan, đặc biệt là luật sư, công chứng viên, chuyên viên tư vấn về thuế và kế toán;

(c) Ngăn ngừa việc các nhóm tội phạm có tổ chức lợi dụng các thủ tục đấu thầu do các cơ quan nhà nước tiến hành và vốn trợ cấp cùng với giấy phép mà các cơ quan này cấp các hoạt động thương mại;

(d) Ngăn ngừa việc các nhóm tội phạm có tổ chức lợi dụng các pháp nhân, những biện pháp này có thể bao gồm:

(i) Lập hồ sơ công khai về các pháp nhân và thể nhân tham gia vào việc tổ chức, quản lý và tài trợ cho pháp nhân;

(ii) Có thể bằng lệnh của toà án hoặc bằng bất kỳ biện pháp thích hợp nào khác, không cho những người đã bị kết án về những hành vi phạm tội mà Công ước này điều chỉnh giữ chức vụ giám đốc các pháp nhân đã được thành lập trong phạm vi quyền hạn của họ trong một thời gian thích đáng;

(iii) Lập các hồ sơ quốc gia về những người không được giữ chức vụ giám đốc của các pháp nhân; và

(iv) Trao đổi thông tin trong các hồ sơ nêu tại các Điểm (d) (i) và (iii) của Mục này với các cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia thành viên khác.

3. Các Quốc gia thành viên sẽ cố gắng tăng cường việc tái hoà nhập vào cộng đồng những người đã bị kết án về các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh.

4. Các Quốc gia thành viên sẽ cố gắng đánh giá định kỳ các văn bản pháp lý liên quan và thực tiễn thi hành hiện có nhằm phát hiện ra những thiếu sót mà các nhóm tội phạm có tổ chức có thể lợi dụng.

5. Các Quốc gia thành viên sẽ cố gắng nâng cao nhận thức của người dân về sự tồn tại, nguyên nhân, tính nghiêm trọng và mối đe dọa của tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Các thông tin có thể được phổ biến tuyên truyền một cách phù hợp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và sẽ bao gồm các biện pháp đề tăng cường khả năng tham gia của dân chúng vào việc phòng ngừa và đấu tranh chống loại tội phạm này.

6. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ thông báo cho Tổng thư ký của Liên hợp quốc về tên và địa chỉ của các cá nhân và cơ quan có thẩm quyền có thể hỗ trợ các Quốc gia thành viên khác trong việc xây dựng các biện pháp phòng ngừa tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

7. Các Quốc gia thành viên, nếu thích hợp, sẽ cộng tác với nhau và với các tổ chức quốc tế và khu vực liên quan trong việc tăng cường và xây dựng các biện pháp như được nêu trong Điều này. Sự cộng tác này sẽ bao gồm việc tham gia vào các dự án quốc tế nhằm phòng ngừa tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, ví dụ như bằng cách giảm những khả năng có thể làm cho các nhóm dân cư lạc hậu dễ bị ảnh hưởng bởi hoạt động của tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Điều 32. Hội nghị các Thành viên của Công ước

1. Hội nghị các Thành viên của Công ước được tổ chức nhằm tăng cường khả năng của các Quốc gia thành viên trong việc đấu tranh chống lại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và nhằm thúc đẩy và xem xét việc thực hiện Công ước này.

2. Không quá một năm kể từ khi Công ước bắt đầu có hiệu lực, Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ triệu tập Hội nghị các Thành viên của Công ước. Hội nghị các Thành viên của Công ước sẽ thông qua những quy tắc về thủ tục và những quy tắc điều chỉnh các hoạt động được nêu trong Khoản 3 và 4 của Điều này (bao gồm các quy tắc liên quan đến việc thanh toán chi phí phát sinh trong việc thực hiện các hoạt động này).

3. Hội nghị các Thành viên sẽ thoả thuận về các cơ chế để đạt được những mục tiêu được nêu trong Khoản 1 của Điều này, bao gồm:

(a) Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của các Quốc gia thành viên như được nêu trong các Điều 29, 30 và 31 của Công ước này, bao gồm việc khuyến khích và huy động sự đóng góp tự nguyện;

(b) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin giữa các Quốc gia thành viên về các loại hình và xu hướng của tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và về những thực tiễn thành công để đấu tranh chống loại tội phạm này;

(c) Hợp tác với các tổ chức quốc tế và khu vực và các tổ chức phi chính phủ liên quan.

(d) Xem xét định kỳ việc thực hiện Công ước này;

(e) Đưa ra các đề xuất để hoàn thiện Công ước và việc thực hiện Công ước.

4. Vì mục đích của các quy định tại Khoản 3 (d) và (e) của Điều này, Hội nghị các Thành viên phải nắm được những thông tin cần thiết về các biện pháp mà các quốc gia tiến hành trong khi thực hiện Công ước và những khó khăn nảy sinh trong quá trình đó, thông qua các thông tin do Quốc gia thành viên cung cấp và qua các cơ chế xem xét bổ sung mà Hội nghị các Thành viên thiết lập.

5. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ cung cấp cho Hội nghị của các Thành viên thông tin về các chương trình, kế hoạch và thực tiễn của nước mình, cũng như các biện pháp lập pháp và hành pháp để thực hiện Công ước, khi được Hội nghị của các Thành viên yêu cầu.

Điều 33. Ban thư ký

1. Tổng thư ký của Liên hợp quốc sẽ cung cấp những dịch vụ thư ký cần thiết cho Hội nghị các Thành viên của Công ước.

2. Ban thư ký sẽ:

(a) Giúp Hội nghị các Thành viên thực hiện các hoạt động như được nêu trong Điều 32 của Công ước, sắp xếp và cung cấp các dịch vụ cần thiết cho các kỳ họp của Hội nghị các Thành viên;

(b) Khi được yêu cầu, hỗ trợ các Quốc gia thành viên trong việc cung cấp thông tin cho Hội nghị của các Thành viên như được nêu trong Điều 32 Khoản 5 của Công ước; và

(c) Bảo đảm việc cộng tác cần thiết với ban thư ký của các tổ chức quốc tế và khu vực liên quan.

Điều 34. Thực hiện Công ước

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết, bao gồm các biện pháp lập pháp và hành pháp, phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của luật pháp của nước mình, để đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Công ước này.

2. Các hành vi phạm tội được quy định tại các Điều 5, 6, 8 và 23 của Công ước này sẽ được quy định một cách độc lập trong pháp luật trong nước của mỗi Quốc gia thành viên về bản chất xuyên quốc gia hay tính liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức như được nêu trong Khoản 1 Điều 3 của Công ước này, ngoại trừ trong chừng mực Điều 5 của Công ước này đòi hỏi phải có sự tham gia của một nhóm tội phạm có tổ chức.

3. Mỗi Quốc gia thành viên có thể áp dụng những biện pháp nghiêm ngặt hoặc chặt chẽ hơn so với những biện pháp được quy định tại Công ước này nhằm phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Điều 35. Giải quyết tranh chấp

1. Các Quốc gia thành viên sẽ nỗ lực giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Công ước này thông qua thương lượng.

2. Bất kỳ tranh chấp nào giữa hai hay nhiều Quốc gia thành viên liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Công ước này mà không thể giải quyết thông qua thương lượng trong một thời gian thích hợp thì theo đề nghị của một trong các Quốc gia thành viên nói trên sẽ được giải quyết bằng trọng tài. Nếu, sáu tháng sau khi có đề nghị giải quyết bằng trọng tài, các Quốc gia thành viên nói trên không thể thoả thuận về tổ chức của cơ quan trọng tài, thì bất kỳ một trong số các Quốc gia thành viên đó có thể đề nghị đưa tranh chấp ra Tòa án quốc tế phù hợp với Quy chế của Tòa án.

3. Mỗi Quốc gia thành viên, khi ký, phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt, hoặc gia nhập Công ước này, có thể tuyên bố rằng Quốc gia đó không bị ràng buộc bởi Khoản 2 của Điều này. Các Quốc gia thành viên khác sẽ không bị ràng buộc bởi Khoản 2 của Điều này đối với bất kỳ Quốc gia thành viên nào đã đưa ra một bảo lưu như vậy.

4. Bất kỳ Quốc gia thành viên nào đã đưa ra một bảo lưu phù hợp với Khoản 3 của Điều này có thể, vào bất kỳ thời điểm nào, rút bảo lưu đó bằng cách thông báo cho Tổng thư ký của Liên hợp quốc.

Điều 36. Ký, phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt và gia nhập

1. Công ước này sẽ được đề ngỏ cho tất cả các Quốc gia ký từ ngày 12 đến ngày 15 tháng 12 năm 2000 tại Pa-léc-mô, I-ta-li-a, và sau đó tại Trụ sở của Liên hợp quốc ở Nữu-ước cho đến ngày 12 tháng 12 năm 2002.

2. Công ước này sẽ được đề ngỏ cho các tổ chức hội nhập kinh tế khu vực ký với điều kiện có ít nhất một Quốc gia thành viên của tổ chức đó đã ký Công ước này phù hợp với Khoản 1 của Điều này.

3. Công ước này phải được phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt. Các văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt sẽ được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký của Liên hợp quốc. Một tổ chức hội nhập kinh tế khu vực có thể nộp lưu chiểu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt của mình nếu có ít nhất một Quốc gia thành viên của tổ chức đó đã làm như vậy. Trong văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt đó, tổ chức nói trên sẽ tuyên bố phạm vi thẩm quyền của mình đối với những vấn đề được điều chỉnh bởi Công ước này. Tổ chức nói trên cũng sẽ thông báo cho cơ quan lưu chiểu bất kỳ thay đổi thích hợp nào về phạm vi thẩm quyền của mình.

4. Công ước này được đề ngỏ cho bất kỳ Quốc gia nào hay bất kỳ tổ chức hội nhập kinh tế khu vực nào có ít nhất một Quốc gia thành viên là thành viên của Công ước này gia nhập. Các văn kiện gia nhập sẽ được gửi lưu chiểu tới Tổng thư ký của Liên hợp quốc. Khi gia nhập, tổ chức nói trên sẽ tuyên bố phạm vi thẩm quyền của mình đối với những vấn đề được điều chỉnh bởi Công ước này. Tổ chức nói trên cũng sẽ thông báo cho cơ quan lưu chiểu bất kỳ thay đổi thích hợp nào về phạm vi thẩm quyền của mình.

Điều 37. Quan hệ với các nghị định thư

1. Công ước này được đi kèm với một hay nhiều nghị định thư.

2. Đề trở thành Thành viên của một nghị định thư, một Quốc gia hoặc một tổ chức hội nhập kinh tế khi vực cũng phải là Thành viên của Công ước này.

3. Một Quốc gia thành viên của Công ước này không bị ràng buộc bởi một nghị định thư trừ khi Quốc gia đó trở thành Thành viên của nghị định thư đó phù hợp với các quy định của nghị định thư.

4. Bất kỳ nghị định thư nào của Công ước này sẽ được giải thích cùng với Công ước, có tính đến mục đích của nghị định thư đó.

Điều 38. Bắt đầu có hiệu lực

1. Công ước này sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày thứ chín mươi sau ngày nộp lưu chiểu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập thứ bốn mươi. Vì mục đích của Khoản này, bất kỳ văn kiện nào được gửi lưu chiểu bởi một tổ chức hội nhập kinh tế khu vực sẽ không được tính cộng thêm vào các văn kiện đã được gửi lưu chiểu bởi các Quốc gia thành viên của tổ chức đó.

2. Đối với mỗi Quốc gia hoặc tổ chức hội nhập kinh tế khu vực phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập Công ước này sau khi văn kiện thứ bốn mươi được gửi lưu chiểu, Công ước này sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi sau ngày gửi lưu chiểu văn kiện phù hợp của Quốc gia hay tổ chức đó.

Điều 39. Sửa đổi

1. Sau khi kết thúc thời gian năm năm kể từ khi bắt đầu có hiệu lực của Công ước, một Quốc gia thành viên có thể đề xuất sửa đổi và gửi tới Tổng thư ký của Liên hợp quốc, Tổng thư ký của Liên hợp quốc sau đó sẽ chuyển đề nghị sửa đổi này cho các Quốc gia thành viên và Hội nghị các Thành viên của Công ước để xem xét và quyết định về đề nghị đó. Hội nghị các Thành viên sẽ cố gắng hết sức để đạt được sự đồng thuận về mỗi sửa đổi. Nếu mọi cố gắng để đạt được sự đồng thuận đã được thực hiện mà không đạt được thoả thuận nào thì việc sửa đổi sẽ chỉ được thông qua với hai phần ba số phiếu của các Quốc gia thành viên có mặt và biểu quyết tại cuộc họp trong Hội nghị của các Thành viên, như một biện pháp cuối cùng.

2. Các tổ chức hội nhập kinh tế khu vực, đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, sẽ thực hiện quyền bỏ phiếu của mình với số phiếu bằng số lượng thành viên của các tổ chức đó là các Quốc gia thành viên của Công ước này. Các tổ chức như vậy sẽ không thực hiện quyền bỏ phiếu của mình nếu các Quốc gia thành viên của các tổ chức đó đã thực hiện quyền bỏ phiếu của họ và ngược lại.

3. Một sửa đổi được thông qua phù hợp với Khoản 1 của Điều này phải được các Quốc gia thành viên phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt.

4. Một sửa đổi được thông qua phù hợp với Khoản 1 của Điều này sẽ bắt đầu có hiệu lực đối với một Quốc gia thành viên sau chín mươi ngày kể từ ngày văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt đối với sửa đổi đó được gửi lưu chiểu tới Tổng thư ký của Liên hợp quốc.

5. Khi một sửa đổi bắt đầu có hiệu lực, sửa đổi đó sẽ ràng buộc các Quốc gia thành viên đã đồng ý chịu sự ràng buộc của sửa đổi đó. Các Quốc gia thành viên khác sẽ vẫn bị ràng buộc bởi các quy định của Công ước này và bất kỳ sửa đổi nào trước đó mà họ đã phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt.

Điều 40. Rút khỏi Công ước

1. Một Quốc gia thành viên có thể rút khỏi Công ước này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Tổng thư ký của Liên hợp quốc. Việc rút khỏi Công ước đó sẽ bắt đầu có hiệu lực sau một năm kể từ ngày Tổng thư ký nhận được thông báo.

2. Một tổ chức hội nhập kinh tế khu vực sẽ chấm dứt tư cách thành viên của mình đối với Công ước này khi tất cả Quốc gia thành viên của tổ chức đó đã rút khỏi Công ước.

3. Việc rút khỏi Công ước này phù hợp với Khoản 1 của Điều này sẽ cũng có nghĩa là rút khỏi bất kỳ Nghị định thư nào của Công ước.

Điều 41. Cơ quan lưu chiếu và ngôn ngữ

1. Tổng thư ký của Liên hợp quốc là người được chỉ định giữ lưu chiếu Công ước này.

2. Bản gốc của Công ước này, được làm bằng tiếng A-rập, tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha, các văn bản đều có giá trị như nhau, sẽ được gửi lưu chiếu tới Tổng thư ký của Liên hợp quốc.

Để làm bằng, những người toàn quyền ký dưới đây được các Chính phủ uỷ quyền, đã ký Công ước này.

NGHỊ ĐỊNH THƯ

VỀ PHÒNG NGỪA, TRỪNG TRỊ, TRÁN ÁP TỘI BUÔN BÁN NGƯỜI, ĐẶC BIỆT LÀ PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM,

(BỔ SUNG CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG TỘI PHẠM CÓ TỔ CHỨC XUYÊN QUỐC GIA)

Lời mở đầu

Các quốc gia thành viên Nghị định thư này,

Tuyên bố rằng hành động hiệu quả để ngăn ngừa và chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, đòi hỏi một cách tiếp cận quốc tế toàn diện tại các nước gốc, nước quá cảnh và nước đến, trong đó bao gồm những biện pháp để ngăn ngừa việc buôn bán đó, để trừng trị những kẻ buôn bán người và để bảo vệ các nạn nhân của những hành vi buôn bán đó, kể cả việc bảo vệ những quyền con người được cộng đồng quốc tế thừa nhận.

Xét đến một thực tế là dù đã có một loạt văn kiện quốc tế trong đó có những quy tắc và biện pháp thiết thực để chống bóc lột con người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, nhưng vẫn chưa có một văn kiện có tính chất toàn cầu nào xử lý tất cả các khía cạnh của việc buôn bán người.

Quan ngại rằng vì thiếu một văn kiện như vậy, những người dễ bị tổn thương bởi việc buôn bán người sẽ không được bảo vệ đầy đủ.

Nhắc lại nghị quyết 53/111 ngày 09/12/1998 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc trong đó Đại hội đồng đã quyết định thành lập một uỷ ban liên chính phủ đặc biệt để soạn thảo một công ước quốc tế toàn diện chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và để thảo luận về việc soạn thảo một văn kiện quốc tế, không kể những văn kiện khác, xử lý việc buôn bán phụ nữ và trẻ em.

Tin tưởng rằng việc bổ sung Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia bằng một văn kiện quốc tế về việc ngăn ngừa, chống và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, sẽ rất hữu ích trong việc ngăn ngừa và chống loại tội phạm này,

Đã thoả thuận như sau:

I. Các điều khoản chung

Điều 1. Quan hệ với Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia

1. Nghị định thư này bổ sung Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Nghị định thư này sẽ được giải thích cùng với Công ước.

2. Các quy định của Công ước được áp dụng cho Nghị định thư này với những sửa đổi cần thiết, trừ trường hợp trong Nghị định thư này có quy định khác.

3. Những hành vi phạm tội theo quy định tại điều 5 Nghị định thư này sẽ được coi là những hành vi phạm tội theo quy định trong Công ước.

Điều 2. Mục đích của Nghị định thư

Mục đích của Nghị định thư này là:

- a) ngăn chặn và chống việc buôn bán người, trong đó đặc biệt chú ý đến phụ nữ và trẻ em;
- b) bảo vệ và hỗ trợ các nạn nhân của việc buôn bán này, cùng với việc tôn trọng đầy đủ các quyền con người của họ; và
- c) thúc đẩy sự hợp tác giữa các quốc gia thành viên để đạt được mục tiêu này.

Điều 3. Sử dụng thuật ngữ

Trong Nghị định thư này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) "Buôn bán người" có nghĩa là việc mua bán, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp và nhận người nhằm mục đích bóc lột bằng cách sử dụng hay đe dọa sử dụng vũ lực hay bằng các hình thức ép buộc, bắt cóc, gian lận, lừa gạt, hay lạm dụng quyền lực hoặc vị thế dễ bị tổn thương hay bằng việc đưa hay nhận tiền hay lợi nhuận để đạt được sự đồng ý của một người đang kiểm soát những người khác. Hành vi bóc lột sẽ bao gồm, ít nhất, việc bóc lột mại dâm những người khác hay những hình thức bóc lột tình dục khác, các hình thức lao động hay phục vụ cưỡng bức, nô lệ hay những hình thức tương tự nô lệ, khổ sai hoặc lấy các bộ phận cơ thể;
- b) Sự chấp thuận của một nạn nhân của việc buôn bán người đối với sự bóc lột có chủ ý được nêu ra trong khoản (a) của điều này là không thích đáng nếu bất kỳ cách thức nào nêu trong khoản (a) đã được sử dụng.
- c) Việc mua, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp hay nhận một đứa trẻ nhằm mục đích bóc lột sẽ bị coi là "buôn bán người" ngay cả khi việc này được thực hiện không cần dùng đến bất kỳ cách thức nào được nói đến trong khoản (a) điều này;
- d) "Trẻ em" có nghĩa là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi.

Điều 4. Phạm vi áp dụng

Trừ trường hợp có quy định khác, Nghị định thư này sẽ áp dụng để ngăn ngừa, điều tra và truy tố các hành vi phạm tội quy định tại điều 5 Nghị định thư, khi những hành vi phạm tội này có tính chất xuyên quốc gia và liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức cũng như để bảo vệ các nạn nhân của những hành vi phạm tội này.

Điều 5. Hình sự hoá

1. Mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng những biện pháp lập pháp cũng như các biện pháp khác khi cần thiết để hình sự hóa những hành vi nêu tại điều 3 Nghị định thư này khi những hành vi này được thực hiện một cách cố ý.

2. Mỗi quốc gia thành viên cũng sẽ áp dụng những biện pháp lập pháp và các biện pháp khác khi cần thiết để hình sự hóa những hành vi sau đây:

a) cố gắng thực hiện một hành vi phạm tội được quy định tại khoản 1 của điều này, theo các khái niệm cơ bản trong hệ thống pháp luật của quốc gia đó;

b) tham gia như một đồng phạm trong một hành vi phạm tội được quy định tại khoản 1 của điều này; và

c) tổ chức hay chỉ đạo những người khác thực hiện một hành vi phạm tội được quy định tại khoản 1 của điều này.

II. Bảo vệ các nạn nhân của việc buôn bán người

Điều 6. Hỗ trợ và bảo vệ các nạn nhân của việc buôn bán người

1. Trong những trường hợp thích hợp và trong chừng mực có thể theo pháp luật trong nước, mỗi quốc gia thành viên sẽ bảo vệ sự riêng tư và nhân thân của các nạn nhân của việc buôn bán người bằng những biện pháp, bao gồm, không kể những biện pháp khác, việc tiên hành tố tụng pháp lý đối với hành vi buôn bán đó một cách bí mật.

2. Tùy từng trường hợp cụ thể, mỗi quốc gia thành viên sẽ bảo đảm rằng hệ thống pháp luật và hành chính của nước mình có những biện pháp để cung cấp cho các nạn nhân của việc buôn bán người:

a) thông tin thích hợp về toà án và thủ tục hành chính;

b) sự hỗ trợ để các nạn nhân được trình bày các quan điểm và mối quan ngại của họ và được xem xét trong những giai đoạn thích hợp của quá trình tố tụng hình sự đối với người phạm tội, theo cách thức không làm ảnh hưởng đến quyền bào chữa.

3. Mỗi quốc gia thành viên sẽ cân nhắc việc áp dụng những biện pháp để các nạn nhân của việc buôn bán người có thể phục hồi về thể chất, tinh thần và xã hội, tùy từng trường hợp cụ thể, bao gồm cả việc hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức liên quan khác và các thiết chế xã hội dân sự, và đặc biệt là cung cấp:

a) nơi ở thích hợp;

b) những hướng dẫn và thông tin, đặc biệt đối với các quyền hợp pháp của các nạn nhân của việc buôn bán người bằng ngôn ngữ mà họ có thể hiểu được;

c) hỗ trợ y tế, tinh thần và vật chất; và

d) các cơ hội việc làm, giáo dục và đào tạo.

4. Trong khi áp dụng các quy định của điều này, mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét đến độ tuổi, giới tính và những nhu cầu đặc biệt của nạn nhân của việc buôn bán người, cụ thể là những nhu cầu đặc biệt của trẻ em, bao gồm cả nhà ở, giáo dục và sự chăm sóc thích hợp.

5. Mỗi quốc gia thành viên sẽ cố gắng bảo đảm sự an toàn thân thể cho các nạn nhân của việc buôn bán người khi họ đang ở trong lãnh thổ của quốc gia đó.

6. Mỗi quốc gia thành viên sẽ bảo đảm rằng trong hệ thống pháp luật quốc gia của mình có các biện pháp giúp cho các nạn nhân của việc buôn bán người có thể được đền bù cho những thiệt hại mà họ phải chịu.

Điều 7. Địa vị của các nạn nhân của việc buôn bán người tại quốc gia tiếp nhận

1. Bên cạnh việc thực thi các biện pháp theo quy định tại điều 6 của Nghị định thư này, mỗi quốc gia thành viên sẽ cân nhắc việc áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp khác để các nạn nhân của việc buôn bán người có thể được ở lại trên lãnh thổ của mình, tạm thời hay vĩnh viễn, tùy từng trường hợp cụ thể.

2. Khi thực hiện quy định tại khoản 1 của điều này, mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét thích đáng các yếu tố nhân đạo và nhân ái.

Điều 8. Việc hồi hương của các nạn nhân của việc buôn bán người

1. Quốc gia thành viên mà một nạn nhân của việc buôn bán người là công dân hay có quyền thường trú ở đó tại thời điểm vào lãnh thổ của quốc gia thành viên tiếp nhận sẽ tạo điều kiện và chấp nhận việc hồi hương của người đó, có cân nhắc đầy đủ đến sự an toàn của người đó mà không có sự chậm trễ vô lý hoặc không xác đáng nào.

2. Khi một quốc gia thành viên đưa một nạn nhân của việc buôn bán người trở về một quốc gia thành viên mà người đó là công dân hay có quyền thường trú ở đó tại thời điểm vào lãnh thổ của quốc gia thành viên tiếp nhận, việc hồi hương này sẽ được xem xét cùng với sự an toàn của người đó và tình trạng của bất kỳ thủ tục pháp lý nào liên quan đến việc người đó là nạn nhân của hành vi buôn bán người và phải hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện.

3. Theo yêu cầu của quốc gia thành viên tiếp nhận, quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ xác minh người là nạn nhân của việc buôn bán người đó có là công dân hay có quyền thường trú trên lãnh thổ của mình tại thời điểm vào lãnh thổ của quốc gia thành viên tiếp nhận hay không, mà không có sự chậm trễ vô lý hoặc không xác đáng nào.

4. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc hồi hương của một nạn nhân của việc buôn bán người nhưng không có giấy tờ cần thiết, quốc gia thành viên mà người đó là công dân hay có quyền thường trú ở đó tại thời điểm nhập cảnh vào lãnh thổ của quốc gia thành viên tiếp nhận, theo yêu cầu của quốc gia thành viên tiếp nhận, sẽ đồng ý cấp giấy tờ thông hành hay những giấy phép khác cần thiết để người đó có thể đi lại và trở về lãnh thổ nước mình.

5. Điều này không làm phương hại đến bất kỳ quyền nào của các nạn nhân của việc buôn bán người theo pháp luật quốc gia của quốc gia thành viên tiếp nhận.

6. Điều này không làm phương hại đến bất kỳ hiệp định hay thoả thuận song phương hay đa phương nào điều chỉnh, toàn bộ hay một phần, việc hồi hương của các nạn nhân của việc buôn bán người.

III. Ngăn ngừa, hợp tác và các biện pháp khác

Điều 9. Ngăn ngừa việc buôn bán người

1. Các quốc gia thành viên sẽ đề ra các chính sách, chương trình toàn diện và các biện pháp khác để:

a) ngăn ngừa và chống việc buôn bán người; và

b) bảo vệ các nạn nhân của việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, không bị trở thành nạn nhân của việc buôn bán người một lần nữa.

2. Các quốc gia thành viên sẽ nỗ lực thi hành các biện pháp như nghiên cứu, thông tin và các chiến dịch truyền thông đại chúng cũng như các sáng kiến xã hội và kinh tế để ngăn ngừa và chống hành vi buôn bán người.

3. Các chính sách, chương trình và các biện pháp khác được đề ra theo điều này, nếu thích hợp, sẽ bao gồm việc hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức liên quan khác và các thiết chế xã hội dân sự.

4. Các quốc gia thành viên sẽ thực hiện và tăng cường các biện pháp, bao gồm việc thông qua hợp tác song phương hoặc đa phương, để loại bỏ các nhân tố làm cho những người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, trở thành các đối tượng dễ bị xâm hại của việc buôn bán người, chẳng hạn như nghèo đói, kém phát triển và thiếu cơ hội bình đẳng.

5. Các quốc gia thành viên sẽ áp dụng hay tăng cường các biện pháp lập pháp hay các biện pháp khác, chẳng hạn như các biện pháp giáo dục, xã hội hay văn hoá, bao gồm việc thông qua sự hợp tác song phương và đa phương, để ngăn chặn, giảm bớt những nhu cầu thúc đẩy các hình thức bóc lột con người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, mà dẫn đến việc buôn bán người.

Điều 10. Trao đổi thông tin và đào tạo

1. Các cơ quan hành pháp, nhập cư và các cơ quan liên quan khác của các quốc gia thành viên, khi thích hợp, sẽ hợp tác với nhau bằng cách trao đổi thông tin, phù hợp với pháp luật quốc gia mình, để có thể xác định:

a) những cá nhân đi qua hay cố gắng đi qua biên giới quốc tế với giấy tờ thông hành của người khác hay không có giấy tờ thông hành là thủ phạm hay nạn nhân của việc buôn bán người;

b) những loại giấy tờ thông hành mà các cá nhân đã sử dụng hay cố gắng sử dụng để đi qua biên giới quốc tế vì mục đích buôn bán người; và

c) những phương tiện và biện pháp được các nhóm tội phạm có tổ chức sử dụng vì mục đích buôn bán người, bao gồm việc tuyển mộ và chuyên chở nạn nhân, các tuyến đường và mối liên kết giữa các cá nhân và các nhóm tham gia

vào việc buôn bán người đó, và những biện pháp thích hợp để phát hiện ra chúng.

2. Các quốc gia thành viên sẽ cung cấp hay tăng cường việc đào tạo cho các cán bộ hành pháp hay quản lý nhập cư và các cán bộ liên quan khác về ngăn ngừa buôn bán người. Các khoá đào tạo nên tập trung vào các phương pháp được sử dụng để ngăn ngừa việc buôn bán người, truy tố những kẻ buôn bán người và bảo vệ quyền của các nạn nhân, bao gồm bảo vệ các nạn nhân khỏi những kẻ buôn bán người. Việc đào tạo cũng cần tính đến sự cần thiết phải xem xét các quyền con người và những vấn đề nhạy cảm liên quan đến trẻ em và giới tính và cần khuyến khích sự hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức liên quan khác và các đơn vị xã hội dân sự.

3. Một quốc gia thành viên nhận được thông tin sẽ tuân theo bất kỳ yêu cầu nào về việc hạn chế sử dụng thông tin đó mà quốc gia thành viên đã cung cấp thông tin đưa ra.

Điều 11. Các biện pháp tại biên giới

1. Không làm phương hại đến các cam kết quốc tế liên quan đến tự do đi lại của người dân, các quốc gia thành viên, trong chừng mực có thể, tăng cường sự kiểm soát biên giới cần thiết để ngăn ngừa và phát hiện việc buôn bán người.

2. Mỗi quốc gia thành viên phải áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp khác để ngăn chặn việc các phương tiện vận chuyển điều hành bởi các hãng vận chuyển thương mại bị sử dụng để thực hiện các hành vi phạm tội được quy định tại điều 5 Nghị định thư này, trong chừng mực có thể.

3. Nếu thích hợp và không làm phương hại đến các công ước quốc tế đang được áp dụng, những biện pháp như vậy sẽ bao gồm việc đặt ra những nghĩa vụ cho các hãng vận chuyển thương mại, bao gồm bất kỳ một công ty vận chuyển nào hay chủ sở hữu hoặc người điều khiển bất kỳ phương tiện vận chuyển nào, để bảo đảm rằng mọi các hành khách đều có giấy tờ thông hành cần thiết để nhập cảnh vào quốc gia tiếp nhận.

4. Mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng những biện pháp cần thiết, phù hợp với pháp luật quốc gia của mình, để trừng phạt các những trường hợp vi phạm nghĩa vụ nêu ra tại khoản 3 điều này.

5. Phù hợp với pháp luật quốc gia của mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét việc áp dụng các biện pháp cho phép từ chối cho nhập cảnh hay thu hồi thị thực của những người liên quan đến việc thực hiện các hành vi phạm tội theo quy định của Nghị định thư này.

6. Không làm phương hại đến điều 27 của Công ước, các quốc gia thành viên xem xét việc tăng cường hợp tác giữa các cơ quan kiểm soát biên giới bằng cách thiết lập và duy trì các kênh thông tin trực tiếp bên cạnh những phương thức khác.

Điều 12. An ninh và kiểm soát giấy tờ

Mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng những biện pháp cần thiết trong phạm vi các phương tiện sẵn có để:

a) bảo đảm rằng các giấy tờ thông hành hoặc nhận dạng do mình cung cấp có đặc tính không thể dễ dàng bị sử dụng sai mục đích và không thể dễ dàng bị giả mạo hoặc thay đổi, sao chép hay cấp một cách bất hợp pháp; và

b) bảo đảm tính toàn vẹn và an toàn của các giấy tờ thông hành hay nhận dạng được cấp bởi quốc gia thành viên đó hay cấp thay mặt quốc gia thành viên đó và ngăn ngừa việc tạo ra, cấp và sử dụng những giấy tờ này một cách bất hợp pháp.

Điều 13. Tính hợp pháp và giá trị pháp lý của các giấy tờ

Theo yêu cầu của một quốc gia thành viên khác, một quốc gia thành viên, phù hợp với pháp luật quốc gia của mình và trong một thời hạn hợp lý, sẽ xác minh tính hợp pháp và giá trị pháp lý của các giấy tờ thông hành hoặc nhận dạng được cấp hay dường như được cấp nhân danh quốc gia đó và bị nghi ngờ là đang được sử dụng vào việc buôn bán người.

IV. Các điều khoản cuối cùng

Điều 14. Điều khoản an toàn

1. Không một quy định nào trong Nghị định thư này ảnh hưởng đến các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác của các quốc gia và cá nhân theo quy định của luật pháp quốc tế, bao gồm luật nhân đạo quốc tế và luật quốc tế về quyền con người và cụ thể là, nếu có thể áp dụng được, Công ước năm 1951 và Nghị định thư năm 1967 về Vị thế của người tị nạn và nguyên tắc không đẩy trở lại được quy định trong đó.

2. Các biện pháp được nêu trong Nghị định thư này sẽ không được giải thích và áp dụng theo cách phân biệt đối xử đối với một người với lý do người này là nạn nhân của việc buôn bán người. Việc giải thích và áp dụng những biện pháp đó phải phù hợp với các nguyên tắc không phân biệt đối xử được quốc tế công nhận.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Các quốc gia thành viên sẽ cố gắng giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc giải thích và áp dụng Nghị định thư này thông qua thương lượng.

2. Bất kỳ tranh chấp nào giữa hai hay nhiều quốc gia thành viên liên quan đến việc giải thích hay áp dụng Nghị định thư này mà không thể giải quyết thông qua thương lượng trong một thời gian thích hợp sẽ được đưa ra toà trọng tài theo đề nghị của một trong các quốc gia thành viên đó. Nếu sau sáu tháng kể từ ngày yêu cầu đưa ra trọng tài giải quyết mà các quốc gia thành viên này không thể thỏa thuận về tổ chức của toà trọng tài, bất kỳ một trong các quốc gia thành viên này đều có thể yêu cầu đưa tranh chấp ra Toà án Công lý quốc tế theo Quy chế của Toà án.

3. Mỗi quốc gia thành viên, vào thời điểm ký, phê chuẩn, chấp thuận hay phê duyệt hoặc gia nhập Nghị định thư này, đều có thể tuyên bố rằng quốc gia đó không bị ràng buộc bởi khoản 2 điều này. Các quốc gia thành viên khác sẽ không bị ràng buộc với khoản 2 điều này đối với bất kỳ quốc gia nào đã đưa ra bảo lưu như vậy.

4. Bất kỳ quốc gia thành viên nào đã đưa ra một bảo lưu theo quy định tại khoản 3 điều này có thể rút bảo lưu đó vào bất kỳ lúc nào bằng cách thông báo cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

Điều 16. Ký, phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt và gia nhập

1. Nghị định thư này sẽ được mở cho tất cả các quốc gia ký từ ngày 12 đến ngày 15/12/2000 tại Palermo, Italia và sau đó tại trụ sở Liên Hợp Quốc tại New York cho đến ngày 12/12/2002.

2. Nghị định thư này cũng sẽ được mở cho các tổ chức hội nhập kinh tế khu vực ký với điều kiện là có ít nhất một quốc gia thành viên của tổ chức đó đã ký Nghị định thư này theo quy định tại khoản 1 điều này.

3. Nghị định thư này phải được phê chuẩn, chấp thuận hay phê duyệt. Văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hay phê duyệt sẽ được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc. Một tổ chức hội nhập kinh tế khu vực có thể nộp lưu chiểu văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hay phê duyệt nếu có ít nhất một quốc gia thành viên của mình đã làm như vậy. Trong văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hay phê duyệt, tổ chức đó sẽ tuyên bố phạm vi thẩm quyền của mình đối với những vấn đề mà Nghị định thư này điều chỉnh. Tổ chức đó cũng sẽ thông báo cho cơ quan lưu chiểu bất kỳ sửa đổi liên quan nào về phạm vi thẩm quyền của mình.

4. Nghị định thư này được mở để bất kỳ một quốc gia hay tổ chức hội nhập kinh tế khu vực nào đã có ít nhất một quốc gia thành viên của mình là thành viên của Nghị định thư, gia nhập. Các văn kiện gia nhập sẽ được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc. Tại thời điểm gia nhập, một tổ chức hội nhập kinh tế khu vực sẽ tuyên bố phạm vi thẩm quyền của mình đối với các vấn đề mà Nghị định thư này điều chỉnh. Tổ chức đó cũng sẽ thông báo cho cơ quan lưu chiểu bất kỳ sửa đổi nào liên quan đến phạm vi thẩm quyền của mình.

Điều 17. Hiệu lực

1. Nghị định thư này bắt đầu có hiệu lực vào ngày thứ 90 sau ngày văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hay gia nhập thứ 40 được nộp lưu chiểu, trừ việc Nghị định thư này sẽ không bắt đầu có hiệu lực trước khi Công ước bắt đầu có hiệu lực. Vì mục đích của khoản này, bất kỳ văn kiện nào mà một tổ chức hội nhập kinh tế khu vực nộp lưu chiểu sẽ không được tính thêm với những văn kiện được nộp lưu chiểu bởi các quốc gia thành viên của tổ chức đó.

2. Đối với mỗi quốc gia hay tổ chức hội nhập kinh tế khu vực đã phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hay gia nhập Nghị định thư này sau khi văn kiện thứ 40 được nộp lưu chiểu, Nghị định thư này sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày thứ 30 sau ngày quốc gia hay tổ chức đó nộp văn kiện liên quan hay vào ngày

mà Nghị định thư này có hiệu lực theo khoản 1 điều này, nếu như thời điểm này diễn ra sau.

Điều 18. Sửa đổi

1. Sau năm năm kể từ ngày Nghị định thư này bắt đầu có hiệu lực, một quốc gia thành viên của Nghị định thư có thể đề xuất sửa đổi và gửi đề xuất này đến Tổng thư ký Liên Hợp Quốc. Tổng thư ký sau đó sẽ thông báo đề xuất sửa đổi đó cho các quốc gia thành viên và cho Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước để xem xét và quyết định về đề xuất này. Các quốc gia thành viên Nghị định thư tham dự Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước sẽ cố gắng đạt được sự đồng thuận về mọi sửa đổi. Nếu mọi cố gắng đạt được đồng thuận đã được thực hiện đến cùng mà không đạt được một thỏa thuận nào, sửa đổi sẽ được thông qua, như phương thức cuối cùng, nếu đạt 2/3 đa số phiếu của các quốc gia thành viên Nghị định thư có mặt và bỏ phiếu tại cuộc họp của Hội nghị các quốc gia thành viên.

2. Các tổ chức hội nhập kinh tế khu vực, trong những vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của mình, sẽ thực hiện quyền bỏ phiếu theo điều này với số phiếu bằng với số lượng quốc gia thành viên của mình là thành viên của Nghị định thư này. Các tổ chức đó sẽ không thực hiện quyền bỏ phiếu của mình nếu các quốc gia thành viên của tổ chức đó đã thực hiện quyền bỏ phiếu của họ và ngược lại.

3. Một sửa đổi được thông qua theo khoản 1 điều này phải được các quốc gia thành viên phê chuẩn, chấp thuận hay phê duyệt.

4. Một sửa đổi được thông qua theo khoản 1 điều này sẽ bắt đầu có hiệu lực đối với một quốc gia thành viên sau 90 ngày kể từ ngày văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hay phê duyệt sửa đổi đó được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

5. Khi một sửa đổi bắt đầu có hiệu lực, nó sẽ ràng buộc những quốc gia thành viên đã bày tỏ sự chấp thuận ràng buộc bởi sửa đổi đó. Các quốc gia thành viên khác sẽ chỉ bị ràng buộc bởi những quy định của Nghị định thư này và bất kỳ sửa đổi nào trước đó mà họ đã phê chuẩn, chấp thuận hay phê duyệt.

Điều 19. Rút khỏi Nghị định thư

1. Một quốc gia thành viên có thể rút khỏi Nghị định thư này bằng một thông báo bằng văn bản gửi cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc. Việc rút khỏi Nghị định thư sẽ có hiệu lực sau một năm kể từ ngày ngày Tổng thư ký nhận được thông báo.

2. Một tổ chức hội nhập kinh tế quốc tế sẽ không còn là thành viên của Nghị định thư này khi tất cả các quốc gia thành viên của mình đã rút khỏi Nghị định thư.

Điều 20. Lưu chiểu và ngôn ngữ

1. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc được chỉ định là cơ quan lưu chiểu Nghị định thư này.

2. Bản gốc của Nghị định thư này được làm bằng tiếng Ả-rập, tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha đều có giá trị như nhau và được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

Để làm bằng, những người đại diện toàn quyền có tên dưới đây đã được uỷ quyền hợp lệ bởi Chính phủ của họ, đã ký Nghị định thư này./.

BỘ CÔNG AN
CỤC PHÁP CHẾ VÀ CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH, TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-V03-P5

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

CÔNG TÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, THỎA THUẬN QUỐC TẾ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÁP LUẬT TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Kính gửi: Đồng chí Trung tướng Lê Quốc Hùng

Thú trưởng Bộ Công an

I. Tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân giai đoạn 2006-2023

1. Về công tác điều ước quốc tế

1.1. Về công tác tuyên truyền, phổ biến

Để thực hiện tốt công tác điều ước quốc tế (ĐUQT), được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ, Công an các đơn vị, địa phương đều lập kế hoạch, tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc đến toàn thể cán bộ, chiến sỹ các nội dung của văn bản quy phạm pháp luật về ĐUQT; các ĐUQT liên quan đến công tác Công an. Các cuộc tập huấn, phổ biến, tuyên truyền được tiến hành bằng nhiều hình thức, thiết thực, phù hợp như lồng ghép nội dung về phòng, chống tội phạm trong các hội nghị phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật và các ĐUQT có liên quan đến công tác Công an; triển khai kế hoạch thực hiện các ĐUQT đa phương, song phương liên quan đến công tác Công an; cập nhật, biên soạn và cấp phát các tài liệu tham khảo hướng dẫn cho các cán bộ thực tiễn (Ví dụ: Sổ tay dẫn độ, Sổ tay công tác chuyển giao người bị kết án phạt tù, Sổ tay công tác tương trợ tư pháp về hình sự); biên soạn tài liệu tập huấn chuyên sâu, giáo trình giảng dạy về tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, pháp luật về bảo đảm quyền con người, chống tra tấn... trong các học viện, trường và cơ sở đào tạo; đăng thông tin tuyên truyền, giới thiệu Luật, một số ĐUQT trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an...

1.2. Về kết quả đề xuất ký kết và thực hiện điều ước quốc tế trong Công an nhân dân giai đoạn 2006 - 2023

Để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác đề xuất ký kết và thực hiện ĐUQT về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, hợp tác

phòng, chống tội phạm thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công an, Bộ Công an đã ban hành 04 Kế hoạch ký kết và triển khai thực hiện ĐUQT trong Công an nhân dân hàng năm và dài hạn; trong đó, xác định các đối tác cần ưu tiên đàm phán, ký kết là các nước láng giềng, các nước trong khu vực và các nước có quan hệ truyền thống với Việt Nam, đồng thời, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trong lực lượng Công an nhân dân thực hiện các nhiệm vụ đề xuất ký kết và triển khai thực hiện các ĐUQT về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, hợp tác phòng, chống tội phạm (*Phụ lục 1*).

- Theo quy định tại Điều 99 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện ĐUQT năm 2005 (nay là Điều 79 của Luật ĐUQT năm 2016), hàng năm, Bộ Công an (V03) xây dựng Báo cáo tình hình ký kết và thực hiện ĐUQT thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Bộ Ngoại giao để tập hợp trình Thủ tướng Chính phủ.

a) Kết quả đề xuất ký kết và thực hiện điều ước quốc tế song phương trong Công an nhân dân giai đoạn 2006 - 2023

Thực hiện sự ủy quyền của Chủ tịch nước và sự phân công của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương đã tham mưu đề xuất với Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành hữu quan hoàn thành đề xuất ký kết và triển khai thực hiện 100 hiệp định song phương về các lĩnh vực như: 03 tương trợ tư pháp về hình sự (*từ năm 2015 chuyển sang cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao là đơn vị chủ trì đề xuất ký kết*); 17 Hiệp định về dẫn độ; 22 hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù; 17 Hiệp định hợp tác phòng, chống tội phạm; 06 Hiệp định cùng bảo vệ và trao đổi tin mật... (*Phụ lục 2*).

b) Kết quả về đề xuất ký kết và thực hiện điều ước quốc tế đa phương do Bộ Công an chủ trì

- Giai đoạn 2006 - 2023, Bộ Công an chủ trì đề xuất ký/gia nhập 06 ĐUQT đa phương, gồm: Công ước ASEAN về chống khủng bố, Tuyên bố chung ASEAN- Ô-xtrây-li-a về hợp tác chống khủng bố quốc tế, Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người... (*Phụ lục 2*).

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các ĐUQT đa phương sau:

+ *Triển khai thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC) và Nghị định thư về việc ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Phụ lục 3)*: Ngày 29/12/2011, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Quyết định số 2549/2011/QĐ-CTN về việc phê chuẩn Công ước và Quyết định số 2550/2011/QĐ-CTN về việc gia nhập Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (Nghị định thư TIP). Công ước và Nghị định thư trên có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 08/7/2012.

Để triển khai thực hiện hiệu quả Công ước và Nghị định thư, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, ngày 18/4/2013 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 605/QĐ-TTg phê duyệt Kế

hoạch triển khai thực hiện Công ước TOC và Nghị định thư TIP. Thực hiện ý kiến của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh tại Công văn số 7843/VPCP-NC ngày 22/11/2022 đề nghị Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 605/QĐ-TTg ngày 18/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước TOC và Nghị định thư TIP, Bộ Công an đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan tham mưu Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 phê duyệt Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Công ước TOC và Nghị định thư TIP.

Thực hiện Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Công ước chống tội phạm xuyên quốc gia và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Trên cơ sở tập hợp báo cáo của các Bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Công an các đơn vị, địa phương, V03 đang xây dựng Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Công ước và Nghị định thư.

+ *Triển khai thực hiện Công ước về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người (UNCAT):* Ngày 17/3/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 364/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước chống tra tấn, trong đó, giao Bộ Công an là cơ quan thường trực thực hiện Công ước chống tra tấn. Ngày 24/4/2015, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quyết định số 2139/QĐ-BCA-V19 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước chống tra tấn, theo đó, giao Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp là đơn vị chủ trì tham mưu cho lãnh đạo Bộ Công an triển khai Công ước chống tra tấn. Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 09/02/2024 phê duyệt Báo cáo quốc gia lần thứ hai của Việt Nam về thực thi Công ước chống tra tấn (*xin trình kèm theo Báo cáo triển khai các ĐUQT đa phương về nhân quyền - Phụ lục 4*).

+ Công ước quốc tế về chống bắt con tin năm 1979 và Công ước quốc tế về trừng trị việc khủng bố bằng bom năm 1997: Trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố, đến nay Việt Nam đã gia nhập 13/19 ĐUQT của Liên hợp quốc. Ngày 15/11/2013, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã ban hành Quyết định số 2212/2013/QĐ-CTN về việc gia nhập Công ước quốc tế về chống bắt con tin năm 1979; Quyết định số 2213/2013/QĐ-CTN về việc gia nhập Công ước quốc tế về trừng trị việc khủng bố bằng bom năm 1997; theo Thông báo số 11/2014/TB-LPQT ngày 10/02/2014 của Bộ Ngoại giao về việc ĐUQT có hiệu lực, hai Công ước có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 08/02/2014. Ngày 29/3/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 507/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện Công ước quốc tế về chống bắt con tin năm 1979 và Công ước quốc tế về trừng trị việc khủng bố bằng bom năm 1997, trong đó, giao Bộ Công an là cơ quan thường trực thực hiện hai Công ước.

+ Công ước ASEAN về chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em: Ngày 30/11/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1957/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện Công ước ASEAN về phòng, chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em; ngày 18/5/2021 Bộ trưởng Bộ

Công an ban hành Quyết định số 3519/QĐ-BCA phê duyệt Kế hoạch của Bộ Công an về triển khai Công ước ASEAN về phòng, chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Đang xây dựng Báo cáo sơ kết 03 năm về việc triển khai Công ước.

- Chủ trì tham gia đàm phán Hiệp định ASEAN về dẫn độ (đã tham gia 09 vòng đàm phán).

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về khả năng Việt Nam rút bảo lưu, tuyên bố đối với các quy định về dẫn độ trong các điều ước quốc tế đa phương mà Việt Nam là thành viên (Báo cáo số 1208/BC-BCA-V03 ngày 31/12/2020); trình Chính phủ về việc rút bảo lưu quy định về dẫn độ của 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy

- Triển khai thực hiện Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các quốc gia thành viên ASEAN: Tổ chức thành công Hội nghị quan chức cao cấp ASEAN về Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các quốc gia thành viên ASEAN lần thứ 3 và lần thứ 8 tại Hà Nội.

- Nghiên cứu, đề xuất gia nhập Nghị định thư về đưa chống người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không bổ sung cho UNTOC: Bộ Công an đã ban hành Kế hoạch số 407/KH-BCA-V03 về lập hồ sơ đề xuất gia nhập Nghị định thư này. Đến nay, đang tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện khi đủ điều kiện trình Chính phủ.

c) Kết quả tham gia điều ước quốc tế do các Bộ, ngành khác chủ trì

- Tham gia đàm phán, ký các ĐUQT song phương do các Bộ, ngành khác chủ trì như: Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự, Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự...

- Tổng kết 10 năm thi hành Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay số 33 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế trong Công an nhân dân giai đoạn 2011-2020 (Công văn số 3160/BCA-V03 ngày 06/9/2021 gửi Bộ Tư pháp).

- Xây dựng phương án trả lời các câu hỏi của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hợp quốc đối với Báo cáo quốc gia lần thứ năm và thứ sáu về tình hình thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em tại Việt Nam theo đề nghị của Ủy ban Quốc gia về quyền trẻ em.

- Hoàn thiện Báo cáo giữa kỳ của Việt Nam về thực thi Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) gửi Ủy ban Nhân quyền của Liên hợp quốc.

- Tham gia đánh giá đa phương về cơ chế chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố trong khuôn khổ Nhóm châu Á - Thái Bình Dương (APG).

- Tham gia Tổ công tác liên ngành đánh giá việc thực thi Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC); tham gia xây dựng Báo cáo thực thi UNCAC; tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và kế hoạch thực thi UNCAC trong Công an nhân dân; xây dựng Báo cáo chuyên đề về nội luật hóa thực thi UNCAC và công tác hợp tác quốc tế về chống tham nhũng; cử chuyên gia tham gia đánh giá thực thi Công ước của Cộng hòa Áo.

- Tích cực triển khai các ĐUQT liên quan đến công tác Công an như: Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã (CITES); các ĐUQT về thương mại quốc tế, tự do thương mại...

2. Về công tác thỏa thuận quốc tế

- Đến nay, Bộ Công an đã ký khoảng 289 thỏa thuận quốc tế (TTQT) về các lĩnh vực trong hợp tác phòng, chống tội phạm về ma túy, mua bán người, bảo đảm an ninh, trật tự, quản lý xuất nhập cảnh,... với 36 quốc gia và vùng lãnh thổ. (*Phụ lục 5*).

Về cơ bản, việc thực hiện TTQT đã đảm bảo đúng tiến độ của các kế hoạch đề ra; giải quyết tốt các vấn đề phát sinh, đảm bảo yêu cầu về chính trị, pháp luật và nghiệp vụ.

II. Về công tác dẫn độ và công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (tính đến tháng 03/2024)

1. Thực hiện nhiệm vụ là Cơ quan Trung ương về công tác dẫn độ

a) Về yêu cầu dẫn độ của nước ngoài

Bộ Công an đã tiếp nhận và xử lý 39 yêu cầu dẫn độ do cơ quan có thẩm quyền của phía nước ngoài gửi đến (gồm: 24 yêu cầu dẫn độ theo các hiệp định song phương về dẫn độ, 15 yêu cầu dẫn độ theo nguyên tắc có đi có lại) (*Phụ lục 6*), trong đó:

- Đã thực hiện việc dẫn độ cho phía nước ngoài: 19 đối tượng.
- Từ chối 07 yêu cầu dẫn độ.
- Đang tiếp tục xử lý 13 yêu cầu dẫn độ theo quy định của pháp luật.

b) Về yêu cầu dẫn độ của Việt Nam

Công an các đơn vị, địa phương đã đề nghị V03 hướng dẫn việc lập yêu cầu dẫn độ đối với 111 đối tượng truy nã bỏ trốn ra nước ngoài (*Phụ lục 6*), cụ thể:

- Đã lập và chuyển 89 hồ sơ yêu cầu dẫn độ đến cơ quan thẩm quyền của nước ngoài: Đã dẫn độ 07 đối tượng về Việt Nam; phía nước ngoài từ chối dẫn độ 11 đối tượng; kết thúc 04 yêu cầu dẫn độ; đang tích cực đôn đốc phía nước ngoài xem xét, giải quyết 67 yêu cầu dẫn độ còn lại.

- Đang tiếp tục hướng dẫn lập yêu cầu dẫn độ đối với 22 đối tượng.

2. Thực hiện nhiệm vụ là Cơ quan Trung ương về công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù

Bộ Công an đã tiếp nhận và xử lý 112 hồ sơ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù từ Việt Nam ra nước ngoài, 100 hồ sơ yêu cầu chuyển giao phạm nhân quốc tịch Việt Nam từ nước ngoài về Việt Nam để tiếp tục chấp hành án phạt tù (*Phụ lục 7*).

Thực hiện chức năng là cơ quan đầu mối của Bộ Công an về công tác dẫn độ và công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, V03 đã và đang triển khai thực hiện có hiệu quả các ĐUQT về dẫn độ, chuyển giao người bị kết án phạt tù mà Việt Nam là thành viên, minh chứng bằng số lượng các yêu cầu dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trên cơ sở điều ước quốc tế đã giải quyết thành công chiếm tỷ lệ cao trong tổng số các yêu cầu dẫn độ.

Trên thực tế, các hiệp định về dẫn độ và hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù đã có vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề khác biệt về pháp luật giữa các quốc gia, là cơ sở pháp lý để các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia có thể căn cứ để triển khai thực hiện các nhiệm vụ hợp tác trong hoạt động dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

Trên cơ sở triển khai thực hiện các hiệp định đã ký kết; thực hiện chức năng là cơ quan đầu mối về công tác về dẫn độ và công tác về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù của Bộ Công an, trong thời gian qua, V03 đã thực hiện công tác về dẫn độ và công tác về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù đạt được kết quả tốt, góp phần thể hiện nỗ lực của Việt Nam trong hợp tác quốc tế về đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhiều yêu cầu về dẫn độ và yêu cầu về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù của nước ngoài gửi đến Việt Nam đều được xem xét, giải quyết nhanh chóng, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và pháp luật các nước có liên quan, thể hiện trách nhiệm của Việt Nam trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm quyền con người, bảo hộ công dân, thể hiện thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam

III. Về kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật

Hiện nay, Bộ Công an đã và đang triển khai 02 Dự án hợp tác về pháp luật và 02 Chương trình hợp tác về pháp luật (*Phụ lục 8*).

IV. Dự kiến thực hiện công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế năm 2024

1. Xây dựng Kế hoạch ký kết và triển khai thực hiện ĐUQT, TTQT trong Công an nhân dân năm 2024 (*hiện nay, V03 đã gửi xin ý kiến Công an các đơn vị, địa phương*).

2. Tăng cường công tác sơ kết, tổng kết và đánh giá hiệu quả triển khai thực hiện các ĐUQT, TTQT đã ký kết; thường xuyên rà soát các nội dung của văn bản đã ký để đảm bảo tính tương thích, phù hợp với các quy định mới của pháp luật trong nước và tình hình thực tiễn, từ đó, nhìn nhận những tồn tại, hạn chế của văn bản hợp tác đã ký kết để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc chấm dứt hiệu lực ĐUQT, TTQT với đối tác.

3. Để đáp ứng yêu cầu về chính trị, đối ngoại, hợp tác quốc tế, đẩy mạnh hơn nữa đề xuất đàm phán, ký kết ĐUQT, TTQT phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Chính phủ về hội nhập quốc tế, đặc biệt, đẩy mạnh đàm phán, ký kết với các nước, đặc biệt là các nước láng giềng, các nước ASEAN, các nước lớn, các nước bạn bè truyền thống, từng bước đưa hợp tác đi vào chiều sâu, hiệu quả.

2. Tiếp tục nâng cao hiệu quả thực thi các văn bản hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm của lực lượng Công an nhân dân, đặc biệt triển khai thực hiện toàn diện công tác ĐUQT, TTQT theo quy định của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và các văn bản khác có liên quan cũng như yêu cầu về chính trị, đối ngoại của Đảng và Nhà nước; đồng thời, rà soát, đánh giá tổng thể hiệu quả các ĐUQT, TTQT về lĩnh vực hợp tác song phương phòng, chống tội phạm đã ký kết nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

3. Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với nhiều hình thức, đa dạng, phong phú.

4. Tiếp tục mở rộng quy mô và chất lượng đào tạo cán bộ về công tác nghiệp vụ và pháp luật, tập trung đổi mới các hình thức bồi dưỡng, đào tạo, nhất là đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng đối ngoại và hợp tác quốc tế, ưu tiên đào tạo ngoại ngữ cho cán bộ làm công tác ĐUQT, TTQT.

5. Tăng cường cơ chế phối hợp giữa Công an các đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện ĐUQT, TTQT.

V. Những khó khăn, vướng mắc trong công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

Nhìn chung, việc ký kết và thực hiện các văn bản hợp tác quốc tế đã được các cấp quan tâm chỉ đạo và kết quả cơ bản đạt yêu cầu đề ra, đáp ứng được yêu cầu về chính trị, đối ngoại cũng như nhu cầu hợp tác của Việt Nam và đối tác nước ngoài. Tuy nhiên, do các yếu tố khách quan và chủ quan mà công tác ĐUQT còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, cụ thể như sau:

- *Về thẩm quyền ký kết ĐUQT, TTQT và quan hệ phối hợp:*

Sự thiếu nhất quán trong ký kết ĐUQT về phòng, chống tội phạm trong thời gian qua đã gây không ít khó khăn. Trong các ĐUQT có quy định về dẫn độ ký kết với các nước XHCN trước đây đều quy định Viện kiểm sát nhân dân tối cao là cơ quan trung ương của Việt Nam. Sau khi Luật TTTP năm 2007, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có hiệu lực, Bộ Công an có nhiệm vụ là Cơ quan trung ương của nước CHXHCN Việt Nam về dẫn độ. Đề khắc phục bất cập này, Bộ Công an đã đề xuất đối tác nước ngoài tiến hành sửa đổi nhưng nhiều đối tác vẫn chưa đồng ý.

- *Việc rà soát, thống kê ĐUQT, TTQT:* Bộ Công an (V03) gặp khó khăn trong việc rà soát, thống kê ĐUQT, TTQT về phòng, chống tội phạm mà Việt Nam đã ký kết, xác định tình trạng hiệu lực của ĐUQT, để hoàn thiện cơ sở dữ liệu ĐUQT, TTQT từ sau năm 1945. Tình trạng này có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân cơ bản là thiếu thống nhất cơ quan đầu mối quản lý ĐUQT, TTQT; nhiều đơn vị không rà soát và cung cấp cho cơ quan đầu mối về ĐUQT là Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp. Hiện nay chưa có cơ sở dữ liệu (được số hóa) về các ĐUQT và TTQT trong toàn lực lượng Công an nhân dân.

- *Bất cập của các quy định pháp luật nói chung và pháp luật về ĐUQT, TTQT nói riêng:*

+ Hiện nay tồn tại hiện tượng một số văn kiện hợp tác ký kết theo quy định của Pháp lệnh ký kết và thực hiện ĐUQT năm 1989 và Pháp lệnh ký kết và thực hiện ĐUQT năm 1998 được coi là ĐUQT cấp Bộ nhưng theo quy định pháp luật hiện hành thì các văn kiện hợp tác đó chỉ được coi là TTQT cấp Bộ. Trong khi đó, việc chậm rà soát, đề xuất ký lại các văn kiện này cũng gây khó khăn cho công tác ĐUQT, TTQT.

- Về việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Luật Điều ước quốc tế năm 2016: Tại khoản 1 Điều 72, chưa quy định rõ cơ quan có thẩm quyền ban hành hiệp định mẫu để làm căn cứ áp dụng trình tự thủ tục rút gọn;

đồng thời, chưa quy định cụ thể cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng trình tự thủ tục rút gọn.

- Vì các điều ước quốc tế nói chung và điều ước quốc tế liên quan đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói riêng bao gồm những quy tắc, chuẩn mực chung cho nhiều quốc gia, nhiều hệ thống pháp luật khác nhau, hoạt động nội luật hóa các điều ước quốc tế về phòng, chống tội phạm tại Việt Nam thời gian qua cho thấy một số vướng mắc, bất cập như sau:

+ Pháp luật Việt Nam chưa có quy định thống nhất về hình thức văn bản để nội luật hóa các quy định của điều ước quốc tế; không quy định cụ thể cách thức nội luật hóa các điều ước quốc tế nói chung và các điều ước quốc tế về phòng, chống tội phạm nói riêng mà Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, quá trình xây dựng và ban hành văn bản luật hay dưới luật đều phải trải qua bước rà soát sự tương thích của các quy định trong các văn bản đó với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều này cho thấy các cam kết của Việt Nam theo một điều ước quốc tế có thể được chuyển hóa vào các quy định của nhiều loại văn bản khác nhau (văn bản luật hoặc văn bản dưới luật). Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã yêu cầu phải: *“xác định rõ quy trình, cơ chế “nội luật hóa” các điều ước mà Việt Nam là thành viên”* nhưng đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể.

+ Một số quy định pháp luật trong nước vẫn chưa tương thích hoàn toàn, chưa chuyển hóa đầy đủ các yêu cầu tại các điều ước quốc tế như: Theo pháp luật Việt Nam, trẻ em là người dưới 16 tuổi, trong khi theo quy định tại các điều ước quốc tế thì trẻ em là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi. Sự chưa tương thích này có thể dẫn đến khả năng hạn chế trong việc bảo vệ nạn nhân là các đối tượng từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, bởi lẽ đối tượng này không có biện pháp bảo vệ đặc biệt hơn.

+ Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia thể hiện trên ba phương diện: không gian diễn ra tội phạm, phạm vi ảnh hưởng của tội phạm và chủ thể thực hiện tội phạm. Điều này có thể dẫn đến việc mặc dù pháp luật trong nước đã nội luật hóa đầy đủ quy định của điều ước quốc tế vẫn khó thực thi do khác biệt về hệ thống pháp luật và chế định trong nước xuất phát từ nguyên tắc lãnh thổ. Điều này thường xuất hiện trong thực tiễn triển khai các điều ước quốc tế song phương như: Chính sách pháp luật về phòng, chống tội phạm mua bán người giữa Việt Nam với các nước có nhiều nạn nhân là người Việt chưa tương đồng, ảnh hưởng đến quá trình điều tra, xử lý vụ án.

- Vì lý do khách quan, về việc ký kết ĐUQT song phương, có một số đối tác nước ngoài chưa thật sự quan tâm, trong khi đó, Ta phải phụ thuộc vào sự phản hồi từ phía Bạn, ảnh hưởng đến việc hoàn thiện cơ sở pháp lý hợp tác phòng, chống tội phạm giữa Việt Nam và các nước mà Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, đối tác hợp tác toàn diện như: Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Vê-nê-xu-ê-la, Chi-lê... phần nào làm giảm hiệu quả hợp tác phòng, chống tội phạm giữa cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam và các nước này.

- Văn bản quy định về kinh phí thực hiện công tác ĐUQT, TTQT (Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế) còn bất cập, chưa phù hợp với tình hình thực tiễn dẫn đến chưa phát huy được hết khả năng hợp tác quốc tế của các đơn vị. Sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán, V03 được giao triển khai kinh phí phục vụ cho các hoạt động xây dựng hồ sơ liên quan đến công tác ĐUQT theo đúng quy định như nghiên cứu, xây dựng phương án đàm phán, xây dựng hồ sơ đề xuất đàm phán ĐUQT; hồ sơ trình về đề xuất ký ĐUQT; hồ sơ trình về việc phê chuẩn điều ước quốc tế; hồ sơ trình về việc phê duyệt ĐUQT, chi soạn thảo ĐUQT, chi lấy ý kiến chuyên gia... Tuy nhiên, Thông tư không quy định mục chi về thực hiện các thủ tục, kinh phí cho cán bộ đi công tác nước ngoài... của Đoàn ra.

- Về tổ chức thực hiện ĐUQT, TTQT: Việc triển khai thực hiện ĐUQT, TTQT trong một số trường hợp còn chậm chễ hoặc chưa hiệu quả, đặc biệt là các ĐUQT đa phương do phải thông qua quá trình nội luật hóa. Việc ký kết TTQT đôi khi còn mang tính hình thức, chưa thực chất. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện ĐUQT, TTQT còn thiếu đồng bộ, nhất quán; kế hoạch tổ chức thực hiện ĐUQT, TTQT còn thiếu rõ ràng, cụ thể, vì vậy, khi tổ chức thực hiện gặp không ít lúng túng, bị động. Nhiều trường hợp việc triển khai thực hiện còn chậm trễ, chưa thực sự hiệu quả, do nguyên nhân khách quan của phía nước ngoài, nhưng bên cạnh đó bản thân đơn vị chủ trì cũng chưa chủ động liên hệ, thúc đẩy đối tác nước ngoài, không đôn đốc triển khai, dẫn đến lãng phí nguồn lực cho ký kết ĐUQT, TTQT, không đem lại hiệu quả thiết thực và có thể ảnh hưởng tới quan hệ với đối tác nước ngoài. Có những ĐUQT, TTQT được ký đã lâu, nhiều nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn hợp tác nhưng không được chỉnh sửa, ký mới hoặc chấm dứt hiệu lực nên vẫn tiếp tục có giá trị với các bên (chủ yếu là các thỏa thuận, hiệp định ký kết ở cấp Bộ trước năm 2005).

- Về đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia quá trình ký kết và thực hiện ĐUQT, TTQT đôi khi còn hạn chế về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và ngoại ngữ, chưa nắm vững quy định pháp luật quốc gia, luật pháp quốc tế về phòng, chống tội phạm. Cùng với đó, vẫn còn tình trạng thiếu nhận thức đúng đắn của một số về vai trò của ĐUQT, TTQT. Trong khi đó công tác tập huấn về ký kết và thực hiện ĐUQT, TTQT cũng không được tiến hành thường xuyên, liên tục để nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác ký kết và thực hiện ĐUQT và TTQT.

- Nhiều đơn vị chưa có kế hoạch cụ thể về nhu cầu ký kết ĐUQT, TTQT trong lĩnh vực quản lý được giao, thiếu chủ động trong việc đề xuất và tiến hành sớm việc đàm phán ĐUQT, TTQT, nên gặp khó khăn, bị động khi có yêu cầu đàm phán, ký ĐUQT, TTQT, nhất là khi chuẩn bị cho chuyên thăm của Đảng, Nhà nước và Bộ Công an đi nước ngoài hoặc Lãnh đạo cấp cao của nước ngoài đến Việt Nam.

- Khó khăn liên quan đến việc hoàn thiện quy trình thủ tục nội bộ về ĐUQT, TTQT đối với các văn bản được đưa vào ký trong khuôn khổ các đoàn

ra, đoàn vào cấp cao do Kế hoạch của các đoàn này thường nhiều và đột xuất, không dự báo trước được.

- Hiện nay, theo Điều 29 Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước chưa có quy định về xác định tiêu chuẩn dành cho đoàn đàm phán cấp Nhà nước, cấp Chính phủ, thường ủy quyền cho Trưởng đoàn đàm phán (lãnh đạo cấp vụ, cục), trong khi đó Trưởng đoàn đàm phán của phía đối tác đôi khi sẽ có vị trí cao hơn cấp vụ, cục như Trợ lý Bộ trưởng, Quốc vụ khanh... và chế độ đón tiếp của phía Ban đối với đoàn đàm phán rất thiện chí, chu đáo, tiêu chuẩn thường tương đương với đón đoàn hạng B. Do vậy, việc đảm bảo nguyên tắc đối đẳng khi áp dụng Thông tư là rất khó khăn khi đón đoàn nước ngoài vào đàm phán.

VI. Về phân định rõ nhiệm vụ công tác giữa V02 và V03 tại các bước đàm phán, ký kết hiệp định, văn bản hợp tác với các nước

Nội dung phân biệt	Nhiệm vụ của V03	Nhiệm vụ của V02
Vai trò thống nhất quản lý công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân (Điều 5 Thông tư số 54/2021/TT-BCA, V03 giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý công tác ĐUQT và công tác TTQT trong Công an nhân dân)	<ul style="list-style-type: none"> + Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an; + Xây dựng kế hoạch dài hạn và hằng năm về ký kết và thực hiện ĐUQT, TTQT của Bộ Công an; + Báo cáo về tình hình ký kết và thực hiện ĐUQT, TTQT của Bộ Công an; + Đề xuất, ký kết, sửa đổi, bổ sung, từ bỏ, rút khỏi, bảo lưu, rút bảo lưu, tạm đình chỉ, tổ chức thực hiện ĐUQT, TTQT thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an; + Kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề xuất ký kết ĐUQT do Công an các đơn vị, địa phương đề xuất; kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề xuất ký kết TTQT do Công an các đơn vị, địa phương đề xuất; + Tham gia ý kiến vào dự thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, kế hoạch tổ chức thực hiện ĐUQT, TTQT do các Bộ, ban, ngành, cơ quan, tổ chức đề xuất; + Đánh giá tác động về an ninh, trật tự trong quá trình ký kết và 	

	<p>thực hiện ĐUQT, TTQT theo quy định;</p> <p>+ Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch tổ chức thực hiện ĐUQT, TTQT trong Công an nhân dân;</p> <p>+ Tổ chức thống kê, rà soát, hệ thống hóa, lưu trữ, sao lục, dịch, xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu và đăng tải ĐUQT, TTQT trong Công an nhân dân lên Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an;</p> <p>+ Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về ĐUQT, TTQT và pháp luật về ĐUQT, TTQT thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an;</p> <p>+ Sơ kết, tổng kết tình hình ký kết, thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an;</p> <p>+ Thực hiện hợp tác quốc tế về công tác ĐUQT, công tác TTQT trong Công an nhân dân.</p>	
<p>Thành lập đoàn đàm phán (khoản 7 Điều 8 Thông tư số 54/2021/TT-BCA; Thông tư số 76/2020/TT-BCA ngày 02/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về các hoạt động đối ngoại Công an nhân dân)</p>	<p>V03 phối hợp với V02 và Công an các đơn vị, địa phương có liên quan tiến hành tổ chức đàm phán dự thảo điều ước quốc tế và báo cáo Bộ trưởng về nội dung và kết quả đàm phán</p>	<p>Tổ chức đoàn đi công tác nước ngoài và đón, tiếp khách quốc tế; lễ tân đối ngoại phục vụ việc đàm phán</p>
<p>Về việc chuẩn bị ký ĐUQT (Luật Điều ước quốc tế năm 2016 (khoản 5 Điều 9 Thông tư số 54/2021/TT-BCA)</p>	<p>V03 phối hợp với V02, các đơn vị của Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan tiến hành các công việc</p>	<p>Phối hợp thực hiện với V03</p>
<p>Đối với công tác TTQT (khoản 4 Điều 16 Thông tư số 54/2021/TT-BCA)</p>	<p>V03 có nhiệm vụ thẩm định</p>	<p>- V02 được giao chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng các văn bản hợp tác quốc tế giữa Bộ Công an với các đối tác nước ngoài và các tổ chức quốc tế theo quy định pháp luật</p> <p>- V02 có nhiệm vụ kiểm tra</p>

<p>Đối với công tác ĐUQT, TTQT của Bộ Công an, (Điều 27, 28 Thông tư số 54/2021/TT-BCA).</p>	<p>V03 chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện ĐUQT trong Công an nhân dân. 2. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện ĐUQT trong Công an nhân dân. 3. Báo cáo Bộ trưởng ban hành theo thẩm quyền hoặc trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện ĐUQT. 4. Thực hiện biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương trong trường hợp bên ký kết nước ngoài vi phạm ĐUQT, TTQT. 5. Lưu trữ (bản cứng và bản ghi điện tử) ĐUQT, TTQT theo quy định pháp luật về lưu trữ. 6. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về ĐUQT, TTQT. 7. Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện ĐUQT trong Công an nhân dân. 8. Hợp tác quốc tế trong thực hiện ĐUQT. 9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao. 	<p>V02 chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện TTQT trong Công an nhân dân. 2. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện TTQT trong Công an nhân dân. 3. Tổ chức biên dịch ĐUQT, TTQT và các tài liệu có liên quan đến việc tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài và ngược lại. 4. Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện TTQT trong Công an nhân dân. 5. Hợp tác quốc tế trong thực hiện TTQT. 6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.
--	---	---

VII. Một số giải pháp để công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đạt hiệu quả

Để khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên trong công tác ký kết các ĐUQT, TTQT về phòng, chống tội phạm trong Công an nhân dân, Bộ Công an đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về ký kết ĐUQT, TTQT. Trước mắt sớm ban hành Luật về dẫn độ, Luật về tương trợ tư pháp hình sự và Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù để làm cơ sở pháp lý đàm phán các ĐUQT, TTQT với các nước (Phụ lục 9). Tăng cường nội luật hóa tối đa các quy định của ĐUQT, TTQT mà Việt Nam là thành viên. Ngoài ra, cần sớm ban hành các ĐUQT, TTQT khung trong các lĩnh vực khác

nhau để làm cơ sở ký kết với các đối tác nước ngoài như: dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, hợp tác phòng, chống tội phạm, bảo vệ tin mật... Đồng thời, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế để phù hợp với tình hình thực tiễn, phục vụ hiệu quả tốt hơn cho công tác ĐUQT, TTQT.

Hai là, hàng năm, chủ động xây dựng Kế hoạch ký kết và triển khai thực hiện có hiệu quả các ĐUQT, TTQT song phương và đa phương; tăng cường ký kết, phê chuẩn, phê duyệt các ĐUQT, TTQT với các nước, ưu tiên các nước láng giềng, các nước trong khu vực, các nước lớn, các nước có quan hệ truyền thống và đặc biệt các nước có nhiều công dân Việt Nam đang sinh sống, lao động và học tập trong các lĩnh vực có giá trị thực chất (dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, tương trợ tư pháp về hình sự, phối hợp điều tra, thu hồi tài sản...). Tích cực tham gia các cuộc họp quốc tế xây dựng các ĐUQT, TTQT đa phương, các diễn đàn, cơ chế, thiết chế quốc tế, khu vực để chuyển đến cơ quan của Liên hợp quốc, ASEAN và các quốc gia hợp tác với Việt Nam như Hiệp định ASEAN về dẫn độ. Cùng với đó, tiến hành rà soát các ĐUQT, TTQT không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành hoặc không có hiệu quả thực tế để đề xuất đối tác nước ngoài chấm dứt hoặc sửa đổi, ký lại ĐUQT, TTQT đó Tính đến thời điểm năm 2007 (trước khi có Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 được ban hành), Việt Nam đã ký 13 Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý với 13 quốc gia. Phần lớn các Hiệp định này quy định xen kẽ, lồng ghép cả tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự và tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Xét về mặt nội dung, nhiều Hiệp định đã ký trước đây quy định cụ thể cả những quy phạm xung đột thống nhất để giải quyết xung đột pháp luật và xung đột thẩm quyền. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007, hoạt động tương trợ tư pháp gồm có 4 lĩnh vực độc lập là dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù, nên xu hướng chung hiện nay của Việt Nam và các nước là ký kết các Hiệp định theo từng lĩnh vực chuyên ngành (Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự, Hiệp định về dẫn độ, Hiệp định về chuyển giao người bị kết án), nội dung Hiệp định chỉ điều chỉnh các vấn đề mang tính nguyên tắc, thủ tục tương trợ tư pháp và dẫn chiếu đến luật tố tụng và nội dung của quốc gia ký kết. Bên cạnh đó, đa phần các Hiệp định TTTP với các nước trước đây thuộc hệ thống XHCN được Nhà nước Việt Nam ký vào những năm 80, khi thể chế về TTTP của nước ta còn rất sơ sài. Sau khi Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 được ban hành, một số quy định trong các Hiệp định đã được ký kết không còn phù hợp với quy định mới. Điều này cũng xảy ra với các ĐUQT, TTQT hợp tác phòng, chống tội phạm mà Việt Nam ký kết với các nước Trung Quốc, Căm-pu-chia, Lào, Bê-la-rút...

Ba là, tiến hành rà soát, thông kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về ĐUQT, TTQT để dùng chung cho toàn lực lượng Công an nhân dân. Điều này rất quan trọng trong việc đối chiếu và áp dụng trong thực tiễn, đặc biệt đối với Công an địa phương.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung và cán bộ chuyên trách đối ngoại, nghiên cứu, đàm phán ĐUQT, TTQT có ý nghĩa rất quan trọng, do đó, cần tiếp tục mở rộng quy mô và chất lượng đào tạo cán bộ về công tác nghiệp vụ và pháp luật, tập trung đổi mới các hình thức đào tạo, bồi dưỡng nhất là đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng đối ngoại và hợp tác quốc tế, kỹ năng đàm phán, thương thảo, kỹ năng biên, phiên dịch... Đặc biệt, trong các đoàn đàm phán ĐUQT song phương, đề nghị lãnh đạo Bộ quan tâm, tạo điều kiện cho các đồng chí cán bộ trẻ, mới được tiếp cận với công tác ĐUQT, TTQT được tham gia 01 - 02 đoàn để học tập, tích lũy kinh nghiệm nhằm phục vụ cho công tác chuyên môn tốt hơn.

Năm là, tích cực tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về những nỗ lực, thành tựu của Việt Nam trong triển khai các ĐUQT, TTQT mà Việt Nam là thành viên, góp phần hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

Sáu là, tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành trong công tác ĐUQT nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, bảo đảm tính thống nhất và hiệu quả.

Bảy là, mặc dù theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Luật Điều ước quốc tế năm 2016 đã quy định về trình tự, thủ tục rút gọn về đàm phán, ký ĐUQT, tuy nhiên, để phục vụ các chuyên thăm của đoàn cấp cao, thời gian để hoàn thành các thủ tục đề xuất đàm phán, ký ĐUQT thường rất gấp, trong khi đó, phải đàm phán, thống nhất được với đối tác nước ngoài về nội dung của ĐUQT nên cũng đã gây khó khăn cho cơ quan chủ trì đề xuất. Vì vậy, đề cơ quan chủ trì chủ động hơn khi đề xuất đàm phán, ký ĐUQT, đề nghị V02 trao đổi, chia sẻ sớm thông tin các chuyên thăm của đoàn cấp cao; đồng thời, đề nghị quan tâm phối hợp với cơ quan chủ trì đề xuất trong quá trình thực hiện trình tự, thủ tục đề xuất đàm phán, ký ĐUQT, TTQT.

Tám là, trong thời gian tới, đề nghị V02 phối hợp với V03 nghiên cứu, tham mưu báo cáo lãnh đạo các cấp về các nội dung cụ thể liên quan đến đón các đoàn đàm phán ở Việt Nam và tổ chức các đoàn đàm phán đi nước ngoài để thực hiện. Trong đó có các nội dung cụ thể về việc ra quyết định, xác định rõ các tiêu chuẩn dành cho các đoàn đàm phán cấp Nhà nước và cấp Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và hợp tác quốc tế về pháp luật trong Công an nhân dân của V03, xin kính trình đồng chí Thứ trưởng biết và cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c PCT Vũ Ngọc Hùng (để biết);
- Lưu: VT, P5.

CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Thiếu tướng Phạm Công Nguyên

CƠ CHẾ PHỐI HỢP TRONG ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM QUA KÊNH INTERPOL VÀ ASEANAPOL

*Thiếu tướng Lê Văn Tân
Phó Chánh Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an
Phó Chánh Văn phòng INTERPOL Việt Nam*

1. Tình hình thế giới và khu vực có liên quan đến hợp tác qua kênh INTERPOL và ASEANAPOL

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến, phức tạp; các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm xuất hiện nhiều hơn, các quốc gia trên thế giới cũng đang phải đối mặt với những thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng, trong đó nổi lên là thách thức, nguy cơ về tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia. Báo cáo xu hướng tội phạm toàn cầu của INTERPOL vào năm 2023 đã phân tích, đánh giá chỉ ra 5 lĩnh vực tội phạm đứng đầu các mối đe dọa trong bức tranh tội phạm toàn cầu hiện nay, bao gồm: Tội phạm có tổ chức, mua bán bất hợp pháp (nổi bật gồm mua bán ma túy, mua bán người và đưa người di cư trái phép), tội phạm tài chính (đáng chú ý là rửa tiền, gian lận tài chính và tham nhũng), tội phạm mạng (đặc biệt dùng phần mềm tống tiền, lừa đảo câu nhử, lừa đảo trực tuyến) và khủng bố. Các loại tội phạm này triệt để lợi dụng kẽ hở trong pháp luật của các quốc gia, sự phát triển của khoa học, công nghệ để mở rộng địa bàn hoạt động phạm tội, gây hậu quả nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức, ảnh hưởng trực tiếp an ninh, trật tự tại mỗi quốc gia, khu vực và thế giới.

Để công tác phòng chống các loại tội phạm xuyên quốc gia có hiệu quả, đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ, thực chất hơn nữa của lực lượng Cảnh sát các quốc gia trên thế giới. Hiện nay, công tác phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia được thực hiện qua nhiều kênh khác nhau nhưng theo đánh giá của các cơ quan thực thi pháp luật trên thế giới, kênh hợp tác của Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL) và Hiệp hội Cảnh sát các nước Đông Nam Á (ASEANAPOL) vẫn được coi là chính thông và hiệu quả.

INTERPOL ra đời năm 1923, hiện có trụ sở chính tại Lyon, Pháp và Tổ hợp toàn cầu (IGCI) tại Singapore. INTERPOL là một tổ chức liên chính phủ cấp toàn cầu, hoạt động trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền mỗi quốc gia, không can thiệp vào các hoạt động mang tính chính trị, sắc tộc, tôn giáo và quân sự. Với chiến lược và tầm nhìn toàn cầu: “*Kết nối Cảnh sát các quốc gia vì một thế giới hòa bình hơn*”, INTERPOL xác định rõ 03 lĩnh vực tội phạm được ưu

tiên trong những năm tới đây gồm: (1) khủng bố; (2) tội phạm sử dụng công nghệ cao và (3) các loại tội phạm đang nổi lên (như tội phạm có tổ chức, mua bán người, buôn lậu ma túy, tội phạm về môi trường...). Trong những năm qua, INTERPOL đã tổ chức triển khai nhiều hoạt động liên quan đến phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm như xây dựng hệ thống thông tin liên lạc Cảnh sát toàn cầu (Hệ thống I-24/7); xây dựng và quản lý 19 loại Cơ sở dữ liệu; thành lập Trung tâm chỉ huy và điều phối (CCC) làm việc 24/7 có nhiệm vụ liên lạc với lực lượng Cảnh sát các quốc gia tìm kiếm thông tin khẩn cấp hoặc cảnh báo tội phạm; thường xuyên đưa ra các cảnh báo về các phương thức, thủ đoạn hoạt động mới của tội phạm, những xu hướng phạm tội mới trên thế giới và ở khu vực... Qua đó giúp các quốc gia thành viên dự báo tình hình tội phạm, hoạch định các chiến lược đấu tranh, phòng ngừa với tội phạm hiệu quả hơn. Ngoài ra, INTERPOL cũng đưa ra nhiều sáng kiến và triển khai nhiều chương trình hỗ trợ đào tạo, phát triển năng lực cho lực lượng Cảnh sát các quốc gia thành viên⁵. Trải qua hơn 100 năm hình thành và phát triển (1923 - 2024), đến nay, INTERPOL có 196 quốc gia thành viên và đã trở thành tổ chức quốc tế về thực thi pháp luật lớn nhất thế giới, ngày càng khẳng định vai trò rất quan trọng trong việc điều phối và phối hợp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm trên phạm vi toàn cầu.

ASEANAPOL ra đời vào năm 1979. Ban Thư ký ASEANAPOL hiện đặt tại Kuala Lumpur, Malaysia. Mục đích chính của ASEANAPOL là kết nối lực lượng Cảnh sát trong khu vực ASEAN để hợp tác phòng, chống 10 loại tội phạm ưu tiên trong khu vực, bao gồm: ⁽¹⁾ Mua, bán trái phép chất ma túy; ⁽²⁾ khủng bố; ⁽³⁾ buôn lậu vũ khí; ⁽⁴⁾ mua bán người; ⁽⁵⁾ tội phạm thương mại, ngân hàng và lừa đảo; ⁽⁶⁾ tội phạm sử dụng công nghệ cao; ⁽⁷⁾ tội phạm làm và sử dụng giấy thông hành giả; ⁽⁸⁾ lừa đảo xuyên quốc gia; ⁽⁹⁾ mua bán động thực vật hoang dã trái phép và ⁽¹⁰⁾ tội phạm trong lĩnh vực hàng hải. Với sự hoạt động tích cực, ASEANAPOL hiện là tổ chức hợp tác Cảnh sát liên chính phủ cấp khu vực có mạng lưới hợp tác rộng khắp thế giới với các đối tác đối thoại và quan sát viên là các quốc gia lớn, tổ chức uy tín trên toàn cầu⁶. Hiện nay, ASEANAPOL đã ký Thỏa thuận hợp tác với INTERPOL, xác định INTERPOL là một trong những đối tác chính. Với sự hỗ trợ của INTERPOL, ASEANAPOL đã hoàn thiện các module kỹ thuật (e-ADS 2.0) hỗ trợ trao đổi thông tin, dữ liệu tội phạm, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu làm nền tảng để dùng chung, phục vụ cho công tác

⁵ Ví dụ như Mạng lưới Học viện toàn cầu của INTERPOL, các khóa học trên hệ thống I-Learning của INTERPOL;...

⁶ Đến tháng 03/2024, ASEANAPOL có 11 Đối tác đối thoại (Australia, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Ban Thư ký ASEAN, EUROPOL, INTERPOL, Vương quốc Anh) và 12 quan sát viên (Fiji, Timor Leste, Hiệp hội Tư lệnh Cảnh sát quốc tế (IACP), Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (ICRC), Cục Điều tra liên bang Hoa Kỳ, Hiệp hội Cảnh sát các quốc gia vùng Vịnh (GCCPOL), Cảnh sát kỵ binh Hoàng gia Canada, Bộ Nội vụ Pháp, Cảnh sát Liên bang Ác-hen-ti-na, Cảnh sát Băng-la-đét, Bộ Nội vụ Ý và Bộ Nội vụ UAE).

phòng, chống tội phạm của lực lượng Cảnh sát các nước thành viên ASEANAPOL.

2. Kết quả hợp tác của Việt Nam qua kênh INTERPOL và ASEANAPOL

Xuất phát từ yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam cũng như nhằm nâng cao vị thế về chính trị của đất nước trong cộng đồng các tổ chức thực thi pháp luật trên thế giới và được sự cho phép của Thủ tướng Chính phủ, Lực lượng Cảnh sát Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức INTERPOL vào năm 1991 (*là thành viên thứ 156*), thành viên ASEANAPOL vào năm 1996 (*thành viên thứ 7*). Việc tham gia INTERPOL, ASEANAPOL không chỉ giúp Lực lượng Cảnh sát Việt Nam nâng cao được các tiêu chuẩn, khả năng ứng phó với các loại tội phạm xuyên quốc gia, tăng cường mối quan hệ với lực lượng thực thi pháp luật trên thế giới (*kể cả các nước chưa có quan hệ ngoại giao*) mà còn giải quyết được nhiều yêu cầu về điều tra, xử lý tội phạm, xác minh truy tìm, truy bắt các đối tượng truy nã trong các vụ án, vụ việc có yếu tố nước ngoài.

Trong những năm qua, với vai trò là Cơ quan đầu mối, Văn phòng INTERPOL Việt Nam (hiện đặt tại Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an) đã tham mưu cho lãnh đạo Bộ Công an thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của một quốc gia thành viên; triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, góp phần vào công cuộc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội của đất nước; gìn giữ hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới:

- Cơ chế phối hợp trong phòng, chống tội phạm qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL ngày càng được quan tâm bảo đảm và triển khai toàn diện trên các lĩnh vực hợp tác. Theo đề xuất của Văn phòng INTERPOL Việt Nam, vào ngày 14/6/2023, đồng chí Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Thông tư số 19/2023/TT-BCA quy định cơ chế phối hợp thực hiện hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL trong CAND, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để thực hiện công tác trao đổi thông tin, phối hợp điều tra, xác minh các vụ việc, vụ án có tổ chức, xuyên quốc gia, truy bắt đối tượng truy nã qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL giữa các đơn vị trong Công an nhân dân. Đồng thời, Văn phòng INTERPOL Việt Nam cũng đã tham mưu cho lãnh đạo Bộ Công an ban hành Kế hoạch số 155/KH-BCA-C01 ngày 25/3/2024 của Bộ Công an về triển khai kết quả Kỳ họp Đại hội đồng INTERPOL lần thứ 91 để xác định các nhiệm vụ trọng tâm liên quan đến hợp tác phòng, chống tội phạm qua kênh INTERPOL, tổ chức phân công thực hiện cho Công an các đơn vị trong Bộ Công an.

- **Hoạt động trao đổi, phối hợp điều tra, xác minh các vụ án, vụ việc liên quan đến tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm có yếu tố nước ngoài qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL ngày càng có hiệu quả.** Theo thống kê, trung bình hàng năm, Văn phòng INTERPOL Việt Nam tiếp nhận và xử lý khoảng **3.000** lượt thông tin tội phạm từ INTERPOL, ASEANAPOL, Cảnh sát các nước thành viên và Công an các đơn vị, địa phương trong nước. Chỉ tính riêng năm 2023, Văn phòng INTERPOL Việt Nam đã: (1) Phối hợp với Cảnh sát nước ngoài xác minh, thực hiện **175** yêu cầu phục vụ công tác điều tra các vụ án, giải quyết nguồn tin tội phạm của Cơ quan điều tra các cấp, tạo điều kiện cho việc kết luận, xử lý vụ án, vụ việc một cách chính xác, khách quan và đúng quy định pháp luật; (2) Tiếp nhận, xác minh, thực hiện **465** yêu cầu của Cảnh sát nước ngoài liên quan đến các tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài hoặc tại Việt Nam. Qua việc thực hiện các yêu cầu của Cảnh sát nước ngoài, Văn phòng INTERPOL đã phát hiện và chuyển nhiều vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật Việt Nam cho Cơ quan điều tra các cấp để điều tra, mở rộng theo thẩm quyền.

Đồng thời, hoạt động trao đổi thông tin qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL đã và đang hỗ trợ rất hiệu quả cho việc thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam, dẫn độ tội phạm, đặc biệt là việc thu hồi tài sản ở nước ngoài. Điển hình, trong năm 2021, Cảnh sát Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ với Cảnh sát Singapore thu hồi tổng số tiền 2.652.164,35 USD và 126.749,80 SGD từ tài khoản của Phan Sào Nam và vợ là Nguyễn Thị Tâm Chuyên tại Ngân hàng DBS, Singapore. Hay như trong vụ việc hack tài khoản email của Công ty Cổ phần kỹ thuật thiết bị Âu Việt (*tại TP. Hồ Chí Minh*) để lừa Công ty chuyển khoản số tiền 12.363 EUR thanh toán mua máy móc thiết bị sang 01 tài khoản nhận tiền lừa đảo tại OTP Bank Nyrt, Hungary, Cảnh sát Việt Nam đã phối hợp với Cảnh sát Hungary phát hiện, điều tra, xác minh giúp Công ty Âu Việt nhận lại được số tiền 12.363 EUR bị lừa đảo.

Bên cạnh đó, thông qua hoạt động trao đổi, phối hợp điều tra, xác minh các vụ án, vụ việc, Văn phòng INTERPOL Việt Nam luôn chủ động nắm thông tin về tình hình người Việt Nam vi phạm pháp luật ở nước ngoài, tình hình người nước ngoài phạm tội tại Việt Nam để tham mưu lãnh đạo Bộ Công an xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 330/KH-C01-P6 ngày 24/6/2022 của Bộ Công an về: *“Nâng cao hiệu quả công tác nắm tình hình và trao đổi thông tin về người Việt Nam vi phạm pháp luật tại nước ngoài”* và Điện mật số 144/HT ngày 24/6/2020 về người nước ngoài phạm tội tại Việt Nam.

- Việc khai thác, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu, các công cụ của INTERPOL, ASEANAPOL ngày càng được thực hiện thường xuyên để phục vụ công tác phòng, chống tội phạm trong nước. Hiện nay, INTERPOL đang có 19

loại cơ sở dữ liệu (CSDL) về tội phạm xuyên quốc gia như một công cụ hữu hiệu để chia sẻ thông tin đến lực lượng thực thi pháp luật nhằm phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm. Theo thống kê chỉ tính riêng trong năm 2023, thông qua việc kết nối và sử dụng các CSDL này, Việt Nam đã: (1) Thẩm định và đề nghị Ban Tổng thư ký INTERPOL ban hành **382** truy nã quốc tế (Thông báo đỏ) đối với các đối tượng truy nã của Việt Nam nghi lẫn trốn ra nước ngoài để đề nghị Cảnh sát các nước hỗ trợ xác minh, truy bắt; (2) Tổ chức xác minh và trao đổi với Cảnh sát các nước thông tin về **192** đối tượng truy nã của các nước nghi trốn vào Việt Nam. Qua đó, đã xác minh, truy bắt và dẫn giải thành công **12** đối tượng truy nã của Việt Nam trốn tại Myanmar (06 đối tượng), Indonesia, UAE, Tanzannia, Nga, Singapore, Thổ Nhĩ Kỳ về Việt Nam và bàn giao cho Công an các đơn vị, địa phương xử lý, trong đó có đối tượng truy nã đặc biệt quan trọng trong Vụ án “*vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng*” xảy ra tại Công ty Cổ phần tiến bộ quốc tế (AIC). Ở chiều ngược lại, Việt Nam đã xác minh, truy bắt và bàn giao cho Cảnh sát Hàn Quốc **05** đối tượng truy nã của Hàn Quốc lẫn trốn tại Việt Nam.

Trong những năm gần đây, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an thường xuyên khai thác hệ thống CSDL của INTERPOL cập nhật tình hình tội phạm trên thế giới thông qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL, báo cáo lãnh đạo Bộ Công an, cũng như chia sẻ thông tin cho các đơn vị nghiệp vụ trong Bộ Công an để thực hiện công tác phòng ngừa tội phạm⁷. Đồng thời, với sự hỗ trợ của INTERPOL, Việt Nam đã triển khai, lắp đặt kết nối, mở rộng quyền truy cập một số CSDL của INTERPOL⁸ đến 11 cửa khẩu quốc tế và 03 đơn vị nghiệp vụ⁹ để hỗ trợ các cơ quan chức năng chủ động phát hiện tội phạm cũng như hành vi vi phạm pháp luật. Hiện tại, Văn phòng INTERPOL đang nghiên cứu tiếp tục mở rộng hệ thống CSDL của INTERPOL đến công an các đơn vị, địa phương, trước mắt là kết nối CSDL về tư liệu xâm hại tình dục trẻ em (ICSE) với C02; Các CSDL về kỹ thuật hình sự như dấu vân tay, mã gen di truyền với C09.

- Cùng với những hoạt động tác chiến, đấu tranh chống tội phạm cụ thể, Văn phòng INTERPOL Việt Nam còn phối hợp INTERPOL, ASEANAPOL, Cảnh sát các nước, các đơn vị trong và ngoài ngành tổ chức triển khai nhiều

⁷ Từ năm 2018 tới nay, đã tổng hợp nhiều lượt báo cáo lãnh đạo Bộ Công an như: (1) Báo cáo một số thông tin về tình hình tội phạm trộm cắp tác phẩm nghệ thuật trên thế giới, (2) Báo cáo về tình hình buôn lậu Ngà voi và vảy tê tê từ Nigeria đến các nước Châu Á, (3) 02 báo cáo tình hình tội phạm liên quan đến dịch bệnh Covid-19 trên thế giới, (4) Báo cáo về tác động của dịch bệnh Covid-19 đến tình hình tội phạm đưa người di cư trái phép và mua bán người trên thế giới; (5) Báo cáo tình hình tội phạm trên thế giới và khuyến cáo của các tổ chức quốc tế trong đấu tranh, phòng chống tội phạm.

⁸ CSDL về thông tin tội phạm; CSDL về giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế bị mất, mất cắp, CSDL về phương tiện giao thông bị mất cắp

⁹ 05 Cảng hàng không quốc tế (Nội Bài, Đà Nẵng, Cam Ranh, Tân Sơn Nhất, Phú Quốc), 06 cửa khẩu quốc tế đường bộ (Móng Cái, Hữu Nghị, Lào Cai, Cầu Treo, Lao Bảo, Mộc Bài); 03 đơn vị nghiệp vụ (A02, A08, Cục Cửa khẩu Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng Bộ Quốc phòng)

Chiến dịch, dự án, chuyên án điều tra chung, hội nghị, khóa tập huấn về phòng, chống tội phạm do INTERPOL chủ trì, phát động tại Việt Nam; tham mưu việc cử cán bộ tham dự các hội nghị, hội thảo, khóa đào tạo trong khuôn khổ INTERPOL, ASEANAPOL. Theo thống kê chỉ tính riêng trong năm 2023, Văn phòng INTERPOL đã tham mưu đề xuất triển khai **06 chiến dịch**¹⁰ của INTERPOL về phòng, chống các loại tội phạm, **06 dự án**¹¹ nâng cao năng lực; tổ chức **03** hội nghị, hội thảo của INTERPOL tại Việt Nam; tham mưu cử **81** lượt cán bộ tham dự **49** hội thảo, hội nghị, tập huấn... do INTERPOL, ASEANAPOL tổ chức tại các nước. Việc tham gia các Chiến dịch, dự án, hội nghị, hội thảo đã giúp các cơ quan chức năng của Việt Nam có được nhiều thông tin chung và nắm bắt được tình hình tội phạm xuyên quốc gia liên quan đến Việt Nam, giúp lực lượng Cảnh sát Việt Nam nâng cao năng lực trong phòng, chống tội phạm, góp phần đấu tranh, phòng ngừa các loại tội phạm tại Việt Nam; thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với lực lượng thực thi pháp luật các nước thành viên INTERPOL.

3. Một số khó khăn vướng mắc trong phối hợp phòng, chống tội phạm qua kênh INTERPOL và ASEANAPOL

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác hợp tác phòng, chống tội phạm vẫn còn tồn tại một số hạn chế, gây ra những những khó khăn nhất định cho quan hệ phối hợp phòng, chống tội phạm qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL, cụ thể là:

- *Về cơ sở pháp lý*: Hiện tại, số lượng các Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế song phương, đa phương mà Việt Nam tham gia ký kết còn chưa nhiều nên trong một số vụ việc, phía nước ngoài lấy lý do thiếu căn cứ pháp lý để từ chối hỗ trợ Cơ quan chức năng của Việt Nam. Còn tại khu vực ASEAN, mặc dù ASEAN có hệ thống cơ sở pháp lý khá toàn diện¹² nhưng hiệu quả trên thực tế còn hạn chế. Đa phần các văn kiện cấp khu vực không mang tính ràng buộc về mặt pháp lý do nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Điều này làm suy giảm hiệu quả thực hiện các cam kết về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia trong khu vực ASEAN.

¹⁰ (1) Chiến dịch HAECCHI về chống tội phạm tài chính sử dụng công nghệ cao; (2) Chiến dịch STORM MAKER về phòng, chống mua bán người và đưa người di cư trái phép; (3) Chiến dịch THUNDER về phòng, chống mua bán trái phép động vật hoang dã và tội phạm lâm nghiệp; (4) Chiến dịch CHAIN về phòng, chống tội phạm mua bán người; (5) Chiến dịch TIGHTEN THE NET về truy bắt các đối tượng truy nã quốc tế; (6) Chiến dịch FIRST LIGHT về phòng, chống các loại tội phạm lừa đảo viễn thông.

¹¹ (1) Dự án SEAF về nâng cao năng lực truy bắt các đối tượng truy nã quốc tế; (2) Dự án GEIGER về chống khủng bố sử dụng vật liệu phóng xạ, hạt nhân; (3) Dự án LEAF về nâng cao năng lực phòng chống tội phạm lâm nghiệp; (4) Dự án TOROID về nâng cao năng lực phòng chống tội phạm tài chính sử dụng công nghệ cao; (5) Dự án ISOP về chống vi phạm bản quyền trên không gian mạng; (6) Dự án WATCHMAKER về phòng, chống tội phạm khủng bố sử dụng các chất hóa học và vật liệu nổ, thiết bị nổ tự chế.

¹² ASEAN đã có Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các quốc gia ASEAN năm 2004, Công ước ASEAN về chống khủng bố năm 2007, Công ước ASEAN về chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2017

Trong khi đó, các quy định của pháp luật trong nước về hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm vẫn còn một số nội dung chưa được quy định, gây khó khăn khi thực hiện. Điển hình là: Vướng mắc của Bộ luật TTHS 2015 trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với các đối tượng nước ngoài có lệnh truy nã và truy nã quốc tế của INTERPOL. Hay như Điểm e khoản 1 Điều 87 Bộ luật TTHS có quy định về nguồn chứng cứ “*Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác*”, (bao gồm cả kết quả từ hoạt động hợp tác, trao đổi thông tin tội phạm qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL). Trong khi đó, điểm a khoản 1 Điều 148 Bộ luật TTHS chỉ quy định căn cứ để tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố là “*Đã yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp nhưng chưa có kết quả*”, không tương thích với điểm e khoản 1 Điều 87 về nguồn chứng cứ.

- *Về cơ chế phối hợp.* Hoạt động hợp tác trao đổi thông tin tội phạm, phối hợp điều tra, xác minh, truy bắt đối tượng truy nã qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL giữa Việt Nam với các nước trong nhiều trường hợp còn chưa bảo đảm tiến độ, ảnh hưởng đến quá trình điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc trong nước. Vướng mắc này chủ yếu là do sự khác biệt về pháp luật, mô hình tổ chức Văn phòng INTERPOL mỗi quốc gia cũng như xuất phát từ thiện chí hợp tác của các nước.

Trong quan hệ phối hợp giữa Công an các đơn vị địa phương với Văn phòng INTERPOL Việt Nam, mặc dù Thông tư số 19/2023/TT-BCA ngày 14/6/2023 của Bộ Công an quy định cơ chế phối hợp thực hiện hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL đã được ban hành và thông báo triển khai đến Công an các đơn vị, địa phương nhưng trong quá trình thực hiện vẫn còn tình trạng một số đơn vị chưa thực hiện một cách đầy đủ các quy định của Thông tư, đặc biệt hồ sơ đề nghị Văn phòng INTERPOL Việt Nam hỗ trợ xác minh các vụ việc, vụ án có yếu tố nước ngoài, hồ sơ đề nghị truy nã quốc tế còn thiếu thông tin, tài liệu dẫn đến phải hướng dẫn nhiều lần, gây chậm chễ cho quá trình tổ chức xác minh ở nước ngoài. Bên cạnh đó, còn có tình trạng một số đơn vị chưa thực hiện nghiêm việc thông báo cho Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra để thống nhất báo cáo lãnh đạo Bộ Công an xin ý kiến chỉ đạo đối với các trường hợp đối tượng truy nã của nước ngoài lẩn trốn tại Việt Nam trước khi thực hiện; chưa định kỳ cập nhật tình hình về các đối tượng đã đề nghị truy nã quốc tế.

- *Về Công tác nắm tình hình tội phạm:* Hiện nay việc nắm tình hình tội phạm xuyên quốc gia trên thế giới và khu vực liên quan đến Việt Nam, nhất là những phương thức thủ đoạn phạm tội mới còn hạn chế dẫn đến chưa kịp thời tham mưu cho lãnh đạo Bộ Công an những giải pháp phòng ngừa, đấu tranh, xử

lý có hiệu quả tội phạm. Điều này là do công an các đơn vị, trong đó có cả Văn phòng INTERPOL Việt Nam vẫn chưa tận dụng triệt để các hoạt động chung của INTERPOL để thu thập, phân tích, đánh giá và dự báo tình hình tội phạm phục vụ công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm tại Việt Nam. Ngoài ra, việc kết nối, sử dụng các CSDL của INTERPOL tại các đơn vị chức năng mới chỉ mang tính hình thức, chưa coi đây là nguồn thông tin nghiệp vụ quan trọng, chưa khai thác sử dụng triệt để hệ thống CSDL của INTERPOL vào công tác phòng, chống tội phạm ở Việt Nam.

- *Về đội ngũ cán bộ*: Do giới hạn về biên chế và kinh phí nên hiện Việt Nam mới chỉ có 02 cán bộ làm việc biệt phái tại INTERPOL, ASEANAPOL nên chưa chủ động định hướng và đề xuất được các hoạt động của INTERPOL, ASEANAPOL phục vụ các yêu cầu và lợi ích của Việt Nam. Trong khi đó, đội ngũ cán bộ tại Văn phòng INTERPOL Việt Nam bị thay đổi qua nhiều giai đoạn, không có tính ổn định, phần lớn chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ, chưa qua thực tiễn công tác điều tra dẫn đến việc phân tích thông tin tội phạm, dự báo tình hình tội phạm, xử lý các yêu cầu ủy thác điều tra còn thụ động, chưa mang lại hiệu quả cao. Đồng thời đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, phối hợp trong hợp tác đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia tại Công an các đơn vị, địa phương còn thiếu về số lượng, chưa bảo đảm về chất lượng, nhất là trình độ pháp luật quốc tế, trình độ ngoại ngữ cũng gây ra không ít khó khăn trong quá trình phối hợp điều tra chung các vụ án với các nước qua kênh hợp tác INTERPOL, ASEANAPOL.

4. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp phòng, chống tội phạm qua kênh INTERPOL và ASEANAPOL

Trong thời gian tới, hòa bình, hợp tác vẫn là xu thế chủ đạo, tuy nhiên, cùng với quá trình toàn cầu hóa, tình hình tội phạm xuyên quốc gia sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp và ngày càng gia tăng, đặc biệt là tội phạm sử dụng công nghệ cao, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mua bán trái phép động vật hoang dã, mua bán người, đưa người di cư trái phép, tội phạm có tổ chức,... Do vậy, để nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp phòng, chống tội phạm qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL, Văn phòng INTERPOL Việt Nam cần tham mưu lãnh đạo các cấp triển khai các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

Một là, Tham mưu hoàn thiện các quy định pháp lý liên quan đến hợp tác INTERPOL, ASEANAPOL để nâng cao tính pháp lý và hiệu quả hoạt động này trong công tác phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia. Trước mắt, tiếp tục rà soát, tập hợp những khó khăn, vướng mắc về pháp lý đối với hoạt động hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm trong khuôn khổ INTERPOL, ASEANAPOL để tham mưu, đề xuất ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định về

hợp tác quốc tế trong Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật tương trợ tư pháp; Tăng cường đề xuất các cơ quan có thẩm quyền đàm phán ký kết, tham gia các điều ước quốc tế đa phương, song phương về phòng chống các loại tội phạm xuyên quốc gia, tương trợ tư pháp, dẫn độ... nhất là với các nước có đông người Việt Nam sinh sống, các nước mà tình hình tội phạm liên quan đến Việt Nam có nhiều vấn đề phức tạp.

Hai là, Chủ động phối hợp với Ban Tổng Thư ký INTERPOL, Ban Thư ký ASEANAPOL, các đơn vị nghiệp vụ và các quốc gia thành viên tham gia vào quá trình hoạch định chương trình, kế hoạch hành động của INTERPOL, ASEANAPOL về hợp tác phòng, chống tội phạm; Tăng cường công tác phối hợp, trao đổi, chia sẻ thông tin về tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm có yếu tố nước ngoài giữa các đơn vị của Bộ Công an với các bộ ngành liên quan và với cơ quan thực thi pháp luật của nước ngoài qua các kênh hợp tác khác nhau nhất là kênh INTERPOL, ASEANAPOL, kết hợp với kênh tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ theo quy định pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Công ước UNTOC và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em. Qua đó chủ động nắm, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, dự báo tình hình hoạt động của các loại tội phạm xuyên quốc gia trên thế giới và liên quan đến Việt Nam, kịp thời tham mưu đề xuất với lãnh đạo Bộ Công an, Thủ trưởng Cơ quan CSĐT ban hành các chương trình, kế hoạch, chỉ đạo phòng ngừa, điều tra, xử lý các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Ba là, Công an các đơn vị địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc Thông tư số 19/2023/TT-BCA ngày 14/6/2023 của Bộ Công an quy định cơ chế phối hợp thực hiện hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL trong CAND khi trao đổi thông tin, phối hợp điều tra, xác minh các vụ việc, vụ án có tổ chức, xuyên quốc gia; phối hợp truy bắt các đối tượng truy nã quốc tế qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL; Kế hoạch số 155/KH-BCA-C01 ngày 25/3/2024 của Bộ Công an về triển khai kết quả Kỳ họp Đại hội đồng INTERPOL lần thứ 91.

Bốn là, Tăng cường việc kết nối, chia sẻ CSDL về tội phạm của INTERPOL, ASEANAPOL với các đơn vị nghiệp vụ, Công an một số địa phương và các cửa khẩu quốc tế có liên quan để phục vụ việc tra cứu, rà soát nhằm chủ động phát hiện, đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia liên quan đến Việt Nam; sử dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong công tác thu thập thông tin, nắm tình hình, thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu, phân tích số liệu đảm bảo nhanh chóng, chính xác, hiệu quả.

Năm là, đề xuất kế hoạch nâng cao năng lực, trình độ pháp luật, nghiệp vụ, ngoại ngữ, đối ngoại cho đội ngũ cán bộ làm công tác hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia của Văn phòng INTERPOL Việt Nam cũng như của Công an các đơn vị, địa phương. Xây dựng kế hoạch tuyển chọn, đào tạo cán bộ để cử đi công tác biệt phái tại INTERPOL, ASEANAPOL, đặc biệt là cử lãnh đạo các cấp tham gia ứng cử các vị trí trong Ban lãnh đạo của INTERPOL, vị trí Giám đốc điều hành Ban Thư ký ASEANAPOL khi đến nhiệm kỳ của Việt Nam nhằm nâng cao vị thế, vai trò của Cảnh sát Việt Nam trong hoạt động của các tổ chức này, từ đó có định hướng các hoạt động chung gắn với lợi ích của Việt Nam. Tận dụng các nguồn hỗ trợ hợp pháp của INTERPOL, ASEANAPOL và các quốc gia thành viên, đặc biệt là các đối tác chiến lược trong công tác đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ Việt Nam thông qua việc tài trợ cho cán bộ chiến sĩ tham dự các hội nghị, hội thảo, khóa tập huấn ở nước ngoài nhằm nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. /.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hợp tác quốc tế đấu tranh phòng, chống tội phạm của lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam, PGS, TS Nguyễn Ngọc Anh (Chủ biên), TS Bùi Anh Dũng, Nhà Xuất bản Tư pháp, Hà Nội, năm 2007;
2. Tuyển tập các văn kiện pháp lý quốc tế có liên quan đến phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, GS. TS. Nguyễn Ngọc Anh (chủ biên), Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội, năm 2014;
3. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia của INTERPOL và một số kiến nghị, đề xuất đối với Việt Nam hiện nay, Thiếu tướng Đỗ Văn Hoàn, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Chánh Văn phòng INTERPOL Việt Nam, Tạp chí Công an nhân dân năm 2021
4. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
5. Thông tư số 19/2023/TT-BCA ngày 14/6/2023 của Bộ Công an quy định cơ chế phối hợp thực hiện hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL trong CAND;
6. <https://www.interpol.int/>;
7. <https://www.aseanapol.org/>;
8. INTERPOL những điều cần biết, Cục Đối ngoại – Bộ Công an, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

THỨC ĐẦY HỢP TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM CÓ TỔ CHỨC, XUYỀN QUỐC GIA GIỮA CÔNG AN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ VỚI CÔNG AN CÁC TỈNH GIÁP BIÊN CỬA LÀO

Phòng PC02

Công an tỉnh Thừa Thiên Huế

Thừa Thiên Huế là tỉnh duyên hải Bắc Trung Bộ, nằm trên các trục giao thông quốc gia như đường sắt, đường bộ Bắc – Nam, tuyến cao tốc phía Đông và tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, có cảng hàng không quốc tế Phú Bài, cửa khẩu quốc gia A Đớt, Hồng Vân, hải cảng Thuận An, đặc biệt, có cảng nước sâu Chân Mây là “cửa ngõ” ra biển ngắn nhất và thuận lợi nhất của các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Kông. Về đường biên giới trên bộ, tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp giáp với nước CHDCND Lào với tổng chiều dài 87 km. Khu vực biên giới thuộc huyện A Lưới tiếp giáp với 2 tỉnh Salavan và Sê kông của nước CHDCND Lào. Trên tuyến biên giới có 12 xã với 73 thôn, bản với thành phần dân cư chủ yếu gồm các dân tộc Pahy, Tà ôi, Ca tu, Pa cô và Kinh. Về qua lại có 2 cửa khẩu chính là Hồng Vân-Kô Tài và A Đớt-Tà Vàng. Về giao thông, tuy đã có sự quan tâm đầu tư nhưng về hạ tầng giao thông còn yếu kém, đi lại vẫn còn khó khăn, lưu lượng người qua lại hàng ngày rất ít, chủ yếu thăm thân; Ngoài ra, có 12 đường tiểu ngạch là những đường mòn, lối mở rất hiểm trở, chỉ có dân địa phương qua lại thăm thân, đánh cá, tìm mật ong. Về tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật xuyên biên giới những năm gần đây chủ yếu là các trường hợp vượt biên trái phép; mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy; khai thác, mua bán vận chuyển tài nguyên, khoáng sản; mua bán, vận chuyển trái phép vũ khí, vật liệu nổ qua biên giới, chủ yếu là mua bán súng tự chế của người dân sinh sống dọc biên giới. Tội phạm có tổ chức, xuyên biên giới, xuyên quốc gia chưa phát hiện; một số nhóm bị phát hiện, đấu tranh triệt xóa đều là nhóm đơn giản.

Từ sau dịch bệnh covid 19 đến nay, thực hiện Biên bản Hội nghị hợp tác phòng, chống tội phạm lần thứ XI giữa lực lượng Cảnh sát, Bộ Công an Việt Nam và lực lượng Cảnh sát Bộ Công an CHDCND Lào, trên cơ sở các nội dung ghi nhớ về hợp tác bảo vệ ANTT, Công an Thừa Thiên Huế đã chủ động triển khai bằng việc ký kết hợp tác song phương với Sở An ninh 04 tỉnh gồm SaLaVan, SêKong, ChămPaSắc, SaVanNaKhet nước CHDCND Lào. Sau ký kết Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành kế hoạch, phân công, chỉ đạo công an các đơn vị địa phương thực hiện. Công an Thừa Thiên Huế đã tham mưu Ủy ban

nhân dân tỉnh chỉ đạo các ban ngành chức năng liên quan triển khai chặt chẽ các nhiệm vụ phối hợp bảo vệ an ninh trật tự, phòng chống tội phạm khu vực biên giới và khu vực hành lang kinh tế Đông - Tây, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương và hai nước. Đồng thời, Công an tỉnh đã phối hợp Bộ Đội biên phòng tổ chức chốt chặn và tham gia tuần tra trên các đường tiểu ngạch qua biên giới Việt - Lào, vừa làm công tác tuyên truyền, vừa triển khai công tác phòng chống tội phạm, trong đó đặc biệt quan tâm đến tội phạm có tổ chức xuyên biên giới, xuyên quốc gia.

Lực lượng Cảnh sát hai nước đã tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp bắt giữ đối tượng truy nã, tổ chức tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, điều tra, hỗ trợ điều tra, xử lý các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, tội phạm mua bán người, tội phạm buôn lậu, tội phạm ma túy, không để ma túy thâm lậu qua tuyến biên giới Việt - Lào. Công an địa phương khu vực biên giới tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp ngăn chặn, xử lý các trường hợp vượt biên trái phép; siết chặt, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tấn công, kiềm chế các hành vi vi phạm về mua bán, vận chuyển trái phép vũ khí, vật liệu nổ qua biên giới, nhất là phối hợp xử lý, ngăn chặn tình trạng trao đổi, mua bán súng tự chế của người dân sinh sống dọc biên giới.

Về các hoạt động cụ thể, nổi bật ở một số điểm đáng chú ý sau:

- Thường xuyên trao đổi thông tin tội phạm giữa lực lượng Công an Thừa Thiên Huế và lực lượng Công an 4 tỉnh của Lào để kịp thời nắm tình hình có biện pháp phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả. Hình thức tổ chức luân phiên chủ trì giao ban Công an 06 huyện giáp biên Việt Nam - Lào và tổ chức giao ban với Công an huyện Ka Lùm, tỉnh Sê Kong với Công an huyện A Lưới; duy trì giao ban giữa các Đội, Công an các xã với các đơn vị vũ trang bạn ở khu vực biên giới. Tổ chức thiết lập đường dây nóng ở 03 cấp Công an với các tỉnh giáp biên của Lào, phục vụ trao đổi thông tin về phòng, chống tội phạm.

- Duy trì phối hợp lực lượng tổ chức tuần tra, kiểm soát biên giới hai nước. Lực lượng Công an các xã, bản giáp biên hai nước đã thường xuyên phối hợp tuần tra đảm bảo an ninh trật tự trên tuyến biên giới; tổ chức phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, tuyên truyền phòng chống tác hại của ma túy, tuyên truyền phổ biến luật xuất nhập cảnh, phòng chống buôn lậu, vận chuyển hàng cấm, hướng dẫn, giúp đỡ Nhân dân trên tuyến biên giới làm ăn sản xuất, cải thiện đời sống vật chất, qua đó góp phần giữ vững tình hình an ninh trật tự tại địa bàn biên giới. Phối hợp lực lượng Biên phòng trong công tác kiểm soát tại cửa khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông người, phương tiện,

hàng hóa hai nước góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường mối quan hệ đoàn kết giữa hai nước.

- Thống nhất kênh liên lạc, kịp thời trao đổi thông tin, phối hợp điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ, truy bắt các đối tượng phạm tội về hình sự, kinh tế, môi trường, đặc biệt là các loại tội phạm xuyên quốc gia liên quan hai nước như: lừa đảo; buôn lậu; gian lận thương mại; tội phạm vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; sản xuất, vận chuyển, mua bán hàng giả, hàng cấm; tội phạm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán; khai thác gỗ, khoáng sản trái phép; ... và phối hợp điều tra các vụ án liên quan đến các tội phạm này theo quy định của pháp luật mỗi nước. Phối hợp lực lượng tổ chức tuần tra, kiểm soát biên giới hai nước. Lập chuyên án chung đấu tranh với các đường dây, ổ nhóm tội phạm lớn. Phối hợp xác minh, truy nguyên nguồn gốc tài chính và luân chuyển các dòng tiền nghi vấn liên quan vận chuyển trái phép qua biên giới hai nước. Chủ động thông tin, phối hợp xác minh, truy tìm, bắt giữ đối tượng truy nã của Việt Nam lẫn trốn tại Lào và ngược lại.

Bên cạnh đó, hai bên cũng tăng cường thực hiện công tác đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật, trong đó phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến cư trú, di cư tự do giữa Việt Nam và Lào. Trao đổi tình hình nhân dân đi lại, làm ăn giữa hai nước diễn ra thuận lợi: công dân Thừa Thiên Huế sang nước bạn để buôn bán, trao đổi hàng hóa trong ngày, đặc biệt là công dân nước bạn qua địa bàn để mua sắm nhu yếu phẩm, khám chữa bệnh, thăm thân, lao động trong ngày hoặc thời hạn ngắn.

- Công tác phối hợp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ: Theo đề nghị của phía bạn, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã tạo điều kiện để Đoàn Bộ Công an Lào đến học tập thực tế Tiếng Việt tại Thừa Thiên Huế; tổ chức Hội nghị tập huấn về công tác xác định, quản lý người nghiện, người sử dụng trái phép ma túy, công tác cai nghiện và quản lý sau cai cho lực lượng Cảnh sát công an 4 tỉnh; Công an huyện Kà Lùm, tỉnh Sê Kông và Công an huyện Sa Muội, tỉnh Salavan của Lào; chuẩn bị tổ chức Hội nghị tập huấn về công tác phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao trong năm 2024.

- Theo nguyện vọng của phía bạn, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã xây dựng, bàn giao 03 trụ sở làm việc cho các bản giáp biên (bản Ka Lô, bản Sê Sáp thuộc huyện Ka Lùm, tỉnh Sê Kông, bản Ko Tai thuộc huyện Sa Muội, tỉnh Sa La Van). Đến nay, các trụ sở bàn giao đều đã được đưa vào sử dụng, có đủ tiện nghi cần thiết phục vụ yêu cầu công tác, làm việc. Công an 02 tỉnh Sê Kông và Salavan đã tặng 28 lượt giấy khen cho các tập thể, cá nhân của Công an tỉnh Thừa Thiên Huế có thành tích trong xây dựng trụ sở Công an các bản giáp biên của Lào. Công an tỉnh Thừa Thiên Huế còn xây dựng trụ sở làm việc cho Công an

Lào tại các bản không giáp biên nằm trên tuyến trọng điểm, phức tạp về ma túy như bản Ca Vạ Ta Vai thuộc huyện Sa Muôi, tỉnh Salavan; bản Lạ Cai và bản Thông Khen thuộc huyện Ka Lum, tỉnh Sê Kông. Ngoài ra còn hỗ trợ máy tính xách tay, máy photocopy, máy chiếu, máy ghi âm, que test ma túy, áo giáp, xe mô tô, roi điện ... phục vụ công tác phòng chống tội phạm

- Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã chủ trì, phối hợp Công an các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam và Kon Tum tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao với Công an 05 tỉnh Sa Vẳn Na Khệt, Salavan, Sê Kong, Chăm Pa Sắc và Át Ta Pư, nước CHDCND Lào góp phần tăng cường sự hiểu biết, đoàn kết giữa Công an các tỉnh Việt Nam và Lào. Đồng thời duy trì các hoạt động thăm hỏi, giúp đỡ Ban nhân dịp Tết cổ truyền Bun Pi May năm 2022; Tổ chức khám bệnh, tặng hơn 200 suất quà, thuốc y tế cho Nhân dân tại các bản, tặng hàng trăm suất quà cho Ban chấp hành, Công an 03 bản Ko Tai, Sê Sáp, Ka Lô, Công an 02 Đồn Tà Vàng, Cô Tài và lực lượng vũ trang vùng giáp biên.

Thực tiễn công tác phối hợp phòng, chống tội phạm, tội phạm có tổ chức, giữ gìn trật tự an toàn xã hội giữa Lực lượng Cảnh sát các tỉnh giáp biên của Lào và Công an tỉnh Thừa Thiên Huế gặp một số khó khăn, vướng mắc sau:

- Thực trạng lực lượng chức năng làm công tác phòng chống ma túy bên nước bạn Lào còn mỏng, đời sống Nhân dân tại các bản giáp biên còn khó khăn, là một trong những sơ hở, nguyên nhân các đối tượng tội phạm lợi dụng hoạt động, nhất là tội phạm ma túy, trong xu hướng chuyển dịch xuống phía Nam để thâm lậu ma túy vào nội địa nước ta.

- Việc triển khai trình sát ngoại biên của lực lượng phòng chống tội phạm cấp tỉnh còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế, do bị nhiều yếu tố chi phối như: ngôn ngữ, thủ tục pháp lý khi công tác nước ngoài, từ đó việc triển khai các biện pháp nghiệp vụ tiếp theo còn hạn chế đặc biệt là việc xây dựng đặc tình ngoại biên còn gặp nhiều khó khăn, chưa phát huy hiệu quả.

- Thừa Thiên Huế là địa phương có nhiều người dân qua lại, làm ăn ở Lào, tuy nhiên thực tế công tác nắm tình hình việc trao đổi thông tin, diện đối tượng này còn hạn chế, bất cập chưa đáp ứng yêu cầu đấu tranh tội phạm có tổ chức trong tình hình mới.

Về một số nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới đó là

- Tiếp tục củng cố, phát huy mối quan hệ truyền thống tốt đẹp giữa Công an tỉnh Thừa Thiên Huế với các Công an nước bạn Lào, trong đó thực hiện có hiệu quả kế hoạch hợp tác quốc tế giữa Bộ Công an Việt Nam và Bộ Công an Lào, cũng như biên bản hợp tác giữa Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và Công an các tỉnh của Lào giáp biên. Thường xuyên trao đổi thông tin có liên quan đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đường dây phạm tội xuyên quốc gia,

phương thức thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm thông qua tuyến biên giới Việt - Lào để tuyên truyền, giáo dục để quần chúng nhân dân nâng cao cảnh giác và đề xuất những giải pháp phối hợp đấu tranh có hiệu quả. Nâng cao chất lượng các phương tiện thông tin liên lạc để phục vụ “đường dây nóng” ở các cấp Công an với các tỉnh giáp biên của hai nước; kịp thời trao đổi thông tin tình hình và công tác phòng, chống tội phạm, tổ chức xác minh, đấu tranh, truy bắt.

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, tương trợ tư pháp khi có yêu cầu liên quan đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, truy bắt tội phạm, đối tượng truy nã. Trao đổi, cung cấp tài liệu, chứng cứ, đối tượng trong vụ án, thực hiện tốt hiệp định về tương trợ tư pháp và dẫn độ tội phạm. Chủ động trao đổi, ký kết qui chế đẩy nhanh việc trả lời tương trợ tư pháp, để đảm bảo tiến độ điều tra các vụ án.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương của Bộ Công an về việc triển khai xây dựng trụ sở làm việc Công an bản Lào nằm trên tuyến trọng điểm, phức tạp về ma túy. Tiến hành xây dựng, khánh thành trụ sở làm việc cho Công an 4 tỉnh của Lào tại các bản không giáp biên, tăng cường sự trao đổi, phối hợp của lực lượng C5 tại Lào, nhất là cung cấp thông tin có liên quan đến ma túy của các đối tượng có hộ khẩu thường trú tại các địa phương trên tuyến Bắc Miền Trung.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng liên quan công tác phòng chống tội phạm, nhất là đào tạo ngôn ngữ, phòng chống ma túy, mua bán người, tội phạm về công nghệ cao. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ xây dựng, bàn giao và sử dụng hiệu quả công trình Trụ sở làm việc, hỗ trợ nhau về phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác phòng, chống tội phạm hỗ trợ nhau tại các diễn đàn đa phương về phòng, chống tội phạm như INTERPOL, ASEANAPOL.

THỨC ĐẨY HỢP TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM CÓ TỔ CHỨC, TỘI PHẠM XUYÊN QUỐC GIA GIỮA CÔNG AN TỈNH QUẢNG NINH VỚI CÔNG AN CÁC TỈNH TRUNG QUỐC

Công an tỉnh Quảng Ninh

I. ĐẶT VẤN ĐỀ:

Với phương châm “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” những năm qua Công an tỉnh Quảng Ninh đã triển khai có hiệu quả đường lối đối ngoại của Đảng, của Ngành, tăng cường hợp tác quốc tế, đặc biệt với Công an Quảng Tây (Trung Quốc) trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự khu vực biên giới Việt Trung.

Công an tỉnh Quảng Ninh xác định hợp tác quốc tế là một nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, không chỉ góp phần phòng, chống hiệu quả các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia mà còn góp phần tạo môi trường ổn định cho việc thiết lập và tăng cường mối quan hệ đối ngoại giữa tỉnh/quốc gia trong quan hệ quốc tế, đồng thời, tạo điều kiện cho các quan hệ xã hội có yếu tố nước ngoài của các chủ thể khác trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

II. NỘI DUNG:

1. Tình hình, kết quả và thực tiễn trong công tác hợp tác quốc tế phòng chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh có vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, quốc phòng - an ninh và đối ngoại, được cố Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng ví như “Việt Nam thu nhỏ”; tỉnh duy nhất có đường biên giới trên bộ và trên biển với Trung Quốc, là cửa ngõ giao lưu quốc tế quan trọng, với hạ tầng giao thông thuận lợi cả đường bộ, đường biển và đường không. Trong tiến trình hội nhập quốc tế toàn diện của đất nước, Quảng Ninh là điểm nút quan trọng trong khu vực hợp tác “Hai hành lang, một vành đai kinh tế Việt - Trung”, Khu vực hợp tác liên vùng Vịnh Bắc Bộ mở rộng và Khu vực mậu dịch tự do Asean - Trung Quốc (CAFTA). Cùng với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh là địa bàn trọng điểm trong vùng động lực kinh tế phía Bắc, là trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch, thương mại lớn của cả nước; có tốc độ đô thị hóa nhanh, số dân di dịch cư nhiều, cùng với số lượng lớn khách du lịch trong nước và quốc tế ngày càng tăng... Đây là điều kiện để Quảng Ninh hội nhập sâu rộng, là cơ hội lớn để tỉnh phát triển

kinh tế tổng hợp, toàn diện, hiện đại, với tốc độ cao. Do đó, tỉnh Quảng Ninh luôn chú trọng phát triển quan hệ giao lưu, hữu nghị, hợp tác với các địa phương của Trung Quốc, nhất là Khu tự trị dân tộc Choang - Quảng Tây. Hai tỉnh/khu tự trị đã triển khai hợp tác toàn diện ở các cấp, các ngành trên cả bình diện song phương và đa phương.

Trên cơ sở chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các cơ chế của Tỉnh, Công an tỉnh Quảng Ninh đã tăng cường hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế phục vụ hỗ trợ, nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm có yếu tố nước ngoài và tranh thủ nguồn lực của các tổ chức quốc tế trên một số lĩnh vực phòng chống mua bán người, phòng chống ma túy... Đáng chú ý là, Công an tỉnh đã ký kết, thiết lập quan hệ và thường xuyên phối hợp với Công an Quảng Tây - Trung Quốc trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo vệ an ninh ở khu vực biên giới thông qua các biên bản ghi nhớ, quy chế phối hợp (vào các năm 1991, 2001, 2011, 2013); thành lập và duy trì có hiệu quả hoạt động của Văn phòng liên lạc phòng chống ma túy qua biên giới (BLO) đặt tại Móng Cái - Quảng Ninh và thị xã Đông Hưng - Quảng Tây - Trung Quốc. Đến năm 2016, Công an tỉnh Quảng Ninh và Công an 3 tỉnh Lạng Sơn, Hà Giang, Cao Bằng ký kết thỏa thuận thiết lập 5 cơ chế hợp tác thực thi pháp luật với Công an Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây - Trung Quốc, duy trì luân phiên tổ chức Hội nghị hợp tác thực thi pháp luật hằng năm giữa các bên. Ngoài ra, Công an tỉnh đã tổ chức thực hiện thiết lập, ký kết quan hệ hợp tác với Công an tỉnh Xaynhabuly (Lào); Cơ quan Cảnh sát bang New South Wales (Australia); Công an tỉnh Liêu Ninh (Trung Quốc); tổ chức đón 322 đoàn Công an, Cảnh sát, An ninh các nước trong và ngoài khu vực đến tham quan, làm việc... theo các chương trình hợp tác phòng chống tội phạm.

Thông qua hợp tác quốc tế, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần giữ vững ANTT, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nổi bật là:

(1) Về hợp tác phòng, chống tội phạm ma túy: Từ năm 2010 đến nay, đã phối hợp, xác minh, bắt giữ xử lý 159 vụ, 318 đối tượng phạm tội về ma túy xuyên quốc gia (trong đó có 53 đối tượng người nước ngoài).

Diễn hình như: (i) Vụ bắt giữ 5 đối tượng người nước ngoài (trong đó 04 đối tượng người Trung Quốc) vận chuyển 8,8 tấn nhựa cần sa. (ii) Bắt giữ 2 vụ, 7 đối tượng (3 đối tượng quốc tịch Lào) đang vận chuyển trái phép tổng cộng 360 bánh êrôin từ Lào sang Trung Quốc tiêu thụ. (iii) Vụ bắt giữ, triệt phá 5 đường dây mua bán trái phép chất ma túy trong Chuyên án 006N, bắt và khởi tố 147 bị can, thu giữ 112 bánh heroin, 114.756 viên MTTH, 1,28 kg ma túy đá.

(iv) Vụ bắt giữ đường dây mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy xuyên quốc gia từ Lào về Việt Nam rồi sang Trung Quốc, gồm 13 đối tượng, trong đó có 2 đối tượng người Trung Quốc, thu giữ 72 bánh Hêrôin...

(2) *Về hợp tác trong phòng, chống tội phạm hình sự:* điều tra làm rõ 20 vụ 29 đối tượng phạm tội là người Trung Quốc; đã bắt giữ, bàn giao cho Công an thành phố Đông Hưng, Quảng Tây 151 đối tượng người Trung Quốc phạm tội bỏ trốn sang Việt Nam; giải cứu và bàn giao cho Cục Công an TP Đông Hưng 12 trường người Trung Quốc là nạn nhân liên quan cờ bạc bị bắt giữ trái pháp luật tại TP Móng Cái... Công an Quảng Tây đã bắt giữ, bàn giao cho Công an tỉnh Quảng Ninh 10 đối tượng người Việt Nam phạm tội bỏ trốn sang Trung Quốc; phối hợp giải cứu 182 nạn nhân bị mua bán và phát hiện, bắt giữ 18 đối tượng phạm tội về mua bán người, mua bán trẻ em...

(3) *Về kết quả hợp tác phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao:* Từ năm 2010 đến nay, Công an tỉnh đã phối hợp với các Cục nghiệp vụ Bộ Công an xác lập, đấu tranh thành công nhiều chuyên án lớn liên quan đến các đối tượng người Trung Quốc lợi dụng hạ tầng viễn thông của Việt Nam để điều hành các trang mạng trực tuyến thực hiện tội phạm như lừa đảo, đánh bạc, trong đó đã bắt bàn giao Công an Trung Quốc xử lý 110 đối tượng người Trung Quốc; trao đổi thông tin hỗ trợ Công an Trung Quốc bắt giữ, xử lý 190 đối tượng tại Trung Quốc, xác định lượng tiền vi phạm trên 964 triệu Nhân dân tệ (tương đương trên 2.800 tỷ Việt Nam đồng).

Diễn hình như: (i) Năm 2014, Công an tỉnh phối hợp với các Cục nghiệp vụ của Bộ Công an và Công an Trung Quốc xác lập, đấu tranh thành công Chuyên án MC2014, bắt giữ tại Việt Nam và Trung Quốc tổng số 147 đối tượng có hành vi lợi dụng mạng internet để đánh bạc, xác định số tiền các đối tượng luân chuyển, sử dụng để đánh bạc trên 410 triệu Nhân dân tệ, tương đương trên 1.200 tỷ VNĐ. (ii) Từ 15/8/2018 đến 15/9/2020, Công an tỉnh đã phát hiện, phối hợp với Cục nghiệp vụ Bộ Công an và các đơn vị, địa phương của Bộ Công an Trung Quốc xác lập, phá thành công **Chuyên án NCT8 đấu tranh với các đối tượng người Trung Quốc lưu trú tại Việt Nam có hành vi sử dụng mạng Internet tổ chức đánh bạc**. Chuyên án đã bắt giữ tổng số 77 đối tượng người Trung Quốc tại 03 tỉnh Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa, cùng nhiều tang vật liên quan...

(4) *Công tác trao đổi thông tin, phối hợp truy bắt đối tượng truy nã:* Lực lượng Công an 2 bên thường xuyên phối hợp, trao đổi thông tin phục vụ công tác điều tra, truy bắt hàng trăm đối tượng truy nã lẫn trốn ở hai bên biên giới. Từ năm 2010 đến nay, hai bên đã trao đổi trên 2000 công văn hợp tác điều tra; Công an Quảng Ninh đã bắt và bàn giao cho Cục Công an Đông Hưng 309 đối tượng

(trong đó có 200 đối tượng truy nã, 109 đối tượng phạm tội khác); Cục Công an Đông Hưng đã bắt và bàn giao cho Công an Quảng Ninh 76 đối tượng truy nã; bàn giao 438 phụ nữ và trẻ em bị lừa bán...

(5) *Về phòng, chống dịch COVID-19*: Từ năm 2019 đến năm 2022, thế giới và trong nước chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19 phát hiện ban đầu từ Trung Quốc. Trước tình hình đó, để ngăn chặn dịch bệnh xâm nhập vào địa bàn, Công an tỉnh đã bám sát chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Bộ Công an, triển khai thực hiện công tác phòng, chống dịch với quyết tâm chính trị cao nhất “phòng, chống dịch như chống giặc”. Đã triển khai lực lượng phối hợp với lực lượng Biên phòng tuần tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động xuất, nhập cảnh tại các cửa khẩu, lối mở trên tuyến biên giới; thành lập các Tổ công tác bám sát địa bàn, phối hợp lực lượng Biên phòng tuần tra, kiểm soát 24/24 dọc tuyến biên giới nhằm ngăn chặn hoạt động xuất nhập cảnh trái phép sang Trung Quốc. Đã phát hiện, xử lý 263 vụ 1.127 trường hợp (37 Trung Quốc; 1.090 Việt Nam gồm 805 người bị phía Trung Quốc đẩy về, 285 người nhập cảnh trái phép) nhập cảnh trái phép; đã xử lý VPHC 222 vụ 319 trường hợp vi phạm các quy định pháp luật về xuất nhập cảnh, phạt 746,55 triệu đồng. Đáng chú ý, trong thời gian này đã phối hợp phát hiện 08 vụ 19 đối tượng có hành vi Tổ chức cho người khác xuất, nhập cảnh trái phép (đều phát hiện tại TP Móng Cái), gồm 04 vụ 12 đối tượng về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”, 04 vụ 07 đối tượng về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Bên cạnh đó, công tác hợp tác quốc tế trong phòng chống tội phạm của Công an tỉnh Quảng Ninh còn có nhiều khó khăn, vướng mắc như: (1) Do sự khác biệt về chính sách kinh tế, quy định pháp luật nên việc hợp tác đấu tranh đối với một số loại tội phạm và vi phạm pháp luật về buôn lậu, buôn bán hàng cấm, hàng giả, xâm phạm sở hữu trí tuệ... còn nhiều hạn chế. Ngoài ra, trong thực tiễn công tác điều tra xử lý các vụ án có yếu tố nước ngoài, các cơ quan điều tra đã có yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự (chủ yếu với Trung Quốc), song thường mất nhiều thời gian mới có kết quả, trong khi việc giải quyết các vụ án hình sự phải tuân thủ thời hạn luật định, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết các vụ án. Nguyên nhân do pháp luật của Việt Nam cũng như các quốc gia, các hiệp định mà Việt Nam đã ký với các nước chưa quy định thời hạn cụ thể thực hiện các yêu cầu này. (2) Cơ chế hợp tác về phòng, chống tội phạm giữa các địa phương biên giới chưa thống nhất, còn phụ thuộc nhiều vào các yếu tố chủ quan của mỗi bên; cơ chế sĩ quan liên lạc còn nhiều bất cập; trình độ ngoại ngữ của CBCS tại các địa bàn biên giới còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu; việc giao ban định kỳ chưa được duy trì thường xuyên; một số yêu cầu không thực

hiện được do kinh phí chi cho hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm còn hạn hẹp...

2. Từ thực tiễn nêu trên, Công an tỉnh Quảng Ninh xác định một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, cũng như là kinh nghiệm để thúc đẩy, nâng cao hiệu quả về “chất và lượng” trong hợp tác phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia giữa Công an tỉnh Quảng Ninh với Công an các tỉnh Trung Quốc, như sau:

Một là, tiếp tục tổ chức quán triệt các quan điểm, nhận thức về đối ngoại và hội nhập quốc tế của Đảng, Nhà nước là “*Tăng cường mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực*”; “*Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả...*” và định hướng phát triển “*Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng an ninh và mở rộng đối ngoại*”... Xác định công tác hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm là giải pháp quan trọng, cần đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả nhằm góp phần bảo đảm an ninh, trật tự, phục vụ phát triển KT-XH nhanh, bền vững của tỉnh.

Hai là, trong quá trình tiến hành công tác phối hợp, hợp tác quốc tế với Công an Trung Quốc phải luôn tuân thủ nghiêm túc **05** nguyên tắc hợp tác, đó là: (1) Tuân thủ chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta trong hợp tác quốc tế đấu tranh phòng, chống tội phạm; (2) Tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, các điều ước quốc tế đa phương, song phương và pháp luật của mỗi quốc gia trong hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; (3) Phải đảm bảo mục đích là tạo thuận lợi cho việc phối hợp xác minh, tiếp xúc, trao đổi thông tin, triển khai các biện pháp nghiệp vụ nhằm ổn định tình hình khu vực hai bên biên giới, tổ chức giao lưu, học tập kinh nghiệm lẫn nhau và cùng hiểu biết nhau hơn, rộng mở hơn trong quan hệ đối ngoại; (4) Phải theo chương trình kế hoạch; (5) Phải tuân thủ sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và lãnh đạo Công an cấp trên.

Ba là, phải tập trung xây dựng cơ chế hợp tác, trao đổi thông tin một cách cụ thể, thường xuyên, toàn diện, linh hoạt, như: Triển khai thực hiện chế độ sĩ quan liên lạc cấp tỉnh; duy trì chế độ giao ban hàng tháng, 06 tháng về tình hình trật tự trị an khu vực biên giới giữa Công an từng cấp; Công an cấp huyện của bên được yêu cầu trong thời gian 07 ngày phải thông báo lại kết quả cho bên có yêu cầu, Công an cấp tỉnh thông báo lại kết quả cho bên yêu cầu trong thời gian 15 ngày (phối hợp truy bắt đối tượng gây án bỏ trốn, đối tượng có lệnh truy nã, xác minh, thu thập thông tin có liên quan, thu hồi tang vật,...); ngoài gặp gỡ định

kỳ, trong trường hợp đặc biệt, 2 bên có thể gặp nhau bất thường ở cả cấp tỉnh và cấp huyện nếu bên này đề nghị và được phía bên kia chấp thuận...

Một trong những điểm nổi bật trong công tác phối hợp giữa Công an tỉnh Quảng Ninh và Công an khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc thời gian qua là chế độ gặp mặt, tiếp xúc trực tiếp giữa lãnh đạo Công an hai tỉnh tại TX. Đông Hưng hoặc TP. Móng Cái trong từng vụ án cụ thể nếu xét thấy thực sự cần thiết để trao đổi, đưa ra các yêu cầu đề nghị phối hợp, hỗ trợ. Đây là một trong những hình thức phối hợp đang được duy trì, triển khai thực hiện rất hiệu quả.

Bốn là, cần tích cực tranh thủ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế nói chung, hợp tác phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia với Công an Trung Quốc nói riêng; tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, quản lý thống nhất, chặt chẽ công tác đối ngoại, tổ chức nhiều hoạt động quảng bá về Quảng Ninh, mời các đối tác nước ngoài về Quảng Ninh đầu tư, thương mại, du lịch cũng như cử các đoàn cán bộ của tỉnh đi công tác, học hỏi, tìm hiểu xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch... trong đó đặc biệt quan tâm đến công tác trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác phòng, chống tội phạm của lực lượng Công an với các cơ quan an ninh, cảnh sát Trung Quốc. Đồng thời, cần thường xuyên phối hợp, trao đổi với các đơn vị chức năng của Bộ Công an, của Tỉnh để được hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời về các nội dung, biện pháp hợp tác quốc tế.

Năm là, chủ động nắm chắc và dự báo sát, đúng tình hình địa bàn, đối tượng từ sớm, từ xa, từ cơ sở; kịp thời phát hiện, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; phòng chống “diễn biến hòa bình”, ngăn chặn khủng bố, phá hoại trên địa bàn, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Tăng cường hoạt động tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn tội phạm ngay từ biên giới, cửa khẩu, đặc biệt là các loại tội phạm hoạt động trên tuyến biên giới Việt - Trung.

Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công an, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế phòng chống tội phạm, nhất là với Công an Quảng Tây, tập trung vào các loại tội phạm có tính quốc tế, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm về ma túy, các băng nhóm tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm mua bán người; tội phạm buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới... thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm trên tuyến biên giới Việt - Trung. Tập trung lực lượng điều tra khám phá nhanh các vụ án, chuyên án liên quan đến tội phạm xuyên quốc gia, có yếu tố nước ngoài, truy bắt các đối tượng truy nã; đẩy mạnh các

hoạt động tương trợ tư pháp để đảm bảo phục vụ tiến độ yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử các đối tượng phạm tội, bảo đảm các nguyên tắc đối ngoại và hợp tác quốc tế theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Sáu là, tiếp tục bổ sung biên chế, coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách thực hiện công tác hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm, nhất là đào tạo về trình độ ngoại ngữ, tin học và pháp luật quốc tế; quan tâm đến chế độ, chính sách đặc thù và kịp thời động viên, khen thưởng đối với những cán bộ có thành tích xuất sắc trong công tác này; tăng cường nguồn kinh phí cho hoạt động hợp tác quốc tế phòng chống tội phạm đáp ứng yêu cầu đấu tranh chống tội phạm trong môi trường hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay.

ÁP DỤNG ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ TRONG PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM VỀ MA TÚY CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI – THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT

Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy

Tóm tắt: Điều ước quốc tế có vai trò rất quan trọng trong việc duy trì và tăng cường các quan hệ hợp tác quốc tế giữa các nước có liên quan, đặc biệt là trong phòng, chống và kiểm soát ma túy. Bài viết phân tích và làm rõ tình hình tội phạm về ma túy có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam. Thực tiễn, kết quả, một số tồn tại về áp dụng điều ước quốc tế trong phòng, chống tội phạm về ma túy có yếu tố nước ngoài. Qua đó, cùng đề xuất một số kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả phòng chống tội phạm về ma túy trong tình hình mới.

1. Tình hình tội phạm về ma túy có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam

Hiện nay, tình hình ma túy và tội phạm về ma túy của các nước trên thế giới và trong khu vực rất phức tạp. Tình trạng sản xuất, mua bán, vận chuyển và sử dụng ma túy, nhất là ma túy tổng hợp ở khu vực Đông Nam Á đang diễn ra nghiêm trọng và có chiều hướng gia tăng, đặt ra nhiều thách thức, khó khăn đối với công tác phòng, chống ma túy của nước ta.

Khu vực Tam giác vàng hiện không chỉ là nơi sản xuất các loại ma túy truyền thống như thuốc phiện và heroin mà đã trở thành khu vực sản xuất ma túy tổng hợp lớn nhất trên thế giới. Các loại ma túy tổng hợp như ma túy đá, hồng phiến, ketamine... được sản xuất nhiều hơn ở Tam giác vàng để đáp ứng nguồn cầu của nhiều nước và thị trường mới trên thế giới. Ma túy tổng hợp nổi lên với nhiều ưu thế so với các loại ma túy có nguồn gốc tự nhiên như heroin và thuốc phiện do phụ thuộc các yếu tố tự nhiên. Thị trường methamphetamine ở Đông và Đông Nam Á đã không ngừng mở rộng trong thập kỷ qua, do nguồn cung ma túy tăng chưa từng có đặc biệt là tại khu vực Tam giác vàng. Sự gia tăng nguồn cung đã dẫn đến giá methamphetamine giảm trong toàn khu vực, làm tăng khả năng tiêu thụ và có khả năng là cả nhu cầu, thể hiện qua việc ngày càng có nhiều người sử dụng ma túy được đưa vào diện quản lý của các cơ quan chức năng. Sự phát triển này đang đặt ra những thách thức nghiêm trọng đối với tư pháp hình sự và sức khỏe cộng đồng trong khu vực.

Trong nước, nguồn ma túy vẫn chủ yếu từ nước ngoài, nhất là từ khu vực “Tam giác vàng” được mua bán, vận chuyển về Việt Nam tiêu thụ. Ngoài ra, ma túy tổng hợp từ Châu Âu qua tuyến đường hàng không về các sân bay quốc tế ở

Việt Nam, cocain từ Nam Mỹ vận chuyển qua tuyến đường biển đến các cảng lớn của Việt Nam.

Từ thông tin của lực lượng chức năng các nước cho thấy, một số đối tượng cầm đầu các băng nhóm tội phạm ma túy quốc tế có tổ chức đã hoạt động tại Việt Nam, hình thành các đường dây xuyên quốc gia mua bán, vận chuyển ma túy, rửa tiền liên quan đến ma túy. Các đối tượng người nước ngoài cầm đầu, câu kết với đối tượng trong nước hình thành các đường dây vận chuyển ma túy tinh vi, có tổ chức, sử dụng công nghệ cao để hoạt động phạm tội. Việc đấu tranh với loại tội phạm này hiện đang đặt ra nhiều thách thức cho lực lượng chức năng.

Ngoài ra, theo thống kê, hiện toàn quốc có 59.537 người sử dụng trái phép chất ma túy; 189.963 người nghiện ma túy; 27.096 người bị quản lý sau cai nghiện. Đây được xác định là “nguồn cầu” tiêu thụ ma túy rất lớn, gây áp lực không nhỏ đến công tác phòng, chống tội phạm ma túy.

2. Thực tiễn áp dụng điều ước quốc tế trong phòng, chống tội phạm về ma túy có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam hiện nay

- Nguyên tắc áp dụng điều ước quốc tế trong phòng, chống ma túy

Căn cứ Điều 51 Luật Phòng, chống ma túy 2021 (Có hiệu lực từ 01/01/2022) quy định về nội dung trên như sau:

Nhà nước Việt Nam thực hiện điều ước quốc tế về phòng, chống ma túy và điều ước quốc tế khác có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các bên cùng có lợi; hợp tác với các nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong hoạt động phòng, chống ma túy.

Trên cơ sở điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, thỏa thuận quốc tế đã ký kết, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện chương trình hợp tác về phòng, chống ma túy với cơ quan có liên quan của các nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài..

- Tình hình thực hiện các văn bản hợp tác về phòng, chống ma túy giữa Việt Nam và các nước

Việt Nam đã ký kết 28 Hiệp định, Bản Ghi nhớ, Thỏa thuận quốc tế tham gia các cơ chế hợp tác đa phương trong ASEAN, tiểu vùng sông Mê Công, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Liên hợp quốc; cơ chế hợp tác song phương với Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nga, Thái Lan, Lào, Campuchia, Myanmar, Hungary, Peru, Đài Loan. Trong đó, có 08 Hiệp định, Thư thỏa thuận và 01 Nghị định thư

do cấp Chính phủ ký kết, các văn bản còn lại Bộ Công an được ủy quyền tham gia ký kết. Tất cả các văn bản hợp tác về phòng, chống ma túy do Bộ Công an là đơn vị đầu mối triển khai thực hiện.

C04 với vai trò là đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy đã tham mưu Lãnh đạo Bộ, chủ trì các hoạt động đối ngoại, tham gia đầy đủ, trách nhiệm tất cả các cơ chế hợp tác về phòng, chống ma túy mà Việt Nam đã tham gia ký kết. Hiện nay, đã thực hiện các cơ chế hợp tác và tình hình thực hiện các cam kết khi Việt Nam tham gia ký kết các văn bản hợp tác về phòng, chống ma túy như sau:

- Với Trung Quốc: Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về hợp tác kiểm soát ma túy, các chất hướng thần và tiền chất ký ngày 26/7/2001; Việt Nam và Trung Quốc luân phiên hàng năm tổ chức Hội nghị song phương về phòng, chống ma túy. Hai bên đã thiết lập cơ chế trao đổi qua đường dây nóng.

- Với Hoa Kỳ: Thư Thỏa thuận về hợp tác phòng, chống ma túy giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hoa Kỳ ký ngày 11/12/2003; Bản Ghi nhớ giữa Bộ Công an nước CHXHCN Việt Nam và Cơ quan phòng, chống ma túy hợp chủng quốc Hoa Kỳ trong lĩnh vực đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy xuyên quốc gia ký 10/3/2006, được gia hạn lần thứ 4 giữa DEA và C04 vào tháng 7/2019.

- Với Thái Lan: Hiệp định giữa Chính phủ Vương quốc Thái Lan và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về hợp tác kiểm soát ma túy, các chất hướng thần và tiền hóa chất Hội nghị song phương Việt Nam - Thái Lan về phòng, chống ma túy ký ngày 07/10/1998; Việt Nam và Thái Lan luân phiên hàng năm tổ chức Hội nghị song phương về phòng, chống ma túy. Hai bên đã thiết lập cơ chế trao đổi qua đường dây nóng.

- Với Campuchia: Bản ghi nhớ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia về hợp tác kiểm soát ma túy, các chất hướng thần và tiền hóa chất ký ngày 01/6/1998; Hội nghị cấp Bộ trưởng song phương/ba bên Việt Nam - Campuchia - Lào về phòng chống ma túy; Tổng kết cao điểm tuyên truyền, tấn công, trấn áp tội phạm ma túy trên tuyến biên giới hai nước.

- Với Lào: Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về hợp tác kiểm soát ma túy, các chất hướng thần và tiền chất ký ngày 06/7/1998; Bản ghi nhớ giữa Bộ Công an Việt Nam và Bộ Công an Lào về hợp tác phòng, chống ma túy ký năm 2021; Hội nghị cấp Bộ trưởng song phương/ba bên Việt Nam - Campuchia - Lào về phòng

chống ma túy; Hội nghị giao ban công tác phối hợp tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống ma túy giữa C04, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng với Cục Cảnh sát phòng chống ma túy Lào.

- Với Myanmar: Thỏa thuận hợp tác chung về kiểm soát ma túy giữa Ủy ban trung ương kiểm soát lạm dụng ma túy Myanma và Ủy ban quốc gia phòng, chống AIDS, ma túy và mại dâm Việt Nam ký ngày 11/3/1995; Hội nghị song phương Việt Nam - Myanmar về phòng, chống ma túy được tổ chức luân phiên 02 năm/lần.

Ngoài ra, C04 đang nhiều bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác về kiểm soát ma túy với Đài Loan, Mông Cổ, Peru, Australia, Nhật Bản, Nga...

Kết quả thực hiện các văn bản, thỏa thuận hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy

Thời gian qua, các lực lượng phòng, chống ma túy của các nước có ký kết thỏa thuận hợp tác với Việt Nam đã phối hợp trao đổi nhiều thông tin liên quan đến các đường dây, tổ chức phạm tội ma túy xuyên quốc gia hoạt động tại nhiều khu vực, có liên quan đến Việt Nam điển hình như: chuyên án Ironside, chuyên án Longhill, chiến dịch Lá chắn Trojan,... nhằm vào các tổ chức tội phạm ma túy, rửa tiền sử dụng ứng dụng ANOM, CYPHER và nhiều đối tượng nguy hiểm khác. Các thông tin về những chuyến hàng có chứa ma túy được vận chuyển qua đường biển, đường hàng không đến hoặc đi qua Việt Nam đã được các lực lượng chức năng các nước kịp thời thông báo cho nhau và phối hợp theo dõi, xác minh, làm rõ. Hàng trăm thông tin liên quan đến các đối tượng, đường dây, tổ chức tội phạm ma túy đã được các đối tác quốc tế cung cấp cho Việt Nam để phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy.

Hỗ trợ xây dựng, thành lập cơ chế, chỉ đạo hoạt động hệ thống 21 Văn phòng liên lạc qua biên giới (BLO) trên tuyến biên giới toàn quốc để trao đổi thông tin tội phạm ma túy với các nước có chung đường biên giới. Một số địa phương đã sử dụng hoạt động của BLO để kết hợp trao đổi thông tin liên quan các tội phạm khác như hình sự, buôn lậu, buôn bán người,...

Hợp tác đào tạo, tập huấn kỹ chiến thuật điều tra, tài trợ trang thiết bị phương tiện phục vụ công tác đấu tranh tội phạm ma túy do các nước, đối tác tài trợ đã góp phần hỗ trợ cho lực lượng phòng, chống ma túy trong nước.

Thiết lập hệ thống đường dây nóng trao đổi thông tin tội phạm xuyên quốc gia với các nước, đối tác trong khối ASEAN, các nước tham gia ký kết Tuyên bố chung bộ trưởng 2019, các đối tác ký kết Thỏa thuận hợp tác song phương.

Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp quốc tế với các nước có Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự khi có Yêu cầu ủy thác của nước đối tác qua Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, chủ yếu thực hiện trong khám xét, thu giữ tài liệu, vật chứng, lấy lời khai đối tượng. Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự, như trao đổi tài liệu, bằng chứng, vật chứng thu thập được trong quá trình điều tra, phối hợp để giải quyết theo quy định pháp luật hai nước trong xử lý tội phạm.

Một số tồn tại, vướng mắc

- Các văn bản hợp tác thỏa thuận chủ yếu được ký kết trước năm 2018 (thời điểm Bộ Công an thay đổi tổ chức bộ máy), cơ quan đầu mối thực hiện được nêu trong các văn bản này là Văn phòng Thường trực phòng, chống ma túy (cơ quan thường trực triển khai Chương trình phòng, chống ma túy các giai đoạn trong Ủy ban quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm). Hiện chức năng, nhiệm vụ Văn phòng này do V01 và C04 đảm nhiệm (Chương trình phòng, chống ma túy do V01 thực hiện, nhiệm vụ hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy do C04 thực hiện). C04 không còn là đầu mối chủ trì tham mưu chính sách, chủ trương, về phòng, chống ma túy và vấn đề phối hợp liên ngành với các đơn vị thuộc Ủy ban quốc gia, dẫn đến hạn chế trong việc triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung đã ký kết và đàm phán ký kết mới với những Thỏa thuận quốc tế cần có sự tham gia của các cơ quan liên ngành về phòng, chống ma túy.

- Việc thực hiện triển khai các thỏa thuận quốc tế còn phụ thuộc vào nhu cầu, phản ứng, khả năng đáp ứng của đối tác tham gia ký kết. Một số thỏa thuận quốc tế sau khi ký kết đã chưa triển khai hiệu quả và điều kiện tổ chức các hoạt động hợp tác như các Thỏa thuận với Nga, Peru, Hungary, Myanmar.

- C04 hiện chưa có kênh kết nối thông tin trực tiếp với các nước thuộc địa bàn Châu Âu để đáp ứng nhu cầu công tác thời gian qua. Một số trường hợp phải sử dụng kênh liên lạc thứ ba để yêu cầu hỗ trợ xác minh thông tin, hạn chế trong trao đổi thông tin với các cơ quan chức năng của nước bạn.

- Thiếu cán bộ có trình độ ngoại ngữ, nghiệp vụ, cơ sở vật chất (nhất là đối với trang thiết bị và đường truyền Internet) để thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế và làm các đầu mối liên lạc đường dây nóng.

3. Một số đề xuất giải pháp trong áp dụng điều ước quốc tế trong phòng, chống tội phạm về ma túy có yếu tố nước ngoài

Thứ nhất, nắm tình hình ma túy thế giới và khu vực, các chính sách, chủ trương, chiến lược về phòng, chống ma túy của các nước, đối tác lớn để kịp thời tham mưu Lãnh đạo các cấp công tác hợp tác quốc tế về đấu tranh phòng chống ma túy.

Thứ hai, tiến hành kết nối, cập nhật lại hệ thống thông tin đầu mối triển khai thực hiện các Thỏa thuận, hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy với các nước tham gia ký kết, nhất là với các nước hiện nay đang khó khăn thông tin liên lạc như Nga, Peru, Hungary, Myanmar.

Thứ ba, Nghiên cứu, tham mưu Lãnh đạo Bộ triển khai các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được thông qua trong Kế hoạch hành động sông Mê Công an toàn về kiểm soát ma túy giữa 6 nước Campuchia, Trung Quốc, Lào, Myanmar, Thái Lan, Việt Nam; ký kết gia hạn Bản Ghi nhớ giữa Bộ Công an nước CHXHCN Việt Nam và Cơ quan phòng, chống ma túy hợp chủng quốc Hoa Kỳ trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy xuyên quốc gia được ký kết ngày 10/3/2006, nghiên cứu thiết lập cơ chế song phương luân phiên giữa C04 – DEA để tăng cường hợp tác, hợp tác đào tạo cán bộ; Bản ghi nhớ giữa Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cơ quan Cảnh sát Quốc gia, Bộ Tư pháp Mông Cổ; ký kết Thư thỏa thuận giữa Cảnh sát Liên bang Úc và Cục Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy về hợp tác về phòng, chống ma túy.

Thứ tư, Tổ chức thăm dò, nghiên cứu về nhu cầu hợp tác của một số nước Châu Âu nhằm tiến tới đàm phán, ký kết Thỏa thuận hợp tác. Trước mắt, triển khai xây dựng kênh thông tin liên lạc trực tiếp, đường dây nóng với các cơ quan chức năng về phòng, chống ma túy với một số nước Châu Âu khi có sự vụ cần thiết.

Thứ năm, đào tạo cán bộ có trình độ ngoại ngữ, nghiệp vụ, trang cấp trang thiết bị, đường truyền Internet để phục vụ công tác mở rộng hệ thống đường dây nóng liên lạc về tội phạm ma túy./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Quyết định về việc nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy;*
2. *Luật số 23/2000/QH10 của Quốc hội: Luật Phòng, Chống ma túy;*
3. *Tài liệu Hội nghị của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy;*

THỨC ĐẨY HỢP TÁC PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

1. Tình hình tội phạm mua bán người qua Campuchia

Việt Nam và Campuchia có tuyến biên giới dài hơn 1.200 km. Việt Nam có 10 tỉnh giáp biên giới Campuchia gồm 114 chợ biên giới, 8 khu kinh tế cửa khẩu. Tội phạm lợi dụng địa hình này để thực hiện các hoạt động mua bán người, bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, chúng đã lừa dối, ép buộc nhiều thanh niên, phụ nữ, trẻ em đưa qua Campuchia.

Từ đầu năm 2023 đến nay, tình hình tội phạm mua bán người tiếp tục diễn biến phức tạp. Các cơ quan chức năng Việt Nam phát hiện 158 vụ (tăng 60 vụ = 61,22% so với năm 2022), với 390 đối tượng. Trong đó, 142 vụ/361 đối tượng mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi, lừa bán 359 nạn nhân; 14 vụ/25 đối tượng mua bán bộ phận cơ thể người; 02 vụ/04 đối tượng mang thai hộ vì mục đích thương mại; thủ đoạn phổ biến là các đối tượng lợi dụng mạng xã hội qua Zalo, Viber, Facebook, lừa đảo trực tuyến tại các sòng bạc, cơ sở kinh doanh trò chơi trực tuyến...kéo theo tình trạng gia tăng hoạt động của tội phạm mua bán người từ Việt Nam qua Campuchia, chiếm hơn 10% tại khu vực Đông Nam Á¹³. Cụ thể:

- Tại Tây Ninh: Được xác định là một trong những địa bàn “nguồn”, “trung chuyển” của tội phạm mua bán người. Lợi dụng tình hình các casino, công ty game online bên phía Campuchia thiếu nguồn lao động, các đường dây tội phạm mua bán người đã lôi kéo nhiều người Việt Nam có nhu cầu qua Campuchia để lao động trái phép. Chỉ trong năm 2023, Công an tỉnh Tây Ninh đã phối hợp với các lực lượng chức năng nắm tình hình, tổ chức tuần tra, kiểm soát các khu vực biên giới, qua đó đã phát hiện và xử lý 13 vụ, 28 đối tượng xuất, nhập cảnh trái phép (24 Việt Nam, 04 Trung Quốc); đồng thời phía Campuchia tiến hành bàn giao 12 đợt, 125 người (03 ở Tây Ninh, trong đó có 01 đối tượng truy nã của tỉnh Tây Ninh, 03 trường hợp có liên quan đến đối tượng của Công an các tỉnh). Qua khai thác ban đầu, xác định đa số người được “giải cứu” từ các trung tâm cờ bạc trực tuyến, lừa đảo qua mạng do người Trung Quốc làm chủ lừa sang lao động bất hợp pháp tại Campuchia¹⁴.

¹³ Báo cáo tình hình, kết quả phòng, chống tội phạm mua bán người của Cục Cảnh sát hình sự – C02, năm 2023.

^{14,3,4,5} Báo cáo tình hình, kết quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người của PC02 Công an tỉnh Tây Ninh, Long An, An Giang, Gia Lai, Đắk Lắk năm 2023.

- Tại Long an: Năm 2023, qua theo dõi, phát hiện khoảng 277.630 lượt người Việt Nam sang Campuchia để du lịch, thăm thân, học tập, thương mại,... tìm ẩn nguy cơ hoạt động phạm tội lừa đảo, dẫn dụ, vận chuyển nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh Long An nói riêng và trên cả nước nói chung¹⁵.

- Tại An Giang: Từ năm 2021 đến 2023, ngành chức năng, chính quyền địa phương đã tiếp nhận 45 tin báo, tố giác về tội phạm mua bán người, đã giải quyết 45 tin, khởi tố 12 vụ, 23 bị can về tội mua bán người. Cũng trong năm 2023, lực lượng chức năng đã xử lý hơn 100 vụ xuất, nhập cảnh trái phép qua biên giới tỉnh An Giang với gần 140 đối tượng. Trong số này, có những công dân Việt Nam trốn về nước sau khi bị bán cho chủ các công ty ở Campuchia, bị quản thúc và bóc lột sức lao động¹⁶.

- Tại Gia Lai: Ngày 11/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bắt tạm giam Phan Ngọc Đức (32 tuổi, ngụ huyện Quỳnh Châu, Nghệ An) về tội mua bán người. Đức là một trong hai nghi can chính tham gia liên quan đến vụ án “lừa bán bảy người dân xã Ia O, huyện Ia Grai, Gia Lai” sang Campuchia làm “việc nhẹ lương cao”, gồm: Puih Đại, Puih Môi, Ksor Jói, Puih Chiêu, Ksor Gum, Puih Phú và Puih Thái (tuổi từ 16-28). Cả bảy nạn nhân hiện đã được lực lượng biên phòng giải cứu thành công, đưa về quê an toàn¹⁷.

- Tại Đắk Lắk: Ngày 25/8/2022, Cơ quan CSĐT đã khởi tố vụ án đối với các bị can Nguyễn Văn Hiền (SN 1996), Nguyễn Đăng Trung Hiếu (SN 2003), Trần Văn Ngân (SN 2000, cùng trú tỉnh Đắk Lắk) và Đỗ Thị Mỹ Hạnh (SN 1992, trú tỉnh Đồng Nai) về tội Mua bán người. Bốn nạn nhân bị lừa bán qua Campuchia cũng với thủ đoạn hứa hẹn “*Việc nhẹ lương cao*”.

Về phía Campuchia: Từ tháng 8/2022 đến tháng 12/2023, các cơ quan chức năng đã nhận được 1.276 yêu cầu can thiệp giải cứu, tìm kiếm công dân là nạn nhân của tội phạm buôn bán người. Qua công tác điều tra, cơ quan chức năng Campuchia đã đấu tranh giải quyết được 1.213 vụ, chiếm 97,7%, giải cứu kịp thời 2.155 người từ 21 quốc gia khác nhau, trong số này, công dân Việt Nam được cơ quan đại diện cùng với phía Campuchia giải cứu lên tới 400 người Việt Nam. chiếm khoảng 18%. Đa số các nạn nhân là người nhập cư bất hợp pháp, làm việc trái phép tại Campuchia¹⁸.

¹⁸ Báo cáo tình hình, kết quả đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn bán người của Cảnh sát Hoàng gia Campuchia, năm 2022 – 2023.

Ngoài những đường dây đưa người lao động sang Campuchia làm việc cưỡng bức với thủ đoạn “*việc nhẹ lương cao*”...thì trên tuyến biên giới này cũng xảy ra nhiều vụ lừa gạt đưa phụ nữ, trẻ em sang Campuchia bán cho các chủ chứa mại dâm ở Campuchia hoặc bán sang nước thứ 3 như Thái Lan, Malaysia, Hàn Quốc...Cơ quan chức năng hai nước đã phát hiện 15 tuyến, 53 địa bàn trọng điểm thường diễn ra hoạt động mua bán người ra nước ngoài, 76 tụ điểm mại dâm tại Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Tây Ninh. Thời gian tới, dự báo diễn biến tình hình tội phạm mua bán người tiếp tục sẽ có những diễn biến phức tạp, khó lường.

2. Kết quả hoạt động hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia

- Ngày 10/10/2005, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia đã ký Hiệp định hợp tác song phương nhằm loại trừ tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em và giúp đỡ nạn nhân bị buôn bán;

- Ngày 28/6/2006 và ngày 13/01/2007, hai bên đã tổ chức các hội thảo đánh giá nhu cầu hợp tác, bàn kế hoạch triển khai Hiệp định về phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em. Tại các hội thảo, đại biểu hai nước đã thảo luận về: Thành lập tiểu ban hỗn hợp và thực hiện quy trình hỗ trợ các nạn nhân bị buôn bán hồi hương theo hướng đơn giản hoá các thủ tục phù hợp với pháp luật của hai nước và thông lệ quốc tế. Từng nước tiến hành điều tra, khảo sát thu thập thông tin, tình hình về buôn bán phụ nữ và trẻ em tại địa bàn khảo sát; xây dựng kế hoạch truyền thông và bộ công cụ truyền thông; tập huấn cho cán bộ làm truyền thông; đào tạo nâng cao năng lực cán bộ địa phương; Thực hiện việc phòng ngừa; điều tra, truy tố, xét xử; bảo vệ hồi hương và tái hoà nhập cho nạn nhân.... Hai bên đã tiến hành hợp sơ kết hợp tác song phương về công tác phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em tại 7 tỉnh: An Giang, Tây Ninh, Đồng Tháp; Svay rieng, Kandal, Takeo, Pray vieng. Hai nước cũng đã tổ chức các cuộc họp xây dựng kế hoạch hành động chung phòng, chống buôn bán phụ nữ và trẻ em;

Ngày 12-13/7/2007 tại Hà Nội, hai nước đã tham gia Diễn đàn phụ nữ tiêu vùng Mêkông chủ đề: “*Phụ nữ đoàn kết, nâng cao vị thế trong hành động phòng chống buôn bán người và tăng cường bình đẳng giới*”. Diễn đàn được chia làm 6 phiên theo chủ đề, chủ yếu tập trung vào các biện pháp phòng ngừa buôn bán người: Khía cạnh giới trong hành động phòng chống buôn bán người; Các chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức; Nâng cao vị thế xã hội cho phụ nữ và tăng cường cơ hội giáo dục cho trẻ em; Sinh kế bền vững và nâng cao vị thế kinh tế của phụ nữ; Bảo vệ người di cư tại nơi đến và Lồng ghép chính sách. Hội nghị hợp tác phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới Việt Nam – Campuchia tổ chức tại tỉnh Tây Ninh ngày 23,24/10/2007 đã thống nhất kế hoạch: Tổ chức chiến dịch truyền thông tập trung vào các xã giáp biên giới

của hai nước; tổ chức cuộc họp cấp quốc gia giữa Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Bộ Phụ nữ Campuchia vào dịp cuối mỗi năm; cấp tỉnh tổ chức cuộc họp 6 tháng một lần; thành lập Bộ phận tham vấn cho lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Bộ Phụ nữ Campuchia; Tham quan mô hình hoạt động cộng đồng ở thôn Chan Iria và Trung tâm dạy nghề cộng đồng của xã Kha Set (huyện Kompong Ro, tỉnh Svay Riêng);

- Ngày 27 – 28/11/2008, Ban chỉ đạo Commit Việt Nam – Campuchia cũng đã tổ chức hội thảo thống nhất quy trình hợp tác phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em.

Với những hoạt động tích cực của hai nước, trong 4 năm (2005-2008) tại 10 tỉnh biên giới đã phát hiện được 95 vụ buôn bán phụ nữ, trẻ em với trên 300 đối tượng. Chúng đã lừa bán 331 phụ nữ và trẻ em. Qua điều tra, cơ quan chức năng đã khám phá được 75 vụ, bắt 240 đối tượng, giải cứu 38 nạn nhân, tái hoà nhập cộng đồng cho 215 phụ nữ, trẻ em bị buôn bán trở về.

- Ngày 28/9/2012, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Chính phủ hai nước đã ký Biên bản sửa đổi, bổ sung Hiệp định cho phù hợp với tình hình thực tế của thế giới, khu vực và mỗi nước. Qua gần 14 năm thực hiện Hiệp định, hai Bên đã phối hợp xây dựng Kế hoạch thực hiện Hiệp định; ký kết Thỏa thuận về Quy trình chuẩn trong xác minh, tiếp nhận, hồi hương nạn nhân; phối hợp điều tra, bắt giữ tội phạm, giải cứu, tiếp nhận, hồi hương nạn nhân; phối hợp truyền thông chung dọc biên giới 02 nước; xây dựng Cơ chế trao đổi thông tin và duy trì giao ban thường niên giữa các cấp... nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa hai Chính phủ về phòng, chống mua bán người ngày càng phát triển, đi vào chiều sâu, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở mỗi nước.

- Ngày 04-05/10/2016, tại thành phố cảng Siem Reap, Vương quốc Campuchia, Hội nghị Sơ kết 5 năm (2011 - 2015) thực hiện Hiệp định Việt Nam - Campuchia về phòng, chống mua bán người và Quy trình chuẩn về xác minh, xác định và hồi hương nạn nhân. Các cơ quan chức năng của Việt Nam đã tiến hành khởi tố gần 30 vụ, 50 đối tượng, lừa bán hơn 100 nạn nhân sang Campuchia; tiến hành giải cứu, trao trả cho bạn hơn 60 đợt với hàng trăm nạn nhân. Phía Campuchia cũng đã tiến hành giải cứu, trao trả cho Việt Nam 77 phụ nữ bị mua bán (trong đó có 47 trường hợp được thực hiện đúng theo Quy trình chuẩn). Sau khi tiếp nhận hồi hương, các nạn nhân đã được các cấp, các ngành hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời để ổn định cuộc sống.

- Ngày 17/12/2019, tại Hà Nội, được sự đồng ý của Chính phủ 02 nước, Bộ Công an Việt Nam và Bộ Các vấn đề Phụ nữ Campuchia tổ chức Hội nghị

đánh giá kết quả phối hợp thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam và Campuchia về hợp tác song phương trong phòng, chống mua bán người và bảo vệ nạn nhân bị mua bán giai đoạn 2017 – 2019.

- Giai đoạn 2020 – 2022, với vai trò chủ trì, Bộ Công an đã thực hiện hiệu quả nhiều nhiệm vụ quan trọng như: Tham mưu Ban chỉ đạo 138/CP ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam và Campuchia về hợp tác loại trừ nạn mua bán người và bảo vệ nạn nhân bị mua bán giai đoạn 2020 – 2022; ban hành Quyết định kiện toàn Nhóm Công tác liên ngành thực hiện hiệp định. Thời điểm trong và sau dịch Covid – 19, với sự phối hợp của các cơ quan trong nước, đặc biệt là sự phối hợp chặt chẽ của phía Campuchia, các cơ quan của hai bên đã đưa về nước khoảng 400 trường hợp, đồng thời hướng dẫn can thiệp và hỗ trợ pháp lý cho khoảng 1.500 trường hợp công dân gặp khó khăn trong xuất cảnh, đi lại, gia hạn cư trú hay có hành vi vi phạm pháp luật sở tại.

Bên cạnh những kết quả như trên, công tác hợp tác quốc tế về đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người nói chung, hợp tác với Campuchia nói riêng vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, chưa đáp ứng được đòi hỏi của tình hình và chưa đạt hiệu quả như mong muốn do nhiều nguyên nhân về thủ tục tư pháp, rào cản ngoại giao, hệ thống pháp luật. Pháp luật nước ta vẫn còn tồn tại một số điểm bất cập cần được sửa đổi, bổ sung như vấn đề bảo vệ nạn nhân bị mua bán trong quá trình tố tụng, nhất là việc giữ bí mật đời tư và nhận dạng của nạn nhân, việc quy định các thủ tục tố tụng nhạy cảm đối với các nạn nhân dễ bị tổn thương, việc hỗ trợ hồi hương và tái hòa nhập cho nạn nhân. Nhiều yêu cầu của phía Việt Nam đề nghị cơ quan hữu quan nước bạn xác minh (nhất là các trường hợp giải cứu nạn nhân), nhưng trong nhiều trường hợp vẫn không nhận được công hàm trả lời, dẫn đến việc giải cứu nạn nhân, truy bắt đối tượng lẩn trốn hiệu quả thấp. Một số vụ án cần thiết phải cử các tổ công tác qua Campuchia điều tra để giải cứu nạn nhân, khai thác các đối tượng là người Việt Nam bị lực lượng chức năng nước bạn bắt giữ về tội mua bán người để thu thập tài liệu, chứng cứ và truy bắt các đối tượng nghi vẫn đang hoạt động trong nước nhưng gặp nhiều khó khăn do các rào cản về pháp lý.

3. Giải pháp thúc đẩy hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia nhằm nâng cao năng lực đấu tranh phòng, chống mua bán người

Quan hệ hợp tác phòng, chống tội phạm mua bán người giữa Việt Nam với các nước trong khu vực nói chung, với Campuchia nói riêng vẫn chưa tương xứng với nhu cầu và tiềm năng hợp tác của mỗi nước. Trong giai đoạn tới, hợp tác trong phòng, chống mua bán người có những bối cảnh mới, với những thuận lợi, khó khăn, đòi hỏi phải có định hướng và giải pháp mới phù hợp với cả Việt Nam và Campuchia, trong đó lực lượng Công an giữ vai trò nòng cốt, kịp thời

phát hiện, phối hợp giải cứu, xác minh và làm các thủ tục cần thiết để hồi hương nạn nhân bị mua bán về nước. Nhằm tăng cường hơn nữa hiệu quả hợp tác trong phòng, chống mua bán người, cần tiếp tục triển khai các nội dung sau đây:

Thứ nhất, lực lượng Công an hai nước, nhất là các tỉnh có đường biên giới giáp Campuchia cần tham mưu thực hiện có hiệu quả và thực chất, thường xuyên hơn, chất lượng hơn, thông qua hoạt động của các Văn phòng BLO, các chương trình hợp tác phòng, chống tội phạm, phạm vi cần được mở rộng, kết nối với lực lượng Hiến binh của Campuchia bạn, không chỉ dừng lại lực lượng Cảnh sát Hoàng gia. Làm sâu sắc, sinh động, cụ thể hơn nữa nội hàm các thỏa thuận, hiệp định song phương ở giai đoạn mới, 2021 – 2025, tầm nhìn 2030. Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, địa phương, lực lượng chức năng hai nước tiếp tục thiết lập, duy trì đường dây nóng, nhằm trao đổi thông tin, xác định đầu mối phối hợp điều tra, bắt giữ, chuyển giao, truy nã đối tượng phạm tội và giải cứu, tiếp nhận, bảo vệ nạn nhân bị mua bán.

Thứ hai, đẩy mạnh hợp tác với Campuchia trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sự nguy hiểm của nạn mua bán người, tuyên truyền pháp luật, thông báo phương thức thủ đoạn phạm tội, nhất là thủ đoạn tuyển dụng lao động “*làm việc nhẹ, lương cao*” nhưng thực chất là hoạt động phạm tội...tập trung vào những khu vực, địa bàn các tỉnh giáp biên, miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tốt các văn bản thỏa thuận hợp tác với giữa Hội Phụ nữ các địa phương của Việt Nam với Campuchia; Tăng cường các hoạt động giao lưu, trao đổi, chia sẻ và tổ chức các đợt truyền thông chung cho người dân khu vực biên giới về phòng, chống mua bán người, di cư trái phép và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của người dân, nâng cao cảnh giác không bị các đối tượng phạm tội lợi dụng, dụ dỗ, lôi kéo thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ ba, lực lượng Công an hai nước cần chủ công, thường xuyên phối hợp với lực lượng Biên phòng, Hải quan kiểm soát chặt chẽ hoạt động xuất nhập cảnh qua các cửa khẩu và thực hiện công tác đối ngoại để trao đổi thông tin với lực lượng chức năng nước bạn Campuchia trên tuyến biên giới về các đối tượng có biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội thường xuyên qua lại biên giới. Tăng cường phối hợp tuần tra, kiểm soát các khu vực đường mòn, lối mở, dịp thời phát hiện, ngăn chặn, phòng ngừa hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh với mục đích phạm tội xuyên biên giới. Giám sát nghiệp vụ trong nội địa, ngăn chặn các băng, nhóm lôi kéo, dụ dỗ, xuất cảnh sang Campuchia “*làm việc nhẹ hưởng lương cao*” trái phép.

Thứ tư, đổi mới, tăng cường phối hợp với Cảnh sát Campuchia triển khai thực hiện có hiệu quả các mặt công tác nghiệp vụ cơ bản, chủ động nắm chắc tình hình, tập trung điều tra, thu thập, kịp thời bổ sung, điều chỉnh thông tin về địa bàn, tuyến trọng điểm, các đường dây, tổ chức, cá nhân có biểu hiện nghi vấn hoạt động mua bán người hoặc di cư trái phép sang Campuchia. Tiến hành kiểm danh, kiểm diện, tăng cường nắm hộ, nắm đối tượng thường xuyên qua lại biên giới, nguy trang bằng nhiều lý do nhưng mục đích qua Campuchia hoạt động phạm tội để có biện pháp răn đe, ngăn chặn. Chủ động trao đổi thông tin về di biến động của các đối tượng, kết hợp chặt chẽ giữa công tác nắm tình hình bằng các biện pháp nghiệp vụ truyền thống với ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ nắm tình hình, trong đó chú trọng sử dụng “Vai ảo” và Điều tra cơ bản hội, nhóm trên không gian mạng để có biện pháp phòng ngừa từ sớm, từ xa các hành vi phạm tội.

Thứ năm, tổ chức tiếp nhận, xác minh các nguồn tin báo, tố giác tội phạm của công dân, thông tin, tài liệu trên báo chí hoặc của cơ quan, đơn vị, tổ chức xã hội, cơ quan chức năng Campuchia chuyển giao nhằm phát hiện, khởi tố điều tra các vụ việc có dấu hiệu tội phạm mua bán người trên tinh thần Hiệp định, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia, phù hợp với pháp luật của mỗi nước và theo thông lệ quốc tế. Tổ chức điều tra, khám phá vụ án, đường dây tội phạm mua bán người và di cư trái phép xuyên quốc gia, có thể liên quan đến nạn nhân từ Việt Nam và Campuchia hoặc các nhóm tội phạm xuyên quốc gia liên quan đến mua bán người đang hoạt động trên lãnh thổ hai nước. Đối với một số vụ án mua bán người nghiêm trọng, cần báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền xác lập, đấu tranh chuyên án chung, cử tổ công tác qua lại giữa hai nước để kịp thời điều tra, khám phá vụ án, truy bắt đối tượng phạm tội, giải cứu và hồi hương nạn nhân.

Thứ sáu, các tỉnh có đường biên giới giáp ranh Campuchia cần tiếp tục kiện toàn Nhóm Công tác liên ngành thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam và Campuchia về hợp tác song phương trong phòng, chống mua bán người và bảo vệ nạn nhân bị mua bán, hàng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động ưu tiên hợp tác để thực hiện có hiệu quả Hiệp định, định kỳ luân phiên, hoặc tổ chức các cuộc họp đột xuất giữa hai nước để trao đổi các vấn đề cần thiết, đánh giá kết quả phối hợp.

Thứ bảy, phối hợp giữa cơ quan chức năng của hai nước thống nhất tạo ra các cơ hội hợp tác hỗ trợ nhau tổ chức đào tạo, tập huấn, hội thảo và chia sẻ kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm, thiết bị, phương tiện nhằm nâng cao năng lực thực thi pháp luật trong lĩnh vực phòng ngừa, xử lý các vụ án mua bán người và bảo vệ nạn nhân; Tổ chức chiến dịch truyền thông chung ít nhất 01 lần hưởng ứng “Ngày thế giới phòng, chống mua bán người - 30/7” trong năm 2024 – 2025./.

ÁP DỤNG ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ TRONG PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM VỀ KINH TẾ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI, THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT

Cục Cảnh sát kinh tế

1. Không nằm ngoài quy luật chung của thế giới, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam đã và đang mang lại những nhân tố tích cực, nhiều thành tựu mới đã và đang đạt được trong phát triển kinh tế, xã hội. Tuy nhiên quá trình toàn cầu hóa cũng tạo ra những thách thức mới tác động tiêu cực đến sự phát triển của Việt Nam nói chung, tình hình an ninh, trật tự nói riêng. Nổi bật là:

- Sự chuyển động tầm quốc tế quy mô lớn của hàng hóa, vốn với sự xuất hiện và phát triển của các doanh nghiệp đa quốc gia và các tổ chức kinh tế quốc tế dẫn đến dòng người, dòng tiền và hàng hóa chuyển từ nước này sang nước khác là điều kiện thuận lợi để các loại tội phạm mở rộng các hoạt động phạm tội xuyên quốc gia, có yếu tố nước ngoài, như: buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng cấm; tội phạm về tài chính, rửa tiền; tội phạm mua bán phụ nữ, trẻ em; tội phạm ma túy...

- Sự phát triển của các ngành công nghiệp và dịch vụ có tính toàn cầu hóa cao, thương mại toàn cầu tăng nhanh, đặc biệt là sự tăng trưởng mạnh mẽ của thương mại điện tử, ngoài các hàng hóa hợp pháp được lưu chuyển toàn cầu, thì hàng hoá phi pháp cũng sẽ tăng lên. Trong khi các hoạt động thương mại hợp pháp chịu sự điều chỉnh của các chính sách quản lý nhà nước của các lực lượng chức năng như Hải quan, Biên phòng, Công an, Quản lý thị trường... thì các nhóm tội phạm xuyên quốc gia tự do hoạt động và tận dụng những “lỗ hổng” của chính sách, luật pháp, lôi kéo nhân viên nhà nước để tăng cường hoạt động của chúng...

- Các hoạt động tội phạm có yếu tố nước ngoài ngày càng tăng cùng với những tiến bộ vượt bậc về công nghệ khi thế giới đang trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Thời gian qua, các loại tội phạm này đã triệt để lợi dụng sự phát triển của khoa học, công nghệ để thực hiện hành vi phạm tội, thủ đoạn đối phó ngày càng tinh vi, gây nhiều khó khăn cho công tác phát hiện, điều tra, xử lý của các cơ quan thực thi pháp luật. Đáng lo ngại là tình trạng các công ty 100% vốn nước ngoài, có hệ thống máy chủ, máy dự phòng đặt tại nước ngoài, dẫn tới khó kiểm soát dữ liệu, phát sinh rủi ro rất lớn và gây nhiều khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý vi phạm; các cá nhân, tổ chức lập công ty “ma” có địa chỉ ở cả trong và ngoài nước để phạm tội, lợi dụng công nghệ xây dựng hệ thống

cho vay trực tuyến thông qua các ứng dụng điện thoại (APP), lấy danh nghĩa là cho vay ngân hàng để biến tướng hoạt động tín dụng đen, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lợi dụng việc mua, bán tiền ảo, tiền kỹ thuật số, tiền điện tử trên các website các trang mạng thông qua mạng máy tính kết nối internet (chưa được cấp phép tại Việt Nam) để chuyển tiền ra nước ngoài trái phép, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, lợi dụng các phương tiện thanh toán điện tử (Vnpay, internet banking, mobile money...) để giao dịch chuyển tiền trong quá trình thực hiện tội phạm...

Nguyên nhân cơ bản của tình hình trên là do:

(1) Hệ thống hành lang pháp lý quy định về công tác quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính, thương mại chưa theo kịp diễn biến nhanh chóng của quá trình hội nhập quốc tế nói chung, hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng, đặc biệt là nhiều quy định, tiêu chuẩn của Việt Nam chưa tương đồng với thế giới khi Việt Nam tham gia các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đa phương, song phương về thương mại...

(2) Năng lực quản lý nhà nước của các cơ quan chức năng về kinh tế, tài chính, thương mại, đặc biệt là hoạt động thương mại xuyên quốc gia, có yếu tố nước ngoài còn hạn chế.

(3) Các đối tượng lợi dụng thành tựu của khoa học, công nghệ để phạm tội, sử dụng nhiều phương thức, thủ đoạn phạm tội và che giấu hành vi phạm tội tinh vi, có thể tổ chức, điều hành hoạt động vi phạm pháp luật xuyên quốc gia thông qua ứng dụng khoa học, công nghệ, mạng internet... (như: thực hiện hành vi vi phạm tại Việt Nam nhưng hệ thống máy chủ đặt tại nước ngoài; người nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hành vi vi phạm tại nước ngoài...).

(4) Công tác hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm kinh tế nói riêng còn nhiều hạn chế.

Việc hợp tác quốc tế trong đấu tranh, điều tra, xử lý tội phạm kinh tế còn một số hạn chế, một số nước có các đối tượng hoạt động tội phạm liên quan đến Việt Nam nhưng chưa có hiệp định tương trợ tư pháp song phương với Việt Nam nên việc phối hợp thiếu cơ sở pháp lý; Đối với những nước Việt Nam đã ký hiệp định tương trợ tư pháp thì việc triển khai thực hiện các hiệp định tương trợ tư pháp hình sự đôi khi còn mang tính hình thức, chưa đạt hiệu quả.

Trong khi đó, do pháp luật nhiều nước có sự khác biệt, chính sách bảo hộ đầu tư, kinh doanh, doanh nghiệp của các nước... nên nhiều yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, trao đổi thông tin liên quan đến các vụ việc về kinh tế của các nước còn hữu hạn, nhất là liên quan đến các hợp đồng kinh doanh, thông tin trả lời thường không đáp ứng yêu cầu tương trợ, như nhiều vụ án đề nghị tương

trợ cung cấp thông tin liên quan đến một số công ty có hoạt động kinh doanh với cá nhân, doanh nghiệp của Việt Nam, nhưng cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài trả lời do pháp luật nước đó, trong trường hợp này, việc cung cấp thông tin là do công ty tự nguyện nên không có thông tin trả lời, thậm chí có những vụ án không có thông tin phản hồi từ phía nước ngoài... ví dụ như hoạt động xác minh thông tin giao dịch cũng gặp nhiều khó khăn khi các đối tượng khi thực hiện hành vi vi phạm đã chuyển tiền qua nhiều ngân hàng tại các quốc gia khác nhau nên việc xác minh thông tin giao dịch, dòng tiền qua hệ thống ngân hàng gặp nhiều khó khăn do quy định pháp luật nhiều nước rất chặt chẽ trong việc tra cứu, xác minh thông tin giao dịch qua ngân hàng...

2. Trước tình hình trên, quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, chỉ thị, đối sách nghiệp vụ của lãnh đạo Bộ Công an, trong thời gian vừa qua, lực lượng Cảnh sát kinh tế đã chủ động đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, đoàn kết hiệp đồng để triển khai đồng bộ, quyết liệt, sáng tạo các biện pháp công tác nhằm thích ứng với sự đòi hỏi của yêu cầu, nhiệm vụ công tác trong tình hình mới. Đã nhận thức đúng và đề cao vai trò của công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, kế hoạch công tác đối ngoại của Bộ, gắn với lĩnh vực đặc thù công tác như: các văn bản Thỏa thuận hợp tác với các nước có quan hệ đặc biệt (Lào, Campuchia), Trung Quốc (đối tác chiến lược toàn diện có đường biên giới tiếp giáp với Việt Nam) và các Điều ước quốc tế, Thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam, Bộ Công an Việt Nam đã ký kết, tham gia. Theo đó, lực lượng Cảnh sát kinh tế đã chú trọng công tác nghiệp vụ cơ bản, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn và triệt phá thành công nhiều đường dây, tổ chức, đối tượng phạm tội xuyên quốc gia, có yếu tố nước ngoài nước ngoài; chủ động phối hợp với các đối tác nước ngoài đề xác minh, điều tra làm rõ các vụ việc có liên quan đến nước ngoài nhằm xác định rõ tội phạm, xử lý đúng, triệt để các đối tượng phạm tội. *Điển hình:*

- Vụ án “*Buôn lậu*”, “*Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới*”, “*Nhận hối lộ*”, “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”, “*Sử dụng con dấu tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”, “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”, “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”, “*Sản xuất, buôn bán hàng giả*”, “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*” xảy ra tại Công ty TNHH TMDV điện tử Thế Hải, Công ty TNHH TMDV Đầu tư Indo Vina và một số đơn vị liên quan: Các đối tượng đã thành lập nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam và nước ngoài nhằm lập hồ sơ xuất nhập khẩu hàng hóa, hoạt động

phạm tội với mục đích chính là: Chuyển lòng vòng cho các đối tượng ở nước ngoài để thanh toán cho các hợp đồng xuất, nhập khẩu của nhóm Công ty do các đối tượng lập nên để chiếm đoạt tiền hoàn thuế VAT; Chuyển tiền dịch vụ cho các cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu để thu phí; Quay vòng dòng tiền chuyển đi, mua tài sản, mua hàng ở nước ngoài; hối lộ cán bộ cơ quan thuế để tạo điều kiện cho các công ty “ma” hoạt động bán hóa đơn GTGT, kê khai khống hàng hóa đầu vào để được khấu trừ thuế... Quá trình điều tra, Cục Cảnh sát kinh tế đã thực hiện tương trợ tư pháp với lực lượng thực thi pháp luật các nước có liên quan để hỗ trợ xác minh, cung cấp thông tin có liên quan. Tuy nhiên, kết quả phản hồi liên quan đến hoạt động kinh doanh, chuyển tiền của các công ty có liên quan ở nước ngoài còn hạn chế, nhiều trường hợp cơ quan chức năng nước ngoài chậm trả lời, quá thời hạn điều tra vụ án, thông tin không đáp ứng theo yêu cầu hoặc không có thông tin phản hồi.

- *Vụ buôn lậu xăng trên vùng biển Quảng Ngãi, Việt Nam*: Ngày 14/4/2019, tại Vùng biển Quảng Ngãi, trong lãnh thổ Việt Nam, C03 đã chủ trì, phối hợp với một số đơn vị (Bộ Tư lệnh Cảnh sát Cơ động, Bộ Chỉ huy Bộ Đội Biên phòng tỉnh Quảng Ngãi, Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2) bắt quả tang các đối tượng đang có hành vi bơm xăng từ tàu mang quốc tịch Hàn Quốc, sang tàu mang quốc tịch Việt Nam. Quá trình điều tra, C03 đã khởi tố, bắt, tạm giam 02 bị can quốc tịch Hàn Quốc là thuyền trưởng và thuyền phó tàu mang quốc tịch Hàn Quốc; 01 bị can quốc tịch Đài Loan là đại diện chủ hàng. C03 thông qua kênh Cục lãnh sự Bộ Ngoại giao, đề nghị Đại sứ quán Hàn Quốc xác minh nhân thân hai đối tượng có quốc tịch Hàn Quốc (phía Hàn Quốc đã trả lời, xác nhận nhân thân). Ngày 18/11/2019, Cơ quan CSĐT-BCA có yêu cầu tương trợ tư pháp (gửi Viện Kiểm sát nhân dân tối cao) đề nghị Cơ quan tư pháp vùng lãnh thổ Đài Loan xác minh cung cấp một số thông tin liên quan đến vụ việc.

- *Vụ buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới xảy ra tại thôn Pò Nhùng, xã Cao Lâu, Cao Lộc, Lạng Sơn*: 21h30 ngày 14/12/2018, tại thôn Pò Nhùng, xã Cao Lâu, Cao Lộc, Lạng Sơn, C03 phối hợp các đơn vị chức năng bắt quả tang các đối tượng gồm người Việt Nam và Trung Quốc đang có hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa gồm thuốc bắc, phụ tùng ô tô, đồ gia dụng... (tổng trị giá gần 7,7 tỷ VNĐ) qua biên giới từ Trung Quốc vào Việt Nam. Trong đó có 02 bị can người Trung Quốc. Đối tượng cầm đầu đường dây buôn lậu là Trịnh Đức Thọ đã lẩn trốn tại Trung Quốc. Sau gần 02 tháng phối hợp với Công an Trung Quốc truy bắt, Công an Trung Quốc đã bắt và trao trả cho phía Việt Nam (C03).

- *Vụ án Trần Bắc Hà* (cựu Chủ tịch Ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư phát triển Việt Nam – BIDV; bị khởi tố bị can, bắt tạm giam tháng 11/2018) và

đồng phạm vi phạm quy định về hoạt động, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng xảy ra tại Ngân hàng BIDV và một số chi nhánh, trong đó có liên quan đến Công ty Cổ phần Chăn nuôi Bình Hà trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và một số địa phương, doanh nghiệp thuộc Lào, Campuchia. C03 đã có đề nghị hỗ trợ xác minh một số cá nhân, tổ chức có liên quan tại Lào, Campuchia. Tháng 6/2019, C03 cũng đã tham gia cùng Đoàn liên ngành tư pháp trung ương trực tiếp sang Lào làm việc với Cơ quan tư pháp của Lào tại Viên Chăn. Kết quả: đã xác định được 03 Công ty tại Lào có liên quan đến vụ án, đang đầu tư và có phát sinh quan hệ tín dụng với Ngân hàng LaoVietBank; trên cơ sở đó, đã phối hợp với Cơ quan tư pháp Lào yêu cầu Ngân hàng LaoVietBank phong tỏa: 10 triệu USD tiền góp vốn; nhiều bất động sản là tài sản đảm bảo được định giá là 35.871.000.000 LAK (tương đương 4.483.000 USD); Ngày 24/12/2018, Cơ quan CSĐT Bộ Công an (C03) đã có yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự thông qua VKSNDTC gửi đến Bộ Tư pháp Vương quốc Campuchia để đề nghị hỗ trợ xác minh, thu hồi tài sản của ông Trần Bắc Hà tại Campuchia nhưng không thu hồi được tài sản từ phía Campuchia.

- Một số vụ án có bị can mang quốc tịch nước ngoài (trong đó, chủ yếu là người Việt Nam mang 02 quốc tịch Việt Nam và nước ngoài), như vụ án: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Rửa tiền” xảy ra tại Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Cơ quan CSĐT Bộ Công an (C03) đã khởi tố 02 bị can mang quốc tịch Hoa Kỳ gồm Khổng Minh Thế, nguyên Giám đốc Phòng Tái thẩm định Ngân hàng SCB (mang 02 quốc tịch: Việt Nam, Hoa Kỳ) và Trương Vincent Kinh, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Sài Gòn Peninsula (quốc tịch Hoa Kỳ); vụ án “Buôn lậu” xảy ra tại tỉnh Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh và các địa phương liên quan, trong đó có 01 bị can mang 02 quốc tịch Việt Nam, Hoa Kỳ... Để phục vụ công tác điều tra, C03 thông qua các kênh hợp tác quốc tế để xác minh, thu thập thông tin, tài liệu (yêu cầu tương trợ tư pháp (đầu mối VKSNDTC), kênh Interpol (C01/BCA), kênh đối ngoại BCA (V02)) theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, Điều ước quốc tế, Thỏa thuận quốc tế mà Chính phủ, cơ quan chức năng của Việt Nam đã ký kết liên quan đến hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm, tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ. Đồng thời, Cơ quan CSĐT Bộ Công an (C03) đã có văn bản gửi Cục V02 và Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao thông báo đến Đại sứ quán nước ngoài (quốc gia có công dân là bị can trong vụ án) để thực hiện bảo hộ công dân; đồng thời tích cực phối hợp để Đại sứ quán nước ngoài được thăm gặp lãnh sự đối với bị can (01 tháng/lần) theo đúng quy định...

3. Trong thời gian qua, Chính phủ, Bộ Công an Việt Nam đã đàm phán, ký kết nhiều điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế với Chính phủ, cơ quan chức năng của các nước, tạo cơ sở pháp lý quan trọng trong hợp tác quốc tế về phòng,

chống tội phạm nói chung, phòng, chống tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu nói riêng. Lực lượng Cảnh sát kinh tế đã nghiên cứu, quán triệt và thực hiện tốt các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà Chính phủ Việt Nam, Bộ Công an đã tham gia, ký kết. Quá trình điều tra, xử lý các vụ việc có yếu tố nước ngoài đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, ký kết. Trong các vụ án có người nước ngoài phạm tội tại Việt Nam, quá trình điều tra, xử lý, đã phối hợp trao đổi, xác minh thông tin với phía nước ngoài, thực hiện các cam kết quốc tế phù hợp với pháp luật Việt Nam (thực hiện thăm gặp lãnh sự đối với các bị can mang quốc tịch nước ngoài...); quá trình điều tra, xử lý các bị can người nước ngoài không gây ảnh hưởng đến quan hệ ngoại giao với các nước có công dân vi phạm pháp luật tại Việt Nam.

Tuy nhiên, về cơ bản, hoạt động hợp tác với các nước trong đấu tranh phòng, chống tội phạm kinh tế có yếu tố nước ngoài còn khó khăn do chủ yếu các vụ việc liên quan đến lĩnh vực kinh tế nên các nước còn hợp tác ở mức độ nhất định; quy định pháp luật của các nước cũng có sự khác biệt nên tài liệu, thông tin xác minh, hỗ trợ thường chưa đầy đủ theo yêu cầu của phía Việt Nam, thông tin trả lời chậm, thậm chí có nhiều vụ việc không nhận được thông tin phản hồi...

4. Trong những năm tới, hội nhập quốc tế toàn diện sâu, rộng của Việt Nam tiếp tục là mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh những thuận lợi để phát triển kinh tế đất nước chúng ta cũng phải đối mặt với không ít thách thức trên mọi lĩnh vực.

Việc mở rộng hợp tác về phát triển kinh tế khi Việt Nam đang thực hiện nghĩa vụ của thành viên trong các cam kết quốc tế (WTO, EVFTA...), đã và đang mang lại nhiều thành tựu trên mọi phương diện của quá trình phát triển đất nước. Tuy nhiên những vấn đề tiêu cực trong quá trình toàn cầu hóa chắc chắn tiếp tục tác động nhiều đến tình hình an ninh trật tự của đất nước. Cùng với đó là sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ trong cuộc cách mạng 4.0 sẽ tác động làm gia tăng xu hướng hoạt động của các loại tội phạm sử dụng công nghệ cao làm phát sinh nhiều yêu cầu hết sức mới mẻ trong công tác phòng ngừa, phát hiện, củng cố tài liệu, chứng cứ điện tử để xác minh, điều tra, xử lý các loại tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; tác động từ tình hình bất ổn về an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội trên thế giới, khu vực và trong nước...

Để chủ động đối phó với những diễn biến mới và nâng cao chất lượng công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, góp phần bảo đảm sự ổn định và phát triển đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, lực lượng Cảnh sát kinh tế phải chủ động xác

định rõ các yêu cầu, nhiệm vụ công tác đặt ra trong tình hình mới, đồng thời đề ra một số nhiệm vụ giải pháp triển khai thực hiện với tinh thần cầu thị, giữ vững nguyên tắc, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ Công an về công tác đảm bảo an ninh trật tự nói chung, công tác hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm nói riêng, đáp ứng các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể đề ra trong từng năm và theo giai đoạn, trọng tâm là:

(1) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, năng lực cho cán bộ chiến sỹ; đảm bảo ngân sách, phương tiện cho lực lượng Cảnh sát kinh tế trong tình hình mới. Thực tế hoạt động của các loại tội phạm kinh tế có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm kinh tế có yếu tố nước ngoài liên quan đến Việt Nam cho thấy tội phạm kinh tế thường sử dụng các phương tiện vận chuyển cũng như thiết bị công nghệ hiện đại để thực hiện tội phạm nhanh nhất, che giấu tội phạm tinh vi nhất, khó phát hiện, xác minh, thu thập chứng cứ (sử dụng vốn nước ngoài, đặt hệ thống máy chủ tại nước ngoài...)... Do đó, trong thời gian tới, Đảng ủy, lãnh đạo đơn vị sẽ tiếp tục quan tâm chỉ đạo quán triệt, thực hiện nghiêm các quan điểm chỉ đạo nhất quán, xuyên suốt của Đảng, Nhà nước ta về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng, kinh tế, buôn lậu vừa là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài, vừa là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, cấp bách, đồng thời, ngày càng đáp ứng sự kỳ vọng, mong muốn của Nhân dân, cán bộ, đảng viên với tinh thần kiên quyết, triệt để, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, tình hình thế giới, khu vực và trong nước. Trong đó, trọng tâm là:

Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ Công an về xây dựng lực lượng Công an nhân dân, trọng tâm là Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16-3-2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới và Kế hoạch số 118-KH/ĐUCA, ngày 25-5-2022 của Đảng ủy Công an Trung ương thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW; các đề án của Bộ về xây dựng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; đề án “nâng cao năng lực của cơ quan điều tra các cấp trong Công an nhân dân” theo chỉ đạo của lãnh đạo Bộ. Tiếp tục thực hiện việc bố trí cán bộ đáp ứng đúng tiêu chuẩn, tiêu chí 4 cấp Công an, bảo đảm “tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả”, xây dựng hệ lực lượng Cảnh sát kinh tế thật sự trong sạch, vững mạnh, từng bước chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới với mục tiêu mỗi cán bộ chiến sỹ phải “*Vững về chính trị, pháp luật; giỏi về nghiệp vụ, thông thạo kiến thức quản lý kinh tế; nghiêm về kỷ cương, kỷ luật; đẹp về đạo đức, tác phong*”.

Đồng thời, triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác tham mưu, chỉ huy, chỉ đạo và các mặt công tác

chuyên môn, nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát kinh tế. Triển khai thực hiện có hiệu quả Phần mềm nghiệp vụ cơ bản Cảnh sát và điều tra hình sự của Bộ, gắn với các phần mềm phục vụ điều hành công việc trực tuyến, góp phần nâng cao năng lực phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu.

(2) Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm có yếu tố nước ngoài liên quan đến Việt Nam: Tăng cường, chủ động triển khai thực hiện hiệu quả, có chiều sâu các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đa phương, song phương mà Việt Nam đã ký kết, tham gia. Tích cực, nhanh chóng hỗ trợ lực lượng thực thi pháp luật nước ngoài trong thực hiện tương trợ tư pháp, xác minh, cung cấp thông tin nhằm nâng cao vai trò, uy tín và tình hữu nghị giữa Việt Nam và các nước, từ đó, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm giữa Việt Nam với các nước; phát huy vai trò các kênh hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm mà Việt Nam đã tham gia (như kênh Interpol, Aseanapol...); đẩy mạnh trao đổi thông tin, phối hợp điều tra, xử lý các đối tượng, tổ chức, mạng xã hội, tên miền ở nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam...

(3) Tranh thủ sự hỗ trợ, ủng hộ của quốc tế về đào tạo, tập huấn và phương tiện, trang thiết bị hiện đại trong phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm kinh tế nói riêng: Phối hợp với các cơ quan đầu mối về hợp tác quốc tế, thông qua các khuôn khổ hợp tác quốc tế đa phương, song phương để tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ và hỗ trợ đào tạo chuyên sâu những kỹ năng điều tra, khám phá các vụ án có tổ chức, xuyên quốc gia, đặc biệt là tội phạm, vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thương mại quốc tế, sử dụng công nghệ cao thực hiện tội phạm, kể cả việc sử dụng công nghệ cao, mạng xã hội, mạng internet để chỉ đạo, điều hành, thực hiện tội phạm xuyên quốc gia...; tranh thủ sự giúp đỡ về trang thiết bị tiên tiến phục vụ hiệu quả cho công tác phát hiện tội phạm, giám định, thu thập chứng cứ...

(4) Nâng cao chất lượng công tác tham mưu, đề xuất hoàn thiện pháp luật, chính sách, pháp luật phòng, chống tội phạm của Việt Nam nói chung, hệ thống các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế nói riêng, nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm kinh tế nói chung, hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm kinh tế có yếu tố nước ngoài nói riêng. Duy trì, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế với các cơ quan chức năng của các nước là đối tác trọng điểm, có nhiều hoạt động cần hợp tác phòng, chống tội phạm, tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ, truy bắt đối tượng truy nã: Các cơ quan đầu mối của Bộ Công an về hợp tác quốc tế, đối ngoại, ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế cần thường xuyên có đánh giá về nhu cầu hợp tác, hiệu quả hợp tác, hỗ

trợ của các đối tác nước ngoài để đề xuất giải pháp phù hợp, thúc đẩy hiệu quả hợp tác quốc tế đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm kinh tế nói riêng; rà soát, ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, kế hoạch hợp tác quốc tế với các cơ quan chức năng của các nước; Nghiên cứu thiết lập các kênh liên lạc, hình thức liên lạc cụ thể để nâng cao hiệu quả phối hợp với cơ quan chức năng của các nước trong xử lý, giải quyết các vụ việc cụ thể có liên quan.../.

ÁP DỤNG ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ TRONG ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI Ở VIỆT NAM

*Đại tá Vũ Văn Đấu,
Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát hình sự*

I. Đặt vấn đề

Qua 10 năm thực hiện Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (từ năm 2013 đến năm 2023), công tác phòng, chống tội phạm mua bán người của Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng, góp phần hạn chế tội phạm mua bán người ở Việt Nam. Bài tham luận trình bày về nội dung: áp dụng điều ước quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người ở Việt Nam trong 10 năm qua và một số kiến nghị, đề xuất.

II. Nội dung

1. Thực trạng áp dụng điều ước quốc tế trong phòng, chống tội phạm mua bán người tại Việt Nam

Theo đánh giá của Cơ quan phòng, chống ma túy và tội phạm của Liên hợp quốc (UNODC) và Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (Interpol), những năm gần đây, khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, nhất là các nước Tiểu vùng sông Mê Kông (trong đó có Việt Nam), tình hình tội phạm mua bán người vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Ước tính mỗi năm lợi nhuận từ hoạt động tội phạm mua bán người tại khu vực này đạt hàng chục tỷ đô la. Tại Việt Nam, tình hình tội phạm mua bán người tiếp tục diễn biến phức tạp, nhiều vụ nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài, bị khống chế bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động... gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Để phòng, chống tội phạm mua bán người, Liên hợp quốc, các quốc gia Đông Nam Á và các tổ chức quốc tế đã xây dựng, ban hành nhiều văn bản pháp lý quan trọng như: Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; Nghị định thư về phòng, chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường không, bổ sung cho Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; Công ước về quyền trẻ em; Nghị định thư không bắt buộc bổ sung cho Công ước về quyền trẻ em, buôn bán trẻ em, mua dâm trẻ em và văn

hóa phẩm khiêu dâm trẻ em; Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em; Công ước nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất...

Đây là những công cụ pháp lý đóng vai trò quan trọng và là nền tảng trong nỗ lực phòng, chống tội phạm mua bán người trên toàn cầu. Tội phạm mua bán người là một vấn đề xuyên quốc gia. Do đó, để đối phó với loại tội phạm này, không một quốc gia nào có thể đứng một mình. Các điều ước quốc tế trở thành công cụ hợp tác không thể thiếu, qua đó các quốc gia thành viên cam kết chung tay giải quyết vấn đề thông qua các hoạt động:

(1) Xác định các tiêu chuẩn quốc tế: Các điều ước quốc tế về phòng, chống mua bán người, như Nghị định thư bổ sung về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, một phần của Công ước Liên hợp quốc về tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, xác định rõ ràng những gì cấu thành tội phạm mua bán người và các tiêu chuẩn quốc tế mà các quốc gia thành viên cần tuân thủ. Điều này giúp hình thành một khung pháp lý và chính sách thống nhất, tạo cơ sở cho việc phát triển và thực thi luật pháp quốc gia.

(2) Thúc đẩy hợp tác quốc tế: Các điều ước quốc tế khuyến khích và tạo điều kiện cho hợp tác quốc tế thông qua việc chia sẻ thông tin, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính, và điều phối các hoạt động chống buôn người. Sự hợp tác này có thể diễn ra giữa các cơ quan thực thi pháp luật, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức quốc tế.

(3) Bảo vệ nạn nhân: Một phần quan trọng của các điều ước quốc tế nhấn mạnh vào việc bảo vệ nạn nhân của tội phạm mua bán người, bao gồm quyền được bảo vệ, hỗ trợ y tế, tâm lý và cơ hội tái hòa nhập cộng đồng. Các quy định này đảm bảo rằng nạn nhân được tiếp cận công lý mà không bị đối xử như tội phạm và được cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cần thiết.

(4) Xác định trách nhiệm của các quốc gia thành viên: Các điều ước cũng đặt ra trách nhiệm cho các quốc gia thành viên trong việc điều tra, truy tố và trừng phạt các tội phạm mua bán người, đồng thời tạo ra các chế tài pháp lý mạnh mẽ đối với tội phạm mua bán người. Việc xác định này thúc đẩy việc tạo ra các biện pháp phòng ngừa hiệu quả và tăng cường khả năng phản ứng của pháp luật trước tội phạm mua bán người.

Mặc dù có vai trò quan trọng, việc áp dụng và thực thi các điều ước quốc tế vẫn đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm sự khác biệt về luật pháp và thực tiễn giữa các quốc gia, sự thiếu hụt nguồn lực và khó khăn trong việc đảm bảo sự hợp tác từ tất cả các quốc gia thành viên. Điều này đòi hỏi một cam kết mạnh

mẽ và liên tục từ cộng đồng quốc tế để đảm bảo các điều ước được thực thi một cách hiệu quả.

Có thể nói, các điều ước quốc tế đóng một vai trò không thể thiếu trong việc hình thành một phản ứng toàn cầu đối với tội phạm mua bán người. Chúng tạo ra một khung pháp lý và chính sách thống nhất, thúc đẩy hợp tác quốc tế, bảo vệ quyền lợi của nạn nhân, và đặt ra trách nhiệm cho các quốc gia trong việc đối phó với vấn đề này. Sự hợp tác và cam kết từ tất cả các bên liên quan là cần thiết để các quốc gia có liên quan vượt qua thách thức và hạn chế, đảm bảo việc thực thi các điều ước một cách hiệu quả, góp phần vào cuộc chiến chống lại tội phạm mua bán người trên toàn cầu.

Cùng với các nước trên thế giới và khu vực, Việt Nam là một trong những quốc gia sớm ký kết, tham gia các công ước, nghị định thư của Liên hợp quốc; thỏa thuận, tuyên bố, bản ghi nhớ của ASEAN, các nước trong khu vực; Hiệp định, thỏa thuận hợp tác với các nước có liên quan về phòng, chống mua bán người. Sự tham gia vào các điều ước này đòi hỏi Việt Nam không chỉ phải nâng cao nhận thức và hợp tác quốc tế mà còn phải mạnh mẽ thực thi luật pháp quốc gia, điều chỉnh chúng để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, cụ thể:

Ngày 29/12/2011, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Quyết định số 2549/2011/QĐ-CTN về việc phê chuẩn Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; Quyết định số 2550/2011/QĐ-CTN về việc gia nhập Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

Ngày 18/4/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 605/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

Ngày 13/12/2016, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Quyết định số 2674/2016/QĐ-CTN về việc phê chuẩn Công ước ASEAN về phòng, chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

Trong 10 năm qua, Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp quan trọng để áp dụng các điều ước quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người:

(1) Tăng cường hợp tác quốc tế: Hợp tác với các quốc gia trong khu vực và quốc tế để trao đổi thông tin và thực hiện các chiến dịch chung trong phòng, chống tội phạm mua bán người.

Tăng cường hợp tác quốc tế là một trong những chiến lược hiệu quả nhất trong việc phòng chống tội phạm mua bán người. Việt Nam nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của hoạt động này và không ngừng nỗ lực mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế thông qua nhiều kênh và cơ chế khác nhau.

Hợp tác đa phương:

Trong khuôn khổ hợp tác đa phương, Việt Nam tích cực tham gia vào các tổ chức và hiệp ước quốc tế như Liên hợp quốc, ASEAN và Interpol. Sự tham gia này không chỉ giúp Việt Nam hưởng lợi từ việc trao đổi thông tin, hỗ trợ kỹ thuật và nguồn lực mà còn giúp Việt Nam chia sẻ kinh nghiệm cũng như những thách thức của mình với cộng đồng quốc tế, từ đó tìm kiếm giải pháp chung.

Liên Hợp Quốc: Việt Nam tham gia vào các chương trình và dự án do các cơ quan của Liên Hợp Quốc như UNODC và UNICEF (Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc) điều phối, tập trung vào việc nâng cao nhận thức, xây dựng năng lực và cung cấp hỗ trợ cho các nạn nhân mua bán người.

ASEAN và Hợp tác Mê Kông: Là một thành viên tích cực, Việt Nam đã đóng vai trò quan trọng trong "Kế hoạch hành động ASEAN về Phòng, chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em" và các sáng kiến hợp tác tiểu vùng Mê Kông. Những nỗ lực này nhấn mạnh vào việc tạo dựng một khu vực tự do và an toàn cho mọi người, bằng cách tăng cường hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật và tổ chức phi chính phủ.

Hợp tác song phương và khu vực:

Bên cạnh hợp tác đa phương, Việt Nam cũng tích cực tìm kiếm và thiết lập các thỏa thuận hợp tác song phương với các quốc gia khác, đặc biệt là những quốc gia có biên giới chung và là điểm đến hoặc điểm xuất phát của các nạn nhân mua bán người.

Hiệp định hợp tác song phương với các nước có chung đường biên giới, có đông người Việt Nam làm ăn, sinh sống, có nhiều trường hợp nghi là nạn nhân bị mua bán như Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan: Những Hiệp định này tập trung vào việc tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp tuần tra biên giới, và đào tạo chung để nâng cao khả năng ngăn chặn và điều tra các vụ mua bán người.

Ngoài ra, đối với các nước có đông nạn nhân và nghi là nạn nhân bị mua bán như Anh, Nga, Hàn Quốc, Malaysia, Việt Nam đã chủ động tổ chức khảo sát tình hình, ký kết và triển khai các Biên bản ghi nhớ hợp tác, ra Tuyên bố chung song phương, thúc đẩy đàm phán, ký kết hiệp định hợp tác về phòng, chống mua bán người.

Hợp tác với các tổ chức quốc tế: Việt Nam cũng làm việc chặt chẽ với các tổ chức quốc tế như IOM (Tổ chức Di cư quốc tế) và UNHCR (Cao ủy Liên hợp quốc về người tị nạn)... để hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, từ việc giáo dục và đào tạo nghề nghiệp đến tái hòa nhập xã hội.

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống mua bán người không chỉ là một nhu cầu mà còn là một chiến lược thiết yếu cho Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Qua việc tăng cường hợp tác song phương và đa phương, Việt Nam không chỉ nâng cao được năng lực của mình mà còn đóng góp vào nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế nhằm loại bỏ tội phạm mua bán người.

(2) Nâng cao nhận thức cho người dân về tội phạm mua bán người:

Tổ chức các chiến dịch truyền thông nhằm thông tin rộng rãi trong cộng đồng để tuyên truyền, giáo dục người dân về nguy cơ và dấu hiệu của tội phạm mua bán người đóng vai trò quan trọng trong phòng, chống tội phạm mua bán người.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, Việt Nam đã tiến hành nhiều chương trình, sáng kiến để tăng cường hiểu biết của người dân về tội phạm mua bán người. Các hoạt động nâng cao nhận thức bao gồm các nội dung: Nhận diện các dấu hiệu của mua bán người, cách bảo vệ bản thân và cộng đồng khỏi tội phạm mua bán người. Các chiến dịch truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức bao gồm:

Các chiến dịch truyền thông: Việt Nam đã sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng như truyền hình, đài phát thanh và mạng xã hội để phát động các chiến dịch nhằm nâng cao nhận thức của người dân về tội phạm mua bán người. Các chiến dịch này cung cấp thông tin về cách nhận biết tội phạm mua bán người, thủ đoạn mua bán người và các biện pháp phòng ngừa.

Các chương trình giáo dục tại trường học: Việt Nam cũng tích cực tích hợp thông tin và giáo dục về phòng, chống tội phạm mua bán người vào chương trình giáo dục phổ thông nhằm trang bị cho thế hệ trẻ những kiến thức cơ bản và ý thức tự bảo vệ trước tội phạm mua bán người.

Hợp tác với các tổ chức phi chính phủ (NGOs):

Nhiều tổ chức phi chính phủ quốc tế và trong nước đang làm việc cùng với chính phủ Việt Nam để thực hiện các chương trình nhằm tăng cường nhận thức về tội phạm mua bán người. Các tổ chức này thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn cho cán bộ trong các cơ quan nhà nước và người dân nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để phòng chống tội phạm mua bán người.

Phát triển mạng lưới hỗ trợ cộng đồng:

Việt Nam đã chủ động xây dựng các mạng lưới hỗ trợ trong cộng đồng, đặc biệt là việc đào tạo chuyên gia về cách nhận diện và hỗ trợ nạn nhân mua bán người. Những hoạt động này đóng vai trò quan trọng trong nỗ lực nâng cao nhận thức về tội phạm mua bán người. Ngoài ra, các mạng lưới hỗ trợ cộng đồng cũng tạo điều kiện cho việc chia sẻ thông tin và tài nguyên giữa các cộng đồng và cơ quan chức năng trong phòng, chống tội phạm mua bán người.

Tăng cường nhận thức về tội phạm mua bán người không chỉ là trách nhiệm của chính phủ mà còn là trách nhiệm của mỗi cá nhân và tổ chức trong xã hội. Một cộng đồng được giáo dục tốt không chỉ giảm thiểu nguy cơ trở thành nạn nhân mà còn trở thành lực lượng mạnh mẽ trong việc phát hiện và ngăn chặn tội phạm mua bán người. Sự kết hợp giữa chiến dịch truyền thông mạnh mẽ, giáo dục từ sớm và sự hợp tác chặt chẽ với các tổ chức phi chính phủ sẽ tạo nên một nền tảng vững chắc cho công tác phòng, chống tội phạm mua bán người.

(3) Tăng cường khung pháp lý: Sửa đổi và ban hành các luật và quy định mới nhằm tăng cường khả năng đấu tranh và trừng phạt các tội phạm mua bán người.

Việt Nam đã tiến hành nhiều thay đổi quan trọng trong khung pháp lý của mình, đồng thời tăng cường hợp tác song phương và đa phương trong phòng, chống tội phạm mua bán người. Các bước tiến này không chỉ thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc thực thi các điều ước quốc tế mà còn phản ánh sự nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc xây dựng một hệ thống pháp luật mạnh mẽ để bảo vệ những người dễ bị tổn thương nhất.

Việt Nam đã sửa đổi Luật hình sự, Luật phòng, chống mua bán người và các văn bản pháp luật có liên quan (Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2012 của Chính phủ quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ; Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người...), theo đó:

Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đã tăng cường quy định về tội mua bán người theo hướng phù hợp hơn với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

Luật Phòng, chống mua bán người (năm 2011) và các văn bản pháp lý có liên quan: Đây là bước tiến quan trọng của Việt Nam trong việc thiết lập một khung pháp lý chuyên biệt nhằm phòng, chống tội phạm mua bán người. Luật này không chỉ xác định rõ các biện pháp phòng, chống tội phạm mua bán người

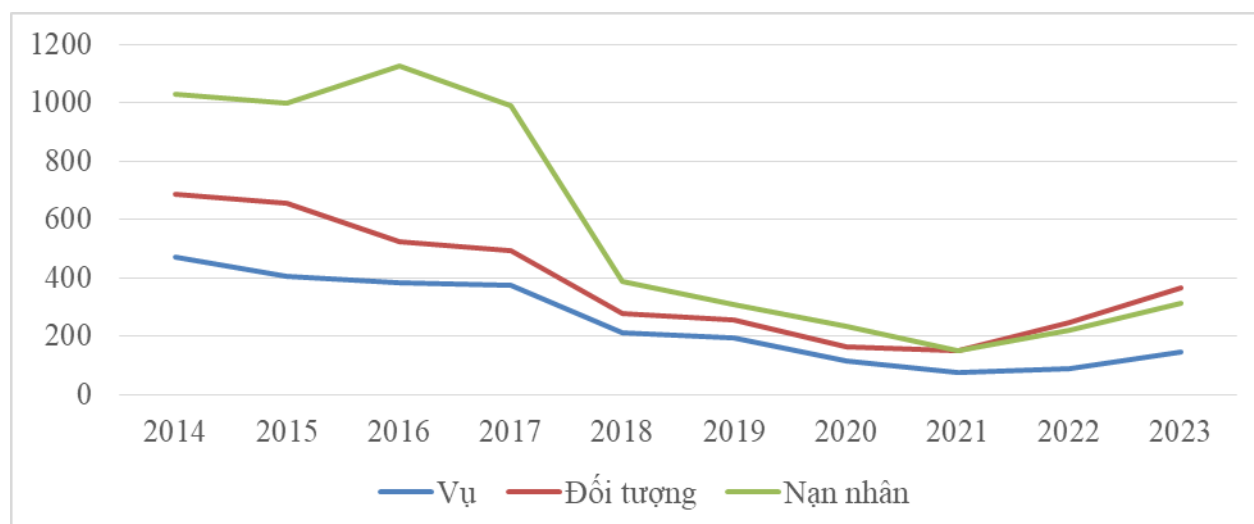
mà còn quy định về việc bảo vệ và hỗ trợ các nạn nhân mua bán người, từ việc giáo dục cộng đồng đến việc cung cấp dịch vụ pháp lý và tâm lý xã hội.

(4) Trong công tác điều tra, truy tố và xét xử, lực lượng Công an phối hợp với Biên phòng các cấp đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, nắm chắc tình hình; xây dựng và phối hợp triển khai hàng chục kế hoạch nghiệp vụ, điều tra theo tuyến, địa bàn trọng điểm; hàng năm, mở cao điểm tấn công trấn áp tội phạm mua bán người trên phạm vi toàn quốc; phối hợp với lực lượng Công an, Biên phòng các nước có chung đường biên giới triển khai các biện pháp phòng ngừa, trao đổi thông tin, phối hợp điều tra, bắt giữ, chuyển giao đối tượng phạm tội, giải cứu nạn nhân. Ban Chỉ đạo 138/CP ban hành các kế hoạch chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương tổ chức tổng điều tra, rà soát tình hình hoạt động tội phạm mua bán người và các đối tượng khác có liên quan theo từng giai đoạn và hàng năm, được cập nhật, bổ sung số liệu kịp thời.

(5) Công tác tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán cũng không ngừng được tăng cường và thực hiện hiệu quả. Qua đó góp phần giải cứu, tiếp nhận và hỗ trợ hàng nghìn nạn nhân bị mua bán hồi hương, tái hòa nhập cộng đồng.

Với những nỗ lực nêu trên, Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực trong công tác phòng, chống tội phạm mua bán người.

Theo số liệu của Ban Chỉ đạo 138/CP, trong **10** năm (từ năm **2014** đến năm **2023**), toàn quốc phát hiện, điều tra khoảng trên **2.400** vụ mua bán người/**3.800** đối tượng, **5.700** nạn nhân.

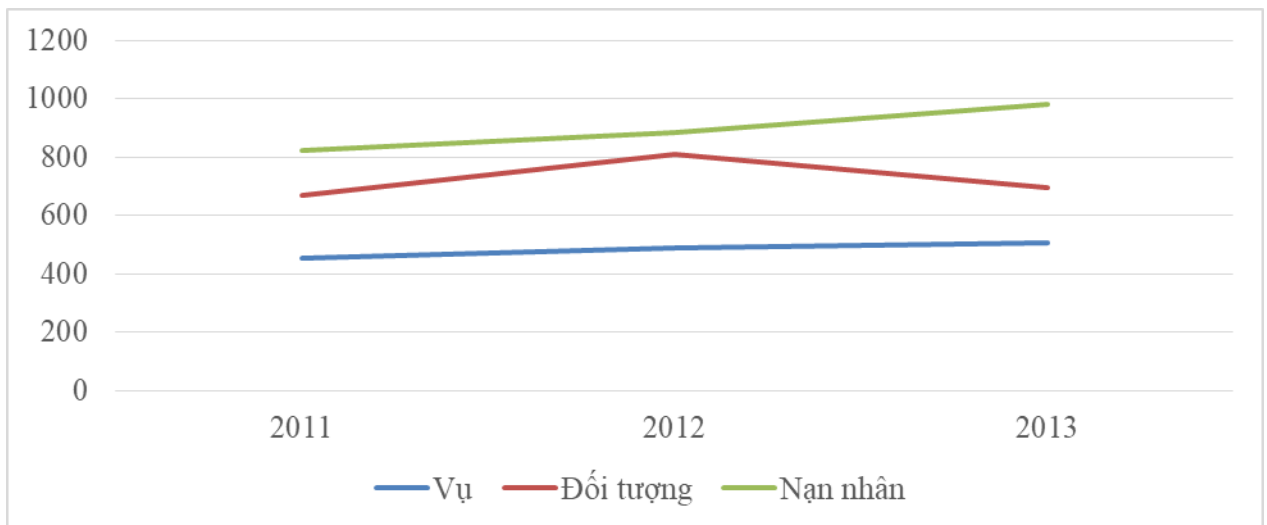


Biểu đồ 1: Tình hình tội phạm mua bán người (2014-2023)

Trong 10 năm qua, tình hình tội phạm mua bán người có xu hướng giảm đáng kể về số lượng vụ mua bán người, số đối tượng và số nạn nhân qua các năm,

đặc biệt từ năm 2018 trở đi. Tỷ lệ trung bình của tội phạm mua bán người vào khoảng **240 vụ/380 đối tượng/570 nạn nhân/1 năm**.

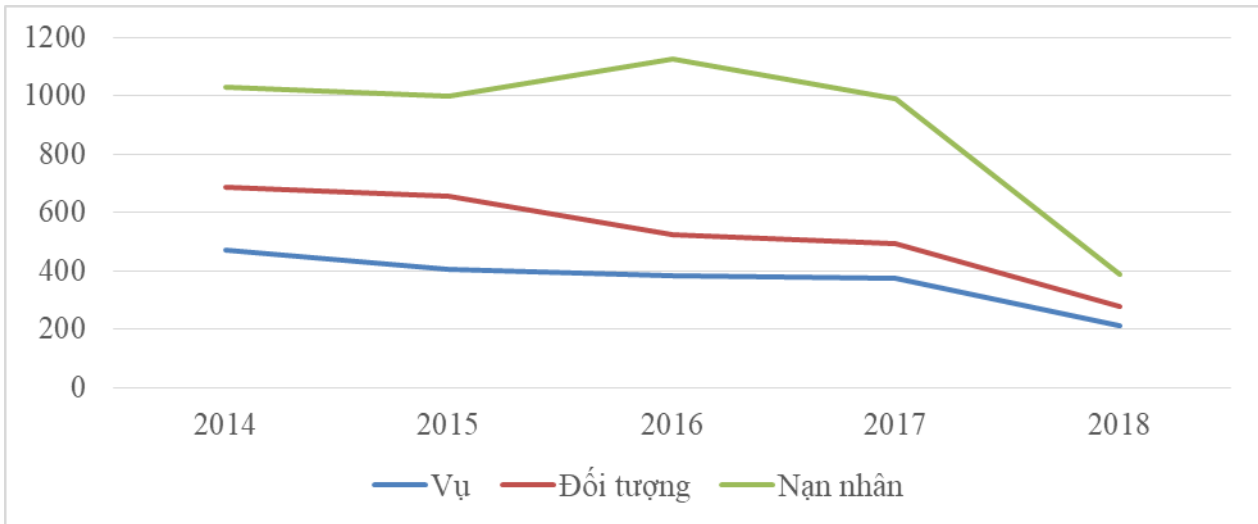
Phân tích các số liệu thống kê về tình hình tội phạm mua bán người kể từ thời điểm ban hành Luật phòng, chống mua bán người (ban hành ngày 29/03/2011, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012) đến thời điểm Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 605/QĐ-TTg ngày 18/04/2013 phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (Quyết định số 605 của Thủ tướng Chính phủ) cho thấy:



Biểu đồ 2: Tình hình tội phạm mua bán người (2011-2013)

Trong 03 năm (2011-2013), tình hình tội phạm mua bán người duy trì ở mức cao cả về số vụ, số đối tượng và nạn nhân. Tỷ lệ trung bình của tội phạm mua bán người vào khoảng **480 vụ/720 đối tượng/890 nạn nhân/1 năm**.

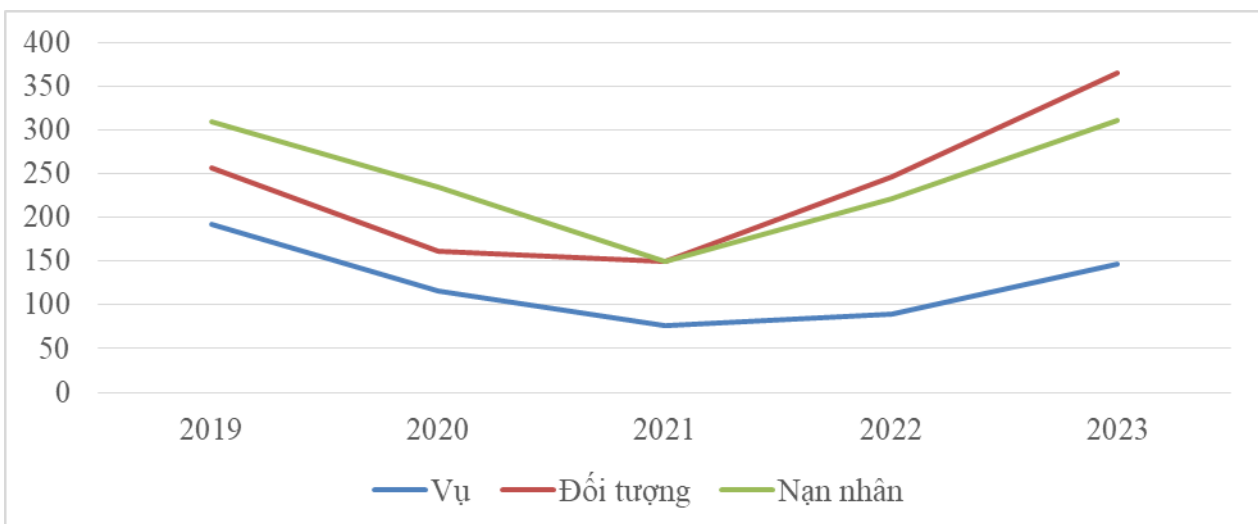
Trong 10 năm (2014-2023), tình hình tội phạm mua bán người có sự thay đổi rõ rệt sau mốc 05 năm (2014-2018), cụ thể:



Biểu đồ 3: Tình hình tội phạm mua bán người (2014-2018)

Số liệu thống kê cho thấy, tình hình tội phạm mua bán người trong giai đoạn này vẫn ở mức cao với tỷ lệ trung bình vào khoảng **370 vụ/520 đối tượng/900 nạn nhân/1 năm**.

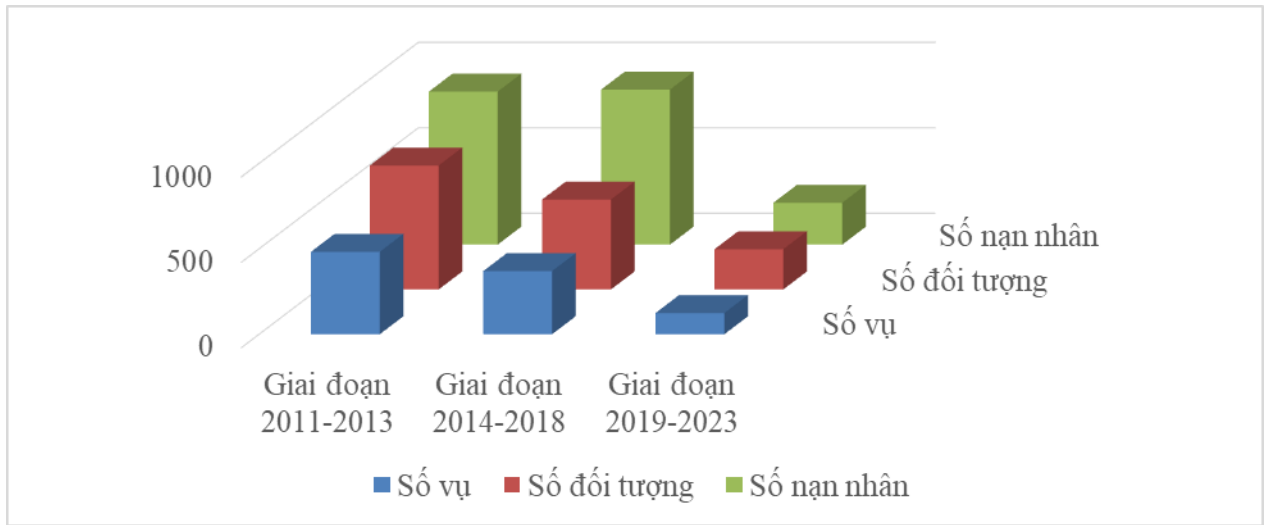
Tuy nhiên, tình hình tội phạm mua bán người trong giai đoạn 2019-2023 tuy có diễn biến tăng giảm thất thường (nếu tính từ mốc 2019) nhưng đã giảm đáng kể so với giai đoạn 05 năm trước đó. Tỷ lệ trung bình vào khoảng **120 vụ/230 đối tượng/240 nạn nhân/1 năm**.



Biểu đồ 4: Tình hình tội phạm mua bán người (2019-2023)

Như vậy, nếu so sánh số liệu trung bình năm của 03 giai đoạn: (1) Giai đoạn 03 năm (2011-2013) trước thời điểm ban hành Quyết định số 605 của Thủ tướng Chính phủ; (2) Giai đoạn 05 năm (2014-2018); (3) Giai đoạn 05 năm (2019-2023), tình hình tội phạm mua bán người ở Việt Nam đã có những thay đổi

rất tích cực với tỷ lệ giảm rất cao (từ trung bình **480** vụ/năm xuống còn **120** vụ/năm).



Biểu đồ 5: Trung bình năm về tội phạm mua bán người

Có thể nói, trong cuộc chiến chống lại tội phạm mua bán người, Việt Nam đã chứng minh nỗ lực của mình bằng những cam kết mạnh mẽ thông qua việc áp dụng điều ước quốc tế, tăng cường hợp tác quốc tế, các hoạt động nâng cao nhận thức của người dân về tội phạm mua bán người. Mỗi bước tiến, mỗi chiến dịch hay sáng kiến không chỉ là nỗ lực đơn lẻ mà là một phần của chiến lược toàn diện nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Trách nhiệm trong cuộc chiến này không chỉ dừng lại ở chính phủ mà còn cần sự tham gia của mọi tầng lớp xã hội. Sự hợp tác và cam kết từ mọi phía sẽ tạo nên sức mạnh đồng lòng, góp phần xây dựng một xã hội Việt Nam không còn tội phạm mua bán người.

2. Khó khăn, vướng mắc

Quá trình áp dụng các điều ước quốc tế trong phòng, chống tội phạm mua bán người trong 10 năm qua cho thấy bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Việt Nam vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Một số quy định cụ thể của Luật Phòng, chống mua bán người chưa tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Hành vi “mua bán người” theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 3 của Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia còn khác biệt dẫn đến xác định tiêu chí nạn nhân trong các vụ án còn chưa phù hợp với quy định của pháp luật về phòng, chống mua bán người hiện hành.

- Một số quy định pháp luật về phòng, chống mua bán người chưa phù hợp, dẫn đến khó khăn khi thực hiện như: Chưa có quy định về chi phí phiên dịch cho nạn nhân là người nước ngoài, nạn nhân là người dân tộc thiểu số.

- Công tác hỗ trợ nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng còn hạn chế. Việc thực hiện hỗ trợ trong nhiều trường hợp còn khó khăn do quá trình xác minh, xác định nạn nhân kéo dài, hoặc không có kết quả.

- Điều ước quốc tế về hợp tác song phương trong lĩnh vực phòng, chống mua bán người còn chưa nhiều. Hợp tác với các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam còn mang tính hình thức và chưa hiệu quả. Các khuyến nghị của các nước, các tổ chức quốc tế liên quan đến công tác phòng, chống mua bán người của Việt Nam chưa được nghiên cứu, xử lý kịp thời.

- Thiếu thỏa thuận hợp tác song phương về phòng, chống mua bán người, hiệp định tương trợ tư pháp hình sự, dẫn độ giữa Việt Nam với các nước có đông nạn nhân là người Việt Nam; tiêu chí để xác định hành vi mua bán người của Việt Nam với các nước, đặc biệt là với Trung Quốc chưa đồng nhất nên nhiều vụ án bị kéo dài hoặc bị tạm đình chỉ điều tra, dẫn đến việc xác minh, giải cứu nạn nhân chậm trễ.

3. Kiến nghị, đề xuất

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả áp dụng các điều ước quốc tế trong phòng, chống tội phạm mua bán người trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục thực hiện các nội dung chính sau đây:

- Xây dựng dự án Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi) theo đúng tiến độ đề ra (dự kiến thông qua năm 2024) nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý cho tổ chức, hoạt động, quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người, bảo đảm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của công tác phòng, chống mua bán người, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

- Rà soát toàn bộ những văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống mua bán người. Qua đó, đề xuất với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với thực tiễn, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

- Nâng cao hiệu quả áp dụng các điều ước quốc tế trong phòng, chống tội phạm mua bán người. Tăng cường hợp tác quốc tế, nâng cao nhận thức cho người dân về tội phạm mua bán người.

III. Kết luận

Tội phạm mua bán người là một tội phạm mang tính toàn cầu, đòi hỏi sự hợp tác của các quốc gia có liên quan trong cuộc chiến chống lại loại tội phạm này. Do đó, các điều ước quốc tế đóng một vai trò không thể thiếu trong việc hình thành một phản ứng toàn cầu đối với tội phạm mua bán người. Các điều ước quốc tế giúp tạo ra một khung pháp lý và chính sách thống nhất, thúc đẩy hợp tác quốc tế, bảo vệ quyền lợi của nạn nhân cũng như việc xác định trách nhiệm cho các quốc gia trong việc đối phó với tội phạm mua bán người. Sự hợp tác và cam kết từ tất cả các bên liên quan là cần thiết để vượt qua thách thức và hạn chế, đảm bảo việc thực thi các điều ước một cách hiệu quả, góp phần vào cuộc chiến chống lại tội phạm mua bán người trên toàn cầu.

V.V.Đ

THỨC ĐẨY HỢP TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM CÓ TỔ CHỨC, TỘI PHẠM XUYÊN QUỐC GIA GIỮA CÔNG AN TỈNH ĐIỆN BIÊN VỚI CÔNG AN CÁC TỈNH GIÁP BIÊN CỬA LÀO VÀ TRUNG QUỐC

Công an tỉnh Điện Biên

1. Tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia là một trong những mối đe dọa đối với an ninh toàn cầu, nó được tăng lên nhanh chóng và diễn biến phức tạp cùng với quá trình toàn cầu hóa và mở cửa của đất nước, loại tội phạm này đặt ra thách thức lớn đối với pháp luật, sự phát triển kinh tế - xã hội và vấn đề bảo vệ quyền con người tại mỗi quốc gia. Điện Biên là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng, là tỉnh duy nhất có chung đường biên giới với 02 quốc gia Lào và Trung Quốc với hơn 455km, trong đó, đường biên giới tiếp giáp với Lào là 414,7km, đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc là 40,86km, có các cửa khẩu và nhiều đường mòn, lối mở, đường tiểu ngạch qua lại hai bên biên giới; địa bàn vùng núi hiểm trở, người dân phần lớn đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống, đời sống còn nhiều khó khăn, nhận thức về pháp luật không đồng đều. Đây chính là điều kiện để các thế lực thù địch, các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia lợi dụng hoạt động.

Trong những năm gần đây, tình hình tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia trên địa bàn tỉnh Điện Biên có xu hướng tăng dần về cả số vụ việc lẫn tính chất, mức độ nghiêm trọng, trong đó chủ yếu là tội phạm về ma túy và hình sự... Giai đoạn 2013 - 2023, Công an tỉnh Điện Biên đã thụ lý, điều tra 9.150 vụ, 10.956 đối tượng, trong đó tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia là 56 vụ, 165 đối tượng, cụ thể: trên lĩnh vực kinh tế, môi trường 01 vụ, 02 đối tượng; lĩnh vực ma túy 53 vụ, 123 đối tượng; lĩnh vực hình sự 01 vụ, 40 đối tượng) thu giữ 03 xe ô tô; 1.850.000 Kíp Lào; 539,1 kg heroine, 203,86 kg ma túy tổng hợp, 5,6 kg thuốc phiện, 02 khẩu súng; 01 lựu đạn, 51 điện thoại di động, 02 hộ chiếu, 13 căn cước công dân và các tài liệu khác..., trong đó có một số chuyên án lớn, điển hình, như: (1) **Chuyên án chung bí số 822L:** qua triển khai ĐTCB theo 3 lớp, 5 lĩnh vực, Công an tỉnh Điện Biên đã phát hiện một đường dây mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy với số lượng lớn từ Lào vào tỉnh Điện Biên đưa đi các tỉnh tiêu thụ. Tháng 8/2022, Ban Giám đốc Công an tỉnh Điện Biên đã báo cáo, đề xuất và được Lãnh đạo Bộ Công an Việt Nam đồng ý phối hợp Công an tỉnh U Đôm Xay, Phong Sa Lý (Lào) xác lập đấu tranh chuyên án chung bí số 822L. Sau hơn 05 tháng tích cực phối hợp xác minh, thu thập tài liệu phục vụ đấu tranh, ngày 08/01/2023 các lực lượng đã đồng loạt huy động gần 500 CBCS tham gia phá án tại Lào và Việt Nam. Công an tỉnh và các lực lượng chức năng đã bắt 11 đối

tượng (09 đối tượng ở Việt Nam, 02 đối tượng ở Lào), thu 38 bánh heroine, 02 kg ma túy đá, 01 khẩu súng, 157 viên đạn, 01 hộp tiếp đạn, 180 triệu Kíp, 10 bộ đàm và nhiều phương tiện, tang vật khác liên quan. Quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận đã mua bán, vận chuyển 17 chuyến với tổng số 412 bánh heroine, 28 kg thuốc phiện, 03 kg ma túy đá; (2) **Chuyên án 923P**: đấu tranh với đường dây tội phạm hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản xuyên quốc gia, lực lượng Công an Điện Biên đã phối hợp hiệu quả với Công an các tỉnh Bắc Lào trong đấu tranh chuyên án, chủ động phối hợp với Công an Lào chia làm 3 tổ đồng loạt kiểm tra khám xét tại 3 địa điểm trong Đặc khu kinh tế Tam giác vàng, kết quả phát hiện, tạm giữ 22 đối tượng là công dân Việt Nam đang hoạt động lừa đảo trên không gian mạng; phối hợp với các cơ quan chức năng của Lào giải cứu thành công 07 công dân Việt Nam bị lừa bán sang Lào để cưỡng bức lao động. Tiếp tục cử 01 tổ công tác phối hợp với Công an tỉnh Bò Keo, Lào câu nhử đối tượng, kết quả bắt giữ thành công 01 đối tượng cốt cán trong đường dây lừa đảo, cũng là đối tượng truy nã đặc biệt nguy hiểm. Tại Việt Nam, Công an tỉnh đã cử 04 tổ công tác phối hợp với Công an 6 tỉnh, thành phố bắt giữ 12 đối tượng liên quan đến đường dây lừa đảo tại Bò Keo - Lào. Trong chuyên án này, lực lượng Công an Điện Biên đã khởi tố 03 vụ án hình sự về 02 tội danh đối với 38 bị can (02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản với 37 bị can; 01 vụ mua bán người với 01 bị can). Qua phân tích các vụ án cho thấy phương thức, thủ đoạn hoạt động của loại tội phạm này ngày càng tinh vi, khó phát hiện, các đối tượng tại địa bàn tỉnh tăng cường móc nối với số đối tượng người Lào và số đối tượng trốn truy nã tại Lào, Myanmar thâm lậu ma túy với số lượng lớn vào địa bàn tỉnh Điện Biên sau đó vận chuyển sang nước thứ 3 tiêu thụ. Che giấu nhân thân, thông tin, sử dụng công nghệ cao, lợi dụng địa hình biên giới hiểm trở nhằm tránh sự phát hiện, đặc biệt là việc xóa dấu vết, tiêu hủy tang vật, gây khó khăn cho việc chứng minh tội phạm và trong quá trình giải quyết vụ án; kết hợp với sử dụng công nghệ thông tin, mạng internet để trao đổi, giao dịch khiến công tác nắm tình hình cũng như phát hiện, đấu tranh gặp nhiều khó khăn. Các đường dây ma túy lớn, xuyên quốc gia hoạt động mạnh động, sẵn sàng sử dụng vũ khí nóng để chống trả khi bị vây bắt gây nguy hiểm cho lực lượng chức năng.

2. Trước tình hình trên, để đấu tranh có hiệu quả với tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia thì công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế giữa Công an tỉnh Điện Biên với Công an các tỉnh có đường biên giới tiếp giáp thuộc 2 quốc gia Lào và Trung Quốc là nhiệm vụ hết sức cần thiết, nó không chỉ góp phần nâng cao sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau, mà còn củng cố tăng cường hợp tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ngay từ khu vực biên giới, tạo điều kiện thuận lợi, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Quán triệt quan điểm “Giúp bạn là tự giúp mình” đã trở thành

nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt, đồng thời là phương châm hành động của Công an Điện Biên trong mối quan hệ hữu nghị đặc biệt với Công an các tỉnh Bắc Lào, Trung Quốc. Công an tỉnh Điện Biên đã tham gia các cơ chế hợp tác với các đối tác, gồm: Cơ chế hợp tác Cảnh vụ giữa Công an 4 tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Hà Giang, Lào Cai (Việt Nam) và Công an tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); Hợp tác bảo đảm ANTT khu vực biên giới giữa Công an tỉnh Điện Biên (Việt Nam) và Cục Công an thành phố Phô Nhĩ, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); Hợp tác bảo đảm ANTT với Công an 6 tỉnh Bắc Lào (Phong Sa Lý, Luông Pha Băng, Bò Kẹo, U Đôm Xay, Luông Nậm Thà, Xay Nhạ Bu Ly); Công an huyện Điện Biên thiết lập cơ chế hợp tác với Công an 02 huyện của Lào (huyện Mường Mày, Phong Sa Lý và huyện Phôn Thông, Luông Pha Băng), Công an huyện Mường Nhé thiết lập cơ chế hợp tác với Cục Công an huyện Giang Thành, thành phố Phô Nhĩ, tỉnh Vân Nam.

Nhận thức sâu sắc vai trò quan trọng của quan hệ hợp tác quốc tế, Đảng ủy - Ban Giám đốc Công an tỉnh đã chỉ đạo triển khai đồng bộ các hoạt động đối ngoại, chú trọng ngoại giao văn hóa, đảm bảo các yêu cầu chính trị, pháp luật, nghiệp vụ theo định hướng Chiến lược “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đề ra; Nghị quyết của Đảng ủy Công an Trung ương, Chỉ thị của Bộ trưởng về công tác Công an năm 2023; Thông tư số 76/2020/TT-BCA, ngày 02/7/2020 quy định về hoạt động đối ngoại CAND..., góp phần quan trọng vào thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và đạt được những kết quả nổi bật như sau:

(1) *Đối với Lào*, phát huy cao độ mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa Lào và Việt Nam, trong những năm qua Công an tỉnh Điện Biên đã không ngừng tăng cường mối quan hệ hữu nghị đoàn kết gắn bó trên tất cả các phương diện công tác nhằm đảm bảo về an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Từ năm 2013 đến 2023, Công an tỉnh Điện Biên đã tổ chức 57 cuộc Hội nghị, Hội đàm, ký kết với Công an các tỉnh Bắc Lào, trong đó tập trung vào các nội dung liên quan đến công tác đảm bảo ANTT khu vực biên giới và trên lãnh thổ của các nước; xây dựng, ký kết, thống nhất triển khai 66 biên bản ghi nhớ về đảm bảo ANTT. Trong công tác giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, Công an tỉnh Điện Biên đã chủ động phối hợp với Công an các tỉnh Bắc Lào duy trì tốt chế độ trao đổi thông tin, phối hợp bảo đảm ANTT khu vực biên giới theo cơ chế hợp tác đã ký kết; thường xuyên phối hợp với lực lượng biên phòng và lực lượng chức năng các tỉnh đối đảng của nước bạn tổ chức tuần tra chung, kiểm soát, bảo đảm ANTT tại khu vực biên giới, phòng, chống xuất, nhập cảnh trái phép... Trong công tác giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, Công an tỉnh Điện Biên đã ký kết Quy chế hoạt động “Đường dây nóng” trao đổi thông tin phục vụ công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội với Văn

phòng Công an tỉnh Bắc Lào. Hai bên đã duy trì hiệu quả hoạt động của Văn phòng liên lạc phòng chống ma túy qua biên giới. Cụ thể, từ năm 2013 - 2023, Công an tỉnh tổ chức 12 lớp tập huấn cho 357 lượt lãnh đạo, CBCS Công an các tỉnh Bắc Lào với các chuyên đề “dân tộc, tôn giáo; cảnh sát bảo vệ và cơ động; đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy; quản lý trại tạm giam; kỹ thuật hình sự; quản lý hành chính về trật tự xã hội và công tác dẫn đoàn, đấu tranh phòng chống tội phạm trên tuyến giao thông.

(2) *Đối với Trung Quốc*, xác định rõ mối quan hệ chiến lược, trên tinh thần đoàn kết hữu nghị, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, Công an tỉnh Điện Biên và Công an thành phố Phổ Nhĩ (Trung Quốc) đã duy trì tốt Cơ chế hợp tác Cảnh vụ đã ký kết. Từ 2013 - 2023, hai bên đã tổ chức 20 cuộc hội đàm; xây dựng, ký kết, thống nhất triển khai 20 biên bản ghi nhớ về đảm bảo ANTT. Kịp thời cung cấp cho nhau những thông tin về tình hình ANTT, hoạt động của các loại tội phạm xuyên quốc gia, cũng như thiên tai, dịch bệnh có liên quan đến hai bên; phối hợp thực hiện có hiệu quả 03 văn kiện quản lý biên giới trên đất liền, giải quyết tốt các vụ việc liên quan đến an ninh, trật tự xảy ra, góp phần xây dựng, duy trì tuyến biên giới hòa bình, ổn định và phát triển. Hai bên đã phối hợp giải quyết có hiệu quả tình trạng công dân nước này vi phạm pháp luật ở nước kia, nhất là các hoạt động xuất, nhập cảnh trái phép, cư trú trái phép, lao động bất hợp pháp.

3. Từ thực tiễn những năm qua cho thấy, bên cạnh một số kết quả nổi bật, việc triển khai công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm nói chung và tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia nói riêng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế và khó khăn, đó là:

- Điện Biên có tuyến biên giới tiếp giáp Lào, Trung Quốc dài, địa hình hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn, có nhiều đường mòn, tiểu ngạch qua lại hai bên biên giới, trong khi lực lượng trực tiếp làm công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm còn mỏng khiến công tác nắm, quản lý địa bàn gặp nhiều khó khăn, các đối tượng phạm tội thường lợi dụng tuyến đường mòn, tiểu ngạch này để lẩn trốn, đưa người xuất nhập cảnh trái phép, vận chuyển hàng lậu, ma túy vào địa bàn.

- Đời sống của Nhân dân khu vực biên giới còn nhiều khó khăn, phần lớn là đồng bào dân tộc thiểu số, hiểu biết pháp luật hạn chế, còn tồn tại nhiều phong tục, tập quán lạc hậu nên dễ bị các đối tượng phạm tội lợi dụng, tham gia vào các đường dây phạm tội, nhất là mua bán, vận chuyển trái phép ma túy.

- Phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm ngày càng tinh vi, nhất là tội phạm ma túy; đồng thời xu hướng sử dụng công nghệ để hoạt động phạm tội ngày càng gia tăng khiến công tác phòng ngừa, phát hiện đấu tranh ngăn chặn gặp nhiều khó khăn. Các đường dây ma túy lớn đều trang bị vũ khí, vật liệu nổ,

sẵn sàng chống trả lực lượng chức năng khi bị phát hiện, truy bắt.

- Công tác trao đổi, phối hợp trong việc tổ chức đấu tranh với tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia với Lào và Trung Quốc còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn do những vấn đề giàng buộc về pháp lý hai bên (*việc thu thập chứng cứ ở nước được ủy thác để giải quyết vụ án hình sự còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan dẫn đến việc chậm trễ, kết quả chưa cao cụ thể như chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, ngôn ngữ, hành lang pháp lý của mỗi nước khác nhau nên chỉ đáp ứng được một mặt nào đó trong quá trình giải quyết vụ án*).

- Tỉnh Điện Biên có 04 huyện, 29 xã biên giới giáp với Lào, do vậy nhu cầu cán bộ, chiến sĩ thành thạo tiếng Lào là rất lớn. Tuy nhiên, trên thực tế, Công an tỉnh Điện Biên hiện nay mới chỉ có 04 cán bộ, chiến sĩ có khả năng nói, viết thành thạo tiếng Lào. Điều này đã ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác phối hợp bảo đảm ANTT ở khu vực biên giới nói chung và phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia nói riêng.

- Cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện mặc dù đã được quan tâm, tuy nhiên nguồn kinh phí để thực hiện công tác nghiệp vụ tại Lào và công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia hiện nay (*hỗ trợ cho Bạn và chi phí cho cán bộ tham gia tại Lào*) còn nhiều hạn chế.

4. Do tính chất của một tỉnh miền núi Tây Bắc, địa bàn biên giới giáp hai quốc gia Lào và Trung Quốc, rừng núi hiểm trở, đời sống Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, nhận thức về pháp luật không đồng đều, hoạt động giao thương, đi lại với Lào, Trung Quốc tại các cửa khẩu, lối mở trên địa bàn được nói lỏng kéo theo tình hình tội phạm ma túy, mua bán người, đưa người xuất nhập cảnh trái phép, buôn bán, vận chuyển hàng cấm sẽ gia tăng, dự báo trong thời gian tới hoạt động của tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia trên địa bàn tỉnh Điện Biên sẽ diễn biến phức tạp. Để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia trên địa bàn tỉnh Điện Biên, đòi hỏi cần phải thúc đẩy hợp tác giữa Công an tỉnh Điện Biên với Công an các tỉnh giáp biên của Lào và Trung Quốc, trong đó, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, thường xuyên quán triệt, phổ biến cho lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia nói riêng. Đồng thời, triển khai có hiệu quả các quy định pháp luật của Nhà nước, của ngành Công an về công tác đối ngoại; thực hiện thỏa thuận đã ký giữa Chính phủ 02 nước, Biên bản hội nghị hợp tác giữa Bộ Công an Việt Nam với Bộ Công an Trung Quốc, Bộ Công an Lào; phối hợp chặt chẽ

với Công an các tỉnh Bắc Lào và Cục Công an thành phố Phô Nhĩ, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc trong công tác bảo đảm ANTT khu vực biên giới, nhất là công tác đấu tranh với tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia.

Thứ hai, thường xuyên cử các tổ công tác sang Lào phối hợp với Ban trong công tác tuyên truyền, nắm tình hình, điều tra cơ bản, truy bắt các đối tượng truy nã, xác lập chuyên án chung và hỗ trợ Ban triển khai tổ công tác tuần tra, kiểm soát trên tuyến giao thông để phát hiện, bắt giữ tội phạm, vi phạm pháp luật.

Thứ ba, tiếp tục mở rộng, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ hợp tác giữa các cơ quan chức năng Việt Nam, tỉnh Điện Biên với cơ quan chức năng các nước trong phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia. Quan hệ hợp tác không chỉ dừng lại ở trao đổi thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của các đường dây, đối tượng phạm tội; học tập, trao đổi kinh nghiệm, tập huấn nâng cao trình độ, hỗ trợ phương tiện, kinh phí phục vụ triển khai công tác phòng, chống loại tội phạm này mà còn trực tiếp phối hợp lực lượng tiến hành phát hiện bắt giữ các đối tượng phạm tội, điều tra khai thác mở rộng các vụ án; tổ chức các đợt cao điểm tuyên truyền, tấn công trấn áp tội phạm xuyên quốc gia; hỗ trợ nạn nhân, người bị hại... Tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin với Bộ đội Biên phòng và Hải quan trong đấu tranh có hiệu quả với tội phạm ma túy có tổ chức, xuyên quốc gia. Phối hợp với các lực lượng phòng, chống ma túy của Lào làm tốt công tác điều tra cơ bản, nắm tình hình, làm tốt công tác phòng ngừa ma túy từ xa, từ bên kia biên giới, không để các đối tượng thâm lậu ma túy vào địa bàn tỉnh Điện Biên.

Thứ tư, tiếp tục duy trì tốt các hoạt động trao đổi thông tin qua các kênh liên lạc như Hội đàm thường niên, công thư, liên lạc viên, đường dây nóng..., phát huy hiệu quả của “đường dây nóng” Công an các cấp, tháo gỡ các khó khăn trong việc trao đổi thông tin giữa các cấp với Công an 06 tỉnh Bắc Lào, Công an tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Thường xuyên tiến hành sơ kết, tổng kết các chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm xuyên quốc gia nói riêng giữa Việt Nam với Lào, Trung Quốc, giữa Công an tỉnh Điện Biên với Công an 06 tỉnh Bắc Lào, Công an tỉnh Vân Nam để đánh giá thực trạng hoạt động của các loại tội phạm ở khu vực biên giới, nhất là hoạt động của tội phạm xuyên quốc gia; kết quả triển khai, rút kinh nghiệm, đề ra phương hướng giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác trong thời gian tiếp theo.

Thứ năm, tập trung xây dựng chiến lược đào tạo đội ngũ cán bộ, chiến sĩ giỏi về ngoại ngữ, kiến thức về nghiệp vụ, pháp luật quốc tế và kinh nghiệm thực tiễn trong hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia nói riêng, nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý các vụ án có yếu tố nước ngoài, có tính chất xuyên quốc gia liên quan đến Việt Nam. Áp dụng chế độ đặc thù cho cán bộ, chiến sĩ trực tiếp công tác tại các địa

bàn biên giới, cửa khẩu trọng điểm phức tạp về ANTT nói chung và tội phạm xuyên quốc gia nói riêng, qua đó góp phần động viên cán bộ, chiến sĩ yên tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tăng cường đầu tư kinh phí, trang thiết bị, phương tiện, vũ khí hiện đại... cho các lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm và kinh phí phục vụ đối ngoại đáp ứng kịp thời yêu cầu hội nhập và hợp tác quốc tế trong tình hình hiện nay.

Thứ sáu, đề xuất cấp có thẩm quyền nghiên cứu ban hành cơ chế đặc thù trong trao đổi, phối hợp giữa lực lượng Công an hai nước ở khu vực biên giới đáp ứng yêu cầu đấu tranh với tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo Kế hoạch 131 Công an tỉnh Điện Biên, *Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện công tác phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia giai đoạn 2021 - 2023.*

2. Bộ Công an, *Kế hoạch số 131/KH-BCA-CSHS, ngày 30/3/2021 của Bộ Công an về phòng, chống TPCTC, TPXQG giai đoạn 2021-2025.*

3. Bộ Công an, *Kế hoạch số 78/KH-BCĐ131 ngày 22/02/2024 của Ban Chỉ đạo Kế hoạch phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia (Ban Chỉ đạo Kế hoạch 131).*

4. Công an tỉnh Điện Biên, *Báo cáo tổng kết công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế và phương hướng công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế năm tiếp theo các năm 2021, 2022, 2023.*

HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN HỢP TÁC VỚI NƯỚC NGOÀI TRONG NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM CÓ TỔ CHỨC, XUYÊN QUỐC GIA

*Thiếu tướng, TS. Chử Văn Dũng
Phó Giám đốc Học viện Cảnh sát nhân dân*

Tóm tắt: Tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia là loại hình tội phạm nguy hiểm, gây hậu quả nghiêm trọng và là mối đe dọa đối với tất cả các quốc gia trong giai đoạn hiện nay. Để đấu tranh hiệu quả với loại tội phạm đòi hỏi các quốc gia phải phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc triển khai các dự án hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia. Nội dung bài viết tập trung làm rõ thực trạng, những hạn chế, thiếu sót và đưa ra một số khuyến nghị trong việc triển khai các dự án hợp tác với nước ngoài nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia.

Công ước quốc tế Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước Palermo) năm 2000 xác định tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia là hành vi phạm tội được thực hiện ở nhiều quốc gia hoặc được thực hiện ở một quốc gia, nhưng phần chủ yếu của việc chuẩn bị, lên kế hoạch, chỉ đạo hay điều khiển việc thực hiện tội phạm lại diễn ra ở một quốc gia khác, hoặc đây là hành vi tội phạm được thực hiện ở một quốc gia nhưng có liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức tham gia thực hiện các hoạt động tội phạm ở nhiều quốc gia, hoặc tội phạm được thực hiện ở một quốc gia nhưng có ảnh hưởng nghiêm trọng đến một quốc gia khác.

Trong những năm gần đây, tình hình tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia trên thế giới cũng như ở Việt Nam có nhiều diễn biến phức tạp với các hình thức gia tăng nhanh chóng, đặc biệt là buôn bán ma túy và các loại tội phạm mang lại lợi nhuận cao như hoạt động buôn bán vũ khí, buôn người, rửa tiền, tội phạm kinh tế tài chính và công nghệ cao...

Với việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, Việt Nam đã có nhiều cơ hội hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia đã lợi dụng việc hợp tác đa phương của Việt Nam với các nước để tiến hành các hoạt động tội phạm ngay trên lãnh thổ Việt Nam hoặc lợi dụng lãnh thổ Việt Nam làm địa bàn trung gian. Ngoài ra, các đối tượng trong nước cũng tăng cường móc nối với các đối tượng ở nước ngoài để tiến hành các hoạt động phạm tội. Vì vậy, trong những năm qua, tình hình tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia liên quan đến

Việt Nam cũng có xu hướng tăng dần về cả số vụ, việc lẫn tính chất, mức độ nghiêm trọng. Nổi lên là tội phạm mua bán người Việt Nam đến một số quốc gia, vùng lãnh thổ như Nga, Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc, Đài Loan, Campuchia, Malaysia...; tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép để cư trú, lao động bất hợp pháp tại các nước Đông Âu, Tây Âu, Đông Bắc Á; tội phạm về ma túy; tội phạm sản xuất, buôn bán tiền giả, hàng giả, gian lận thương mại, buôn lậu, trốn thuế; tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội phạm sử dụng công nghệ cao; tội phạm do người Việt Nam ở nước ngoài gây ra rồi trốn về Việt Nam; tội phạm do người nước ngoài gây ra...

Tại Việt Nam tình hình tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia mặc dù được đấu tranh, kiềm chế tuy nhiên vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Theo báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Kế hoạch 131/KH-BCA-CSHS của Bộ Công an về phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia, giai đoạn từ năm 2021 đến tháng 2/2024, lực lượng Cảnh sát hình sự đã đấu tranh, triệt phá, làm tan rã 2.126 băng nhóm với 14.450 đối tượng; lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy đấu tranh triệt phá 982 băng nhóm với 3.234 đối tượng phạm tội có tổ chức, xuyên quốc gia, thu giữ khối lượng lớn heroin, cocain, ma túy tổng hợp cùng nhiều loại vũ khí quân dụng và nhiều đồ vật, tài sản có liên quan; hiện đang đấu tranh với 84 chuyên án/188 đối tượng có dấu hiệu nghi vấn phạm tội có tổ chức, xuyên quốc gia; lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu trong năm 2023 đã đấu tranh triệt phá, làm tan rã 49 đường dây, tổ chức tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; lực lượng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao đã rà soát, phát hiện mới 92 băng nhóm với 925 đối tượng trong đó có 06 băng nhóm với 14 đối tượng hoạt động xuyên quốc gia... Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, nổi lên tình trạng đối tượng là người Việt Nam ra nước ngoài chỉ đạo đàn em trong nước hoặc lôi kéo ra nước ngoài để phạm tội; một số đối tượng là người nước ngoài đến Việt Nam phạm tội; thành lập các trang web đánh bạc, cá cược, cá độ, game bài trực tuyến có thưởng đặt máy chủ ở nước ngoài để tổ chức đánh bạc trong nước; xuất hiện các đối tượng mang quốc tịch nước ngoài (chủ yếu là Trung Quốc, Nga, Latvia...) đến Việt Nam để điều hành hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, thành lập doanh nghiệp núp bóng và hợp thức hóa nguồn tiền của tội phạm thông qua các hợp đồng vay vốn với các tổ chức tội phạm xuyên quốc gia hoạt động tại các quốc gia khác; các băng nhóm lừa đảo sử dụng công nghệ cao, rửa tiền do các đối tượng mang quốc tịch Trung Quốc, Đài Loan, người gốc Hoa cầm đầu có xu hướng chuyển sang địa bàn các nước lân cận (Lào, Campuchia, Philippines, Myanmar...) để hoạt động phạm tội; các đường dây mua bán, vận chuyển trái phép vũ khí, công cụ hỗ trợ, linh kiện vũ khí, đạn thể thao, đạn quân dụng... qua các sàn giao dịch thương mại điện tử từ nước

ngoài (chủ yếu là từ Trung Quốc) để bán lại kiếm lời với giá cao hơn; các băng nhóm vận chuyển tiền tệ trái phép qua biên giới hoạt động tinh vi; các băng nhóm buôn lậu tại các tỉnh biên giới giáp Lào, Campuchia diễn biến phức tạp; đối tượng tập kết ma túy tại các tỉnh biên giới của Lào, Campuchia thâm lậu vào Việt Nam...

Bên cạnh đó, theo thống kê của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài - Bộ Ngoại giao, hiện nay có khoảng 6 triệu người Việt Nam đang sinh sống, học tập, làm việc tại hơn 130 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới¹⁹. Các quốc gia có đông người Việt Nam sinh sống, học tập, làm việc như Hoa Kỳ với khoảng 2.183.000 người, Campuchia với khoảng 1.000.000 người, Nhật Bản với khoảng 432.900 người, Pháp với khoảng 350.000 người, Australia với khoảng 300.000 người, Canada với khoảng 240.500 người, Hàn Quốc với khoảng 210.000 người, Nga với khoảng 150.000 người... Tình trạng người Việt Nam phạm tội ở nước ngoài có xu hướng gia tăng. Từ năm 2018 đến nay, Bộ Công an Việt Nam đã phối hợp điều tra, xác minh, xử lý gần 800 vụ việc theo yêu cầu của các nước liên quan đến công dân Việt Nam vi phạm pháp luật ở nước ngoài, xác minh và tiếp nhận hơn 25.000 trường hợp bị nước ngoài trục xuất²⁰. Đáng chú ý là tình trạng người Việt Nam vi phạm quy định về cư trú, di cư trái phép, trốn ở lại nước ngoài; thực hiện các hành vi xâm phạm nhân thân, sở hữu, hoạt động cờ bạc, mại dâm, lừa đảo, mua bán, sản xuất ma túy, trồng cần sa tại các quốc gia phát triển...

Trước thực trạng đó, trong những năm gần đây, Việt Nam đã tích cực triển khai các hoạt động phối hợp với các Tổ chức quốc tế và Chính phủ các nước trong chương trình hợp tác toàn cầu chống khủng bố, hợp tác tương trợ trong các lĩnh vực an ninh môi trường, an ninh năng lượng, an ninh kinh tế, phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Cho tới nay, Bộ Công an Việt Nam đã thiết lập quan hệ song phương với 162 cơ quan thực thi pháp luật của 64 quốc gia và các vùng lãnh thổ, trong đó thiết lập quan hệ nhiều mặt với cơ quan thực thi pháp luật của các nước Thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc; tham gia hoạt động trong 52 tổ chức, diễn đàn hợp tác quốc tế đa phương; đàm phán, ký kết trên 150 văn bản hợp tác quốc tế về bảo vệ an ninh trật tự và đấu tranh phòng, chống tội phạm. *Điển hình như:* Phối hợp với Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế triển khai các hoạt động trong Chiến dịch phòng, chống tội phạm mua bán người trên phạm vi toàn cầu; Kế hoạch cho giai đoạn hành động chung 2023 - 2024 với New Zealand về “Mua bán người và bóc lột công dân Việt Nam di cư

¹⁹ <https://baochinhphu.vn/cong-dong-nguoi-viet-nam-o-nuoc-ngoai-nguon-luc-quan-trong-dong-gop-tich-cuc-vao-su-phat-trien-dat-nuoc-10224020900261099.htm>

²⁰ <https://tuoitre.vn/bo-cong-an-chi-ra-nguyen-nhan-nguoi-viet-pham-phap-o-nuoc-ngoai-nhieu-20220629190219314.htm>

vào New Zealand giữa Bộ Kinh doanh đổi mới và việc làm New Zealand và Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an Việt Nam”; Kế hoạch hợp tác giữa Bộ Công an Việt Nam và Bộ Công an Campuchia năm 2023; Kế hoạch hợp tác trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia năm 2024 - 2025 giữa Bộ Công an Việt Nam với Bộ Nội vụ Cộng hòa Belarus; Chương trình phối hợp hành động giữa Bộ Công an nước CHXHCN Việt Nam và Bộ Nội vụ nước Cộng hòa Belarus giai đoạn 2023 - 2025; ký kết biên bản Hội nghị hợp tác phòng, chống tội phạm lần thứ 8 giữa Bộ Công an Việt Nam và Bộ Công an Trung Quốc” và “Bản ghi nhớ về tăng cường hợp tác phòng, chống tội phạm đánh bạc xuyên quốc gia giữa Bộ Công an Việt Nam và Bộ Công an Trung Quốc” năm 2023; thúc đẩy ký kết các văn kiện về an ninh mạng giữa Bộ Công an Việt Nam và cơ quan chức năng Hội đồng An ninh quốc gia Hoa Kỳ, Hội đồng kinh doanh Hoa Kỳ ASEAN (USABC); phối hợp với Cơ quan chức năng của Lào, Campuchia, Trung Quốc đấu tranh với các băng nhóm về ma túy, mua bán người, lừa đảo, tổ chức đánh bạc, rửa tiền, tổ chức người khác xuất cảnh trái phép để cưỡng bức lao động, thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; phối hợp truy bắt đối tượng truy nã, đối tượng trong các băng nhóm với Bộ Công an Trung Quốc; phối hợp, trao đổi, chia sẻ thông tin về tội phạm ma túy xuyên quốc gia với Hoa Kỳ, Australia, Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Campuchia, Philippin, Cộng hòa Séc; phối hợp, trao đổi, chia sẻ thông tin về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy với Cơ quan phòng, chống tội phạm và ma túy của Liên Hiệp Quốc (UNODC), Ủy ban Kiểm soát ma túy quốc tế (INCB); phối hợp triển khai các dự án về đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người; nghiên cứu, góp dự thảo Công ước quốc tế toàn diện về tội phạm mạng, nghiên cứu khả năng gia nhập Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không; nghiên cứu, xây dựng, đàm phán và ký kết “Hiệp định dẫn độ”, “Hiệp định về chuyên giao người bị kết án phạt tù” với các quốc gia như Mông Cổ, Argentina, Italia, Vương quốc Anh... Việc ký kết các hiệp định, kế hoạch, chương trình phối hợp song phương đã góp phần tăng cường hợp tác trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới, đồng thời tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định Công ước của Liên Hiệp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC) và Nghị định thư về phòng, chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em bổ sung Công ước UNTOC (Nghị định thư TIP)...

Thực hiện chủ trương của Bộ Công an, trong những năm qua, Học viện Cảnh sát nhân dân cũng triển khai nhiều dự án hợp tác với nước ngoài trong việc tiến hành các hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia như: Cơ quan phòng, chống tội phạm và ma túy của Liên hợp quốc (UNODC), Chương trình hợp tác Asean - Australia phòng chống mua bán

người (ASEAN - ACT), tổ chức Rừng Xanh, Đại sứ quán Anh... tổ chức các khóa tập huấn về phòng, chống tội phạm mua bán người hoạt động xuyên quốc gia; tiến hành biên soạn sách, tài liệu tập huấn... Trung bình mỗi năm nhà trường đào tạo, tập huấn trên 500 học viên trong và ngoài Học viện kiến thức về đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia. Điều này cũng đóng góp vào kết quả chung của Bộ Công an trong việc triển khai các dự án hợp tác với các đối tác nước ngoài.

Quá trình tổ chức hoạt động triển khai các dự án hợp tác với nước ngoài trong nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia cho thấy việc hợp tác gặp nhiều khó khăn đối với các quốc gia mà chúng ta chưa ký kết các hiệp ước, điều ước, văn bản ghi nhớ; việc phối hợp triển khai một số hoạt động còn chậm nhất là khi bên được đề nghị hợp tác không thiện chí hỗ trợ. Tuy nhiên, những khó khăn, vướng mắc, hạn chế so với những kết quả triển khai các dự án hợp tác trong đấu tranh với tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia không lớn. Việc triển khai các dự án hợp tác với nước ngoài trong thời gian tới vẫn là xu hướng tất yếu nhất là khi các quốc gia đều phải giải quyết vấn nạn toàn cầu này.

Để nâng cao hiệu quả triển khai các dự án hợp tác với nước ngoài trong đấu tranh với tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia, Học viện Cảnh sát nhân dân có một số kiến nghị, đề xuất như sau:

Một là, tiếp tục nghiên cứu, đề xuất xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Trước hết, cần nghiên cứu ký kết thêm các hiệp định tương trợ tư pháp, hiệp định dẫn độ tội phạm, các thỏa thuận hợp tác giữa Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế liên quan đến phòng, chống tội phạm, nhằm tạo hành lang pháp lý để nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia.

Hai là, cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể, điều chỉnh các lĩnh vực của Việt Nam mà tội phạm xuyên quốc gia lợi dụng để tấn công, như lĩnh vực kinh tế, bao gồm ngân hàng, tài chính, chứng khoán, lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài, lĩnh vực công nghệ cao...

Ba là, các cơ quan chức năng của Việt Nam như Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Tổng cục Hải quan, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp... cần chủ động, tăng cường hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế trong nắm tình hình liên quan đến hoạt động của tội phạm xuyên quốc gia. Chủ động, tích cực tham gia các khuôn khổ hợp tác song phương và đa phương, đặc biệt là với các tổ chức thực thi pháp luật quốc tế như Interpol, Aseanpol, UNODC...

Bốn là, đẩy mạnh việc trao đổi thông tin, kinh nghiệm phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia với lực lượng thực thi pháp luật các nước; mở các lớp huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác đấu tranh chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia.

Năm là, đẩy mạnh triển khai các dự án hợp tác với nước ngoài trong việc thu thập thông tin, xây dựng dữ liệu, quản lý chặt chẽ đối với người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tại Việt Nam phục vụ có hiệu quả công tác đấu tranh với các đối tượng, băng nhóm hoạt động xuyên quốc gia.

Sáu là, giữa các bên cần thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án hợp tác đấu tranh với tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Công ước quốc tế Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước Palermo) năm 2000;
- Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Kế hoạch 131/KH-BCA-CSHS của Bộ Công an về phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia;
- Tham luận Hội nghị quán triệt và triển khai Kết luận 12 và Nghị quyết 169 về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài;
- Tham luận tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng XIII.

CÔNG TÁC THỎA THUẬN QUỐC TẾ TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM CÓ TỔ CHỨC, XUYÊN QUỐC GIA

*Thiếu tướng, TS. Nguyễn Văn Kỳ
Phó Cục trưởng Cục Đối ngoại*

1. Thỏa thuận quốc tế đóng vai trò quan trọng và ngày càng được sử dụng phổ biến hơn trong hợp tác quốc tế, tạo cơ sở cho các chủ thể ký kết tiến hành hợp tác kỹ thuật chuyên ngành và “phi chính thức” (do không tạo ra ràng buộc theo pháp luật quốc tế). Đặc biệt do tính chất nhạy cảm, phức tạp, liên quan tới an ninh và chủ quyền quốc gia của các lĩnh vực công tác công an, nên thỏa thuận quốc tế càng thể hiện là hình thức hợp tác hiệu quả, thực chất.

Theo khoản 1 Điều 2 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020, thỏa thuận quốc tế là *thỏa thuận bằng văn bản về hợp tác quốc tế giữa bên ký kết Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình với bên ký kết nước ngoài, không làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo pháp luật quốc tế.*

Như vậy, khi so sánh với điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế có một số điểm khác biệt cơ bản là:

(1) **Về chủ thể:** Thỏa thuận quốc tế được ký kết nhân danh một cơ quan ở Trung ương hoặc địa phương cụ thể theo quy định của pháp luật nước sở tại, không giống như điều ước quốc tế được ký kết nhân danh quốc gia (Nhà nước hoặc Chính phủ) với một quốc gia hoặc một tổ chức quốc tế khác.

(2) **Về giá trị pháp lý:** Thỏa thuận quốc tế không làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ pháp lý của bên tham gia ký kết giống như đối với điều ước quốc tế.

(3) **Về nội dung:** Nội dung của thỏa thuận quốc tế thường có phạm vi hẹp hơn điều ước quốc tế do bị giới hạn trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan là chủ thể ký kết.

(4) **Về thủ tục đàm phán, ký kết:** Nhìn chung thỏa thuận quốc tế có thủ tục đàm phán, ký kết đơn giản hơn điều ước quốc tế do không cần tiến hành các thủ tục như phê duyệt, phê chuẩn mà thường sẽ phát sinh hiệu lực sau khi ký kết.

Trong Công an nhân dân, công tác thỏa thuận quốc tế hiện được điều chỉnh bởi Thông tư 54/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy

định về công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân.

2. Theo thống kê của V02, từ năm 2007 đến nay, Bộ Công an và Công an các đơn vị, địa phương đã chủ trì, phối hợp xây dựng, đàm phán, ký kết **248** thỏa thuận quốc tế song phương và đa phương với các đối tác nước ngoài (riêng năm 2023, V02 phối hợp các đơn vị chức năng đã tham mưu cho cấp có thẩm quyền và hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương đàm phán, ký kết, triển khai thực hiện **23** thỏa thuận quốc tế). Trong số đó có **69** thỏa thuận quốc tế có nội dung liên quan tới công tác hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Nhìn chung, *về trình tự, thủ tục ký kết và triển khai thực hiện*, công tác thỏa thuận quốc tế trong CAND được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của pháp luật. *Về kết quả đạt được*, công tác thỏa thuận quốc tế trong CAND đã và đang đóng góp quan trọng cho việc thực hiện hội nhập quốc tế sâu rộng, tranh thủ được sự hỗ trợ to lớn của nước ngoài để củng cố lòng tin chiến lược, tăng cường sự phát triển bền vững của ngành Công an, góp phần giữ gìn hòa bình, ổn định và phát triển đất nước, nâng cao uy tín và hình ảnh của các ngành, địa phương nói riêng và của đất nước, Nhân dân Việt Nam nói chung; qua đó thực hiện tốt chức năng hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm, truy nã quốc tế, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; tranh thủ sự giúp đỡ của các đối tác để cử hàng nghìn lượt cán bộ, chiến sỹ tham dự các chương trình đào tạo, các khóa tập huấn nâng cao năng lực trong và ngoài nước mỗi năm; tiếp nhận viện trợ bằng trang thiết bị, công cụ trị giá hàng tỷ đồng, đặc biệt là các trang thiết bị chuyên dụng, công nghệ tiên tiến cho các lực lượng chống khủng bố, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, an ninh mạng, phòng chống tội phạm ma túy, mua bán người, di cư bất hợp pháp và tội phạm sử dụng công nghệ cao. Có thể khẳng định công tác thỏa thuận quốc tế trên các lĩnh vực của công tác công an thời gian qua đã thành công trong việc tạo hành lang pháp lý để quan hệ hợp tác quốc tế với các đối tác nước ngoài ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả thiết thực trên cơ sở bám sát chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, yêu cầu của công tác Công an và phù hợp với tình hình thế giới, khu vực, trong nước.

Cụ thể, theo mô hình tổ chức mới từ năm 2018 đến nay, trên cơ sở các thỏa thuận quốc tế đã ký kết, V02 đã tiếp nhận trên **4.000** lượt trao đổi thông tin phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tiếp nhận về nước và bàn giao cho đối tác nước ngoài hơn **450** đối tượng truy nã quốc tế (đặc biệt là trên cơ sở thỏa thuận hợp tác phòng, chống tội phạm với Trung Quốc); giải cứu đưa về nước hàng trăm nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài.

Công tác vận động viện trợ nước ngoài nhằm nâng cao tiềm lực, cơ sở vật chất cho lực lượng Công an đạt được nhiều kết quả tích cực, có tổng trị giá hàng chục triệu USD. Cụ thể trong năm 2023 đã tham mưu lãnh đạo Bộ triển khai Dự án tiếp nhận 02 tàu tuần tra, xuồng cao tốc, mô tô nước đã qua sử dụng do Hàn Quốc viện trợ; Dự án tiếp nhận tài trợ tàu tuần tra của Nhật Bản trị giá 20 triệu USD; phê duyệt 05 gói viện trợ cho các đơn vị của Bộ Công an trị giá hơn 15 tỷ đồng; cho phép Quỹ Nghĩa tình đồng đội CAND tiếp nhận số tiền 01 tỷ đồng của Tập đoàn CharmVit, Hàn Quốc trao tặng; tham mưu tiếp nhận trang thiết bị phục vụ công tác do nước ngoài trao tặng như 200 bộ kit xét nghiệm nhanh ma túy từ Cục Điều tra, Bộ Pháp vụ Đài Loan, thiết bị phục hồi dữ liệu điện tử và thiết bị định vị GPS từ Tổng cục Cảnh sát Đài Loan, Tổ chức tổng kết Dự án nâng cao năng lực Khoa học hình sự giai đoạn 2 do Cơ quan CSQG HQ tài trợ, trị giá 3 triệu USD và xúc tiến triển khai giai đoạn 3; hoàn tất Dự án lắp đặt trường bắn điện tử cho CATP Hồ Chí Minh do Hàn Quốc tài trợ, trị giá 500.000 USD và dự án Phòng Giám định gen ADN do Trung Quốc viện trợ. Phối hợp Công an các đơn vị, địa phương và các đối tác quốc tế tổ chức **33** hội thảo, tập huấn nâng cao năng lực cho hơn **1000** cán bộ Công an các đơn vị, địa phương về kỹ thuật hình sự, tội phạm mạng, phòng, chống tội phạm xâm hại tình dục trẻ em, mua bán người, mua bán động vật hoang dã, phòng cháy, chữa cháy, gìn giữ hòa bình... V02 đã đề xuất lãnh đạo Bộ cho phép các đơn vị cử cán bộ tham dự hàng chục hội nghị, hội thảo, chương trình giao lưu quốc tế liên quan đến nhiều lĩnh vực công tác Công an như phòng chống khủng bố, an ninh mạng, cảnh vệ, quản lý trại giam... nhằm tạo điều kiện cho cán bộ Công an cập nhật thông tin, kiến thức mới, học tập kinh nghiệm và tăng cường khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Phối hợp với X02 đẩy mạnh hợp tác đào tạo các khóa ngắn hạn, dài hạn, trong đó đã phối hợp triển khai cử cán bộ tham gia đào tạo các chuyên ngành tại Nga, Iran, Ấn Độ.

3. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Tồn tại, khó khăn, vướng mắc

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong CAND còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Số lượng văn bản hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm đã ký kết còn hạn chế, đặc biệt là những điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế song phương, chưa tương xứng với yêu cầu công tác hợp tác bảo vệ an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm và xây dựng lực lượng Công an (nhiều nước đối tác chiến lược toàn diện, có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống, làm việc như Hoa Kỳ, Nhật Bản chưa có các văn bản hợp tác về phòng, chống tội phạm);

- Một số văn bản hợp tác được đàm phán, ký kết để phục vụ các hoạt động đối ngoại của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước mà chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu hợp tác thực tiễn nên chưa có nhiều vụ việc cụ thể để triển khai thực hiện (Hiệp định hợp tác phòng chống tội phạm với Nam Phi, Hiệp định hợp tác phòng, chống tội phạm với Mô-dăm-bích...).

- Một số điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế sau khi ký chưa được đơn đốc triển khai, hướng dẫn cụ thể, đôi khi ảnh hưởng tới quan hệ hợp tác với đối tác nước ngoài. Bên cạnh đó có những văn bản hợp tác đã được ký kết từ lâu, nhiều nội dung không còn phù hợp nhưng chưa được xem xét, bổ sung sửa đổi, thay thế hoặc chấm dứt hiệu lực.

Nguyên nhân của những tồn tại, khó khăn, vướng mắc

**** Các nguyên nhân khách quan:***

- Cơ cấu tổ chức và quy định pháp luật giữa Việt Nam với các nước có sự khác biệt, do đó, quá trình đàm phán mất nhiều thời gian, qua nhiều vòng mới đạt được thống nhất. Nhiều đối tác thường xuyên thay đổi phương án đàm phán, thiếu nhất quán nên ta phải xin ý kiến, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét nhiều lần, dẫn đến kéo dài thời gian.

- Văn bản hợp tác phải được dịch bằng ngôn ngữ song song với tiếng Việt, tuy nhiên cán bộ của đơn vị chủ trì năng lực còn hạn chế, cán bộ địa bàn của V02 còn thiếu, không thể hỗ trợ. Trong khi các văn bản hợp tác đều là mật, không thể thuê đơn vị dịch thuật bên ngoài.

**** Các nguyên nhân chủ quan:***

- Một số đơn vị chủ trì chưa chủ động nắm được quy trình, thủ tục xây dựng, đàm phán văn bản hợp tác, dẫn đến kéo dài thời gian hoặc phải xin ý kiến gấp các cơ quan, đơn vị. Một bộ phận các đơn vị được đề nghị xin ý kiến chưa quan tâm nghiên cứu, tham gia ý kiến mang tính chiếu lệ, hình thức.

- Công tác phổ biến, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các văn bản hợp tác đã ký kết chưa được quan tâm đúng mức; công tác sơ kết, tổng kết các văn bản hợp tác đã ký còn sơ sài, hình thức.

- Một số quy định về công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong CAND còn chứa các nội dung chưa đồng bộ, thống nhất. Ví dụ các thỏa thuận quốc tế do Công an các đơn vị, địa phương chủ trì đàm phán, ký kết có nội dung về tiếp nhận tài trợ, viện trợ quốc tế thì đơn vị chủ trì thẩm định là V03 (theo quy định của Thông tư 54/2021/TT-BCA quy định về công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong CAND) hay là V02 (theo quy định của Quyết

định số 9385/QĐ-BCA-V01 ban hành Quy chế tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ nước ngoài trong CAND).

4. Kiến nghị, đề xuất

- Khẩn trương hoàn thiện các quy định của pháp luật, của ngành Công an về công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế. Trước mắt là khẩn trương xây dựng Luật Dẫn độ, Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù và các dự thảo Hiệp định mẫu để tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho việc đàm phán, ký kết, thực hiện các loại hiệp định này. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư 54/2021/TT-BCA quy định về công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong CAND, đặc biệt là các quy định có liên quan tới công tác thỏa thuận quốc tế, bám sát và cụ thể hóa quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020, trong đó nghiên cứu xây dựng Thông tư chuyên biệt điều chỉnh về công tác xây dựng, ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân, tương tự Thông tư 105/2021/TT-BQP ngày 04/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc xây dựng, ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trong Quân đội nhân dân, tạo thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu và tổ chức thực hiện.

- Cần thường xuyên tổ chức các tập huấn về các quy định của pháp luật, kỹ năng, kiến thức về công tác đàm phán, ký kết và triển khai thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế cho Công an các đơn vị, địa phương, qua đó nâng cao nhận thức của Công an các đơn vị, địa phương về công tác này.

- Công an các đơn vị, địa phương được giao chủ trì xây dựng và triển khai điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế cần chủ động nghiên cứu, bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, kiến thức về pháp luật quốc tế, kỹ năng đối ngoại cho cán bộ trực tiếp thực hiện công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của đơn vị, địa phương mình để hỗ trợ cán bộ V02 đàm phán các văn bản hợp tác chuyên ngành sâu, cũng như trong quá trình hợp tác với đối tác để triển khai thực hiện có hiệu quả văn bản hợp tác đã ký kết.

- Cần tăng cường công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả triển khai thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đã ký kết; thường xuyên rà soát các nội dung của văn bản đã ký để đảm bảo tính tương thích, phù hợp với các quy định mới của pháp luật trong nước và diễn biến thực tế của tình hình mỗi nước. Từ đó kịp thời đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện của Công an các đơn vị, địa phương có liên quan, đồng thời nhìn nhận những tồn tại, hạn chế của văn bản đã ký để đề xuất đối tác chỉnh sửa, thay thế hoặc kết thúc văn bản hợp tác.

- Nghiên cứu bổ sung biên chế và thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn ở trong và ngoài nước về ngoại ngữ chuyên ngành, kiến thức

pháp luật quốc tế cho cán bộ V02, V03, bảo đảm trình độ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu công tác. Rà soát, đánh giá và trang cấp thiết bị, vật tư phục vụ công tác đàm phán, ký kết văn bản hợp tác (laptop, máy tính bảng, thiết bị ghi âm, ghi hình, máy hỗ trợ phiên dịch...). Nghiên cứu nguồn kinh phí thường xuyên cấp cho Công an các đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện các nội dung thỏa thuận trong các văn bản hợp tác đã ký kết./.